

việtnam DANH TÁC

UỶ BAN

BỐN-MƯƠI-NĂM "nói-láo"

ĐIỀU KIỆN — GIÁ — 0000

ĐIỀU KIỆN — GIÁ — 0000



Chức vụ đồng tác giả

ĐIỀU KIỆN — GIÁ — 0000

Lưu chôn

ĐIỀU KIỆN — GIÁ — 0000



**bốn mươi năm
"nói láo"**

VŨ BẰNG

bốn mươi năm "nói láo"

Vũ Bằng

bìa: ***NXB Nhã Nam***

trình bày: ***Muôn Phương***

nguồn: *Internet*

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

bốn mươi năm
"nói láo"

VŨ BẰNG

PHẦN I

1. BÁO TẾU

Thành kính dâng Cậu, Mẹ, Cô Minh.

Mến tặng Khoái, Lãng, Hẫu.

“Nói láo” mà chơi, nghe láo chơi

Dàn dưa lún phún hạt mưa rơi

Chuyện đời đã chán không buồn nhắc

Thơ thần nghe ma kể mấy lời.

Bồ Tùng Linh, tác giả Liêu Trai Chí Dị, mở đầu tập truyện bắt hủ bằng bốn câu thơ trên, đã cho người ta hé thấy ông lấy làm vinh dự làm nghề nói láo, không coi thiên hạ ra gì. Ờ, nói láo đấy, nghe láo đấy, thử hỏi đã

chết ai chưa? Họ Bồ hơn thiên hạ về chỗ đó: dám nhận huých toẹt ngay là mình “nói láo”, mình ưa “nói láo”, “nói láo” nói lếu như thế còn hơn là nói chuyện đời: xấu quá.

Bây giờ, người ta gọi nghề làm báo là nghề nói láo ăn tiền. Kẻ viết bài này ngã vào nghề đó đã lâu, hôm nay, ngồi giở lại cuốn sổ ký ức của mình, xin nhận ngay là mình làm nghề “nói láo”. Vì thế tác giả lấy đầu đề tập ký ức là “Bốn Mươi Năm Nói Láo” chớ không dám đề là “Bốn Mươi Năm Làm Báo”, vì tác giả nhận thấy rằng “nói láo” là một cái vinh dự, làm nghề “nói láo” là làm một nghề đặc biệt ít ai dám đem ra khoe khoang. Thực vậy, đa số các nhà làm báo bây giờ nghe thấy danh từ “làm báo nói láo ăn tiền” ngoài mặt thì có vẻ bất cần, nhưng thâm tâm thì hơi giận: tại sao làm một cái nghề cao quý như nghề báo, tại sao lãnh một cái sứ mạng nghiêm trọng là hướng dẫn dư luận, tại sao phụng sự một quyền lực lớn mạnh vào bực thứ tư trên trái

đất này mà có người dám bảo là làm nghề "nói láo"?

Thú thực có lắm lúc tôi cũng tưởng là tôi oai, mà nghề tôi là nghề ghê gớm thực; nhưng gặp lúc mây chiều gió sớm, mình rất thành thực với lòng, tôi cảm thấy rằng nghĩ như vậy, chỉ là mình tự dối mình. Để lòng lên bàn tay, tôi chỉ thấy tôi là một anh nói láo trường kỳ, nói láo vô tội vạ, nói láo ra tiền, để kết cục đến bây giờ mang lấy cái nghiệp vào thân, không sao gỡ được, đành là cứ phải tiếp tục nói láo cho đến chết – vì tôi biết chắc sẽ không thể nào thoát được hai bàn tay sắt bọc nhung của bà chúa báo. Ngay khi bắt đầu làm cái nghề điều đứng này, có phải tôi đã nghe thấy các bậc đàn anh lập đi lập lại câu nói của Jules Janin: «Nghề báo đưa người ta đi đến bất cứ đâu – miễn là thoát được nó ra»?

Tôi không tin như vậy. Lúc còn ít tuổi, tôi không tin gì hết: tôi không tin thuốc phiện

có ma, tôi không tin có nghiệp chướng làm cô đầu, làm đĩ điếm, tôi không tin câu nói của Nguyễn Du:

Đã mang lấy nghiệp vào thân,

Cũng đừng trách lẫn trời gần, trời xa.

Tôi chỉ biết một điều: thích thì làm, thích làm báo thì viết báo, chớ cũng chẳng xây mộng lớn lao gì hết.

Không bao giờ tôi nghĩ như Carlyle: “Cao quý thay nghề làm báo! Mỗi ông chủ báo có khả năng há chẳng phải là một nhà cai trị thế giới vì là một trong những người thuyết phục thế giới; mặc dầu không do thế giới cử mà chỉ do mình cử mình thôi; tuy nhiên cũng được đảm bảo bằng những con số báo bán ra cho thiên hạ đọc”.

Tôi không “trì” quá khứ như Goethe coi thường nghề làm báo: “Từ lâu, tôi vẫn tin rằng báo chí sanh ra đời là để cho đại chúng

người ta tiêu khiển giết thời giờ và lòe bịp họ nhất thời; hoặc vì có một sức mạnh nào đó ở bên ngoài ngăn viên ký giả nói ra sự thực, hoặc vì tinh thần đảng phái đánh cho y lạc hướng đi; vì thế tôi không đọc một tờ báo nào hết". Mà tôi cũng không khinh miệt báo chí, gọi tuốt là lá cải, là giẻ rách, là đồ bỏ như thi hào Beaudelaire: "Bất cứ tờ báo nào cũng vậy, từ trang đầu đến trang cuối cũng chỉ là một cái ổ chứa những cái gì gớm ghê, kinh tởm. Chiến tranh, giết chóc, trộm cướp, hà hiếp, hành hạ, tội ác của các vua chúa, tội ác của các quốc gia, tội ác của các tù nhân, biết bao nhiêu là sự say sưa cuồng loạn của vũ trụ loài người. Ấy thế mà người ta dùng báo để làm đồ khai vị, vì người văn minh đã dùng tờ báo để làm đồ khai vị, cho bữa ăn buổi sáng. Tôi tin rằng không có một bàn tay trong sạch nào cầm lấy tờ báo mà không cảm thấy buồn nôn buồn mửa".

Không. Đối với nghề báo, tôi không đứng ở thái cực nào. Tôi chỉ nhớ rằng thuở nhỏ tôi ưa đọc sách là vì nhà tôi là nhà bán sách, ngoài thời giờ học bài; tôi phải ngồi bán sách, xếp sách để gửi bán đi khắp nước. Lúc rảnh, tôi vô lấy sách để đọc; từ đọc sách tôi thích đọc báo; đọc mãi thấy hay hay thì tôi làm thơ, tôi viết báo, thế thôi, chớ chẳng vì lý do gì hết. Bài báo thứ nhất của tôi đã viết ra hồi Phạm Tất Đắc xuất bản cuốn “Chiêu Hồn Nước”. Bài báo ấy vắn vện có mấy câu đại khái:

“Chúng tôi kính biểu quý báo cuốn sách nhỏ này và xin quý báo, nếu tiện, cho đăng mấy dòng sau đây: Sách “Chiêu Hồn Nước” của Phạm Tất Đắc đã có bán ở khắp các hiệu sách, rất hay, rất lâm ly, xin hải nội chư quân tử tìm đọc ngay kẻo hết”.

Các bài đặc biệt ấy dớ dẩn đến thế mà có báo hồi ấy đăng lên thật. Tôi đọc đi đọc lại mãi đến thuộc lòng; chưa đủ; tôi cắt ra dán

vào an-bom. Và từ đó tôi thấy mình là nhà báo thực sự mà chính tôi không tự biết, cũng như ông Jourdain trong bài kịch “Trưởng Giả Học Làm Sang” của Molière nói lên văn xuôi mà không biết mình làm văn xuôi.

Tôi mê nghề báo từ lúc đó.

Lúc đó báo ra kỳ có “Nam Phong”, “Hữu Thanh”, toàn bàn về vấn đề xã hội và văn hóa. Người viết báo, nói thực ra là làm văn chứ không phải làm báo. Một cái đoản thiên ngắn bao giờ cũng bắt đầu bằng một đoạn tả cảnh biển ngẫu, kiểu “Tuyết Hồng lệ sử”; còn xã thuyết thì bàn về chữ “tín”, chữ “nghĩa”, và thường là phải bắt đầu bằng câu “Phàm người ta ở trên đời”. Vì thế, người viết báo trước hết phải tập viết văn cho nhịp nhàng, thánh thót.

Làm báo là làm một nghề không có trường, không có thầy. Tôi thích viết báo và muốn làm nghề đó quá, nhưng biết làm

sao bây giờ? Không có cách gì hơn là bạ tờ báo nào cũng đọc, bạ cuốn sách truyện nào cũng coi, rồi... học thuộc lòng từng đoạn, kiểu mười bốn, mười lăm tuổi đi chim gái, các chàng trai mới lớn lên mượn mẫu thư tình, cóp lại để vút vào trong nhà người yêu lý tưởng!

Tự nhận mình là nhà báo chính cống, tôi khổ công mài giũa, rèn luyện văn chương con cóc. Thơ và văn xuôi của Tản Đà, Nam Hương, Nhược Tống, Thi Nham, Đàm Xuyên làm cho tôi báỉ phục. Học thuộc lòng chưa đủ, tôi còn phải cắt ra dán vào một quyển sách để gối đầu giường.

Đến đây, tôi xin mở một dấu ngoặc.

Lúc còn nhỏ, đi học, tôi không đến nỗi dốt quá, nhưng trí nhớ rất kém, cho nên không thể nào học được về môn toán. Lên đến trung học, giáo sư toán chê, liệt vào ngoại hạng, cho một hột vịt không đủ, phải cho hai

hột mới đã. Kịp đến khi lớn hơn một chút, tôi sa đọa, hút xách, rượu chè be bét, trí nhớ lại càng tồi. Rồi đến giai đoạn cai rượu, cai thuốc phiện: trí nhớ tôi hoàn toàn bị “liệt”. Vì thế, coi tập hồi ký này, xin các bạn đừng buộc tôi phải ghi năm tháng, đừng bắt tôi phải nhớ hết các báo chí tôi đã làm mà cũng đừng bắt tôi nhớ hết tên các nhà báo, nhà văn liên hệ. Nhớ được đến đâu, nhớ được cái gì, tôi cứ viết đại ra. Nhưng nói thế không có nghĩa là tôi viết ẩu, viết không có hệ thống.

Mục đích của tôi là thuật lại thật đúng các giai đoạn làm báo nói láo ăn tiền của tôi để nhân đó may ra các bạn có nhận thấy diễn tiến của nghề báo ở nước ta ra thế nào. Thêm nữa, tôi bắt đầu làm báo từ khi người mình còn sống dưới sự đô hộ của Pháp; qua thời kỳ Nhật vác kiếm lê trên mặt đất, đá Pháp một cú vào mông rồi đuổi đi; đến Việt Minh bí mật; rồi Nhật thua, Việt Minh nắm chính quyền; quân đội Lư Hán tiếp thu rồi quân

đội Pháp lại trở về Việt Nam; dân ta kháng chiến... rồi Pháp thua ở Điện Biên Phủ, ký hiệp định Genève chia đất nước làm đôi, con sông Bến Hải chia hai ân tình, vác va-li vào Sài Gòn hầu hạ Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu, cho tới bây giờ sống nhờ vào quân đội Mỹ «ô kê, salem...» rất có thể cứ thuật lại hết những giai đoạn nói láo của mình, chưa biết chừng mình lại vẽ lại được một giai đoạn lịch sử đau thương, tang tóc đã qua. Nếu quả được như thế thì hay biết mấy.

Bây giờ tôi xin khép ngoặc lại.

Vậy là tôi học thuộc lòng văn của người khác rồi bắt chước tứ văn và cả ý văn của họ để viết bài. Bây giờ, tôi không còn nhớ những bài văn ấy ra sao, chỉ mang máng là ngoài mấy cái truyền đơn in thạch phản đối Pháp bắt Phạm Tất Đắc, tôi có làm một tập thơ đủ các loại: lục bát, song thất lục bát, ngũ ngôn cổ phong, yết hậu... và mấy vở hát cải lương Nam Kỳ theo kiểu “Bội phu quả báo”

ký tên là An Sơn, Thu Tâm Tử... Cố nhiên những tác phẩm ấy không bao giờ được ra đời. Như vậy cũng là một cái hay, bởi vì nếu hồi ấy tôi có phương tiện in thành sách, mà văn khố thư viện còn giữ đến bây giờ, có lẽ chính tôi phải “tù” tôi, vì sao tôi lại có thể liều lĩnh và lỗ lã đến thế!

Nhưng lúc đó mình mới có mười hai, mười ba tuổi, có biết thế là lỗ lã đâu. Tôi vẫn yên trí là một nhà văn ghê gớm thực sự và có triển vọng đi xa, đi rất xa như Nguyễn Du, Ôn Như Hầu... Nói cách khác, tôi hy vọng một ngày kia thành một “tên tuổi trong nền văn chương quốc tế”. Vì nghĩ như thế, tôi tìm các lý do để hạ các nhà văn tiền bối, mặc dầu tôi vẫn phục. Tôi tìm cách hạ thâm họ ở trong bụng để mình lại đánh lừa mình rằng mình có khả năng tiến xa hơn cả họ, mình sẽ là một “ken coong” chứ không phải chỉ là một nhà văn, nhà báo quèn có vài ngàn người đọc.

2 . CHỮ TÀI, CHỮ TAI

Thế là tôi tưởng tôi có tài. Nếu cứ nghĩ mình có tài là tự nhiên mình có tài thực thì quả là cái tài của tôi liền với cái tai. Chúng có là đến đệ ngũ trường Albert Sarraut, về toán, tôi ngu như con bò, đến đệ tứ, đệ tam thì dốt đặc cán thuổng; về vật lý và hóa học, giáo sư nào cũng gớm mặt không buồn kêu lên báng, vì gọi lên vô ích, tôi không biết một ly gì hết. Từ năm thứ sáu, tôi chỉ học ròng về văn chương Pháp, đọc truyện Pháp, anh em trong lớp đọc gì thì bảo nhau tìm đọc và nghiên cứu từng chữ dùng, từng cách kết cấu, từng chi tiết tả cảnh, xuýt xuýt xoa

xoa như được thưởng thức một món ăn gì ngon lắm.

Tôi bắt đầu đọc Alexandre Dumas, André Theuriet, Guy de Maupassant, Flaubert... từ hồi đó và nhớ rằng có hai cuốn làm tôi rung cảm nhất là “Les feuilles mortes” của André Theuriet thì do Trần Mai giới thiệu, còn cuốn “Manon Lescaut” thì do Lê Khắc Quyên giới thiệu.

Bây giờ, anh em cũ học Lycée Albert Sarraut tan tác mỗi người một ngả. Joseph Trần Lê, Nguyễn Sĩ Dinh, Bửu Lộc, Bửu Thọ, Nguyễn Văn Chi, Paulus Hiếu, Trần Lệ Xuân (tức là bà Ngô Đình Nhu), Trần Mai, Hoàng Văn Chí, Nguyễn Kim Hồng, Nguyễn Kim Hải, Marie Điện... kẻ thì làm nên, người thì đã chết, có kẻ lại lạc loài sương gió bốn phương, mỗi khi mưa chiều gió sớm, sức nhớ lại thuở anh em cùng chung một mái học đường cũng thấy hiu hiu buồn, không thể nào quên được những kỷ niệm xa xưa.

Tuy nhiên các kỷ niệm về sự học hành, tôi gần như không còn nhớ được gì. Duy có một điều không bao giờ tôi quên được là chính ở vào thời kỳ đó, giữa một không khí Pháp, bắt buộc phải theo tác phong Pháp, nói tiếng Pháp với nhau (ai nói tiếng Việt mà kiểm soát viên bắt được thì ăn công xinh mặt), chúng tôi, một bọn anh em gồm bốn năm người, đã “xuất bản” một tập báo viết tay để là “Hồn Nước Nam” để chuyển tay nhau đọc. Lúc đó, chúng tôi quan niệm lạ lắm: báo mà không có xã thuyết thì không phải là báo. Vì thế nguyệt san “Hồn Nước Nam” số nào cũng có một bài xã thuyết như ai, nói những vấn đề rặng đa bà cụ “nước ta văn hiến bốn ngàn năm”, “hùng khí của các bậc anh hùng như Lê Lợi, Trần Hưng Đạo...” và đến dịp giỗ Hai Bà cũng làm một bài thơ “Vịnh Trưng Vương” thi đua với Hoàng Cao Khải. Tôi làm thư ký tòa soạn của báo. Nghĩ nát óc ra, cũng không biết ngoài bài xã thuyết thì nên có những mục gì, tôi “chế” ra

mục thơ và một mục kêu là “Linh tinh beng” đăng những tin tức liên quan đến học sinh người Việt trong trường Pháp, còn bao nhiêu đăng toàn truyện ngắn. Có truyện cóp Guy de Maupassant; có truyện kêu là “Bức Tranh Xã Hội” con nhà giàu viết lăng nhăng về xã hội người nghèo; có truyện buồn cười, anh nào đọc tiểu lâm Pháp thấy hay thì tán rộng ra thành một bài láo lếu.

Anh em đua nhau viết. Tôi làm mặt quan trọng, bỏ cả làm luận và học kịch “Le Cid”, chỉ ngồi đọc văn lai cáo. Nghe thấy mang máng rằng làm thư ký tòa soạn báo thì phải sửa văn người khác, tôi cũng trình trọng gạch, xóa, lộn câu đầu xuống đít, lộn câu đít lên đầu, rồi tấm tắc tự cho là bảnh lắm. Kết quả bảnh chẳng thấy đâu, bị ngay bọn ác ôn nó chửi và cấm không được sửa một chữ, “mem” cái phẩy. Tôi tưởng chừng như có ai cho một nhát búa vào đầu, nhưng sau làm ra mặt oai, hừ một cái rồi kết luận: Đó là cái

vinh, cái nhục của nghề làm báo!

Bù lại cái đau ấy, tôi được một cái sướng rơn là mục “Linh tinh beng” của tờ “Hồn Nước Nam” lại được anh em tán thưởng. Là vì mục này viết bằng một giọng văn tếu, chửi cú vong mạng cả lên! Lúc đó, chúng tôi còn trẻ, khí huyết phương cương, bất cứ anh nào bị chọc cũng đều hăng say muốn đâm đá, xin tí gân hay tí huyết. Không hiểu một hôm Trần Mai nói gì, bị một bọn trẻ con Tây lấy tay làm cái “chân mũi” chế anh; chúng tôi viết một cái “pô tanh” huých Trần Mai. Anh này cao lớn, khỏe mạnh, tức sôi lên, chạy ngay ra cái phong ten vục đầu vào nước lạnh, rồi tìm lũ trẻ con Tây sanh sự. Chúng tôi học ban B, chúng học ban A.

Đại diện cho ban A là thằng Wintrebert cao như hộ pháp. Một cuộc đánh giáp lá cà diễn ra sau giờ học. Wintrebert cho Trần Mai «nốc ao». Anh em tức tưởng chừng học

máu. Chúng tôi đặc biệt ra một số in thạch kêu gọi anh em «đại đoàn kết» đánh bỏ mẹ Tây đi. Rồi y như những thằng khùng, chúng tôi không biết làm cách gì để tỏ rằng «ta đây không coi Tây ra cái thá gì», chúng tôi cứ hể trông thấy Tây là ngáng, chửi và nghĩ cách làm tên tằm thuốc độc để giết không còn một mống.

Kết quả học trò Tây vẫn sống nhẵn mà chỉ có bọn chúng tôi “chết đầu nước”. Sau một cuộc điều tra gay gắt của ông “săng sô” mập thù lu, tờ báo của chúng tôi bị đóng cửa vô hạn định, còn mấy nhân viên bị đưa lên hội đồng kỷ luật do hiệu trưởng lúc bấy giờ là Loubet chủ tọa. Hội đồng phán quyết đuổi chúng tôi, nhưng sau cho hưởng một đặc ân để kịp thời hối lỗi: cho học thêm sáu tháng nữa; nếu trong thời kỳ đó, tỏ ra có hạnh kiểm tốt, chăm chỉ học hành thì lại cho học lại.

Thế là mộng làm báo của chúng tôi tan

tành. Nhưng thiếu niên nào mà chẳng thế: hách sì sảng. Mấy bạn quá khích của tôi, trả thù, nhất định “bất hợp tác” với học trò Tây. Riêng tôi, tôi chơi trội: không được xuất bản báo viết, tôi xuất bản báo miệng, nói nôm là tôi chửi thể. Chửi bằng tiếng Việt. Gặp thằng Tây con nào cũng chửi. Một hôm, thầy thể thao là Patche bắt tập một môn nằm ép xuống cỏ. Tôi mặc quần dài nằm xuống cỏ ướm bị lấm bê bết, tức mình tôi chửi “Đ... mẹ cha mày!”. Vô phúc thằng cha nghe tiếng. Áng chừng nó ăn cơm Việt mòn răng ra rồi, hay là nó lấy vợ lô can thì không rõ, nhưng vừa nghe thấy thế nó trợn mắt, gọi tôi lên “sửa lưng” cho một trận ra gì và trình lên hiệu trưởng. Lần này, tôi yên trí đi đời, nhất định được mời về nhà; nhưng không hiểu trường nó quên, hay là kỷ luật nhà trường lỏng lẻo, tôi chỉ ăn ba công-xinh tô-tan, ba chủ nhật đi đến trường ngồi một mình một chỗ như con cú để “tự phê bình kiểm thảo”.

Sự chán nản bắt đầu từ đó. Nghề báo đã hại tôi. Nhưng kỳ lắm: nghề báo cũng như nghề “hát nhà trò” ngày trước, hay nghề “bán ba” bây giờ. Nó là cái nghiệp: đã mắc phải nó thì mê, không chịu được. Tôi thích cái nghề báo hại tôi như thế. Tôi sẽ lấy cớ chán nản ấy để trốn học đi lên Hồ Tây, vườn Bách Thảo để đọc văn, đọc báo và “tìm một lối đi cho ngày mai”.

3. NGHỀ BÁO ĐƯA NGƯỜI TA ĐẾN BẤT CỨ ĐÂU

Trong những dịp suy ngẫm như thế, có một câu thường nằng đến với đầu óc tôi: “Nghề báo đưa người ta đến bất cứ đâu, miễn là thoát được nó ra”. Thú thực, lúc đó tôi suy ngẫm rất nhiều mà vẫn không hiểu thấu tư tưởng ấy. Đưa đến đâu? Tôi không biết nghề báo đưa người ta đến đâu hết. Riêng tôi, tôi chỉ thấy nó đưa tôi đến chỗ chán chường, bỏ học bỏ hành, đi nói dối cha về nhà nói dối chú. Là tại thế này: ở trường Albert Sarraut, học trò có thể cứ tự động nghỉ, không cần xin phép trước. Vài hôm sau

đi học, chỉ cần biên một lá thư, ký tên bố mẹ rồi trình cho “săng sô” là được. Thấy ngon như thế, mỗi tháng tôi lại nghỉ một hai lần, và mỗi lần nghỉ xong lại làm một đơn, ký tên bố mẹ, nói là “con tôi ốm”.

“Nghề báo đưa người ta đến bất cứ đâu”. Thì quả như thế thật: nghề báo đưa tôi đến chỗ trốn học, nói dối, nhưng chưa đủ; nó còn đưa tôi đi xa hơn nữa. Nguyên hồi ấy biến động ở Yên Bái diễn ra thất lợi, Tây bắt giữ các nhà ái quốc và đây ải nhiều thanh niên. Một sự chán chường mông mênh tràn lan trên đất nước. Cũng như ai, tôi mắc phải cái bệnh của thời đại, nghĩa là tự cho mình “sinh bất phù hợp thời”.

Nhà tôi là nhà bán sách và buôn giấy. Vì giao thiệp với Pháp, mẹ tôi nuôi cái mộng là tôi thi đỗ Tú tài, rồi nhờ một hai người Pháp quen thuộc nhận làm con nuôi đưa sang học thuốc ở Ba Lê. Tội nghiệp, chính

mẹ tôi không nhận biết tôi đã chớm nghiện và tiếng là đi học chớ tôi vẫn trốn đi chơi. Thảng hoặc có đến lớp thì thể xác ngồi đó mà hồn thì phiêu diêu tận đâu đâu: tôi nghĩ đến cuốn “Cours de journalisme par correspondance” và nung nấu một kịch ngắn hay một tiểu thuyết viết cho báo An Nam Tạp Chí của Nguyễn Khắc Hiếu (bí danh Tản Đà Nguyễn Khắc Khù).

Nói đến quá trình báo chí ở Bắc Việt, theo tôi, các nhà văn lão thành như Hoàng Tăng Bí, Dương Bá Trạc, Nguyễn Đỗ Mục, Đinh Gia Thuyết, Phạm Duy Tốn, Nhượng Tống... đều có công đóng góp rất lớn lao, nhưng phải đợi đến lúc Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh bút chiến về vấn đề lập hiến thì ta mới thấy một thứ nhựa mới làm cho làng báo mạnh hơn lên. Tuy nhiên, mạnh không có nghĩa là tiến bộ. Tôi còn nhớ lúc đó báo hàng ngày có ba tờ: Thực Nghiệp của ông Mai Du Lâm, Trung Bắc của ông Nguyễn

Văn Vĩnh và Khai Hóa của ông Bạch Thái Bưởi. Tin tức do Sở Cẩm Hàng Đậu và Hàng Trống cung cấp, còn xã thuyết thì Trung Bắc bao giờ cũng kết luận: “Quốc dân đồng bào nghĩ sao?”. Ông Đỗ Thận, râu một đồng, viết xã thuyết cho báo Khai Hóa, cứ tết mồng năm thì có một bài xã thuyết mồng 5 tháng 5, tết Nguyên Đán thì không bao giờ thay đổi, mở đầu bài xã thuyết bằng hai câu (có dấu than): “Tết đến rồi! Tết đến rồi!” Còn ông Mai Du Lân thì mặc cho Trúc Khê Ngô Văn Triện và cụ cử Mai Đăng Đệ viết gì thì viết, việc chính của chủ báo là nhận đồ về in, lấy tiền ăn chắc hơn là bán báo.

Tôi đọc Hữu Thanh, Nam Phong và các báo hàng ngày không ham mấy, nhưng đọc đều đều để xem có tiểu thuyết nào hay thì học thuộc mấy câu mở đầu “biên ngẫu”.

Phải đợi đến lúc lên “sơ gông” ở trường, tôi mới thật thích nghề viết báo. Nhà báo tôi

gặp đầu tiên là Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu. Những bài tôi viết ở An Nam Tạp Chí là những tư tưởng của một ông cụ non, may đã tam sao thất bản rồi, chớ không mà phải đọc lại thì xấu hổ mà chết mất. Tôi nói: “thích nghề viết báo”. Chớ thực ra thì chưa ham viết.

Tôi còn nhớ rõ ràng tôi bắt đầu ham viết báo là kể từ ngày các ông Hoàng Tích Chu, Đỗ Văn, Phùng Bảo Thạch, Tạ Đình Bính, Vũ Đình Chí làm tờ Ngọ Báo của ông Bùi Xuân Học. Cho đến bây giờ và mãi mãi tôi vẫn nhận rằng Hoàng Tích Chu đã làm được một kỳ tích: viết Nam Phong ký tên Kế Thương, đọc chán như cơm nếp nát, thế mà đi Pháp mấy năm về, làm được một phát rất “tri” là làm sôi động cả ngành báo chí, đem lại cho tờ báo một bộ mặt mới, một hơi thở mới, một sinh lực mới. Ngọ Báo một xu bán chạy không chê được. Đọc không bỏ một chữ. Văn hay không chịu được, cái lớp tiểu

yêu như tôi lúc đó đều công nhận như thế, nhưng các ông lớn tuổi thì dường như không tán thành.

4. PHONG TRÀO ĐÔNG TÂY

Nhưng thời gian đem tiến bộ đến cho người ta sức mảy mà chờ đợi những người ngồi bình luận sông. Ông phản đối ư? Thì xin mời ông hành động. Chỉ “tri” mà không “hành” như Vương Dương Minh đã nói, thì... tiêu! Làn sóng Hoàng Tích Chu và tập đoàn đánh ào các bố già đi, không có gì lạ hết. Và người ta sẽ không lạ là một khi cao trào đã phát khởi rồi thì chỉ có tiến mà không có lùi, chỉ có lên mà không có xuống.

Tôi không thể tả được sự khâm phục của tôi lúc thấy ở các bức tường đầu Hàng

Trống, Hàng Bông dán những bức quảng cáo to bằng cái chiếu vẽ một ông quỳ xuống ôm quả địa cầu ở trên vai. Mới quá, cao cấp quá! Báo Đông Tây của Hoàng Tích Chu ra đời, sau khi ly khai với cụ Bùi Xuân Thành, thân phụ ông Bùi Xuân Học. Phải nói rằng bốn mươi năm đã trôi qua, tôi chưa thấy có một quảng cáo nào làm cho tôi say mê như thế, hấp dẫn như thế, kể cả những tờ báo bây giờ có nhiều phương tiện mà cũng có nhiều tiền hơn tờ Đông Tây!

Tôi còn nhớ có chiếu đi học về, đỗ xe đạp lại, tôi đứng xem từng nét vẽ cái ông Atlas ôm quả địa cầu và quả thực tôi đã đợi từng ngày để mua Đông Tây số 1. Phải nói thực: đẹp thì tờ báo có đẹp thực, nhưng bài ít quá, và không có gì xuất sắc, trừ vài câu thơ in ở những chỗ thiếu bài như: “trên chiếc ô tô con chó ngồi - dưới cái xe bò thẳng người lồi”... Chính lúc này, bọn người “nghịch” với Hoàng Tích Chu mới đưa ra luận điệu tấn

công: «Chu học dở chết đi, rỗng như đít bụt» hay «Chu thì chữ nho một vốc, chữ Tây ba xí ba tú chớ có xâm gì!».

Muốn nói gì, mặc; người ta vẫn theo đọc Đông Tây và đến lúc ra hàng tuần (khổ báo 60x80), rồi từ hàng tuần ra hàng ngày (khổ báo như tờ Monde bây giờ) hầu hết đều nhận thấy Đông Tây là tờ báo số dách ở Hà thành. Ngoài mục “Chuyện đâu” của Văn Tôi mà lúc đó tôi coi là “siêu văn nghệ”, tôi còn nhớ mãi mấy cái truyện ngắn mà tôi lấy làm kiểu mẫu viết văn, như “Gò Cô Mít” của Hoàng Ngọc Phách (ký tên là Hoàng Tung) truyện “Trương Chi” của Phùng Tất Đắc, kể lại câu chuyện cũ anh lái đò mê con quan thừa tướng, lúc chết, nhập hồn vào một cây bạch đàn, và truyện “Bích Mã Lương” (cũng của Phùng Tất Đắc) nhắc lại chuyện nhà nghệ sĩ mê chính bức tượng mà mình đã tạo ra...

Đọc những truyện đó, tôi thán phục các

tác giả, rồi từ đó, tôi coi tất cả những người nào đã cộng tác, đã giao du với Hoàng Tích Chu đều là những bậc tài ba lỗi lạc, và có nhiều lúc tôi mơ ước nếu được «biết» các vị này, có một bài đăng lên báo cùng với họ thì «bô» hết sức. Thèm quá đâm ra liều. Một ngày mùa thu của một năm mà bây giờ tôi cũng không còn nhớ nữa, người học trò dốt toán nhứt Lýt Sê là tôi đã đánh liều gửi ba truyện ngắn đến cho báo Đông Tây, yêu cầu «phủ chính» và «nếu có thể được thì đăng tải».

Đến bây giờ, tôi vẫn cho rằng tôi đã may hết sức, là vì bài của tôi gửi đến nhà báo lại được nhà báo vui lòng giở ra để đọc. Tôi nói «may» là vì sau này vào hản nghề rồi, làm chủ bút, thư ký tòa soạn cho nhiều tuần báo và nhật báo, tôi biết có nhiều bài vở, truyện tích rất hay của bạn đọc gửi tới mà không được chủ nhiệm, chủ bút mó tới hay mở ra coi, hoặc coi sơ sơ rồi bỏ, làm cho phí mất

bao nhiêu mầm non, có nhiều hy vọng nảy nở sau này. Tôi may là vì ba truyện của tôi gửi lại, được ông chủ bút báo Đông Tây lúc đó là Phùng Tất Đắc lưu ý sửa chữa và cho đăng tải (vào đúng chỗ đã đăng truyện “Gò Cô Mít” của Hoàng Tùng). Truyện thứ nhất của tôi đăng Đông Tây là truyện “Con Ngựa Già” mà ông Phùng Tất Đắc cho đặt dưới một tit-ruy-bờ-rích là “Bút Mới”. Được sự khuyến khích vô giá đó, tôi biếng học; hết ngày ấy sang ngày khác, chỉ lo viết “Bút Mới”. Rồi, để mở rộng phạm vi, tôi lại đề nghị mở thêm một mục mới ở trang nhất: mục “Cuốn film” vẽ lại những nhân vật thời đại như “ông Phòng Phành”, “ông Tò Toe”.

Khỏi phải nói, được đứng tên bên cạnh các bậc đàn anh, tôi “vây” hết chỗ nói, nhưng hãnh diện nhất cho tôi, ấy là ngày tôi nhận được một cái thiệp của Hoàng Tích Chu mời tôi đến tòa báo ở phố Nhà Thờ nói chuyện.

5. BAR DÂN MỚI

Tôi được gặp ông Phùng Tất Đắc lần đầu tiên, vào một chiều tắt nắng, nhân dịp đến “yết kiến” Hoàng Tích Chu tại trụ sở báo Đông Tây ở 12 phố Nhà Thờ. Vừa mới thấy ông Đắc ngồi ở bàn viết ở cửa sổ đi thẳng vào, tôi đã biết ngay; không phải vì đã được ông tự giới thiệu, nhưng tại chính tôi được biết vì có bè bạn, trước đó, đã chỉ ông cho tôi rồi. Ngồi xuống ghế, nói với ông câu đầu, máu tôi chảy có một dòng, phần vì sợ văn ông, phần vì vẫn nghe tiếng ông là con nhà giàu ở Nam Thành, thạo đời một cây, lại có tiếng là tay ăn chơi sộp, mà mình thì chỉ là

một anh học trò bé nhỏ mới bước chân vào đời qua mấy ả sấm và cu-tuy-ri-e tồi! Nói thì biết nói gì bây giờ? Tôi luống cuống và cảm thấy tay chân thừa cả, không biết giấu chỗ nào.

Mà ông Phùng Tất Đắc thì mặt lại lạnh như tiền, không hề khuyến khích tôi một ly ông cụ. Thành thử ngồi chưa đầy năm phút, tôi đứng dậy xin lên lầu gặp ông Hoàng Tích Chu như đã hẹn, nhưng trong năm phút ấy, có ai biết rằng tôi đã sợ ông Phùng Tất Đắc thêm biết chừng nào không?

Ông Đắc mặc âu phục, vén tay áo sơ mi lên ngồi rung đùi khảo cứu Nho giáo. Bên cạnh hai cuốn sách của Lê Thần Trần Trọng Kim, tôi thấy một chồng sách chữ nho. Đêm hôm ấy, về nằm nhớ lại buổi ban chiều, tôi chán đời không thể tả, vì thấy Phùng Tất Đắc, tôi quan niệm muốn viết báo cho ra viết báo, muốn sử dụng ngòi bút cho tài tình như ông

Đắc trong mục “Trước Đèn” của báo Đông Tây, người ta phải thông kim bác cổ, thạo cả chữ Hán lẫn chữ Tây. Mà tôi thì chữ Tây mới đến sơ gông, còn chữ Hán thì biết có mấy chữ “Cổ công điền giao tử” do hai cụ Thiện và cụ Chính dạy ở trường Hàng Vôi lúc còn theo tiểu học. Thế này thì đến kiếp chết cũng không thể thành một nhà báo như Phùng Tất Đắc và Hoàng Tích Chu!

Tôi lại xây mộng, tôi lại mơ ước học chữ Hán, nhưng đó chỉ là mơ ước hão thôi, cũng như sau này tôi thấy bọn các ông Đỗ Văn, Chu Mậu, Đặng Trọng Duyệt làm báo chữ Tây, viết chữ Tây, tôi lại mơ ước giỏi chữ Tây để viết báo Tây kiểu “Cri de Hanoi”, nhưng rút cục bao nhiêu mộng ấy đều biến ra mây khói... phù du hết.

Xã hội Việt Nam lúc ấy mắc một cái bệnh mà người ta gọi là bệnh thời đại. Thanh, thiếu niên chưa mất gốc hản, nhưng không bám

vúi vào đâu, sống bấp bênh như những cái phao. Qua mấy cuộc đàn áp các nhà ái quốc lão thành như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, người ta thấy cần phải có một cái thần tượng gì để tôn thờ, để làm đích đi theo, thì vừa vặn bọn Tây Du như Chu Mậu, Hoàng Tích Chu, Đặng Trọng Duyệt, Đặng Phục Thông, Nguyễn Bình Nam... về nước đưa ra phong trào sống mới, nghĩ mới, ăn mặc mới, tranh đấu mới.

Phải, tôi đã nói vậy và tôi nhắc lại rằng tôi thán phục tất cả những người đã cộng tác, đã giao du với Hoàng Tích Chu mà hồi đó tôi coi là những bậc tài ba lỗi lạc. Đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ rõ rằng mỗi khi thấy các ông Đỗ Văn, Chu Mậu, Đặng Trọng Duyệt đi từ nhà in Trung Bắc ở Hàng Bông ra, rồi coi họ là những bậc kỳ tài, muốn chiêm ngưỡng. Thấy bọn các ông làm công việc gì, xuất bản báo sách gì, túng mấy đi nữa, tôi cũng để dành tiền mua đọc cho kỳ được. Tôi sẽ không tả lại

cảm giác của tôi khi đọc những tờ như “Cri de Hanoi”, “Dân Mới”, “Nhân Loại”, “Chiếu Bóng” hay cuốn sách thơ gì đó của bạn các ông, trong đó có một bài nói về con morpion, không chê được!

Tôi chỉ muốn nhắc lại lần đầu tôi nhìn vào cái bar “Dân Mới” của Chu Mậu, chỗ đầu Hàng Gai rẽ ra Hàng Hành. Bây giờ bar mở nhiều, ngồi uống rượu ở quây, trên những chiếc ghế cao lêu nghêu là thường; nhưng hồi đó ở Hà Nội mà thấy thế thì người ta muốn té xỉu vì lạ quá. Uống rượu; nhẩy đầm; có ông ra đứng ở cửa nói tiếng Tây vi va vi vút như gió; lại thêm ông Chu Mậu đội cái “mũ đấu” của Chà chạy ra chạy vào nói toàn tiếng Tây, tôi cảm thấy mình quê một cục; do đó tôi phải thú thực là từ khi bar Dân Mới ra đời cho tới khi đóng cửa, tôi không dám bước chân vào một lần nào, mặc dầu tôi có thừa phương tiện.

Tôi không dám bước chân vào không phải vì tôi đạo đức. Trái lại, lúc đó tôi cũng sa đọa như ai, nhưng cái tâm lý của người trẻ tuổi thực là phiền toái. Cá nhân tôi đủ các tật xấu nết hư, nhưng tôi quan niệm các bậc đàn anh đó, các thủ lĩnh của tôi không được là những người tầm thường, lỗ lã, nhăng nhít. Bởi vì nói cho thực, thấy các ông ra cái vẻ chơi bởi khét tiếng, có khi lỗ lĩnh, trắng trợn, lại trà rượu, nhảy nhót, tôi cảm thấy họ đã vi phạm đạo đức, mà đạo đức lúc ấy đã xuống quá rồi. Tập đoàn Hoàng Tích Chu, Chu Mậu, muốn nói gì thì nói, cũng đã có một cái lỗi, là đẩy cho thanh niên, thiếu nữ lúc đó nhảy những bước nhảy vọt vào sự ăn chơi liêu lĩnh, coi đời là “nơ pa”, coi đời “như bãi phân”. Có nhiều người, đồng ý với tôi, không tán thành; nhưng trái lại, cũng có một số người cởi mở hơn, sẵn sàng tha thứ, viện lẽ rằng mỗi khi có một cuộc đổi thay quan trọng, trong lúc giao thời, sao tránh được những sự lằng nhằng, quá trớn!

Dù sao đi nữa, cảm tình của tôi với tập đoàn Hoàng Tích Chu, Đỗ Văn, Chu Mậu vẫn không vì thế mà giảm thiểu. Tôi có cảm giác là tập đoàn ấy ngồi xồm lên xã hội, và một số người trong tập đoàn có một thái độ khinh bạc, kiêu hãnh; nhưng nghe thấy họ thóa mạ xã hội, mạt sát những cái thói tha - dù là không có một kế hoạch gì xây dựng - tôi vẫn cứ mê như thường. Điển hình là tuần báo “Duy Tân” của Nguyễn Đình Thấu chửi nghe sao mà sướng thế, mà truyện với trò nghe sao mà... đều thế?! Đến đến phát ớn, nhưng không tìm đọc không chịu được. Tôi có cảm giác như bây giờ đọc những báo Mỹ như “Play Boy”, “Feminal”, “Figure”, “For Male”, đăng những hình đều quá, dâm quá, một mặt cứ thích và cứ phục, nhưng một mặt cứ chê - chê cái xã hội Mỹ sướng quá hóa rồ, giải phóng con lợn lòng quá mức, chẳng trước thì sau cũng sẽ đưa người dân Mỹ đến một con đường đen tối hơn bây giờ.

Tôi còn nhớ hôm báo Đông Tây đăng bài “Bút Mới” đầu tiên, tôi tưởng vì xúc động quá có thể bị một cú đòn sảng mà ngóe. Chiều hôm đó, họ hàng thân quyến và bạn bè đến hỏi thăm. Tôi phớt tỉnh, ra cái ý “đó là chuyện rất thường, hà có gì phải làm ồn như vậy!”. Với cái vẻ mặt phớt tỉnh giả tạo đó, tôi có ý muốn nói lên một cách thâm kín cho thiên hạ biết rằng “đấy mới chỉ là một chương xoàng, tôi còn trăm ngàn chương khác ác lắm, rồi sẽ giở ra dần dần, tôi là thiên tài mà!”

Vài ngày sau đó, tôi nảy ra một sáng kiến: tôi là nhà báo thực thụ. Chứng cứ là tôi đã có bài in trên báo gửi đi toàn quốc. Mà là nhà báo thực thụ thì phải có cái gì khác người ta chứ! Không phải suy nghĩ lâu la gì lắm, tôi biết ngay rằng đã là một nhà báo thì phải khác người, phải lập dị, phải có tác phong y như những nhà báo nổi tiếng lúc bấy giờ như Hoàng Tích Chu, Phùng Bảo Thạch,

Tạ Đình Bính, Bùi Xuân Học, Đặng Trọng Duyệt, Phùng Tất Đắc mà tôi vẫn thường nghe đồn đại là những tay chơi chí tử.

Tôi hút. Tôi uống rượu, tôi chơi dĩ bợm.

Và để tỏ ra rằng mình cũng là tay lão luyện như ai, tôi hút dữ, uống dữ. Như thế, tôi còn oai về một phương diện khác nữa. Là lúc bấy giờ dân nước oán Tây vô cùng, vụ Phan Bội Châu bị bắt đưa về nước xử chưa xong thì tiếp đến vụ Phan Chu Trinh gửi huyết thư cho Tây gây phong trào bãi công bãi khóa rồi lại đến vụ Yên Bái làm cho mười ba liệt sĩ lên máy chém. Bao nhiêu biến thiên đó đã tạo nên một phong trào sôi nổi hăng say. Những người thực tâm ái quốc, vào tù ra khám, không ngày nào không có. Nhưng bên cạnh đó, cũng không ngày nào không có những tay ái quốc sa lông thờ vắn than dài cho thể nước, thỉnh thoảng lại đóng cửa oán Tây, hoặc làm thơ con cóc chửi thẳng

Tây (nhưng lại sợ bị bắt nên gọi chệch thẳng Tây là thầy tăng) và cho như thế là... cay chua lắm.

Thú thật lúc đó, đọc những bài thơ như “Tiếng Quốc Kêu” của Đàm Xuyên Nguyễn Phan Lãng hay “Chiêu Hồn Nước” của Phạm Tất Đắc hoặc thơ “Gánh Nước Đêm” của Trần Tuấn Khải, tôi phục cú lặn ra và trong thâm tâm cũng muốn có cái tài chửi đồng, chửi cạnh, chửi bóng, chửi gió như thế; nhưng vì không có tài nên đành phải chịu “tho”.

Không chửi Tây được như ai (vì tôi sợ bị Tây bắt đưa ra Côn Đảo) tôi bèn buộc ngay lên cổ tôi một thứ bệnh: bệnh chán đời. Tôi làm ra vẻ chán chường thế sự, uất ức vì những cảnh chương tai gai mắt, đất nước lầm than, tìm đủ các cách trác táng hình hài, tìm đủ các cách để tự hủy mình đi. Làm như thế - theo tôi nghĩ lúc bấy giờ - nó có vẻ “cha”, mà mới thật hợp với con người làm báo.

Rồi các bài báo nào mình viết ra, đọc lại, mình cũng thấy hay phi thường và tự cho văn mình là “nhút tụt thiên kim”, tòa soạn bỏ đi một đoạn hay sửa một chữ - một chữ thôi - mình cảm thấy là làm hại văn mình, giết mình, phá hoại mình.

Tôi vừa nói đến danh từ “nhút tụt thiên kim”. Phải rồi, từ thuở nhỏ tôi vẫn nghe thấy nói đến danh từ ấy: một chữ đáng giá ngàn vàng. Về sau này, tôi lại nghe thấy có người làm một câu thơ mà đuổi được giặc, làm báo như hạng Nguyễn Phan Long. Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, viết một bài, Tây sợ “chết cha chết mẹ”, phải mua chuộc hàng ngàn, hàng vạn mà chưa chắc đã êm... Mê quá. Tôi mê nghề báo vì cho nó là một nghề đã oai mà lại hốt bạc, nhưng thú thực từ lúc bắt tay vào nghề đến lúc ấy, quả tôi chưa kiếm được một đồng xu nhỏ.

Là vì tôi viết là viết đấy thôi, chớ có báo nào muốn làm thực sự đâu. Cơm nhà vác ngà voi. Nhưng không sao, được cái tiếng là nhà văn, nhà báo, oai quá rồi, cần gì phải có tiền. Và tôi nghĩ như nhà triết lý: Tiền bạc không gây hạnh phúc cho con người.

6. THẤT VỌNG ĐẦU TIÊN

Sở dĩ tôi nghĩ “cửa cha” như vậy là vì chưa có bận bịu, vướng víu gì đến thân: cơm ăn, áo mặc đã có mẹ lo cho, thỉnh thoảng lại “làm một mẻ” ở nhà đi ăn, đi chơi, đi hát. Thực quả là tôi chưa cần tiền, chưa phải nhọc óc vì chuyện xoay tiền... nên ngoài những giờ trác táng ra, tôi chỉ đọc sách, viết văn, viết báo. Lúc nào cũng nghĩ một tú lạ, lúc nào cũng nhằm tìm một đề hay cho nên văn chương, lúc đó, dẻo gọt hơn cả luận thi Tú tài.

Hồi ấy, tôi hãy còn đi học, nhưng một tu

tưởng đã mạnh nha trong trí óc: ai đời viết báo lại đi học bao giờ? Ý định bỏ trường học phát sanh ra từ đó; nhưng phải đợi đến một trường hợp đặc biệt sẽ xảy ra, tôi mới nhất định thi hành. Giữa lúc đó, một sự việc khá quan trọng xảy ra thực: tờ tuần báo Đông Tây đổi ra báo hàng ngày.

Làm tạp chí, chưa phải là làm báo; làm tuần báo, chưa phải làm báo. Muốn xứng đáng với danh nghĩa nhà báo, phải làm “bình bút” cho một tờ báo hàng ngày. Cờ đã đến tay rồi, phải phát! Tôi viết lia viết lịa, không quản ngày đêm. Có bài đăng lên, có bài cho vào sọt rác. Không kỳ quản, tôi cứ viết. Thế rồi một hôm, tôi nhận được một tấm các của Hoàng Tích Chu, như đã nói ở đoạn trên. Giờ quyết định đã tới. Tôi cứ đình ninh là Hoàng Tích Chu mời tôi cộng sự hẳn với tờ Đông Tây. Không hiểu cái óc người thiếu niên nó ra sao mà cầm cái các mời, tôi lại có thể yên trí ngay như vậy. Tôi mơ, mai đây một nọ

tôi cộng sự hẳn với nhà báo, ngày ngày đến nhà báo viết, gọi điện thoại âm lên, rồi đến giờ thì ôm một tập báo “dây tổ bố” ra về, gọi một cái xe kéo nhảy lên ngồi chễm chệ, đứng một anh nhà báo: oai biết mấy, danh giá bao nhiêu! Cô Sâm ở trước cửa, cô con gái ông Hàn Đắc ở Hàng Khay và cả cô Diễm ở nhà Gô Đa nữa, phen này cho mà “bỏ vía”!

Thôi, chỉ nói bấy nhiêu thôi, đủ rồi. Tất cả điều tôi có thể nói ra lời là lúc ấy cả người tôi căng lên một trời hy vọng. Để mãi như thế, chịu làm sao nổi: tôi điên lên, tôi không thể hy vọng giữ nguyên trạng lâu hơn nữa, tôi bỏ học.

TỪ HOÀNG TÍCH CHU QUANG UYÊN
KHẮC HIẾU ĐẾN TRÚC ĐÌNH, NGHIÊM
XUÂN HUYẾN

Bỏ học, tôi giấu mẹ tôi cho đến giờ chót để làm “việc đã rồi”. Bao nhiêu hy vọng đặt vào “thằng ba”, tâm tâm niệm niệm cho nó

đỗ tú tài rồi đi học thuốc, hay lấy cái bằng luật ra làm tri huyện còm, mộng ấy bây giờ “đổ cái rụp”: ai mà không ngán! Nhưng ngán mấy đi nữa cũng không bằng cái ngán của mẹ tôi khi thấy thằng con mất dạy trắng trợn tuyên bố công khai rằng tôi bỏ học để đi làm báo! Trời ơi là trời, làm cái nghề gì, chớ lại đi làm báo: điều ấy mẹ tôi, anh chị tôi, em tôi, không thể nào quan niệm nổi. Riêng đối với mẹ tôi thì nếu ở đời có cái nghề gì xấu nhất, tồi bại nhất, bất thân bạc ác nhất thì nhất định đó là nghề làm báo. Mẹ tôi bảo:

– Tôi xin anh thương tôi, đừng có bao giờ làm nghề ấy, vì phúc đức nhà ta không được bao nhiêu đâu... Anh trông thì biết: tôi bán giấy, các ông nhà báo đến mua hàng ngày đấy, có người nào khá không? Ông Thực Nghiệp mua giấy in, chịu ba tháng không có một đồng xu để trả; ông Khai Hóa méo mặt đi vì tiền; lại còn cái ông Bạn Dân Mi Xen đó, anh có thấy là người ta đi ăn mày vì làm báo không?

Theo nhận thức của mẹ tôi, nghề báo là một nghề bạc bẽo, không nuôi sống được người làm nghề; nhưng cái đó cũng chưa quan hệ bằng sự kiện này: làm báo là chửi bới người ta, là đào cha bới ông người ta lên và làm một cái gì rất tổn âm đức của ông cha mình. Ác lắm, không thể nào chịu được.

Tôi nghe tất cả những lời mẹ nói bằng hai lỗ tai lơ đễnh. Tôi phải thú nhận là lúc nhỏ tôi mất dạy không chê vào đâu được; ai nói, tôi cũng cho là hủ lậu; mình tự cho mình là siêu nhân, không ai hiểu nổi mình, và từ cử chỉ đến giọng nói, tôi cố làm ra phớt tỉnh, khinh khỉnh và coi thiên hạ không có kí lô nào hết. Vì thế mẹ nói mặc mẹ, tôi cứ đường tôi tôi đi. Tôi đi đến cái mục tiêu đã vạch sẵn là quyết xây dựng danh dự và tương lai trên nghề báo.

Và tôi bị một búa vào đầu ngay lúc định bước vào nghề: không có hy vọng vào tờ

Đông Tây giúp việc – sau cuộc hội kiến với Hoàng Tích Chu.

Vừa đi bước một ở ven hồ Hoàn Kiếm, tôi vừa suy nghĩ. Tôi nhớ lại đã có một lần, không cách đó bao xa, tôi cũng được “chơi trò” hội kiến với một nhà văn tên tuổi là Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu. Ông Vũ Hùng Toán, lấy tư cách là quản lý báo, mời tôi là một nhà bình bút của Tạp chí An Nam đến thăm ông chủ bút. Cuộc diện kiến diễn vào buổi tối một mùa đông lất phất mấy hạt mưa phùn. Lần đó, tôi cũng thất vọng như lần này: Tản Đà, thấy tôi vào, cứ ngồi ì ra không thềm đứng dậy; một lúc lâu, mới nhìn tôi một hồi như thể nhìn thẳng ăn cắp, rồi “à” một tiếng và bảo tôi ngồi xuống ghế. Thì ra ông ta đang say. Bên cạnh ông là một cái hỏa lò than cháy râm râm, trước mặt là một cái mâm nhỏ trên bày thức ăn bữa bãi. Ông ta uống một tợp, gắp một miếng, khà một cái, hơ tay vào lò than rồi... ngồi rung đùi ngâm,

với một giọng khô nằng nặc:

Vèo trông lá rụng đầy sân,

Tóc tơ ngắn ngủi có ngắn ấy thôi.

Rồi ông day cái mặt tròn, đỏ như trái bồ quân, trên cằm một cái mũi tròn xoe có hàng ngàn vạn đường gân máu chạy ngang chạy dọc như các con kinh đào vẽ trên bức địa đồ quân sự, ông nhe răng ra (tôi không biết ông cười hay mếu) nói một cách đồng dục:

– À, ông Bằng, ông có thấy không? Chữ “vèo” ấy có cho mấy khuyên son cũng chưa đủ! “Vèo trông lá rụng”, hay lắm chứ, hay lắm chứ!

Theo lời ông Vũ Hùng Toán nói với tôi sau này, ông Hiếu suốt ngày cứ tự khen mình như thế, một tí phản đối cũng làm cho ông không bằng lòng.

Vừa ngã vào làng báo, tôi gặp hai nhân vật điển hình: một công tử bột, đánh phẩn bôi môi làm cách mạng văn chương với một giọng văn cụt lủn, có khi không “suy dề”, không “véc bờ” và nổi tiếng làm tiền của gái, và một ông hủ “mớ đời”, làm báo mà chỉ lo trau chuốt một chữ trong thơ, cả ngày say rượu, không thềm biết một tí gì về tình hình quốc nội và quốc tế!

Nghĩ vậy, nhưng trong thâm tâm, tôi phục sát đất cả hai ông, bởi vì thơ của một ông rung động, còn văn của một ông có tính cách cách mạng, trẻ trung, chứ không già khụ như Hoàng Tăng Bí hay Dương Bá Trạc. Tôi phục Tản Đà đã đem một cái đẹp cao siêu vào mục thi ca cho làng báo, còn Hoàng Tích Chu thì đã làm “cách mạng thực sự” trong nghề báo, dám đưa ra những cái cách mà lúc đó ai cũng cho là quá ngổ.

Cả hai đặc điểm đó, tôi tự xét không thể

nào theo nổi, nhưng sau khi gặp Hoàng Tích Chu, điều hợp, mổ xẻ và học tập hai buổi tiếp xúc lịch sử, tôi rút được một đặc điểm thứ ba, mà đặc điểm này chung cho cả hai người: đó là tính tự phụ, coi thiên hạ như cỏ rác. Vì lẽ tôi không bắt chước được hai bậc đàn anh về những cái gì cao siêu, tôi bắt chước cái gì dễ theo nhất, dễ làm nhất, để ra cái vẻ “ta đây cũng là một thứ đàn anh”. Sửa một bộ mặt lạnh lùng, khinh khỉnh, tôi mặc «ba-đờ-suy», quàng “ca rê”, đi “ghệt-đờ-vin”, cầm ba toong gỗ ép ngòi chồm chồm trên xe tay, làm mặt chán chường một cây, không thiết sống, không buồn nhìn chung quanh. Ai nói chuyện, tôi cũng nghe bằng lỗ tai lơ đãng, ra cái vẻ “mình đã biết cả rồi”.

Giữa lúc mình tự phong cho mình cái chức vị ông cha như thế, một sự kiện xảy đến làm cho tôi yên trí tôi thuộc vào loại “ông cha chính cống bà lang trọc”. Nguyễn Doãn Vượng, hiện giờ là giám đốc kỹ thuật nhà in

Kim Lai, vốn là bạn học từ lúc hai thằng còn là tiểu yêu mài đũng quần trên ghế trường Hàng Vôi, Hàng Kèn, một hôm “chồm” đến nhà tôi và bảo:

– Tao vừa gặp thằng Nghiêm Xuân Huyền, chủ nhiệm “Bắc Kỳ Thể Thao”. Nó định ra tờ “Rạng Đông”, tuần lễ xuất bản hai kỳ. Tao giới thiệu mày. Nó chịu liền và nó muốn gặp mày. Mày nghĩ sao?

Còn nghĩ sao nữa! Tôi được cái bé người mà “hợp” một cây. Tôi không chịu cùng đi với Vương đến Nghiêm Xuân Huyền, nhưng điều đình riêng với Vương sắp xếp một cuộc gặp gỡ tay ba: Nghiêm Xuân Huyền, Nguyễn Doãn Vương và tôi. Hình như đã thành một công lệ khi người ta nói chuyện làm báo làm bổ, tổ chức tòa soạn, trị sự với nhau thì thể nào cũng phải đi ăn, đi hút. Sau một cuộc đớp hít sáng đêm, tôi và Nghiêm Xuân Huyền đã thành đôi bạn “làm như thể quen nhau từ

tiền kiếp”: Huyền thì chửi thề văng tục, tôi thì làm ra vẻ hiền lành, dớ dẩn, nhưng thỉnh thoảng lại xen vào câu chuyện một vài trường hợp “nói phét đầu ra đấy”. Bấy giờ, Nghiêm Xuân Huyền – sức hiệu là Voi Đen, về sau này lại tự phong cho mình là bố Việt Minh (vì là bố vợ nhạc sĩ Văn Cao) – Nghiêm Xuân Huyền giờ đã ra người thiên cổ, nhưng mỗi khi mưa xanh gió tím, chợt có gì nhắc lại những kỷ niệm xa xưa, tôi vẫn thấy rõ ràng trước mặt một “khối nhục” thâm sì sì, miệng nói cứ chum lại như sắp huyết gió, và bất cứ chuyện lạ hay không cũng trợn tròn đôi mắt to quá cỡ, dễ làm cho trẻ con bị sài! Tôi buồn rằng lúc Việt Minh bắt đầu hoạt động ở Hà Nội, tôi ít gặp Nghiêm Xuân Huyền. Chỉ mãi về sau mới nghe thấy phát xít Nhật bắt anh, xin âm dương, tàn ác đến làm cho anh phải bỏ mình trong ngục, thì đã muộn. Mà cũng chính vì lúc chung cục không được gặp nhau than thở đôi lời, cho nên đến tận bây giờ tôi vẫn băn khoăn một điều: là không biết trong

khi làm tờ Rạng Đông, thỉnh thoảng tôi nói phét nói lác như thế thì Huyền có biết không. Nếu không thì quả là đại phúc cho tôi, chứ biết mà không nói, cứ giữ trong bụng mà cười thầm thì tôi tưởng tượng có thể xấu hổ chết đi được.

Huyền đặt tôi làm thư ký tòa soạn. Chủ bút là Trúc Đình Trương Công Đĩnh. Trước khi bắt tay vào làm thư ký tòa soạn, tôi đã hội ý kiến riêng với Trúc Đình, lúc ấy, ở ngõ Thuốc Cam Phú Tỷ - một cái hẻm đâm thẳng ra Cải Lương Hí Viện ở Hàng Bạc. Cũng như ông Hiếu, Trúc Đình, cũng làm tôi phục lẫn ùng ra ngay trong buổi gặp gỡ đầu tiên: anh vận áo kimono dài chấm gót, đi dép Nhật quai nhung, có cục bông đỏ, đầu chải bi dăng tin láng mượt, môi thoa son, mặt lại dồi phấn làm bật đôi mắt nhỏ ươn ướt mới trông như có viền vải tây điều.

Kỳ lạ thay là các ông làm báo nhà nghề! Chưa gặp, các ông đã kêu là “bận quá, có việc phải đi ngay”. Tác giả “Minh toòng xây” và “Một đêm với Dương Quý Phi” cũng vậy: tôi chưa kịp ngồi xuống ghế thì ông đã cuống cuống lên vào đề ngay: “Tôi mới nghe thấy Huyền nó mời anh trông nom tờ Rạng Đông. Tôi dặn anh phải cẩn thận, nó ghê lắm đấy, phải trị nó thẳng tay. Lơ mơ không được”. Đó là bài học vỡ lòng của tôi lúc bước chân vào nghề báo chính thức, nghĩa là nghề báo ra tiền, viết ra tiền, làm ra tiền thực sự chứ không phải là viết tài tử, viết lấy tiếng, cốt để có tên trên báo.

Trúc Đình ở lại Hà Nội. Sau này lúc nghĩ tờ Rạng Đông, tôi không gặp được anh. Có lẽ anh ra khu, mà có lẽ anh đi ngoại quốc, hay là chết rồi cũng chưa biết chừng. Bạn thân của Trúc Đình là Vi Huyền Đắc, tay tổ về kịch, nổi tiếng một thời với vở “Uyên Ương”. Gần đây, tôi có gặp Vi Huyền Đắc rút về ở

một ngoại ô xa xôi. Tôi tiếc không hỏi thăm
Vi Huyền Đắc xem tin tức của Trúc Đình ra
sao.

7. SANG NHẬT TÂN

Thế là tôi thành nhà báo chánh thức bà lang trực, nghĩa là làm báo có tiền. Trên một căn gác ở phố Hàng Đàn, tất cả tòa soạn chỉ có một người thường trực là tôi. Các bài của A Nam, Dương Mầu Ngọc (tức Ngọc Thỏ), Trúc Đình, Trần Tấn Cửu (sau này làm Phong Hóa lấy biệt hiệu là Trọng Lang) gửi đến, Nghiêm Xuân Huyền vớt cho tôi, rồi cứ như thế mà chuyển cho nhà in, nguyên văn đăng báo. Cả một tháng, tôi không thấy chủ bút đến một lần. Các bình bút khác thì dăm thì mười họa tạt đến “đả cầu” (nghĩa là đánh chó đá vãi cứt, nói

lịch sự là lấy tiền) rồi rông đi như gió. Tất cả chúng tôi lúc ấy đều quan niệm một cách dễ dàng: làm báo là trò chơi, ai muốn viết gì thì viết, quăng bài vào tòa soạn rồi in ra, thế là xong. Chúng tôi không cần phải có đường lối chánh trị, không cần phải có quan điểm, lập trường, lời thôi lắm. Vả lại sống vào thời đó, Tây lo cho hết cả rồi, thì quan điểm, lập trường làm gì vô ích? Vì thế bài xã thuyết thì viết về vấn đề xã hội, mùa xuân thì viết xã thuyết về xuân, mùa hạ thì viết xã thuyết về hạ, thỉnh thoảng đổi giọng lại viết xã thuyết về vấn đề quốc tế cho oai, ra cái giọng ta đây thông kim quán cổ, biết hết cả chuyện năm châu bốn biển, mà trước sau vẫn không quên vấn đề chuồng tiêu công cộng ở chợ Đồng Xuân hôi quá, hay đồng rác ở Ô Đồng Lầm ruối nặng vo ve suốt ngày, rất hại cho vệ sinh chung.

Ngoài bài xã thuyết thì là truyện, thơ, phóng sự, muốn đăng cái gì cũng được,

nhưng thế nào cũng phải để dành một chỗ kha khá cho mục “Nói hay Đừng”. Chửi loạn xạ ngẫu (miễn là đừng chửi Tây) chửi chết thôi, mà nếu chửi tục, chửi dơ dáy, thỉnh thoảng xen vài câu dâm dục thì lại càng được hoan nghênh tệt.

Vốn trẻ người non dạ mà lại hỗn, tôi nhận ngay làm công việc đó, bất cứ cái gì cũng chửi vung xích chó. Nhưng chửi mãi thì chửi cái gì? Chửi vấn đề xã hội thì Tây phụ trách, chửi người mà không biết lựa thì nó lên méc Tây, Tây cho vào xà lim ép rệp bỏ cha; chửi về chánh trị thì mình không biết oong dơ gì hết, mà chửi về kinh tế thì quả là mình đui quá. Rút lại tên thư ký tòa soạn tờ Rạng Đông, cũng như hầu hết các ký giả trẻ khác hồi đó, chỉ còn biết quay ra chửi bậy, chửi cá nhân, chửi đời tư của những người mà mình ghét, và nhất là chửi đồng nghiệp, vì “nghe đâu báo của nó chạy hơn của mình”. Mà nó không có tài, chẳng hiểu làm sao báo

lại chạy? Mình thế này mà chịu thua nó hay sao? Tức thì lại càng chửi khỏe.

Bây giờ ngồi nghĩ lại “thuở ban đầu lưu luyến ấy”, tôi cảm thấy nhục nhã, ê chề vô cùng, nhưng biết làm sao được? “Đợt sóng mới” mà! Bao giờ sống trong “đợt sóng mới”, lại không có những con dê cỏ buồn sừng, những con ngựa mới được ra quần trên cỏ, tưởng đâu trên thì trời, dưới thì đất, mà giữa chỉ có một mình mình “thiên hạ độc tôn”. Chẳng biết rồi những cây bút “của hôm nay” chửi tía lia, chửi loạn xạ bây giờ, đến một ngày nào đó, hồi tưởng lại những chuyện đã qua thì có hối hận như tôi lúc này không, chứ quả thật tôi thấy cái tác phong làm báo của tôi hồi ấy quả là... ê trệ. Ê trệ hơn một lần nữa là đã chửi láo chửi lếu, chửi ông chửi cha người ta lên, mà lại còn cho là chưa đủ, còn tìm cách viết những câu thực tục tĩu, thực dơ bẩn nhớp nhúa và cho như thế mới... mạn mà! Tuy vậy, đấy mới chỉ là bề ngoài. Tội lỗi

nhất là cái mưu lược của tôi ở bên trong, khi viết chửi người ta như tát nước: Phàm những bài chửi quan trọng đều nuôi ác ý, mưu làm cho người bị chửi mất công việc làm ăn, sinh sống, bị bắt, bị tù, hay ít nữa thì vợ cũng bỏ chồng, cha bỏ con, đẩy tớ bỏ chủ, cho người bị chửi không cất đầu lên được.

Tôi còn nhớ lúc ấy có vụ Salengro. Các bạn đọc chắc còn nhớ Salengro là bộ trưởng, thứ trưởng nội vụ gì đó trong nội các Pháp do Blum làm thủ tướng. Báo “Gringoire”, cực hữu, mỗi khi viết một bài xã thuyết để lên đầu trang nhút thì chửi cả lò nhà Blum. Blum là tay lì, chửi mãi cũng thế thôi; nhưng Salengro thì không hiểu vì yếu linh hồn hay bị chửi đúng tấy thực, đã tự tử sau loạt bài thóa mạ bắn thủ của Henri Béraud. Chửi chết được người: lúc đó tôi phục Béraud sát đất (sau này, sau thế chiến thứ nhì, đọc một cuốn nói về kháng chiến, tôi mới biết ông là một tên mọi bút, bất cần gì hết, mà càng cho

nhiều tiền thì chửi càng hăng).

Nhưng lúc đó, tôi phục Béraud sát đất. Nuôi tham vọng thành một Béraud “lô can”, tôi chửi rất tục tĩu, đều giả đến nỗi có anh ngân phải viết thư đến nhà báo Rạng Đông điều đình ngưng pháo kích. Có anh khác không chịu nổi phải bắn tiếng đến cho tôi là trước sau gì cũng phải “uýnh” cho tôi một trận, “chớ cái quân này nói chuyện văn chương không được”. Nhưng may làm sao, họ chưa kịp uýnh tôi thì báo đã chết, tính ra vồn vện trước sau ra được 42 số. Tất cả không để lại một âm ba gì, trừ một bài “Tráng sĩ hành” của Trần Tuấn Khải tả lúc Kinh Kha đi hành thích vua Tần bắt đầu bằng hai câu:

Gió điều hiu, sông Dịch lạnh lòng ghê

Tráng sĩ một đi không bao giờ về...

“Rạng Đông” chết, tôi sang làm “Bắc Kỳ Thể Thao” nói chuyện đá banh đánh vợt,

đánh khúc côn cầu một dạo, nhưng rồi “Bắc Kỳ Thể Thao” cũng chết luôn. Tôi bắt đầu biết thất nghiệp là gì. Thất nghiệp nghĩa là đỡ nói phét và đỡ tưởng mình là quan trọng.

Nhưng bù lại, tôi hút hăng hơn và bắt đầu ghiền thực thụ, vì có lúc tôi nghĩ một cách lầm lạc, điên rồ là tôi làm báo chưa thành công, là vì tôi... chưa ghiền nặng. Đấy, xem như Cuồng Sỹ Tạ Mạnh Khải, Ngọc Thỏ Dương Mầu Ngọc... đấy, họ hút rất nặng, có phải là nổi tiếng cả không?

Cuồng Sỹ là một nhà văn hoạt kê, làm thơ vui nhanh như cắt, viết sách cho nhà Tân Dân và nhà Nam Ký nhiều hơn là viết báo, nên tôi chỉ quen biết, giao du mà không cùng hợp tác bao giờ. Nhưng Dương Mầu Ngọc, tức Ngọc Thỏ, là cả một cái “nợ” của tôi. Từ lúc tôi bắt đầu làm báo cho đến khi anh chết, tôi làm báo nào cũng có anh và lúc nào anh ta cũng lì lợm, ngang bướng và

lên mặt không chịu nổi. Anh em cho anh là đồng bóng, cũng không sai. Nguyên là một giáo học ở Hải Dương, anh xin thôi về làm báo, nên đến lúc tôi vào nghề thì anh đã là một người thông thạo về đủ các môn: dịch Aríp một cây, làm phóng sự tòa án, thi xe đạp, đá banh, viết điều tra, truyện ngắn theo kiểu Guy de Maupassant, được độc giả yêu mến vì loạt truyện ngắn mà sau này ông Vũ Đình Long sưu tập để in thành sách dưới tên "Mặt trái đời" và một thiên ký sự điều tra viết về một anh ăn cắp nổi tiếng ở Hà Nội tên là Hoàn, sức hiệu là Quấn Cò (tức Có Quân).

Trong tất cả các anh em viết báo thời ấy, Ngọc Thỏ là một ký giả nghiên hút vào bực "lâm ly quy phượng" nhất, gây lõ cả điển bộ ra, nhưng ra ngoài thì sửa soạn không chê được: chải đầu bi dăng tin, mặc ba đồ suy đồ vin, đi ghệt, cầm ba toong gỗ ép mua ở nhà Chabot, đánh phấn một tí, bôi môi một

tí để lấy le. Vì Dương Mậu Ngọc sống độc thân, lúc nào anh cũng dọa người ta là sắp lấy vợ. Nhưng trong khi chờ một giai nhân vừa ý, hãy hút thuốc phiện đã: hút thâu đêm suốt sáng ở nhà Francois hay nhà Triệu, gắt cú như mắ m tôm, mà người như cái tằm, bất cứ gặp ai trái ý cũng dọa đánh “chết thôi”, nhưng chính anh thì lại sợ chết hơn ai hết.

Những bạn hữu bây giờ còn lại không thể nào quên một loại “sợ” cổ hữu của anh: đi bộ không nổi, lúc nào anh cũng phải đi xe tay, mà đi xe tay thì bất cứ thấy cái ô tô nào ở phía trước tiến đến anh cũng cho là sắp cán anh, la hét ầm ĩ cả lên, chửi rửa người phu xe không tiếc lời vì anh tưởng chừng như là ai cũng nuôi ác ý giết anh, đẩy anh vào chỗ chết.

Biết là mình còn sống, anh hát ầm ĩ cả lên, vào tiệm mặc cái quần đùi, phô hai cái chân ống sậy ra, đi một bài quyền rồi hát

tuồng và kết luận bằng một khẩu hiệu nhạo cộ Nguyễn Văn Luận: “Lỗ Túc, Lỗ Tích” vì bút hiệu của cộ Luận là Lỗ Thư.

Làm việc chung với Dương Mậu Ngọc ở nhiều tờ báo, tôi học được nhiều nhất về các danh từ dịch Arip (cũng như AFP, UPI, AP, Reuter bây giờ) lúc bấy giờ, nhưng đồng thời tôi cũng bị Ngọc truyền lại cho hai đức tính mà sau này cố gắng lắm tôi mới từ bỏ được: hút quên chết, và viết bài bằng viết chì, đã khó đọc mà chữ lại nhỏ li ti như con kiến, viết toàn theo lối tắt, rồi ngoạch xuống một cái dài, ai đọc lần đầu tiên cũng muốn đui hai con mắt; nhưng tài một cái là các anh em xếp chữ hồi đó đều thuộc mặt chữ anh, xếp như chơi, có anh lại còn cho là chữ Ngọc Thỏ và chữ tôi đọc dễ hơn là chữ của các cộ Hoàng Tăng Bí, Doãn Kế Thiện, Dương Phượng Dực...

Trở lại lúc làm báo “Rạng Đông”. Báo

không chạy một phần lớn cũng là tại vì anh em tòa soạn đều ghiền hút cả, ai cũng viết bậy bạ cho có đủ bài thì thôi, mà Nghiêm Xuân Huyến lúc bấy giờ thì lo tiệm ảnh (vì ra tiền) hơn là lo cho tờ báo (vì làm báo chỉ là để lấy le thôi). Đó là nhận xét của tôi về sau này, chớ ngay lúc đó, tôi nào có biết thế đâu, cứ cho là độc giả không biết gì nên tờ báo bị chìm đi và mai một.

Hồi ấy, tôi viết một phóng sự dài đầu tay, lấy đề “Một đêm trăng với năm bông hoa tàn”, tả cái cảnh cô đầu cô đít ở Khâm Thiên, Vạn Thái. Viết phóng sự mà thỉnh thoảng lại xen vào những đoạn triết lý cảm hấp kiểu “Miếng da lừa” của Honoré de Balzac, cố nhiên là không ai chịu nổi – mà cũng không phải là phóng sự nữa – nhưng tôi tức tối là tại sao tôi viết hay như thế mà không thấy ai buồn để ý. Tôi nhất định là tại tôi chưa ghiền nặng cho nên văn chưa luyện. Tìm ra chân lý đó rồi, tôi bắt chước Ngọc Thỏ hút á phiện

tối ngày, thở khói như cái ống khói tàu Bạch Thái Bưởi, rồi khi say thì nhắm mắt lại lơ mơ suy nghĩ tìm một cách nào đó để chóng nổi tiếng trong nghề báo.

Thì chính giữa lúc đó, một sự tình cờ đưa tôi gặp Đỗ Văn, Tạ Đình Bính: cả hai anh mời tôi về viết "Nhật Tân", một tờ tuần báo tự phụ in đẹp nhất lúc bấy giờ. Tôi nhấn mạnh chữ "mời" vì lúc đó tôi quan niệm có người bảo mình viết báo là một cái gì trang nghiêm lắm, "mời", chứ không phải là "rủ viết báo", "bảo viết báo". Vậy là Đỗ Văn và Tạ Đình Bính mời tôi viết báo Nhật Tân, và đáng ghi nhất là, để đánh dấu cuộc hợp tác này, Tạ Đình Bính mời tôi đi ăn một bữa thịt dê ở một tiệm Hàng Buồm, (lúc đó hình như do Ngô Khởi đứng ra làm chủ quán, mà tài chánh do ông Trần Nguyên Anh đài thọ). Ăn xong bữa thịt dê đó với dăm bảy ly rượu tiết dê rồi, Tạ Đình Bính nói gì tôi cũng ô kê, mặc dầu trước đó, tôi đã nghe phong phanh rằng

báo này ra đời là do tiền của Đỗ Hùng lúc đó làm việc với Tây. Tôi tự an ủi: mình cộng tác với một tờ báo của Tây, nhưng mình không viết bài nịnh Tây, thì có tội gì! Với nguy biến đó, tôi cho là hữu lý lắm và không xấu hổ tí nào; trái lại, tôi còn lấy làm tự phụ được nằm trong một tòa soạn, có những tay viết báo của cha như Tạ Đình Bính, Phùng Bảo Thạch, Đỗ Văn, Nguyễn Công Hoan... Một tòa soạn gồm toàn những người nếu không “tơ rua đờ Phờ Răng xơ” thì ít nhất cũng ghiền lõ đít! Thực là một tòa soạn lý tưởng – đối với tôi – và tôi cực kỳ tự phụ vì may làm sao, tôi cũng ghiền, cũng hút «com mơ ki» (như ai). Nếu không thế thì nhục biết bao nhiêu, vì đã có tiếng là tay viết báo nhà nghề mà không biết hút thuốc phiện thì yếu không để đâu cho hết!

Thời kỳ làm báo “Nhật Tân” không khác thời kỳ làm báo “Rạng Đông” mấy chút. Có khác một điều là tôi không làm thư ký tòa

soạn, cho nên bài vở của tòa soạn, của độc giả gửi đến hay “của những nơi bí mật nào gửi đến bảo đảm”, tôi đều không rõ. Mỗi tuần lễ, tôi phụ trách viết hai bài: một bài dài nơi trang 2, hoặc là phỏng vấn điều tra, hay phóng sự, và một bài ngắn đánh đập bậy bạ, chửi bới lung tung, kiểu “cuốn phim”, nhưng mang một tí “ruy bờ rích” mới: “Nam Hải Rị Nhân”, nhạo cái tí Nam Hải Dị Nhân của Phan Kế Bính viết về những nhân vật kỳ lạ trong Việt sử.

Trong “Cuốn Film” ở báo “Đông Tây”, tôi viết về các mẫu người một cách tổng quát theo kiểu La Bruyère, mỗi một mẫu người điển hình cho một tính tình (phần nhiều là những tính xấu). Trong mục “Nam Hải Rị Nhân” tôi đã đi quá trớn hơn thế: tôi chửi cá nhân các nhân vật trong nước lúc bấy giờ, nhưng sợ họ kiện nên đổi chệch đi một tí, đại khái Phạm Văn Độ thì kêu Phạm Vũ Đức, Mân Châu Nguyễn Mạnh Bổng (anh

vợ Nguyễn Khắc Hiếu) thì tôi đổi ra Sờ Bò! Đổi như thế, tôi cho là khôn lắm và yên trí một cách vững dại rằng các người bị chửi không có cách gì để đưa mình ra tòa án. Tôi dốt, nhưng tòa soạn, nhất là Tạ Đình Bính không phản đối mà lại còn khuyến khích tôi. Thành ra được thế, tôi chửi “tuốt mo”, chửi văng mạng, chửi đời tư của người ta một cách bỉ ổi... đến nỗi ai cũng phát ghét, và Mân Châu Nguyễn Mạnh Bổng tức quá cũng đe thuê du đãng đánh cho tôi... bỏ mẹ! Nhưng vốn là ngựa non háu đá, lại thêm cái đức tính điếc không sợ súng, tôi lại lấy thế làm hãnh diện, vì... viết mà làm cho người ta uất ức phải lăng mạ và hăm đánh mình, có phải là chuyện thường đâu! Chính vào thời kỳ này, tôi hăm hở viết một cách hăng say kỳ lạ. Sau này nghĩ lại, tôi ngờ rằng viết văn làm báo cũng như làm công việc sinh lý: trai gái mèο nhau có kỳ; gặp kỳ, yêu nhau chết thì thôi, nhưng cũng có kỳ tự nhiên chán nản, những nghĩ đến mà phát ngấy.

Vậy ở vào thời kỳ “Nhật Tân”, tôi viết văn, viết báo hăng say nhất. Có khi trong giấc ngủ, nằm mơ cũng thấy bàn bạc cái không khí mà mình đang viết trong bài. Thí dụ làm cho tôi nhớ lâu nhất là bài “Một tổ mèo” phóng sự về những con mèo hoang ở trong nhà thương Phủ Doãn (Hà Nội).

Bây giờ tôi còn nhớ đại khái cứ thứ ba mỗi tuần thì phải đưa một hay hai bài. Hình như chủ nhật hay là thứ hai tôi viết bài, nhưng viết bài “Một tổ mèo” đến chừng mười một, mười hai giờ đêm gì đó thì bí quá không biết tìm cách gì kết thúc. Tức mình, tôi bỏ đại, rồi đi ngủ. Ngủ li bì đến gần sáng thì thấy có một người đến nói chuyện về loài mèo với tôi và bảo rằng: “Anh không biết à? Ở CE nhiều nơi tại miền thượng du, người ta ăn thịt mèo. Thịt mèo tốt lắm, không phải vì ngon, nhưng nó có một đặc tính là chữa bệnh sốt rét ngã nước rất hay”. Sáng dậy, tôi lấy sự việc đó làm ngay đoạn kết, đưa cho nhà báo, thế rồi cũng

quên đi. Tình cờ ít lâu sau có người đọc bài “Một tổ mèo” lại viết thư về cho biết những tình tiết trong bài “Một tổ mèo” rất đúng và khen rằng quả thực ở miền thượng du Bắc Việt, người ta ăn thịt mèo để trừ bệnh sốt rét ngã nước và chính ông ta đã làm như thế và thấy công hiệu thực.

Tôi muốn khắc tên ông bạn đọc vào một tấm lắc đồng để kỷ công ông, vì từ thuở cầm bút viết báo đến nay, lần này là lần đầu tiên tôi nhận được một bức thư gửi chính cho tên tôi và khen tôi hết lời. May là hồi nhỏ tôi hấp thụ văn hóa Pháp, không phong kiến mấy theo kiểu Tàu cổ, nên không làm một cái khung để lồng vào kiếng treo ở trên bàn viết! Tôi chỉ giữ bức thư đó như một vật gia bảo và nhũn nhặn đưa cho các bè bạn coi. Chính vì bài đó, tôi được dịp làm quen với Tây Xì. Cho mãi đến lúc tờ “Đông Tây” đóng cửa, tôi vẫn chưa được biết Tây Xì Đái Đức Tuấn, mà thực tình cũng không đậm đà tìm biết

làm gì. Nói trộm vong hồn anh, qua những bức tranh nhái truyện Kiều in trên báo “Đông Tây” và mấy bài thơ, tôi rất lấy làm “bực” Tuấn. Vẽ cái gì mà nguệch ngoạc, nét chẳng ra nét, lời chẳng ra lời. Đến cái tên ký thì lại càng chướng quá: Tê-chi-a là cái móc gì? Tây chẳng ra Tây, Tàu chẳng ra Tàu, có lúc tán ra là “Tôi chẳng yêu ai”, có lúc lại bảo “Tôi chỉ yêu Angèle”, lố không thể nào chịu được. Đã cái anh Trần Quang Trân ký Ngym – Người Yêu Mợ hay Người Yêu Minh gì đó – lại đến cái tên Tê Xia này, nghe đến cú tức như thế là bò đá!

Vì thế, tôi cứ nói thực: chưa gặp Tê Xia, tôi cảm thấy không thể chịu nổi anh. Nhưng ít lâu sau thì sự thực đã cho tôi thấy tôi lầm khốn nạn.

Đái Đức Tuấn, ngay từ buổi đầu gặp gỡ, đã hoàn toàn chiếm được cảm tình của tôi. Là một tham tá trẻ măng làm việc ở sở Học

Chánh, Tuấn là một nghệ sĩ tuyệt vời, tài hoa đến chân lông kẽ tóc, tài hoa một cái tài hoa thiên nhiên chứ không nhân tạo một ly nào.

Ngay từ lúc đó, Tuấn đã mê thơ Lý Bạch, nhứt là hai bài “Hoàng hạc lâu” và “Tương tiễn tửu”. Và dường như thấm nhuần tính tình phóng túng trong thơ ca họ Lý, Tuấn cũng có cái quá độ làm cho nhiều người tức bực. Tôi nhận là anh “hách” lắm, nhưng có một điều là anh chỉ “hách” với những người đáng hách và cần hách; riêng đối với anh em thân tình, trái lại, anh lại khiêm nhường, có khi đến yếu mềm, và sẵn sàng nhường nhịn về mọi phương diện, dù là có thiệt đến bản thân. Là vì trong suốt một đời Đái Đức Tuấn, theo tôi biết, anh chỉ sống với bạn, vì bạn, cho bạn. Bạn, đối với anh, đứng trên hết ở trên đời, có khi còn trọng hơn cả tình gia tộc và cũng vì thế anh sống theo những nguyên tắc bất di bất dịch đối với bố mẹ bạn và vợ con của bạn.

Tôi biết Đái Đức Tuấn từ khi làm báo “Nhật Tân” của Đỗ Văn. Mặc dầu không hợp tác với “Nhật Tân”, Tuấn vẫn thường đi lại chơi bời với tòa soạn. Tối tối, anh em thường họp mặt đông đủ ở tầng hầm của tòa báo để tán láo chung quanh một cái bàn đèn của Tạ Đình Bính (vì Bính cùng ở với gia đình ở tầng hầm của tòa báo ba tầng).

Hồi ấy trời rét như cắt ruột, tối nào cũng mưa phùn rả rích. Đường “Hàng Da thấy bóí” độ từ bảy giờ trở đi vắng tanh vắng ngắt. Lặn lội trời mưa đến đó, khế đẩy cái cửa sắt lách vào trong cái phòng ảm thấp, mình cảm thấy như sống một truyện Liêu Trai, nhưng chỉ một lát sau nằm chung quanh cái bàn đèn tán đủ chuyện trên trời dưới bể, người trong cuộc thấy ấm cúng lạ kỳ.

Giường bên kia, nữ ký giả Mỹ Chân - bấy giờ là vợ anh Tạ Đình Bính – nằm trên cái võng ru con. Ở chân giường, đốt một hỏa lò

than, có những bông hoa lửa thỉnh thoảng lại bắn lên như pháo hoa cà hoa cải nhỏ. Thỉnh thoảng đứa bé khóc, Mỹ Chân đưa vông ru con bằng mấy vần thơ của TchyA (sau này gom lại đăng trong tập “Đầy Vơi”):

Có khóc, khóc anh khi chữa chết,

Anh còn vui vẻ với tân nhân.

Rồi đây anh chết thời em khóc,

Không biết dòng Tương chảy mấy lần.

Mỹ Chân có giọng ngâm thơ hay mà buồn. Đêm mùa đông, tứ bề êm ả mà nghe thoảng giọng ngâm thơ ấy, ai cũng buồn muốn khóc. Nhưng riêng tôi có một điều thắc mắc là hình như bốn câu thơ không đúng nguyên văn như thế. Phải chăng bao nhiêu chữ “anh” trong bốn câu trên là bấy nhiêu chữ “em”, mà chữ “em” thì lại là “anh”? Có phải Mỹ Chân tự ý đổi đi? Hay là Đái Đức Tuấn đã sửa lại

lúc nào mà tôi không được biết?

Tôi hỏi nhỏ Tuấn. Anh bấm vào tay tôi một cái, ngồi dậy, sửa lại áo quần, bảo tôi đứng dậy cùng đi. Đi đâu? Tôi cũng chẳng biết nữa nhưng vì là đàn em ít tuổi hơn Tuấn, tôi chỉ biết nghe theo mà không dám hỏi.

Đêm ấy là đêm đầu tiên, Tuấn và tôi nằm tâm sự với nhau. Trên một cái gác xép nhỏ bằng cái khăn tay ở tiệm chú Cẩm đường Gia Ngư, chúng tôi nằm hút với nhau và trò chuyện thì thầm như thể hai con ma trên núi Đại, trong tập «Truyện kỳ mạn lục», Tuấn bảo tôi:

– Chắc anh không hiểu tại sao tôi không trả lời anh về câu hỏi liên quan đến bốn câu thơ “Cái lò sưởi” của tôi và hẳn anh cũng không hiểu luôn tại sao tôi lại không muốn ở Hàng Da nữa mà rủ anh đến đây nằm... Anh yên tâm, thế nào tôi cũng nói... nhưng

bây giờ chưa tiện... Sau này, có dịp, tôi sẽ cho anh rõ...

Cho đến lúc chết, Tẩy Xì – bởi vì từ hôm đó tôi không kêu tên anh là Tuấn hay Tê Xì nữa – cũng quên mất không nói cho tôi rõ lý do câu chuyện, nhưng đại khái tôi cũng hiểu lơ mờ tại sao rồi. Là bạn của Xì ba, bốn chục năm trời, tôi mến anh vì văn chương một phần nhỏ, nhưng cảm vì quan niệm sống của anh một phần lớn. Anh là một thứ Sartre đi trước Sartre, nhưng lúc nào cũng tự khép mình vào trong khuôn khổ đạo lý Đông phương.

Ngoài vấn đề đó ra, phải sống cho triết để, không tiếc đến hình hài: “Anh chẳng thấy nước sông Hoàng Hà ở trên trời chảy xuống không bao giờ trở lại? Và lên trên lầu, nhìn vào gương anh có thấy tóc buổi sáng còn như sợi tơ xanh mà đến chiều đã bạc như sợi cước?”

“Vì vậy khi người ta đặc ý cứ nên đánh chén cho đầy, những đêm sáng trăng đừng để cái chén bỏ không. Trời đã sinh cho mình cái tài tất nhiên là có chỗ dùng. Nghìn vàng tiêu hết lại có. Hãy cứ hăm dê, giết trâu làm đồ uống rượu. Và uống mỗi lần phải đủ ba trăm chén”.

Đêm ấy, chúng tôi hút đến mờ mờ sáng. Hai đứa chúng tôi mới ghiền được vài năm, lúc đó, hút độ ba ngao là vừa. Tôi tính mằm trong bụng có hút cho nhiều lắm thì cả hai cũng chỉ đến mười ngao là cùng.

Không ai có thể tả được nỗi bần khoản trong bụng tôi khi đó: đến hai giờ hút còn vui, đến ba giờ thì bắt lo, và đến chừng bốn giờ thì phát sợ.

Là vì tôi lằm nhảm tiền ở trong túi, chỉ đủ trả đến mười ngao, mà Tây Xà thì cứ gọi hết ngao này đến ngao khác, mười hai, mười lăm ngao, kết cục đến mười bảy ngao

hai đứa. Năm giờ sáng, tôi yên trí phải vờ có việc gì khẩn cấp để đi đập tiền đầu về trả cho chủ tiệm, thì Tẩy Xì lại giáng cho tôi một vố mạnh vào đầu: anh kêu bồi tiêm đi mua bất cứ bằng cách gì một hộp “Three casles magnum” giá đắt như vàng, một đồng rưỡi hay một đồng rưỡi năm xu gì đó.

Thôi, đến thế này thì có tài thánh cũng không xoay nổi để trả tiền thuốc phiện, nhất là vào lúc này, tối không còn tối nữa, mà sáng chưa sáng hẳn, nhà nào cũng còn đóng cửa im ỉm ngủ kỹ trong chăn.

Vụt một cái, tôi thấy lòng nở hoa. Nhã đầu mà nhả lạ: Tẩy Xì vừa bảo tên bồi píp đi mua thuốc, vừa quay vào bóng tối tháo chiếc nhẫn ma dê bụi giúi vào tay nó. Ngay lúc đó, tôi không kịp nghĩ chuyện cao xa gì cả, chỉ cảm thấy lòng mình nhẹ thênh thênh vì giải quyết cảnh ngộ như Tẩy Xì, tôi chưa gặp người nào lạnh thế. Sau này, nghĩ lại, tôi cứ

nhớ mãi cái điệu bộ của Tẩy Xì lúc bấy giờ: dương nằm hút, vùng ngồi dậy, rút cái nhẵn ở ngón tay thật lẹ rồi đưa rất kín cho tên bồi, vừa đưa vừa nói một giọng rất hách “Đi kiếm cho kỳ được một hộp, nghe; về nhanh, ta có thưởng”.

Quả như thơ Lý Bạch, nước sông Hoàng Hà ở trên trời chảy xuống không bao giờ trở lại, và lên trên lầu cao nhìn vào gương, tóc buổi sáng còn như sợi tơ xanh, mà đến chiều đã bạc. Tẩy Xì và tôi vẫn theo đuổi cái mặt nghề là nghề báo, nhưng anh em ít khi cộng sự với nhau chung một tờ cho nên cũng ít khi gặp gỡ. Nhưng bất cứ trong cuộc trò chuyện nào với các văn hữu, nhắc đến các bạn như Tẩy Xì, Nguyễn Công Hoan, Lê Văn Trương... tôi lại nhớ ngay đến cái đêm hút sáng đêm ở nhà chú Cẩm, Tẩy Xì rút cái nhẵn cười ở tay ra trả tiền thuốc phiện.

Những lúc ấy, tôi không nhớ tới những

chuyện như “Thần Hồ”, “Tiếng ai khóc trong rừng khuya”, tôi không nhớ tới bao nhiêu truyện ngắn của Tẩy Xì viết cho các báo mà chỉ nhớ đến hai bài thơ dịch, một bài là “Hoàng Hạc Lâu”, và một bài là “Tương Tiến Tửu”. “Sâm phu tử và Đan Khâu Sinh! Rượu đã kẻo, các anh chớ ngừng tay nâng chén. Tôi vì các anh mà hát một khúc, các anh vì tôi nghiêng tai nghe.

“Hát rằng: chuông, trống, tiệc, ngọc chẳng quý gì. Chúng ta chỉ muốn cứ say mãi. Ở đời, nổi tiếng nhất là Trần Vương Tào Thực. Thực có thết tiệc ở quán Bình Lạc, khách khứa uống hết mười ngàn đấu rượu, tha hồ vui đùa. Ở đời, như thế mới đáng.

“Chủ nhân hà vi ngôn thiếu tiên,

“Kính tu cô thủ đối quân chúc!

“Ngũ hoa mã, thiên kim cừ

“Hô nhi tương xuất hoán mỹ tửu

“Dữ nhĩ đồng tiêu vạn cổ sầu”

Tiểu Xà có tài đọc nhái thơ người cũ. Từ “Đông Tây”, “Nhật Tân”, anh đã có những bài thơ nhái thơ Nguyễn Khuyến, Tản Đà, Nguyễn Trãi.

Vào đây, dưới thời Ngô Gia có một bài phú truyền tụng nhái bài hịch Tướng Sĩ “Mở nhân nổi nghĩa” in thạch bản, phổ cập bí mật trong dân chúng cũng là do anh làm.

Mãi mãi tôi cũng không quên được những cuộc nói chuyện về chánh trị. Văn và Bính nằm hút, chửi Pháp không tiếc lời, nhưng đến lúc viết bài thì khen Pháp giỏi và hơi một câu gì đụng đến Pháp cũng phải hội nhau lại để bàn luận xem nên giữ hay nên bỏ.

Tạ Đình Bính là một cự phách trong

những cuộc bàn luận đó. Điển hình là câu chuyện sau đây: Bính có cái tính kỳ lạ là thấy ai có cái gì, dù xấu dù tốt, cũng nhận luôn là mình cũng có thứ ấy như ai. Một hôm, TchyA nói chuyện về cái tật cận thị của ông Phạm Quỳnh, Bính đang hút, bỏ luôn dọc tẩu, ngồi phất dậy và chỉ vào mắt mình, nhận anh cũng cận thị. Một vài tháng trôi qua. Cũng nằm ở bàn đèn, một bữa khác có người nói rằng cụ Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc viễn thị, tìm mua mãi một cái kính vừa mắt mà không sao mua được. Đang đeo kính, Bính bỏ ra đặt xuống bàn mà nói:

– Bỏ cha chưa, các người thông thái có nhiều điểm giống nhau kỳ lạ: tớ cũng viễn thị!

Bất ngờ trong buổi họp mặt lần này lại có TchyA. Anh này, không gượng nhẹ gì hết, lật tẩy luôn Tạ Đình Bính:

– Tao chịu mày quá. Ba sạo đến như mày

thật là vô địch. Tao còn nhớ cách đây không lâu, mày bảo mày cận thị như Phạm Quỳnh; hôm nay mày thấy Nguyễn Văn Ngọc viễn thị, mày lại khoe mày viễn thị. Thế thì mắt mày là cái thứ mắt gì?

Giả thử ở vào trường hợp một người khác bị bắt quả tang nói láo như thế, ít nhất cũng cuống lên, ấp a ấp úng một lúc rồi muốn trả lời ra sao mới trả lời được. Đối với Tạ Đình Bính thì không, tuyệt đối không. TchyA chưa chửi hết câu thì anh đã đáp liền, không cần nghĩ ngợi, tuồng như cái tạt nói phét, nói dóc, ngụy biện lúc nào cũng nằm sẵn ở trong máu anh rồi:

– Ô, thế thì mày không biết tao rồi. Mắt bên này tao cận thị này, còn mắt bên này thì viễn thị. Tao nói dóc thì tao không trông thấy mày.

Rồi sợ anh em chưa đủ tin, anh bình luận tiếp với một sự vững tin ghê gớm: Thực quả,

tao chưa thấy mấy trường hợp một mắt viễn thị, một mắt cận thị như thế bao giờ. Chính tao cũng lạ cho tao, nhưng sau tao nghĩ có lẽ đấy là một dị tướng, chứ không phải là chuyện đùa.

Ai dám đùa với Tạ Đình Bính? Mới gặp anh, ai cũng phải nghĩ rằng anh không những là một nhà báo đàn anh mà lại còn là một học giả uyên bác nữa. Chung quanh chỗ anh nằm, có hàng núi sách, nhưng bất cứ ai nói có cuốn sách gì hay anh cũng hỏi mượn cho kỳ được, và sách càng dày, càng lớn bao nhiêu thì lại càng tốt bấy nhiêu. Lúc mới biết Bính, tôi cũng tỏn vì thấy anh yêu sách, đọc sách nhiều, nhưng sau thấy rằng cả ngày Bính chỉ nói huyền thuyên hết chuyện này sang chuyện khác, rồi tối đến hút tới hai ba giờ sáng mới ngủ thì còn thời giờ đâu mà đọc sách, tôi bèn hỏi Phùng Bảo Thạch. Thì Thạch cười ngất, bảo:

– Trời ơi, anh mà tin Bính thì đổ thóc giống ra mà ăn. Cứ để ý mà coi: nó thấy ai có sách cũng mượn, nhưng có phải là để đọc đâu. Anh lại để ý thêm một chút nữa sẽ thấy nó chỉ ưả mượn những sách thực dầy, thực lớn: nó lấy sách để gối đầu nằm hút dầy!

Đỗ Văn, trái lại, trầm tĩnh hơn. Lúc đầu, làm tờ «Nhật Tân», ông viết tiếng Việt khó khăn và không am hiểu nghề báo mấy, nhưng về sau này, tiếp xúc hàng ngày với anh em ký giả, ông cũng viết được đôi ba bài, nhưng, về phương diện ấn loát, có thể nói ông là người thứ nhất ở Pháp về cải tiến ngành ấn loát ở đây – mà nhà in Trung Bắc là nơi để cho ông thí nghiệm. Ở bên cạnh ông, có hai anh Nguyễn Doãn Vượng và Nguyễn Phổ. Phổ là con trai ông Nguyễn Văn Vĩnh. Thực tế hơn ai hết, ông Vĩnh thấy ngành in có tương lai, quyết định cho Phổ học nghề in và ảnh kẽm. Còn Nguyễn Doãn Vượng, cháu cụ Luận thì

lúc đó giúp cho Đỗ Văn một tay đắc lực là do một nguyên nhân khác.

Nguyên lúc đó Vương ở vào một tình trạng có thể coi như là không xứng ý: một mặt vì gia đình thiếu thốn tình thương yêu, và mặt khác vì xã hội, tràn đầy cảnh bất công bóc lột tạo ra vì chế độ thực dân tàn ác. Đa số thanh niên hồi ấy, cũng như tôi, không biết dùng tiềm lực làm gì, buông theo một cuộc đời trác táng trong rượu chè, đĩ bợm. Vương đã tránh được sự sa đọa ấy, sống một mình, nung nấu một mình ý chí muốn làm một cái gì khác lạ “dù có chết cũng cam tâm”: anh ngỏ ý với tôi muốn tìm cách trốn đi Tàu hay đi Tây để lìa bỏ tù ngục gia đình, nhân đó để nhìn thêm, biết rộng, chớ cứ buộc chân mãi ở đất này, bất quá cũng chỉ ngày hai bữa rồi già đi, rồi chết.

Cụ Nguyễn Văn Luận, không hiểu vì đâu, biết được ý định của Vương bỏ nhà đi, bèn

khuyên Vương nên nấn ná ở lại. Vừa khi ấy, cụ Vĩnh giao nhà in Trung Bắc cho cụ Luận. Cụ bèn ủy nhiệm Vương trông coi và nhân tiện học hỏi thêm, dẫn hậu có đi ra ngoài thì cũng có một nghề trong tay, không lo ngại. Vì thế Vương ở lại, vì Vương biết rằng đến 1931 thì cụ Vĩnh đi dự một cuộc đấu xảo thuộc địa ở Marseille mà cụ Vĩnh đã hứa với cụ Luận sẽ vận động cho Vương đi theo làm thư ký, cũng như trước đó cụ Vĩnh đã đưa cụ Trần Trọng Kim đi Pháp vào khoảng 1905. Cả hai cụ Vĩnh và Luận thỏa thuận với nhau sẽ đài thọ mỗi người một nửa số tiền ăn học của Vương ở Pháp, với điều kiện là sau này, học thành tài rồi, Vương sẽ phải làm việc cho nhà in Trung Bắc, bởi vì cụ Vĩnh lúc nào cũng tin rằng mình sẽ có rất nhiều tiền, và sẽ mở mang cơ sở rất lớn, ra báo từng "giây", in toàn bằng máy tối tân như các nước tân tiến lúc bấy giờ, và có những hệ thống vô tuyến riêng để thu thập các tin tức trong thế giới.

Vì thế Vương ở lại làm tại nhà in Trung Bắc. Nói “làm” không đúng; anh ở lại để học, vì hai cụ Vĩnh và Luận thỏa thuận rằng trước khi đi Pháp, Vương phải biết nhà in, ảnh kẽm, máy móc, mà muốn thế ít ra phải học mỗi một ngành sáu tháng... Nhưng không may cho Vương là chừng nửa năm sau đó, cụ Vĩnh lại không đi dự cuộc triển lãm Marseille được. Vương ở lại, chuyên về ngành ảnh kẽm với Phổ, và cả hai anh đều thừa dịp này để học hỏi thêm. Chiều chiều, tôi vẫn đến chuyện trò láo lếu với Phổ và Vương. Ở vào một gia đình như cụ Vĩnh, sách vở rất nhiều, Phổ bất cứ gặp sách gì cũng đọc, cho nên sau này, về bất cứ vấn đề gì anh cũng nói đầu ra đấy về đại cương. Tôi học được của Phổ khá nhiều, còn về phần Vương thì có sách gì hay, mới, anh đọc xong thường thuật lại cho tôi nghe và dí vào tay «bắt» đọc, «nếu không thì uống quá».

Đến bây giờ, tôi vẫn nhận rằng viết tờ «Nhật Tân» và các báo sau này, tôi đã nhờ Phổ và Vượng rất nhiều.

8. BÁO TRUNG BẮC VÀ CON NGƯỜI NGUYỄN VĂN VĨNH

Báo “Nhật Tân” sống lây lất, Tạ Đình Bính, Phùng Bảo Thạch rút đi rồi, tôi vì anh hùng tính cũng theo luôn họ, để cho lớp khác lên thay. Nhưng tôi cũng không thất nghiệp lâu. Nguyễn Doãn Vượng, thấy tôi viết thiên phóng sự “Một đêm trăng với năm bông hoa tàn”, cho là được, vận động để tôi vào làm Trung Bắc Tân Văn (lúc đó vừa được ông Nguyễn Văn Vĩnh trao lại cho ông Nguyễn Văn Luận là chủ, mà cũng là dưỡng phụ của anh). Ông Vĩnh làm báo “An nam

Nouveau” (lúc đó có Hy Tổng trợ bút). Tôi có lúc đến đầu phố Hàng Gai (tòa báo “Annam Nouveau”), có lúc đến nhà in Trung Bắc Tân Văn (ở giữa phố Hàng Bông, chỗ rẽ ra Nhà Thương Phủ Doãn). Vì là giai đoạn quá độ giữa chủ nhiệm cũ và chủ nhiệm mới, báo cứ nhùng nhằng không ra thế nào. Riêng tôi không biết làm gì, mỗi ngày cứ đến bờ bờ cái mặt ra xem báo, rồi ngồi ngắm hết người nọ đến người kia. Thư ký tòa soạn Trung Bắc lúc đó là Dương Phụng Dục; trợ bút thường trực có Sở Bảo Doãn Kế Thiện, Tam Hữu Mai Đăng Đệ, Nguyễn Đỗ Mục, Hoàng Tăng Bí, Dương Bá Trạc, Nhị Lang Dương Mậu Ngọc... Và tôi bắt đầu sống trong một thế giới mới, vì tất cả cụ chủ bút, trợ bút (trừ Dương Mậu Ngọc) đều mặc quần áo Việt, khăn đóng áo dài, đi giày Đức Mậ, răng đen, có cụ còn búi tóc củ hành to bằng cái nắm rơm. Nổi bật nhất và tân tiến nhất là ông Nguyễn Văn Vĩnh, lúc nào cũng đội cái “cát cô lô nhân” ở trên đầu không chịu bỏ

ra, kể cả những khi viết bài, tiếp khách. Tôi chưa thấy ai nói to, cười to như thế. Bất cứ chuyện làm ăn hay đùa giỡn, ông cứ nói bô bô lên, gặp ai cũng cười, nói một câu chuyện hay bắt tay. Tôi làm Trung Bắc được chừng hơn một tháng, ông không biết tôi là ai hết. Ông chào tôi rồi niềm nở, bắt tay và hỏi tôi trong khóa họp tuần trước, nghị viện có gì mới lạ không. Thì ra ông tưởng tôi là nghị sĩ đến thăm nhà báo!

Chính nhờ được gần gũi các cụ, tôi học thêm được ít chữ nho trong thời đó. nói là học chữ nho cho oai, chớ thực ra bao nhiêu chữ học được lúc lên mười, mười một tuổi, tôi đã trả lại hết cho các bậc thánh hiền ngay khi cấp sách học “a b c dất dê đi ‘a’”. Học chữ nho đây là tôi muốn nói học mót chữ nho. Có những chữ học dớ da dớ dẩn, hoặc nghe lỏm được, mà suốt đời tôi không quên. Đại khái như chữ kích thích, cụ Sở Bảo chữa là khích thích; nói ảo mộng là sai, chính ra

phải nói là “huyền mộng”; chia buồn với nhà người ta có đàn bà qua đời thì phải viết “Xin cầu chúc cho hương hồn bà (hay cụ) phiêu diêu nơi cực lạc”, nhưng nếu là đàn ông mà viết như thế, người ta cười cho thối óc, phải viết là “cầu chúc cho linh hồn ông” hay “anh hồn” ông... mới đúng.

Có một chữ mà cụ Tú Nguyễn Đỗ Mục bảo tôi, nhưng đến bây giờ tôi vẫn bán tín bán nghi, không biết sai hay đúng. Chữ đó là công nhận. Theo cụ Tú Mục, một người chỉ có thể nói là nhận, thừa nhận, và chỉ khi nào có nhiều người mới có thể dùng chữ công nhận mà thôi, ý giả muốn hiểu rằng chữ công đây chỉ một số đồng (như công cộng). Nhưng một số đồng khác cho rằng nói như thế là hiểu sai chữ công, công nhận cũng như công động, công tâm, công bằng; công nhận tức là nhận một cách thực tâm, nhận một cách đầy thiện ý.

Đại khái, tôi học lỏm chữ nho của các cụ như thế đó. Tôi không dám nói rằng cái túi chữ nho đó giúp ích cho tôi một phần nào trong đời làm báo của tôi sau này, nhưng tôi thấy có một cái lợi hiển nhiên là từ khi biết chữ nho phiền toái thế, tôi rợn tóc gáy và mỗi khi phải dùng chữ nho trong câu văn, tôi hết sức thận trọng, vì chỉ sợ dùng lầm thì thiên hạ cười... bằng thích!

Mà không thận trọng như thế cũng không được. Vì lúc bấy giờ, viết một bài văn, viết một cái tin, thực có phần khó khăn vất vả hơn là đi vào Ba Thục. Bài viết rồi phải đưa cho Dương Phượng Dục sửa đổi câu văn, xóa bỏ những đoạn thừa, hay thêm mắm thêm muối rồi chuyển sang cho cụ Tú Mục hay Sở Bảo Doãn Kế Thiện xem lại văn có hay không, và chữ dùng có “đắt” không; sau cùng, chuyển lên cho “cụ chủ nhiệm”, lúc ấy còn là ông Vĩnh. Nhưng ông Vĩnh là một người lăm công nhiều việc - chỉ riêng việc

ngồi nghe điện thoại và tiếp khách cũng đã mất nhiều thì giờ lắm rồi - nên ông Vĩnh ít xem.

Vả chăng lúc ấy, ông Vĩnh còn thì giờ đâu mà để ý đến tờ Trung Bắc Tân Văn nữa! Phần thì lo nợ, phần lại bận viết bài cho báo “Annam Nouveau” phần lại do dàn xếp câu chuyện gia đình, phần lại lo chống Phạm Quỳnh, “chơi” lại thực dân Pháp, ông Vĩnh chỉ cho chỉ thị cũng đã không đủ thời giờ rồi; nói chi đến chuyện xem lại một bài “phông” ngán như cơm nguội của Hoàng Tăng Bí, Dương Bá Trạc, một truyện khôi hài cù bảy ngày không cười của Hi Đình Nguyễn Văn Tôi, Sơn Phong Bùi Đức Long, hoặc một cái tin xe cán chết người... «nhưng đưa vào bệnh viện nhờ bác sĩ khám xét thì cũng không lấy gì làm nặng lắm».

Đến đây, tôi không thể không nhớ lại cái tài viết báo của ông Nguyễn Văn Vĩnh.

Không phải nói, ai cũng biết ông Vĩnh là một nhà học nhiều biết rộng, vấn đề gì cũng biết. Điểm đó không phải là một điểm đặc biệt, vì chung quanh ông cũng có nhiều người tài ba như thế. Nhưng khác một điều là những người kia thì không ứng dụng được cái biết của mình làm lợi ích cho người khác.

Đảng này ông Vĩnh học và hành ngay. Phải nói ngay, thời ấy, ông đã có một ý thức về nghề báo và những bài xã thuyết hay, ý nghĩa, được người đời đương thời lưu ý đều ký là Tân Nam Tử (biệt hiệu của ông Nguyễn Văn Vĩnh) và đăng ở Đông Dương Tạp Chí, Trung Bắc Tân Văn lẫn Annam Nouveau.

Tuy nhiên, đặc điểm của Nguyễn Văn Vĩnh không phải ở chỗ đó. Hiện nay, chúng ta thấy có những tiểu thuyết gia viết một lúc bốn, năm, tiểu thuyết cho bốn, năm báo khác nhau, hoặc những tay kiếm tiền có hạng như Kim Dung, viết sáu bảy truyện chương một

lúc; những người ấy, ta phải nhận là có tài, nhưng dù sao các bản thảo đều chỉ thuộc về một loại như nhau: tiểu thuyết hản, ký sự hản, chường hản hay khôi hài hản... Tóm lại, tức là cùng một thể văn. Đến Nguyễn Văn Vĩnh thì khác hản. Tôi nhớ có một lần Nguyễn Văn Vĩnh bị mấy nhà Ngân hàng thúc nợ dữ quá, dọa tịch thu gia sản. Trong khi ấy thì nhân viên nhà báo, mấy tháng không có tiền, bỏ bê công việc; đã thế hai bà lại xích mích, làm tình làm tội ông; ấy là chưa kể mấy ông con, quen lối sống như con Tây, đòi hết thứ này thứ nọ, để ăn chơi phè phỡn. Đặt địa vị một người thường thì gặp bao nhiêu cảnh “bí rì rì” đó cùng một lúc, người ta dễ điên đầu. Ông Nguyễn Văn Vĩnh hơn nhiều người khác ở chỗ không liều mà cũng không lì. Dù hoàn cảnh gay gắt đến chừng nào, ông cũng phớt tỉnh; chỉ khi nào vắng vẻ, ông mới thở hắt ra. Có lẽ trong tất cả bạn bè, bác sĩ Tụng, một trong những người bạn già lâu đời nhất của ông Vĩnh còn lại cho đến ngày nay, còn

hầu hết đều qui tiên cả rồi, là người được ông Vĩnh coi mở nổi lòng nhiều nhất.

Theo chỗ biết của tôi, bác sĩ Tụng không những chạy tiền cho ông Vĩnh (lúc đó ông Tụng còn là nhân viên đặc lực của Sài Gòn Ngân hàng), mà còn lo dàn xếp cả chuyện gia đình cho ông Vĩnh, điều giải các cuộc tranh chấp giữa bà cả và bà hai. Ông Vĩnh làm việc như con trâu cày, không mấy khi muốn phiền người khác. Có một lần, tôi đã được mục kích một cảnh như sau: không biết giận gia đình gì đó, ông lên một căn gác nằm khoèo, nhờ ông Tụng mua cho một mẹt bún chả ăn trừ cơm, rồi viết luôn một lúc một bài xã thuyết cho Annam Nouveau, thảo một thư cho Toàn quyền Pháp đưa xuống dưới nhà đánh máy luôn, dịch miệng “Têlêmac phiêu lưu ký” cho Đông lĩnh Dương Phượng Dực ngồi ám tả, trong khi chính ông lại quay sang nói chuyện với ông Tụng về chuyện thống sứ Pháp “có ý muốn giúp ông tiền bất cứ lúc

nào, bao nhiêu cũng được”, miễn là ông tạm gác ý kiến đả kích Pháp và ngưng chống nhà vua”.

Thú thực cho đến bây giờ, tôi sợ nhiều người nhưng chưa sợ gì như sợ cái tài viết của Nguyễn Văn Vĩnh. Tôi được biết tài viết của Vương Quang Nhường lúc theo Thủ tướng Tâm ra Hà Nội, hút rồi, ngồi gác chân lên ghế, quay sang bên phải đọc một bài diễn văn chữ Pháp, quay sang bên trái đọc một bài diễn văn chữ Việt để cho Thủ tướng Tâm đọc, nhân một buổi lễ khánh thành. Dem so sánh, tôi vẫn nghiêng về Nguyễn Văn Vĩnh nhiều hơn, và cho mãi đến tận bây giờ, tôi vẫn chưa thấy có ai viết báo nhiều loại khác nhau một cách tài tình và nghĩa lý như ông Vĩnh.

Ông viết tin, viết xã thuyết, làm thơ, khảo cứu, phóng sự (Volonté Indochinoise) và dịch tiểu thuyết thì quả không chê được.

Nhiều cụ bình bút báo Trung Bắc kể chuyện cho tôi rằng ông Vĩnh, về truyện dịch, đặc ý nhất cuốn «Ba người ngự lâm pháo thủ». Nhưng một bạn chí thân của ông, từng sống những giây phút gay cấn nhất đời với ông, vốn biết rõ về đời công và đời tư ông hơn ai hết, quả quyết là không có truyện nào ông vừa ý mà lại để công phu dịch thuật như truyện «Mai Nương lệ cốt». Hầu hết các bài báo, truyện dịch của ông Vĩnh, đều do bạn hữu hay thư ký thân tín chép theo lời ông đọc; chép xong, ít khi ông đọc lại, bảo đưa xuống nhà in xếp chữ luôn. Riêng có bản dịch «Mai Nương lệ cốt» là do chính tay ông viết, mà viết xong, ông không đưa cho nhà in xếp chữ ngay, lại đưa cho cụ Tụng «bình» lại và cùng tìm những danh từ thích đáng hơn hay tình tứ hơn, nếu cần. Mỗi kỳ dịch như thế gồm chừng bảy, tám hay mười lăm trang chữ viết; đăng báo gần hết, lại dịch tiếp. Nhưng lần nào cũng vậy, dịch xong, bình xong rồi, ông cũng bảo Tư Đạt sang Gia Lâm đưa cho bà

Suzanne đọc trước. Thành thử truyện «Mai Nương lệ cốt», tuy ông Vĩnh không nói ra, chính là cuốn truyện dịch mà ông để tâm nhiều nhất, cuốn truyện dịch gọt giũa công phu nhất.

Đây không phải là một thiên chép về đời tình ái của ông Vĩnh, nên tôi không ghi lại những bản khoản, buồn phiền của ông Vĩnh đối với mấy bà, cũng như vấn đề con cái của ông. Nhưng có thể nói rằng đời công cũng như đời tư của ông Nguyễn Văn Vĩnh là cả một cuộc vật lộn lao đao, hào hứng, lên xuống như nước thủy triều, bị bao nhiêu day dứt, nào là Tây, nào là tiền, nào là con, nào là vợ, nhưng không một lúc nào ông chịu ngồi yên, một mặt cứ đối phó, cứ giải quyết, mà một mặt, cứ lo chiến đấu, chống áp bức và bóc lột.

Nói đến ông Vĩnh, người ta thường nhớ ngay đến loạt bài đả kích chủ trương quân

chủ của Phạm Quỳnh theo sát với Tây, mà hầu hết đều quên rằng chiến dịch làm cho từ Bắc vào Nam sôi nổi, hăng say, chiến dịch khích động lòng yêu nước của toàn dân lúc ấy, chiến dịch làm cho Pháp giựt mình, vì không ngờ ông Vĩnh lại được dân chúng tin yêu đến thế, chính là chiến dịch “tẩy chay Hoa kiều”. Theo chỗ hiểu biết của tôi do các bậc đàn anh tâm sự, ông Vĩnh lúc ấy chỉ viết có một bài báo, kêu gọi lòng ái quốc của đồng bào mà cả nước vùng lên tẩy chay Hoa kiều rầm rộ. Bài báo ấy ký một bút tự của ông Nguyễn Văn Vĩnh mà ít người được biết: Quan Thành. Bút tự này, ông chỉ ký dưới những bài báo đấu tranh, còn bút tự Tân Nam Tử thì dùng cho bất cứ bài nào đề cập đến vấn đề xã hội, văn hóa hay chánh trị. Mân Châu Nguyễn Mạnh Bổng, anh của Nguyễn Tiến Lãng, đồng thời là anh vợ của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, khi đó là người tán đồng ý kiến bài báo này nhất, và cũng là người đã phổ biến ý kiến bài báo đó, chỉ huy công cuộc bài Hoa. Các

phố Hàng Ngang, Hàng Đào, Hàng Buồm ở Hà Nội là những đường phố có nhiều người Hoa kiều sinh sống, bị tê liệt về thương mại trong nhiều ngày. Không ngày nào không có những vụ đổ vỡ phá phách.

Vì vấn đề ngoại giao, mà cũng vì vấn đề an ninh nữa, phủ Toàn quyền phải yêu cầu ông Nguyễn Văn Vĩnh ngưng loạt bài ấy lại và đe dọa nếu ông Vĩnh không chịu thì không những đóng cửa báo mà lại có nhiều cách để buộc các nhà ngân hàng đòi nợ ông Vĩnh, làm cho ông phá sản.

Những lời đe dọa ấy, khi thì sỗ sàng, khi thì mềm dẻo của nhà cầm quyền Pháp hồi đó, kéo dài không ngớt trong suốt cuộc đời ông Vĩnh, có khi làm cho ông Vĩnh tạm yên giai đoạn, nhưng có khi làm cho ông nức lòng chiến đấu hơn; thà là chịu khổ sở, thiếu thốn, hiểm nghèo, chớ không chịu vị tình người Pháp hay vì tiền của họ mà thay đổi

lập trường, chí hướng.

Người ta kể chuyện rằng ông Vĩnh mở chiến dịch bài Hoa như thế, thực ra không phải do Hoa kiều ở Bắc, bởi vì dù sao Hoa kiều ở Bắc cũng không lũng đoạn kinh tế của Việt Nam như ở miền Nam, nhưng chính là vì Hoa kiều ở Nam làm mưa làm gió ác liệt quá, không còn coi người Việt Nam ra gì. Chính vì thế, cụ Nguyễn Phan Long và cụ Bùi Quang Chiêu là hai người đặc biệt tán thưởng ý kiến nêu ra trong bài báo ký tên Quan Thành, nhưng tại sao lúc đó Nguyễn Phan Long không họa theo Quan Thành mở rộng chiến dịch bài Hoa vào Nam Việt thì nhiều người không được rõ. Có người bảo là tại lý do muốn phát động một chiến dịch như thế, không thể dùng Pháp ngữ, ít phổ biến trong dân gian; mà cụ Nguyễn Phan Long, một học giả người Nam, một anh tài của đất nước, lại không sử dụng được Việt ngữ tài tình như Pháp ngữ.

Thú thực, làm bình bút ở tờ Trung Bắc, dưới sự chỉ huy của ông Nguyễn Văn Vĩnh, nhiều người lấy làm hãnh diện, chớ không phải chỉ riêng tôi. Đáng kể nhất là tất cả các anh em trong nhà báo đều kính yêu ông; người chân chính thì yêu ông vì tài ba đức độ, còn những người quay quắt cũng yêu vì ông rất rộng rãi về tiền nong, dù biết là họ ăn cắp, bóc lột ông hay đâm vào sau lưng ông, ông cũng coi là thường, tha thứ hết, và không hề giận dữ hay phiền trách.

Trong suốt cuộc đời làm báo, tôi học được nhiều nhất trong thời gian ngắn ngủi này. Ngắn ngủi vì chỉ vồn vện được ít lâu, thì vì vấn đề tiền nong, công nợ, ông Vĩnh gán tờ Trung Bắc Tân Văn cho ông Nguyễn Văn Luận. Lãnh tờ Trung Bắc, ông Luận vẫn giữ nguyên nhân viên cũ; nhưng quyết định “tiêm một sinh khí mới” cho tờ báo. Trước hết, ông muốn cho mục xã thuyết trẻ hơn một chút nên đem vụ này ra bàn với các cụ

Hoàng Tăng Bí, Dương Bá Trạc, nhưng các cụ già khó tính lắm, chưa bàn, các cụ đã cáo ốm xin nghỉ làm.

Duy còn ba cụ via là Sở Bảo Doãn Kế Thiện, Đông Lĩnh Dương Phượng Dực và Nguyễn Đỗ Mục ở lại làm chơi lòng khùng. Trong ê kíp “cũ mà mới” còn lại Dương Mậu Ngọc tức Ngọc Thỏ, tôi và một phóng viên “khăn đóng áo dài” là Nguyễn Văn Bân, bây giờ cũng đã quá cổ rồi.

Sang chủ nhân mới và nhờ tân chủ nhiệm tiêm sinh lực mới, tờ Trung Bắc Tân Văn cũng không chạy hơn được bao nhiêu. Cụ Nguyễn Văn Luận tuyển thêm người là cụ Mai Đăng Đệ chia nhau với tôi viết “phim hàng ngày” ký một tên chung là Lấn Thần Tiên Sinh; ngoài ra, mua thêm truyện của những nhà văn trẻ như Nguyễn Dân Giám (tức tác giả truyện “Dưới Rặng Thông”, lúc ấy mới ở Pháp về), và Lê Văn Trương (mới

ở Nam Vang buôn hột xoàn Xiêm về). Cuốn bản thảo đầu tiên của Dân Giám, tác giả “Dưới Rặng Thông” sau này, là “Sóng Gió Thái Bình Dương”; còn bản thảo đầu tiên của Trương là “Những cảnh hoang tàn Đế Thiên Đế Thích”.

Lúc ấy, Nguyễn Tuân là phóng viên Trung Bắc ở Thanh Hóa.

Bốn phen tôi là phải đọc những truyện đó để phúc trình lên chủ nhiệm. Ông Luận đeo kính trắng, vuốt râu bên này một cái, vuốt râu bên kia một cái, tợp một tợp rượu, chép miệng thở dài (tại sao ông cứ thở dài, tôi không tài nào hiểu nổi) rồi bảo: “Ừ, đăng được thì đăng!”. Thế là đăng báo. Ngoài công việc, hai ba ngày tôi phải viết một cái “phim” đỡ cho cụ cử Độ, ra tòa lấy tin tòa án, làm phóng viên thể thao, phụ trách trang “Chiếu Bóng”. Đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ câu châm ngôn của cụ Lỗ Thư (bút hiệu của cụ Luận)

thường ban ra để dạy nghề báo cho kẻ hậu sinh: “Làm báo phải như con dao pha. Bất cứ cái gì cũng phải viết được, mà viết nhanh, thiếu mục gì là mình có bài điền vào luôn, không anh nào bắt bí được mình!”

Những lời ấy là khuôn vàng thước ngọc cho tôi. Tôi nỗ lực học hỏi và tập viết đủ mọi mặt. Ngoài ra, tôi lại còn đi xa hơn nữa là xông vào nhà in để học hỏi xếp chữ thế nào, kiểu chữ này kêu là gì, cái “tác qua” là cái gì, lên khuôn ra sao, các dấu sửa épreuve thế nào, máy chạy tốt xấu ra sao... vì theo lời các bậc đàn anh, làm báo không thể nào không biết nhà in; nhà in và nhà báo như cá với nước, như răng với môi, môi hở thì răng lạnh...

9. SUYT BỊ ĂN ĐÒN CỦA PHE PHAN NHỰT SÂM

Trong thời kỳ này, tôi có mấy kỷ niệm không thể nào quên được. Kỷ niệm rùng rợn nhất là suýt bị một đoàn cua rơ xe đạp Nam Kỳ (lúc đó còn kêu là Nam Kỳ) cho lỗ mũi tôi ăn trâu. Tôi nói rùng rợn nhất là vì trong đời làm báo của tôi về sau này cũng còn nhiều người khác dọa chém giết, thủ tiêu, hốt lên xe rác... nhưng tôi nói lần này rùng rợn nhất, vì đây là lần đầu tiên bị “thủ lửa”, mà bọn người dọa giết tôi lúc ấy lại “ngổ ngáo” quá, khí thế của họ lúc tìm tôi để đánh ghê gớm như vũ bão.

Đó là lần tôi đi làm phóng sự đua xe đạp vòng quanh Đông Dương. Trong phái đoàn của rơ Bắc, tôi không nhớ rõ lắm, nhưng hình như có Bổng, Cồng hay Tiên gì đó (lúc ấy Bổng, Cồng là thần tượng của rơ Bắc), còn phái đoàn của rơ Nam có Phan Nhứt Sâm, Nguyễn Đình Dương, Nguyễn Văn Thân, Lê Thành Các. Còn ít tuổi, tôi hằng say và thiên vị. Bây giờ, tôi không còn nhớ rõ những sự việc gì đã xảy ra, nhưng lúc viết bài tường thuật các cuộc đua vòng quanh Đông Dương, tôi có ý thiên các của rơ Bắc và đả kích một cách thiếu lễ độ một số của rơ người Nam. Phản ứng xảy ra liền: Phan Nhứt Sâm và một nhóm gồm chừng chục bạn người Nam khác đã đến tận tòa báo tìm tôi, mặt đầy tức giận, sỉ vả tôi thậm tệ và một chút xú, nếu không có sự can thiệp kịp thời của bao nhiêu người, tôi đã bị “nốc nao” trên mặt đất.

Bài học ấy làm cho tỉnh hẳn người. Từ trước, tôi vẫn yên trí là làm báo, muốn nói

bậy thế nào thì nói, không ai cấm. Đến vụ này, tôi mới biết là không ai cấm thật, nhưng nếu quá lắm thì có người cho ăn đòn. Mà ăn đòn lắm khi lại còn đau hơn cả bị tòa phạt hay dân chúng chửi. Biết như thế rồi, tôi tự nguyện sẽ tổn đến già và tự thể với mình rằng từ giờ sắp sau viết báo không đụng chạm đến một người nào hết. Nhưng thói đời vẫn thế: miệng thì khôn, tròn thì đại... tôi mong muốn thế mà nào có được đâu! Rút cục chứng nào tật ấy, vẫn không chữa. Và trong đời làm báo của tôi còn nhiều vụ khác tương tự như vụ Phan Nhật Sâm khủng bố và dọa giết. Nhưng đó là chuyện sau, tôi sẽ có dịp hầu chuyện các bạn trong những trang sắp tới.

TẠ TỪ TRUNG BẮC VÀO NAM

Thấm thoát một năm hai tháng trôi qua. Núp dưới bóng các cụ via, vỡ lòng học lấy nghề báo hàng ngày, tôi học được nhiều cái

hay, nhưng đồng thời tôi cũng đã bắt chước Dương Mầu Ngọc (tức Ngọc Thỏ) một cái dở không chê được: hút thuốc phiện thật hẩn, hút không phân biệt ngày đêm, hút không mở được mắt. Ngồi kiểm điểm lại thành tích hút thuốc phiện lúc bấy giờ, thời khóa biểu hút của tôi như sau: sáng làm việc tới mười giờ, vội vàng về hút; chiều không đi làm; đến sáu giờ lên tiệm “Triệu ghi đông xe cuốc” ở Hàng Vải Thâm hút độ một, hai giờ khuya thì về. Bây giờ tôi không nhớ lý do gì đã khiến Dương Mầu Ngọc làm reo tiệm Triệu để sang hút tiệm Phờ Răng Xoa, nhưng hồi ấy tôi bỏ tiệm Triệu, thuê một căn gác đường Hàng Cót thiết lập bàn đèn, mượn người tiêm hút tại gia. Thời kỳ này, tôi hút quên chết: buổi sáng, làm việc xong về hút. Hút xong, ăn qua loa một tí xôi hay mẩu bánh mì, tôi lại hút luôn một mạch đến năm giờ, tạt đến nhà báo một chốc, rồi từ bảy giờ lại hút đến hai, ba giờ sáng. Rồi lơ mơ ngủ. Chính giữa lúc đang chập chà chập chờn trong giấc vu sơn, thì

nhà báo cho người đến “hót” các nhân viên đến tòa soạn làm việc. Dương Mậu Ngọc và tôi nổi tiếng lười, sáng nào cứ vào khoảng năm giờ rưỡi, sáu giờ là có chú Rô ở nhà in đến đánh thức dậy bắt đi làm. Cố nhiên hút cả đêm, vừa chợp mắt một tí mà bị gọi dậy, người thuần tính đến đâu cũng phải càu nhàu cáu kỉnh. Nhiều sáng, tôi không muốn đi làm, nhưng Rô không cần, cứ lôi đại tôi ra xe, đưa về nhà báo. Tôi uất hận một cách vô lý và nhiều lần quyết định xin nghỉ việc, không thể sống mất tự do như vậy. Cùng lúc đó, tôi nhớ rằng trong đầu óc tôi bàng bạc một cái gì không rõ rệt, tựa như là hối tiếc, mà cũng tựa như là cảnh giác.

Có những đêm hút xong, không ngủ được, tôi lơ mơ nằm nghĩ đến chuyện xa xưa, cũ mới, những chuyện mà có khi tôi bỏ qua không lưu ý tới bao giờ. Trong số đó, tôi nhớ đến một buổi chiều âm u ở báo quán “Annam Nouveau”, ông Nguyễn Văn Vĩnh

không hiểu vì sợ trời mưa ngồi nán lại hay vì lý do gì khác, đã trút tâm sự với mấy người ngồi đó, trong đó có Dương Phượng Dục, Hy Tống... Bây giờ tôi không nhớ rõ câu chuyện của ông Vĩnh bắt đầu như thế nào, nhưng có những đoạn tôi nghe thoáng qua lúc đó không hiểu vì sao lại làm cho tôi chợt nhớ lại rất rõ ràng, tỉ mỉ.

Nói một lúc lâu nóng người, ông Nguyễn Văn Vĩnh đập cái nón “cô lô nhân” xuống bàn và tiếp: “Ồ, báo là đệ tứ quyền, thật thế; nhưng là đệ tứ quyền ở các nước Âu châu, chớ ở nước ta thì nói như thế làm gì, cho mắc cỡ. Ta còn phải học nhiều, tranh đấu gian khổ nhiều trong nhiều năm nữa thì báo chí mới hy vọng có một địa vị cao như vậy. Trước hết, theo tôi, ta phải cải thiện và phổ biến quốc ngữ để làm một cái xe truyền bá tư tưởng; thứ hai, người viết báo phải quan niệm mình làm nghề không phải là để chơi hay để kiếm tiền, nhưng phải quan niệm

mình là những người thừa kế của cách mạng tư sản, mở đầu là cách mạng tư sản Pháp, say sưa với tự do, trung thành với lý tưởng, chống áp bức, chuộng tiến bộ mà quyền lợi tinh thần của con người đã ủy thác nơi báo chí”.

Không hiểu Hy Tổng nói gì (vì khế quá tôi nghe không rõ), ông Vĩnh cười ầm ầm, đập tay vào đùi mà nói: “Báo chí của mình hiện nay chỉ có thể coi là ở vào giai đoạn bán khai. Thực ra, muốn cho người ta nghe, muốn cho người ta lưu ý, muốn là một đệ tử quyền, báo phải luôn luôn có tính năng đấu tranh và xây dựng: khuyến khích điều tốt là xây dựng; ngược lại, hoặc công khai, hoặc dùng mảnh lời để phanh phui cái xấu, nói rõ sự thật phũ phàng, cũng không ngoài mục đích xây dựng - xây dựng cho sự vươn lên của xã hội, sự tồn vong của giống nòi.

“Hiện nay có bao nhiêu áp lực kìm hãm

không cho dân ta tiến bộ; vì thế muốn xây dựng, phải đấu tranh, vì bao giờ cũng vậy, người Pháp (hay chính phủ Nam triều cũng thế) cũng phải lo cho quyền lợi của họ, mà dân thì có quyền lợi của dân; hai quyền lợi ấy trái nghịch nhau, làm sao mà đi được với nhau? Do đó, báo chí là tiếng nói của dân, bình vực quyền lợi cho dân, không thể không nói lên những sai lầm của chính phủ, những sơ hở của chế độ, và đưa ra những khía cạnh bất lợi của chính phủ đối với dân. Nói rút lại, người làm báo không thể để cho ngòi bút của mình tủi hổ. Cố nhiên, muốn được như thế, báo chí phải kinh qua những nghịch cảnh, thăng trầm, mà người làm báo, cũng như các nhà cách mạng, chính trị, thường không tránh được bị vu cáo, bị tù đày hay bị thiếu thốn về vật chất...”

Phải, có những đêm không ngủ, tôi cứ nằm ôn lại những mảnh chuyện như thế. Bảo rằng tôi tự nhắc với mình như thế để

suy luận thì không đúng, mà bảo rằng nhớ lại những mảnh chuyện đó để rồi quên đi cũng không đúng. Thực ra, đầu óc tôi mông lung như mây khói; tôi không biết rõ là cái gì đã xảy ra; nhưng quả là tôi đã cảm thấy chán nản vô cùng, vì đây là những phút đầu tiên trong đời tôi, qua một câu chuyện của một bậc đàn anh, tự dưng thấy rõ là làm báo không phải là chửi bậy, không phải là viết một vài bài lấy le, nhưng làm báo là làm một cái gì lớn lao, nói lên được phẩm chất văn minh, hoặc ưu biệt, hoặc thoái hóa của một chế độ và hơn thế nữa, mổ xẻ tình tiết, tâm tư của con người, đi sâu vào từng khía cạnh trở trêu, uẩn khúc và giả tạo của một chế độ để chống lại chế độ ấy, nếu cần, hầu cho xã hội vươn lên và cho giống nòi tồn tại và tiến bộ.

Lần đầu tiên, tôi cảm thấy mình yếu quá trước một nhiệm vụ quá lớn lao. Tôi mất định hướng, không biết phải hành động ra

sao, hành nghề ra sao, nhất là sau mấy năm trời giúp việc cho những tờ báo không có mục đích gì cao cả, chỉ nhắm vào những tin tức lặt vặt và những bài bình luận suông, nếu không là những bài tán dương chế độ bảo hộ và chính phủ Nam triều thối nát, không hề dám hé miệng ra viết một câu chống áp bức hay đề cao một tư tưởng gì khả dĩ vẽ lên được tinh thần hiên ngang của giống nòi, dân tộc. Không bao giờ tôi thấy chán đời như những lúc ấy. Tôi muốn làm một cái gì khác thế, tôi muốn tranh đấu thực, nhưng biết trông vào ai đưa đường chỉ lối bây giờ? Mà cứ nằm dài hút sách, bê tha như thế này thì có hy vọng gì thoát khỏi được sự chi phối của xã hội và chính trị của Pháp?

Hai năm trôi qua, hai năm bệnh hoạn, sầu đau, khổ não, không biết nói với ai, không biết than thở với ai, không biết cùng ai đi tìm một phương châm tranh đấu. Y định xin thôi Trung Bắc Tân Văn mạnh nha từ đó và, để

bắt đầu, tôi cai thuốc phiện, trở lại đời sống bình thường: ít lâu sau, tôi xin với cụ Luận cho tôi nghỉ việc thường trực ở nhà báo và hứa sẽ giúp báo bằng cách gửi bài về, vì tôi đã quyết định qua Trung vào Nam để học hỏi thêm.

Qua Trung, tôi đã tìm gặp và phỏng vấn cụ Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng (lúc ấy là chủ báo Tiếng Dân) đi sát với ông Nguyễn Văn Bá và tiếp xúc với nhiều nhà văn tên tuổi. Nhưng cuộc đời vẫn không đem lại hứng khởi cho người thanh niên cô trích. Tôi vào Nam ở, với hy vọng gặp nhiều bạn bè từng trải đưa tôi xuống tàu qua Pháp, rồi từ đó đi qua các nước Âu châu khác. Để làm gì? Tôi chưa có ý tưởng gì rõ rệt, nhưng miễn là cứ đi, đi làm bất cứ việc gì, miễn không phải là nghề báo.

Thực vậy, tôi đã suy nghĩ một cách nghiêm trọng về nghề này, và tôi thành thực

muốn thôi nghề thực, nhưng không hiểu làm sao cứ nghỉ được ít lâu, cáo chết ba năm lại quay đầu về núi. Có người bảo nghề báo có ma cũng như thuốc phiện, ai có lòng yêu thương nó thì nó “đeo” cho đến khi nào mình hai tay buông xuôi mới chịu tha; có người bảo nó là cái nghiệp, cũng như cô Kiều mang lấy cái nghiệp vào thân, cho nên «thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần», mới đứng đầu đứng số. Riêng tôi nghĩ khác hẳn: làm báo, vấn vương với nghề báo, không thoát được ra, chung quy tại tôi «đốn», không biết xoay sở làm ăn ra sao. Những người tháo vát, bạ cái gì cũng làm được, vớt bụi tre không chết, chẳng làm nghề sửa điện, thì đi chữa khóa, không làm bộ trưởng, thú trưởng, giám đốc, thì đi đánh máy, bán dầu cù là trên xe lửa hay cùng lắm dắt một con khỉ đi mãi võ Sơn Đông bán thuốc cao. Họ tài lắm, không có cách gì chết được. Riêng phần tôi, tôi không thể bỏ nghề báo, chẳng qua là vì tôi quỳnh, không biết nghề gì khác.

Thành ra quanh đi quẩn lại cứ làm báo hoài, cũng như người cô đầu lấy khách, khách về Tàu, lấy nhà giàu, nhà giàu hết của, mà lại quen ăn trắng mặc trơn, ăn sẵn nằm ngửa, nên lại quay trở về với sinh phách ê a.

Rút lại ở Sài Gòn được bốn tháng không có tiền, tôi lại phải quay về làm báo lại! Tôi làm một tờ báo có hàng vạn người đọc mà không ai biết tiếng: đó là tờ báo “Chiếu Bóng” của rạp Majestic.

Nói là hàng vạn người đọc không ngoa, vì báo ra bốn trang nhỏ, in tóm tắt truyện phim chiếu hôm đó, kèm hai trang quảng cáo, hơn một trang còn lại thì in hình và lượm lặt những pô tanh về Marlène Dietrich, Rudolph Valentino, Mae West, Shirley Temple, Greta Garbo v.v... Đó cũng là một cách làm báo để giải trí và kiếm tiền, mặc dầu không thú vị; nhưng tôi còn nhớ mãi, nhớ hơn cả những lúc làm báo sôi động nhất. Tại sao? Chính tôi

cũng không hiểu. Nhưng phải thành thật nói rằng, chính nhờ có một chỗ để sống hàng ngày, tôi mới ở lại Sài Gòn được tới ba năm, và chính nhờ vì thế tôi đã có dịp tiếp xúc với nhiều nhà báo có hạng lúc bấy giờ, để đầu láo, rút kinh nghiệm sống và học hỏi thêm về nghề báo.

Lúc đó, chưa có chợ Bến Thành. Ở trước cửa chợ Bến Thành bây giờ, chỗ đầu đường Lê Thánh Tôn, quãng rẽ ra Thủ Khoa Huân (đường Aviateur Garros cũ) có một quán rượu, cứ chiều đến là các tay nhà báo kỳ cựu đến nhậu nhẹt tới bởi; trong số, có các ông Lê Trung Cang, Nguyễn Văn Bá, đôi khi Phan Khôi, Đào Trinh Nhất, Diệp Văn Kỳ cũng đến uống tí tỉnh và bàn chuyện con cà con kê.

Sau khi đi boóng các vị đó một thời gian, tôi thấy có sự khác biệt giữa báo Nam và Bắc. Tôi học lối lấy tin, viết báo, nhất là việc tiểu

thuyết hóa tin tức và anh hùng hóa các tay anh chị...

Tôi xin thể rất độc là không có ý muốn “sở” những người nào ghiền hút, tôi chỉ nói riêng về tôi. Sau khi cai thuốc phiện, tôi nhận thấy một sự thực mà ai cũng biết: cai thuốc phiện được thì mạnh lên nhiều lắm, cả về vật chất lẫn tinh thần. Trước kia lúc hút, thấy bất cứ công việc gì tôi cũng ngán không buồn làm, và mặc dầu tôi mới có hơn hai mươi tuổi, tôi thấy sợ chiến đấu, sợ lời thôi, sợ sanh chuyện, dù biết rằng những điều mắt trông thấy, tai nghe thấy là chướng tai gai mắt. Tôi đóng cái cửa sổ đời lại để cho không có một tiếng động nào lọt đến tôi. Phàm ai nói chuyện chơi bời hay phản đối cái này, chống đối cái kia, nhất nhất tôi cho là vô ích, chỉ nghe thôi cũng đã mệt rồi.

Không phải nói ra để đề cao việc cai thuốc phiện, từ khi tôi cai thuốc, thân xác

tôi khác hẳn đi, và cố nhiên thân xác không đau ốm nữa, thì tinh thần phải mạnh hơn lên. Trở về Bắc sau ba năm lê gót khắp miền Nam và lang thang ở miền Trung, tôi ra Bắc, mang một tâm hồn, trạng thái, khác hẳn lúc làm cho báo “Rạng Đông”, “Trung Bắc Tân Văn” hay “Annam Tạp Chí”. Bây giờ nghĩ lại thì chính lúc ấy tôi không cảm thấy sự lột xác của tôi, nhưng ngồi nhớ lại từng tờ báo tôi làm sau khi ở Sài Gòn về, tôi thấy mình hăng một cách khác thường. Trước hết là tờ “Công Dân”.

10. BẮT ĐẦU ĐÁ PHÁP

Tôi ra Bắc không ở nhà, cả ngày đi la cà đầu hót hết chỗ này đến chỗ khác. Nhà tôi nguyên là một nhà bán giấy. Một hôm, nhân tôi đi chơi, tạt về nhà, mẹ tôi nhờ đi ra phố Hàng Da, gặp ông Tiết Như Ngọc để đòi tiền giấy báo ông mua chưa trả. Đến 11 Hàng Da, tôi gặp Phùng Bảo Thạch và Vũ Liên. Cả ba ông mời tôi ở lại uống rượu. Bọn này nói cho tôi biết là ở đây anh em làm tờ “Công Dân” với nhau, ăn cơm tập thể, có lời thì chia nhau, chớ không có ai làm chủ ai. Đến lúc ăn cơm, tôi thấy cửa mở, tiếng giày đi âm âm. Trông ra sân thì thấy Vũ

Trọng Phụng, Nguyễn Triệu Luật, Nguyễn Như Hoàn. Bọn bạn cũ gặp nhau vui quá. Tôi không hỏi tiền giấy nữa. Chuyện trò đi lại một hồi lâu, tôi được biết ông Tiết Như Ngọc được tờ “Công Dân” là do ông Tissot giúp đỡ và có lẽ lúc sơ khởi cũng giúp đỡ ít nhiều về tài chánh, nhưng của thiên trả địa hết cả rồi. Thạch, Phụng, Vũ Liên, mỗi anh “đề” vào một câu khôn khéo; lập tức tôi quyết định về lo liệu một số tiền để chung với ông Tiết Như Ngọc làm tờ “Công Dân”.

Đó là một tuần báo xuất bản trên 12 trang, khổ 30x45, không có bìa, bán không lấy gì làm chạy lăm, nhưng phải nói rằng trong số các tuần báo và nhật báo tôi cộng tác cho đến lúc bấy giờ, «Công Dân» là tờ báo «ra hồn báo».

Anh em tòa soạn gồm bảy, tám người, ai cũng hằng say tìm cái lạ, cái hay, thành thử ra số nào cũng có cái mới. Nhờ anh em đã lớn

tuổi, lại thương yêu nhau và nặng một tinh thần đồng đội, chúng tôi góp ý kiến thay đổi mục luân, kỳ này có bài tòa án thì kỳ sau có phóng sự, phỏng vấn, kỳ này có truyện ngắn thì kỳ sau có “đor dem ác tích”, “Bức hình”, hay phê bình văn học. Nguyễn Triệu Luật, Ngô Tất Tố, Phùng Bảo Thạch, là những bạn phụ trách các bài đứng đầu, còn Vũ Liên, Nguyễn Như Hoàn, Vũ Trọng Phụng và tôi có nhiệm vụ viết “pô tanh”, tiểu thuyết, ký sự, phóng sự, chuyện vui tòa án.

Sau này, Ngô Tất Tố nổi tiếng về mục “Phim hàng ngày”, chính vì đã bắt đầu viết những bài sâu sắc, đau đớn, chua chát, ngộ nghĩnh trong mục “Nói hay Đừng” của báo “Công Dân”, còn Nguyễn Triệu Luật, tác giả “Hòm Đựng Người”, “Bà Chúa Chè”, cũng nổi tiếng trên báo này vì những bài phê bình văn học mà được lưu ý nhất là loạt bài đả Phan Trần Chúc.

Sau một thời kỳ gieo neo, báo “Công Dân” tương đối là tờ báo chạy, một phần vì cách làm báo, thêm được các cây bút có tiếng tăm và kinh nghiệm, một phần vì lập trường cũng rõ rệt hơn so với các báo khác lúc bấy giờ: đã kích quan trường, chống đối chính phủ bảo hộ. Tuy nhiên, báo có tiếng là chạy mà tiền thì ty trị sự không thu được bao nhiêu. Là vì quan trường hồi ấy căm thù tờ “Công Dân”, tìm các cách để dìm cho chết. Vì thế có nhiều nơi, các ông huyện, ông phủ ra lệnh cho đại lý cất báo “Công Dân” đi, không cho bán, chỉ vì lý do báo ấy đã động chạm đến các ông. Thêm vào đó, sở Mật thám liên bang lại ghét nó, binh quan trường, nên không tuần nào không làm khó dễ, hết gọi ông chủ nhiệm ra nói chuyện lại mời quản lý, chủ bút trưng ra bằng chứng ông huyện này ăn cắp, ông phủ kia làm chó săn và giết dân.

Lúc ấy, chế độ thực dân Pháp đang hồi toàn thịnh; một viên cò mật thám hách như

một tiểu vương. Tôi còn nhớ có một ông tri huyện họ Phạm làm tiền dân không được, nhốt người ta vào nhà lao đánh cho đến chết. Thư tố cáo gửi về nhà báo đồn dập, chính gia đình nạn nhân lại ký giấy nhận chồng, cha họ bị đánh đến chết và cam đoan chịu trách nhiệm nếu khai sai sự thật. Nhà báo, với mọi sự dè dặt, chụp hình bức thư của gia đình nạn nhân lên và đặt vấn đề với các nhà hữu trách một cách nhẹ nhàng, vậy mà số báo đăng tải tin ấy vừa ra, viên chánh mật thám làm như trời sập, cho một lũ a dăng đến nhà báo, mời cả chủ nhiệm lẫn chủ bút đến để “trả lời về một việc mà chi tiết sẽ được gọi ra sau”.

Vô lý nhất là vừa đề cập đến vụ cố sát của viên tri huyện họ Phạm, viên cò mật thám đập bàn đập ghế và tỏ ra tức bực, như chính y bị nhà báo đả. Hơn thế, y lại còn bắt phải đình chỉ ngay loạt bài này và viết mấy câu xin lỗi viên tri huyện.

Chúng tôi ra về, uất ức không để đâu cho hết, nhưng vì xét mình không có hậu thuẫn, lại không có một thế lực khác ủng hộ, nên chúng tôi quyết định không ra báo nữa. Cố nhiên là không đời nào chúng tôi lại chịu hạ bút xin lỗi viên tri huyện giết người.

Báo “Công Dân” ra đến số 13, đóng cửa vừa kịp lúc. Vì như trên đã nói, báo này nguyên của ông Tissot đứng ra xin phép và đỡ đầu cho ông Tiết Như Ngọc, tưởng đầu báo này xuất bản không nhiều thì ít cũng bắt chước “Tứ Dân Văn Uyển”, thỉnh thoảng viết một bài ca tụng chính phủ bảo hộ; đảng này, đã không làm như thế lại còn đả kích quan trường, con đẻ của chế độ bảo hộ, nên ông Tissot cũng không được hài lòng mấy. Do đó, giữa ông Tiết Như Ngọc và tòa soạn thường vẫn có những cuộc xích mích làm cho ông Ngọc bực mình, có khi bỏ đại về Hưng Yên, mặc cho anh em nhịn đói (vì ông Ngọc phụ

trách việc ăn uống tập đoàn của anh em trị sự và tòa soạn).

Nhiều người cho việc đóng cửa báo là một cái may.

PHẦN II

BÁO ĐẤU TRANH

TÔI, THẰNG VÔ LẠI

Lỗ lã không đáng kể. Đóng cửa tờ “Công Dân”, chúng tôi vui như Tết, bởi vì còn bao nhiêu tiền, chúng tôi đi hát sáng đêm. Thực ra, trong thời gian làm báo, anh em cũng chẳng ai có tiền tiêu xài, người nào cũng lo xoay sở riêng để chi tiêu trong gia đình. Riêng có Vũ Trọng Phụng bán nhất, là vì anh chưa có vợ để buôn bán giúp đỡ, mà bà nội và mẹ lại già, không thể kiếm ra tiền. Vì thế Vũ Trọng Phụng không mấy tán

thành nếp sống của chúng tôi lúc đó; nhiều khi anh em đi hát hay chè rượu, phiên phò thì anh ngồi uống nước, hút thuốc lào một mình và viết bài cho báo khác để kiếm thêm giúp bà, nuôi mẹ.

Cuốn “Dứt tình” và “Giông tố” của Thiên Hư Vũ Trọng Phụng viết trong thời kỳ này. Bây giờ đọc hai cuốn truyện ấy, có nhiều người tưởng là anh viết một hơi; thực ra, Vũ Trọng Phụng không bao giờ có thời giờ để viết quá mười trang giấy. Cứ gần đến ngày phải nộp bài cho “Hà Nội Báo” – tiểu thuyết “Giông tố” bắt đầu viết từng kỳ trên báo này – Vũ Trọng Phụng lại ngồi ì ra một đồng, hút thuốc lào và hỏi âm lên có ai biết kỳ trước «Giông tố» đã viết đến đoạn nào rồi không. Chẳng ai trả lời cả, bởi vì chẳng có ai đọc «Giông tố» hết.

Vũ Trọng Phụng chán đời hết sức, đành phải đi tìm “Hà Nội Báo” để đọc xem mình đã

viết đến câu gì, bấy giờ mới phủ phục xuống giường như con voi viết tiếp, mắt hiếng hản đi mà lưỡi thì lè ra như lưỡi con thần lằn, có khi vừa viết vừa chửi thề sao mình lại khổ đến thế này, cứ phải viết mới có tiền sanh sống.

Bây giờ Phụng đã ra người thiên cổ; nhắc đến anh, người ta thường kể lại một câu nói của anh: “Nếu mỗi ngày tôi có một miếng bít tết để ăn thì đâu có phải chết non như thế này”.

VŨ TRỌNG PHỤNG

Câu nói ấy, chính Phụng đã thổ lộ với tôi trên giường bệnh. Phụng và tôi là bạn học từ lớp Dự bị trường Hàng Vôi. Ở trường này ra, tôi theo học Lycée Albert Sarraut, còn Phụng lúc được mười tám, mười chín tuổi đã phải đi làm thư ký cho nhà in IDEO, kiếm mỗi tháng mười hai đồng bạc để về nuôi bà và nuôi mẹ. Vì không đủ sống một phần, mà

cũng vì thích viết văn, đọc báo phần khác, đến tối về nhà, anh viết truyện ngắn để bán cho tờ “Ngọ Báo” của Bùi Xuân Học và “Nông Công Thương” của ông Phạm Chân Hưng (thân phụ Phạm Huy Thông, tác giả cuốn thơ bất hủ «Tiếng địch sông Ô»). Những truyện ngắn đầu tay của Vũ Trọng Phụng là những truyện «bực thầy». Bây giờ nhắc đến anh, ai cũng nhớ đến «Sổ đỏ», «Giông tố», «Trúng số độc đắc», «Dứt tình», hay những phóng sự như «Cạm bẫy người», «Kỹ nghệ lấy Tây», mà ít có ai nhớ rằng Vũ Trọng Phụng nổi tiếng một thời là vì những truyện ngắn như «Chống nạng lên đường», «Cái răng vàng» và nhiều truyện khác nữa mà tôi không nhớ tên đề, trong đó có một truyện đăng báo «Nông Công Thương», thuộc về loại hiện thực, tả một gia đình ở Hàng Bạc có mấy cô con gái đứng trong mảnh mảnh nhìn trai ở ngoài đường và tối đến lại tụ họp gầy đàn «xù, xang, xê, lú, cộng».

Phụng có một cái tài đặc biệt là không hề biết đánh bạc là gì, mà tập phóng sự đầu tiên viết cho báo “Nhật Tân”, anh dám đề cập đến vấn đề bạc bịp. Thực ra, anh cũng chưa hề quan sát một vụ “đánh bờ” bao giờ, nhưng anh viết như một người đánh bạc thông thạo nhất, đó là nhờ một người anh là ông Trưởng Tạo, cũng ở phố Hàng Bạc, nói chuyện lại để cho anh viết. Cũng thế, đọc truyện “Số đỏ”, ai cũng tưởng Phụng là một tay ăn chơi sành sỏi khét tiếng mà lại “đểu” là khác nữa, nhưng sự thật trái ngược hẳn: trong tất cả anh em quen biết, Phụng có lẽ là người “chân chỉ hạt bột” nhất, hiền lành nhất mà tương đối cũng là đạo đức nhất. Tiêu pha hay chơi bởi gì, anh tính toán từng đồng xu, không phải là vì keo, nhưng chính vì anh phải đứng mũi chịu sào lo cho cả nhà, trong đó có một bà nội góa và một bà mẹ góa, đồng thời lo sao để dành dụm được ít tiền lấy vợ, hầu có con nối dõi.

Về sau này, Phụng mòn mỏi đi, một phần lớn cũng là vì thức đêm thức hôm để viết cho nhiều báo như “Tiểu thuyết thứ bảy”, “Tiểu thuyết thứ năm”, “Hà Nội tân văn”, lấy tiền, nhưng cuộc sống của anh ở bên ngoài đối với những người lạ, không có vẻ gì vất vả; trái lại, anh lại ra cái dáng nhàn nhã, ung dung là khác. Dù bận rộn viết lách đến mấy đi nữa, tuần nào anh cũng đọc hàng chục tờ báo Pháp để học thêm. Trong anh em, có thể nói anh là người hiểu rõ tinh thần của giọng văn “Canard Enchaîné” nhất, mà anh cũng am hiểu nhất chánh trị ở nước Pháp và thế giới lúc bấy giờ.

Cũng trong tất cả anh em, Phụng là người có thú tự, phàm có tài liệu gì, hay, lạ thì cất đi, cho nên vào lúc một tuần báo ở Huế đả kích anh viết văn khiêu dâm, anh đã lên tiếng trả lời rất vững, kèm nhiều chứng cứ và tài liệu rất “búa” làm cho một linh mục phải nhận là anh có lý... Phụng sống một

cuộc đời kín đáo, khiêm nhường, coi việc gì cũng là thường và không bao giờ tỏ ra ngạc nhiên hay lo sợ quá trớn. Không có tiền thì không tiêu, anh không hỏi vay của ai bao giờ mà cũng ít phàn nàn với ai rằng mình khổ. Đó là một đức tính làm cho anh em kính nể, nhưng anh em thương Phụng nhất về điểm dù khổ đến thế nào, Phụng cũng thủy chung như nhứt với anh em, cứ mỗi khi có báo dù biết trước là viết không có tiền, không nhiều thì ít, thế nào Phụng cũng có bài cộng tác với anh em, và lâu lâu Phụng lại đi hát với chúng tôi, nhậ nhệ như ai và quấy cũng như ai.

Bây giờ, ngồi kể lại cuộc đời nói láo, tôi thơ thần còn như trông thấy “những con ma” thân thiết đó, vào những đêm mưa phùn, nằm tròn chung quanh một khay đèn nói chuyện thăm thiết ân tình; tuy không tuyên bố ra lời, nhưng qua ánh mắt thì người nào như cũng tự thể với lòng là sinh tử có nhau.

Nhưng cuộc đời bao giờ đứng im một chỗ mãi, không thay đổi? Tiền hết, các buổi họp ở hồng lâu cũng không còn. Mỗi người đi một ngả: Nguyễn Triệu Luật đi dạy học; Vũ Liên chết; Nguyễn Như Hoàn cũng qua đời. Còn lại Phùng Bảo Thạch, Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng và tôi ngồi chờ một cái gì.

Chờ thì cái gì mà chẳng đến? Chúng tôi lại gặp Đinh Khắc Giao rủ nhau làm tờ “Tương Lai”, giám đốc chính trị là Hà Văn Bính, còn chủ bút là Phùng Bảo Thạch. Cho đến bây giờ, tôi vẫn nhận rằng Phùng Bảo Thạch là một nhà báo lão luyện, có nhiều sáng kiến và nhiều mảnh lời, nhưng đó là một người bạn không may suốt cả một cuộc đời, nên về vật chất đã chẳng bằng ai, mà tiếng tăm về nghề báo thì hầu như không có mấy ai biết tới. Bây giờ chẳng biết ở bên kia Bến Hải, anh còn làm nghề báo nữa không? Riêng tôi biết, thì từ hiệp định Genève trở về trước, anh là một người khổ cực về nghề báo, tù tội

về nghề báo, nhưng tuyệt nhiên tôi không hề nghe thấy anh ta oán một lời nào. Trái lại, trong những cuộc hội họp với anh em, anh lại ưa cười, ưa phá, và cũng là người đầu tiên bày ra những trò vui nhộn để làm cho anh em quên lãng cuộc đời đầy nước mắt.

Để «giúp vui», nhiều anh em bị đưa ra làm mục tiêu cho bọn chúng tôi đùa cợt. Đùa ít thì không sao, đáng tiếc là có nhiều khi anh em đùa dai quá, thành thử «nạn nhân» tức bực cáu bẳn, không ngại đưa ra những lời lỗ mắng để đáp lại.

Đó là trường hợp Vũ Liên bị chọc, tức quá không chịu nổi nữa, nửa đêm bỏ nhà báo đi về nhà quê, sau khi thóa mạ cả bọn chúng tôi là «quân mất dạy». Nguyễn Triệu Luật cũng vậy, nắm tay đập xuống bàn bị thương, chảy máu, thế từ giờ «không thềm viết lách với bọn bay». Riêng Ngô Tất Tố thì có khi bị Phùng Bảo Thạch và tôi chọc uất quá, tưởng

như có thể thổ ra máu như Chu Công Cẩn. Thực tâm lúc nào tôi cũng kính phục Ngô Tất Tố về đức độ, về văn tài, học lực, như một bậc đàn anh. Thành thực hơn nữa, tôi lại phải nói thêm rằng tôi rất bất bình khi thấy báo «Duy Tân» của Nguyễn Đình Thấu kêu đầu xú Tố là Đồ Tố và cứ nhắc đi nhắc lại câu vè:

Anh Đồ ơi,

đôi mắt anh không sáng,

cũng không nhèm.

Suốt đời anh không biết ăn kem Bờ Hồ.

Nhưng không hiểu duyên nợ gì cứ buộc tôi phải chọc Ngô Tất Tố. Điển hình là vụ Ngô Tất Tố dạy tôi học chữ nho, và tôi dạy lại Ngô Tất Tố học chữ Tây.

Sau một mật ước với anh em, tôi làm ra

bộ rất đúng đắn, một hôm, trình trọng bảo Ngô Tất Tố:

– Bác Tố ạ, chúng ta làm báo đã lâu, nhưng thực ra chưa làm báo.

Tố quắc mắt, hỏi tôi:

– Bác nói gì? Tại sao ta lại chưa làm báo?

– Là ý tôi muốn nói thế này, bác ạ. Bác viết báo vào hạng cù, anh em đều nhận thế; nhưng dù sao bác cũng phải nhận rằng bác còn thiếu chữ Tây, mà tôi vào cái hạng đàn em, nhưng viết cũng gọi là khơ khớ, tôi lại thiếu hẳn cái chữ nho.

Thế rồi tôi bỏ lửng không nói nữa. Lát sau, Phùng Bảo Thạch mới bàn:

– Thì có khó gì đâu. Bác Tố và anh Bằng bổ túc lẫn cho nhau thì chu hết, cần gì phải băn khoăn.

Ngô Tất Tố hỏi bổ túc thế nào. Phùng Bảo Thạch đề nghị mỗi ngày hai người nên dành ra nửa tiếng đồng hồ để dạy lẫn nhau: Tố dạy Bằng chữ nho, còn Bằng dạy Tố tiếng Pháp. Anh em cho là phải.

Ngày hôm sau, tôi bắt đầu chương trình dạy tiếng Pháp và được bác Tố chăm chú học hỏi một cách thành kính. Tôi bắt đầu bằng một tràng lý luận:

– Tôi không hiểu chữ nho ra sao chứ cách cấu tạo chữ Pháp của họ tinh vi và thiết thực hết sức. Đại khái cây mía. Nó nói gì? Thoạt đầu, nó giống cây tre, cây tre tiếng Pháp là [bambou]. Hít cây mía, có nước. Nước là eau. Vì thế cây mía tiếng Tây gọi là bambou hít ra lô.

Nghe được lắm. Bác Tố lắm nhảm đọc “bambou hít ra lô” là cây mía, cây mía là “bambou hít ra lô”... Mặt tôi vẫn nghiêm. Vẫn lý luận như trên, tôi dạy thêm: lanh nhanh là

cái tàu điện, đánh đồng là cái đỉnh đồng, lơ sơ vợ là anh sợ vợ, laboratoire là Lã Bố ra tòa.

Đến hai danh từ sau cùng, anh em và chính tôi thấy mặt bác Tổ bơ vợ, không thể nín cười được nữa, bật ra một tràng cười khổng lồ làm rung động cả cửa kính và sàn gác. Tổ biết mình bị lỡm, cầm cái gối ném vào mặt tôi và ngay lúc đó đứng dậy mặc cái áo the, chụp cái khăn vào đầu, lê đôi giày Gia Định một cách thiếu não đến nhà Mai Lĩnh nằm nhai khối hận.

Từ hôm đó, Ngô Tất Tố kêu tôi là “đồ vô lại” và “gạt tôi sang hàng ngũ thành tích bất hảo”, không thèm nhìn mà cũng không thèm nói một câu. Phần tôi, tôi hối hận không để đầu cho hết và tự nguyên rửa mình sao lại có thể “đem một linh hồn ra đùa giỡn” một cách vô học, vô liêm sỉ đến như thế được.

Cả tòa soạn phải họp lại, cử một phái đoàn đưa tôi đến nhà xuất bản Mai Lĩnh để

xin lỗi Ngô Tất Tố. Anh em bao giờ lại nỡ bỏ nhau: Ngô Tất Tố, rút cục, bằng lòng tha lỗi cho tôi. Vì thế, trong tờ “Tương Lai”, ba chữ Ngô Tất Tố và bút hiệu Ngô Công lại chịu cùng đứng chung với bút hiệu của chúng tôi để làm cho tờ “Tương Lai” thành một tờ tuần báo tranh đấu được người ta lưu ý.

THẤT VỌNG THỨ NHÌ

Chính vì báo “Tương Lai” được lưu ý mà chúng tôi mắc bẫy của thực dân và gặt lấy một thất vọng trong nghề báo.

Nguyên lúc ấy, chế độ bảo hộ đang trải qua một thời kỳ xáo trộn. Léon Blum lên cầm quyền ở Pháp, Marius Moutet là bộ trưởng thuộc địa. Mặt trận bình dân ra đời. Ở nước ta, chính trị cũng vì thế mà sôi động hơn lúc trước, tờ «Tân Xã Hội» của Trần Đình Long xuất bản ít lâu thì nhóm “Le Travail” xuất hiện, đặt trụ sở ở góc đường Nguyễn Trãi, ra vào có một số nhân vật hiện nay đang tranh

đầu “ở hàng ngũ bên kia”. Chúng tôi là bạn, hàng ngày, vẫn gặp nhau trò chuyện. Tưởng rằng có tờ “Le Travail” bây giờ lại thêm tờ “Tương Lai” thì cũng như cọp thêm cánh, ai ngờ chính vì tờ “Tương Lai” mà anh em lại bất hòa, rút cục đến sanh ra giận dỗi và ly tán mất một thời gian.

“Tương Lai”, cũng như tờ “Công Dân”, là một tờ báo trình bày rất sạch sẽ, lấy hai điểm này làm đích: đả kích quan trường, lên án chế độ thực dân. Tất cả tòa soạn đều hằng say viết lách, không ngờ ở ngay chính cạnh chúng tôi lại có những tay sai của mật thám thường xuyên báo cáo hoạt động của anh em mà không ai biết. Do đó, thực dân đã lợi dụng những tay sai đó gây mâu thuẫn giữa nhóm “Tương Lai” và nhóm “Le Travail”, để rút cuộc khi không, chẳng có chuyện gì đáng kể, chúng tôi căm thù Trịnh Văn Phú, Nguyễn Văn Tiến và các anh em khác, và coi như là thù nghịch.

Nhưng hiểu lắm gì rồi cũng qua đi, chẳng sớm thì muộn, anh em cầm bút chân chính cũng bắt tay nhau thông cảm. Bởi vì những mảnh khoe của thực dân không còn ai không rõ. Nhóm “Le Travail” cũng như nhóm “Tương Lai”, vẫn chưa quên vụ chánh mật thám Arnoux, giữa một buổi trưa, rình lúc đồng chí Văn đi vắng, đến nhà Văn ở đường Henri d’Orléans tạ sự viếng thăm rồi liệng một tấm thiệp có tên và chức vụ của y, mưu làm cho Văn mang tai mang tiếng, mất uy tín với anh em, cùng biết bao nhiêu vụ khác mưu gây hoang mang trong các anh em yêu nước, như vụ một tên mật thám trông thấy Thượng Sỹ Nguyễn Đức Long nhảy chồm từ xe hơi xuống bắt tay lia lịa và trách “sao lâu nay không ra ngoài ấy (ý nói sở Mật thám) tán chuyện với nhau”, hay vụ một tên mật thám khác viết thư đến cho Nguyễn Mạnh Chất ở báo “Le Travail” kèm một số tiền năm mươi đồng. Chẳng nói, các bạn đọc cũng thừa biết cả Nguyễn Đức Long và Nguyễn Mạnh Chất

đều không hề giao thiệp với mật thám bao giờ.

Về vụ tờ “Tương Lai” thì khác: bọn tay sai của mật thám “nằm vùng” trong báo đã bán đứng chúng tôi để ăn mày một chút danh vọng cho bản thân của chúng. Biết vậy, tòa soạn, sau một cuộc họp kín, quyết định từ chức hết để cho “bọn chúng” làm với nhau, nhưng xuất bản tập tễnh được vài ba số thì “Tương Lai” cũng chết. Chính vì vụ “từ chức tập đoàn” này, các anh em “Le Travail” và chúng tôi cùng hiểu nhau hơn, và cũng do đó, một số lớn anh em ở nhóm “Tương Lai” cùng nhóm “Le Travail” tiếp tục tranh đấu cho đất nước đến bây giờ, có người còn sống nhưng cũng nhiều người đã chết ở chốn non cao nước thấp.

Bây giờ, tháng hoặc có khi tình cờ lượm được một tờ báo “Tương Lai” cũ, đọc từ đầu đến cuối, tôi thấy buồn se sắt khi nhớ lại một

quãng đời làm báo đã qua và nhiều lúc tôi ngạc nhiên sao lúc ấy anh em lại có thể viết được những bài hay như những bài phim của Ngu Công, những pô tanh kín đáo mà chua chát của Vũ Trọng Phụng, những xã thuyết sắc bén của Phùng Bảo Thạch... Và từ ý nghĩ này bước sang ý nghĩ kia, tôi ưa nhớ lại một ngày nào bỏ Thủ đô theo kháng chiến, tôi được nghe một câu nói không thể nào quên được, lúc dự một buổi họp nhắm lập “làng văn hóa”: “Tạo một lớp thợ chân tay chỉ cần năm năm, chớ tạo một lớp thợ văn hóa thì phải mười lăm năm là ít”.

LÀM “VỊT ĐỤC”

Làm báo là một cái nghiệp, nhưng cũng là một cái tật. Lúc có báo phải nghĩ, phải viết, phải tìm cái mới, lạ để hơn người, thêm vào đó lại phải giải quyết, phải đối phó, lắm khi người viết báo cảm thấy mình khổ hơn con chó, và chỉ muốn tung hê hết cả đi để mà

ngủ ngơi cho nó khỏe khoắn cả tâm hồn và thể xác. Vì thế mỗi khi tờ báo mình làm bị đóng cửa, người ký giả tuy buồn nhưng thở một cái phào vì hé thấy viễn cảnh của những ngày thanh thản, thư nhàn, ăn chơi thỏa chí. Nhưng không lâu đâu, chỉ dăm bữa, nửa tháng, thì lại thấy buồn chân buồn tay, muốn viết và cảm thấy không có tờ báo để làm thì chán không để đâu cho hết, dù biết trước là thiếu hụt tiền nong cũng kệ.

Chính vì thế, chúng tôi không chịu để cho ngòi bút thất nghiệp lâu. Sau khi “Tương Lai” đóng cửa, chúng tôi điều đình lấy lại tờ “Tương Lai” làm một loại mới, không in dọc mà in ngang. Kế đó, cùng với Tô Chân Nho làm tờ “Việt Nữ”, đặt nặng vấn đề chị em bạn gái về phương diện xã hội hơn là chánh trị. Tuy nhiên, đó chỉ là những công việc qua thời, làm để tiêu sầu, chớ thâm tâm chúng tôi vẫn tìm cách chơi một cái trò gì rất trội mà anh em ký giả chưa hề làm. Cơ hội đến

một cách bất thần: Vũ Đình Hải (em bà Đốc Sao) đã giúp tôi gặp ông Nguyễn Văn Thái mới được phép xuất bản một tuần báo tên là “Vịt Đực”. Ông Thái không có phương tiện ra báo nên vui lòng để cho chúng tôi khai thác.

Nhứt định thay đào đổi kếp chuyến này, để cho Tây bớt trừ phần nào hay phần ấy, chúng tôi đặt Vũ Chung đứng làm giám đốc, Tam Lang Vũ Đình Chí làm chủ bút, Nguyễn Đức Long làm quản lý, còn ở bên trong thì vẫn là các anh em cũ, trừ Vũ Trọng Phụng mới qua đời, và Nguyễn Triệu Luật (đi dạy học). Lập trường vẫn giữ nguyên như các tờ báo trước nhưng nội dung thì khác hẳn: thay vì dùng lời văn đứng đắn, trang nghiêm để trình bày ý kiến, chúng tôi áp dụng một thể văn trẻ trung hơn, có tính cách châm biếm, mỉa mai, giễu cợt. Tóm lại, chúng tôi định làm một tờ báo theo lối “Con Vịt Buộc” của Pháp. Cố nhiên chúng tôi đã biết trước không thể

nào viết được những câu văn xuất quỷ nhập thần của Tréno, Bénard... nhưng chúng tôi cũng cố thử làm xem sao. Mấy số đầu báo chạy, nhưng lần lần mất dần độc giả, và đến chừng số mười, mười hai gì đó thì tài chánh kiệt quệ. Họp nhau lại để rút kinh nghiệm và tìm hiểu nguyên nhân báo xuống, chúng tôi công nhận mình đã không bắt chước được tờ “Canard Enchaîné” một ly ông cụ, trái lại còn tẻ nhạt là khác, vì từ đầu đến cuối báo viết toàn một giọng văn, mà hầu hết các bài đăng tải đều có tính cách bình luận các việc đã xảy ra hơn là đem lại cho độc giả những vấn đề, sự việc hay, mới lạ, chưa ai biết.

Riêng Tam Lang hồi đó nổi tiếng nhiều hơn trước gấp bội, vì mỗi kỳ anh lại thả được cái sở trường của anh ra: chơi chữ – đúng với ý thích của độc giả lúc bấy giờ.

Tam Lang Vũ Đình Chí thuộc vào loại làm báo đàn anh, nên được anh em vì nể,

giữ chức chủ bút thật là “trúng mối”, nhưng anh có cái tật là “vần thùng”, đã để tâm vào việc gì, thì chỉ để tâm được vào một thứ, nên các công việc khác phần lớn do Phùng Bảo Thạch, Thiết Can và tôi phụ trách. Bây giờ, Thiết Can đã mất, nhưng nhắc đến “Vịt Đục” buổi sơ đầu, anh em còn sống bây giờ không thể quên được cái “mẫu người” bé nhỏ đó viết rất lâu, cũng từ báo Đông Tây gì đó, mà cho đến khi mất, ít người biết tiếng. Tên thực là Nguyễn Văn Xuân, anh là bạn với tôi từ thời còn đi đất học lớp Dự bị trường Hàng Vôi. Hai anh em cùng ở một phố, lớn lên cùng vào thư viện tự học, cùng viết báo và mỗi khi đọc một cuốn sách gì hay thì cùng tán gẫu, cùng học tập. Làm tờ “Vịt Đục”, tôi mời Thiết Can về hợp tác, và anh đã viết truyện trào phúng đầu tiên của anh, truyện “Mọc sừng”, trên báo ấy, ra cái mặt thạo đời, ngón ăn chơi gì cũng thạo, nhưng thực ra thì “quê một cục”, có lẽ trong làng văn làng báo, không có anh nào quê hơn. Chính vì quê mà

lại làm ra vẻ thạo, nên anh em hùa lại phá anh. Nguyên Thiết Can Nguyễn Văn Xuân là một người gầy ốm và bé nhỏ - nếu không muốn nói là loắt choắt - anh có mặc cảm gái không mê mình là vì mình không được lớn con; phải chi làm thế nào mà to lớn lên được thì bao nhiêu con gái Hà Nội đều chết hết về tay anh. Anh em thấy anh nói to lên mọng ấy đều bùm miệng lại, chạy ra chỗ khác để cười (vì cười trước mặt thì anh giận), và cũng do đó đã toa rập nghĩ cách để phá anh. Một người quả quyết biết bí quyết làm cho thân hình to lớn: ăn củ sắn băm nhỏ trộn với hồ nếp. Một anh bàn sáng nào cũng phải tập thể thao rồi tắm, rồi lại tập thể thao rồi tắm, mỗi sáng cứ làm như thế liên trong ba tiếng đồng hồ. Lại một anh khác nhất định với Thiết Can nếu anh chịu khó thọ khí âm dương, ban ngày nhìn mặt trời hít rồi thở ra một trăm lần, ban đêm nhìn mặt trăng thở ra rồi hít vào một trăm lần thì bảy bảy bốn mươi chín ngày phải cao lớn lên trông thấy.

Bây giờ, có lẽ nói ra thì không có mấy ai tin, nhưng còn nhiều bạn như Tam Lang, Nguyễn Đức Long, Nguyễn Đăng Độ hãy còn sống sờ sờ ra đó, tôi nói mà không sợ phải cải chính: Thiết Can đã thi hành tất cả những phương pháp ấy, mưu biến thành một lực sĩ như Westmuller. Tam Lang, suốt ngày ngồi cạy móng chân đau, thỉnh thoảng lại nhìn Thiết Can và trố mắt, chum miệng lại nói với một vẻ hết sức ngạc nhiên: “Bỏ mẹ chữa, mày tiến bộ trông thấy, chỉ có hôm trước hôm sau mà tao trông mày khác hẳn đi”. Thiết Can nức lòng hết sức, càng gia công tập võ, luyện nội công và ăn củ sắn băm trộn với hồ nếp, rồi đứng sát vào tường đo, gạch một gạch chì xanh lên tường để đánh dấu mỗi ngày anh cao lên được mấy phân. Anh em đã âm mưu đánh lừa anh, tự động đứng ra vạch giúp và cố nhiên là vạch sai, nhưng Thiết Can đâu có biết như thế, cứ trông vào vạch mỗi ngày mỗi tăng lên mà nắc nỏm tưởng mình cao lớn thực.

Sau, lại có một người đề nghị: Bây giờ mày cao rồi, nhưng chân mày đi chữ bát, trông không “cừ”, mày phải làm cách nào cho hai chân mày thẳng như... chân Tây thì con gái, đàn bà mới chịu. Tất cả đều tán thành ý kiến đó. Thế là Thiết Can lại bị ám ảnh vì hai cái chân đi chữ bát, lúc nào cũng hỏi dò hết người này người nọ, xem làm cách nào cho hai cái chân thẳng như chân Tây được. Anh em bắt anh phải tổ chức một “chầu” gì mới tiết lộ cho anh biết bí quyết gia truyền. Thiết Can chịu liền. Và mấy hôm sau, anh vui như Tết, thực hành bí quyết ấy một cách hết sức siêng năng, tin tưởng: nhào bột bó hai ống chân, rồi lấy bốn miếng cây dài ép lại, lấy thùng buộc như ta gói giò. Chắc chắn tất cả bạn đọc đến đây đều không tin, nhưng tôi cam đoan một trăm phần trăm Thiết Can đã làm đúng như thế, và chừng một tuần sau, anh yên trí rằng chân anh thẳng như chân Tây thực. Thấy mình đã cao lớn mà hai chân lại thẳng, tự nhiên anh thấy mình oai phong

lầm lẫn, suốt ngày chỉ lo chải đầu, nhổ râu và tưởng tượng có rất nhiều trang quốc sắc thiên hương say mê anh thực.

Lợi dụng tình trạng tâm lý ấy, một hôm, Tam Lang đi đâu về không rõ, hớt hơ hớt hải bấm Thiết Can ra ngoài đường nói chuyện bí mật “chỉ hai người biết với nhau thôi”. Nhưng thực ra thì tất cả anh em đều biết hết: Tam Lang trình trọng tiết lộ cho Thiết Can biết là anh vừa gặp một cô đẹp nảo nùng, đẹp ghê lắm, đẹp chết đi được, hỏi thăm: Thiết Can, tác giả truyện “Mọc Sừng” là ai và ngỏ ý muốn được “biết” Thiết Can. Nguyên Thiết Can đã quê một cục, thêm Tam Lang lại nói dối như ranh mà vẻ mặt lại làm ra thực thà gia rít , nên anh em không phải đợi lâu, đã thấy Thiết Can mắc bẫy. Về sau này, có người biết chuyện, cho là chúng tôi tàn ác, đem linh hồn của một con người ra nhạo báng, nô đùa; nhưng thực tình lúc ấy đa số anh em tin là đã giúp ích rất nhiều cho anh bạn “thiếu

cả bề ngang lẫn bề cao” đó. Vì nhờ thế mà ít ra trong một thời gian, Thiết Can biết lẽ vui sống, tin tưởng ở đời và do đó yêu mình, yêu người hơn lên. Giai nhân tuyệt sắc mà Tam Lang nói đó, anh đặt tên cho là Thùy Dương, Kiều Thị Thùy Dương. Suốt ngày Thiết Can lăm băm cái tên kiều diễm đó. Vì tôi là bạn từ tấm bé, lại được gán cho cái chức vị chơi bời, đàn đĩm, Thiết Can ngỏ bí mật thiêng liêng ấy với tôi và hỏi tôi có biết Kiều Thị Thùy Dương là ai không. Tôi bèn quắc mắt lên bảo Thiết Can:

– Mày định giở trò gì vậy? Ở đây, ai còn không biết Thùy Dương là vợ sắp cưới của tao. Bộ mày muốn phỗng tay trên tao hả?

Từ đó, một chuyện bi tình tưởng tượng có sắt, máu và nước mắt diễn ra giữa Thiết Can và tôi. Trong khi đó, Tam Lang và các anh em khác, cách hai ngày, lại “chế tạo” một bức thư xanh viết giọng văn “Giọt lệ sông

Hương” ký tên Kiều Thị Thùy Dương, gửi bưu điện đến cho nhà văn kiêm ký giả Thiết Can, tả nỗi lòng u uất của một người yêu thầm nhớ trộm mà “không biết ai kia có biết cho chăng”. Thiết Can gói những thư ấy vào một tấm giấy mầu ép vào trong áo, ngay ở chính trái tim, kiểu Lucrèce Borgia ở đoạn kết vở kịch của Victor Hugo. Kể làm sao cho xiết được nỗi lòng bi thảm của chúng tôi khi đó: một bên là bạn, một bên là vị hôn thê, mà vị hôn thê đó lại mê bạn mình, chẳng lẽ tôi giết bạn đi? Mà hy sinh vị hôn thê cho bạn, tôi đau đớn chịu làm sao cho nổi? Hết ngày ấy sang ngày khác, Thiết Can van lơn tôi, dỗ dành tôi. Đến nửa tháng sau, được thêm lời khuyên nhủ của anh em, tôi đành “hy sinh” vậy. Và từ đó người đẹp tưởng tượng Kiều Thị Thùy Dương hoàn toàn thuộc về Thiết Can trong một sự mê say kỳ ảo, không khác gì chàng thư sinh trong truyện Liêu Trai mê hồ ly tinh. Và có lẽ nếu trời chúng sống cho Thiết Can, đến bây giờ anh vẫn cứ còn yêu

say sưa, yêu mê mọt Kiều Thị Thùy Dương như “trong buổi ban đầu lưu luyến ấy”.

Trong suốt thời kỳ làm “Vịt Đực” đường Cột Cờ, những vở kịch bi hài như vậy diễn ra thường xuyên, cũng làm cho anh em đỡ buồn và quên đi chốc lát cuộc đời. Tuy nhiên, mỗi lúc kiểm điểm lại công việc, xem báo lỗ lỗ ra sao thì không anh nào vui hết, vì báo đứng, mà đứng thì nguy, vì số chi nặng hơn là số thu. Giữa lúc đó, có vài anh em đề nghị với tôi nhường “Vịt Đực” lại cho một người khác vẫn thì thọt lại chơi nhà báo, mà dường như có nhiều chân tay trong sở Mật thám. Trong mấy buổi họp ở quán Anh Mỹ của Bùi Trọng Hữu, bình bút tờ “Việt Báo” của Bùi Xuân Học, tôi không phát biểu ý kiến. Đến tận giờ chót, sau khi đã điều đình được một nhà in mới nhận in tờ “Vịt Đực”, tôi nói thẳng là tôi không nhường báo lại cho ai cả, anh nào bằng lòng tiếp tục cộng tác thì ở, ai ngại vất vả, túng thiếu thì tùy nghi.

Báo “Vịt Đục” không nghỉ một số nào. Trụ sở từ đường Cột Cờ dọn lại phố nhà thương Phủ Doãn trên một cái gác bé nhỏ, oi bức, còn tòa soạn thì chỉ còn có hai người là Phùng Bảo Thạch và tôi chia nhau ra viết bốn trang khổ giấy 40x55, không quảng cáo. Nhờ vì chi tiêu ít, mà cũng may là có một vài sự việc xảy ra, báo lên lần lần. Chúng tôi thêm nhiều mục, thay đổi giọng văn và cách trình bày “việc có thực viết như là bịa, mà bịa thì viết y như có thực”. Độc giả ăn giọng dần dần, báo in tăng lên trông thấy.

Làm báo, không có gì khích lệ người ta hơn là thấy báo mỗi ngày mỗi chạy hơn. Không ai bảo ai, Phùng Bảo Thạch và tôi mát cả gan cả ruột, và lại càng cố gắng “học tập” tờ “Canard Enchaîné” viết cho lâm ly quy phượng hơn nữa, hơn nhiều nữa. Phần lớn ý kiến là của Thạch; tôi có nhiệm vụ đào sâu và biến hóa các ý kiến đó khi viết bài. Tôi sẽ không thành thật nếu không nhận rằng

cách thức viết “Vịt Đực” lúc ấy, một phần tôi đã chịu ảnh hưởng của tờ “Duy Tân”, nhưng dù sao báo “Duy Tân” cũng chỉ là một loại báo “mặn” ăn tục nói phét kiểu Frou Frou, Le Rire... nhiều khi đọc đều quá, những người đứng đắn dù có muốn đọc cũng chỉ lén lút, chớ không dám cầm công khai ở tay đi ngoài đường. Chúng tôi muốn có một trình độ cao hơn thế ở tờ “Vịt Đực”, nghĩa là muốn làm tờ báo ấy thành một tờ báo chánh trị, xã hội, có một lối viết hư hư, thực thực, châm chọc nhưng không làm cho người ta tức giận, oán hờn, đùa cợt mà không làm thương tổn đến thuần phong mỹ tục.

Riêng tôi lúc ấy, tôi lấy Pierre Bénard, De Lafouchardière, Clément Vautel... làm gương mẫu, còn các văn nhân trong nước, lúc nào tôi cũng coi Văn Tội Hoàng Tích Chu, tác giả mục “Chuyện Đâu”, Lãng Nhân Phùng Tất Đắc, tác giả mục “Trước Đền” cùng Phan Khôi ký tên Thông Reo, Ngô Tất Tố bút hiệu

Ngu Công, là những người đàn anh lỗi lạc.

Bây giờ, ngồi kiểm điểm lại những cây bút trào phúng như thế không còn có bao nhiêu, vì thế có lúc mây chiều gió sớm, ngồi ôn lại những ngày qua, trò chuyện với những con ma quá khứ, tôi vẫn nghĩ không phải mười, mười lăm năm mà đã dễ gây được một lớp người văn hóa. Bao nhiêu nước đã chảy qua cầu, thực tình tôi vẫn chưa thấy có những cây bút thay thế được các bậc đàn anh ấy, nói riêng về môn trào phúng mà chơi.

Riêng tờ “Vịt Đục”, chúng tôi muốn có nhiều bài, nhiều mục mà văn thật ngắn, sỗ người ta càng kín đáo càng hay. Nhưng nghĩ một đàn ông mà làm được lại là việc khác. Số người bị sỗ mỗi ngày mỗi tăng thêm. Bắt đầu là bà Đốc Trịnh Thục Oanh, lái xe đến nhà báo định giở trò lăng mạ, nhưng vì biết trước, cả tòa soạn hóa trang thành Tarzan, nên bà mắc cỡ bỏ đi, rồi đến ông bà Kế Hồng, các vị tai to mặt lớn, các quan lại, các giám đốc nha,

sở, các ông các bà đốc học ninh Tây... phàm anh nào dính dáng đến Tây, bạ Tây, lấy oai Tây ra ăn hiếp đồng bào, chúng tôi đều “cân” hết. Cố nhiên, chúng tôi “cân” một cách “hạn chế”, nhưng người mình lạ lẫm, phần lớn họ tự coi như là “bất khả xâm phạm”, hơi động đến họ cũng làm cho họ không bằng lòng, vận động đóng cửa «Việt Đục» bằng cách này hay cách khác, nên có nhiều khi chúng tôi mất bình tĩnh, nhất là vụ Tôn Thất Bình, chủ bút báo «La Patrie Annamite» do Phạm Lê Bổng làm giám đốc. Bình ra tranh chức hội viên thành phố. Giới thiệu các danh sách ứng cử, tôi viết về Tôn Thất Bình chỉ có một câu: «Tôn Thất Bình: con rể Phạm Quỳnh, đêm nào cũng chửi Phạm Giao (Phạm Giao là con trai Phạm Quỳnh đã bị giết chết hồi cách mạng mới lên.) rả rích».

Điển hình là vụ bà Đốc Trịnh Thục Oanh, nổi tiếng một thời là gương xấu cho học trò con gái lúc bấy giờ.

“Vịt Đực” chế nhạo bà. Tự cho là có thể lực, bà kiện “Vịt Đực”. Chúng tôi ra luôn mấy số báo tổng công kích, và cố nhiên thua kiện; nhưng tất cả chúng tôi bất cần, chúng tôi cứ pháo kích bà với những hỏa tiễn “bự thấy mô” kèm những tranh vẽ bà Oanh, đại khái ngồi trước một cái chậu rửa mặt, mà mắt mũi đen thui như mực:

– Bà đốc Oanh rửa mặt tại tòa.

Dư luận xôn xao, các bậc phụ huynh nhảy lên vì vẫn oán ức bà Đốc này, nhưng không ai dám ho he phàn nàn, và bà có tiếng là tiếp xúc thân mật với rất nhiều Tây bự, trêu vào thì chết.

Mà chúng tôi cũng tưởng chơi bà chuyện ấy thì chết thật, nhưng có lẽ vì Tây chỉ lấy lòng bà ngoài mặt mà trong bụng thì khinh, nên dù bà nhờ nhiều quan can thiệp mà chúng tôi cứ sống nhăn. Sau hết, một hôm có một người lính khố xanh đến đưa một văn

thư mời chúng tôi lên văn phòng báo chí phủ Thống sứ “có việc cần”. Quản lý Nguyễn Đức Long đi liền, được ông Lê Tài Trường tiếp đón rất niềm nở: Ông thống sứ Châtel muốn nhà báo chấm dứt loạt bài chửi bà Oanh đi. Ông Trường còn cho biết là nhà báo “có cần gì thì cứ nói, anh em với nhau cả mà!”

Chúng tôi chẳng cần gì cả, chỉ cần pháo kích bà Oanh cho đến khi nào bà đỡ ra, không ngo ngoe nữa – mặc dầu có ông Thống sứ che chở cho bà. Và chúng tôi đã liều hết chỗ nói: xỏ luôn cả ông Thống sứ, với bà Oanh, mà lạ một cái là báo vẫn không làm sao cả. Chắc hẳn ở trong có một ẩn tình gì cho nên Châtel mới không bóp cổ Vịt cho chết luôn, chớ thật ra, Thống sứ lúc ấy còn ghê hơn tổng thống, thủ tướng bây giờ, nếu định hại chúng tôi thì mấy mà không chết sớm. Có lẽ Châtel sợ binh bà Oanh quá thì mang tiếng về đến Pháp chẳng...

Vậy là chúng tôi chửi chí چاپ, chửi chết thì thôi. Độc giả mua đọc nhiều. Nhưng dù sao, đó cũng là một cái “yếu” của chúng tôi làm cho “Vịt Đực” mất phần nào uy tín. Thêm nữa, được cái đà báo chạy quá, chúng tôi về sau có một thái độ hơi phóng túng, mở ra vài mục hơi tục tĩu như “Tiểu Lâm Vịt Đực”, “Tiếng Oanh” do cô Ngã (Ngựa) phụ trách, nên tờ báo hơi mang tiếng. Nhưng mang tiếng là một đàn, mà số in mỗi ngày mỗi nhiều hơn lại là chuyện khác. Có người đọc công khai, có người mua rồi giấu đi đem về nhà chờ lúc vắng vẻ mới dám đem ra thưởng thức; nhưng dù cách nào đi nữa thì người ta cũng tranh nhau tìm đọc “xem họ chửi cái gì” và do đó “Vịt Đực” thành một lực lượng đáng kể, thường in không đủ bán. Những lúc như thế, anh em bè bạn ở bốn phương về chơi với báo sao mà nhiều thế! Có người “không vì lý do gì cả” rủ anh em đi hát luôn cả một tuần; có bọn mời đi ăn đi uống cho bằng được “nếu không thì giận”; lại có người

bỏ ra hàng đồng bạc mời anh em làm một “tua ở Huế đi thuyền trên sông Hương nghe hò”.

Không cần biết ai là bạn, là thù – mà thù nhiều hơn bạn – chúng tôi chấp nhận đi chơi bởi ăn uống với tất cả, không phân biệt, mà cũng không cần “gác đờ co”, chớ phải chi bây giờ sống một cuộc đời nguy hiểm, lúc nào cũng có sẵn người muốn “xin tí gân, tí huyết”, ít nhất là mỗi anh trong bọn chúng tôi cũng phải có hai con khỉ độc canh chừng, và đi đâu thì xoàng ra cũng phải có một đoàn hộ tống đi mô tô và xe díp bấm còi điếc mũi người ta. Không, chúng tôi là bọn điếc không sợ súng, lúc nào cũng tin ở số tử vi, chưa đến số thì “không có thằng chó nào làm hại được mình, chỉ có trời hại được mình thôi”.

Phải, chúng tôi viết báo rất ác, rất đều, rất hại người, nhưng trong thâm tâm thì lúc nào cũng chủ trương phải ăn ở phúc đức vì “có

Trời cả”, mà cuộc đời chúng tôi lao đao, lận đận, lên voi xuống chó bao phen cũng là do ông trời. Có ai, vào buổi sáng tinh mơ, nghe thấy Nguyễn Đăng Độ (biệt hiệu Thiên Thê), một bạn thân của nhà báo, ngâm câu thơ đặc ý của anh, nói rõ lên được tâm sự của cả bọn chúng tôi lúc đó mới biết cái buồn của anh em viết báo lúc thắng cũng như khi bại ra sao:

Trên tiên cung, có tội gì?

Xuống trần mà trả nợ đi cho rồi.

Đến đây, chúng tôi thiết nghĩ cũng nên nói tại sao lại chửi hăng như thế. Nguyên hồi ấy là thuở «Thịnh Đường» của chế độ thực dân. Pháp và tay sai nắm vững các cơ cấu trong nước, các đảng cách mạng chỉ có thể hoạt động ngấm ngấm, phàm cái gì nghịch lại với thực dân đều bị đàn áp một cách kín đáo và thâm độc. Riêng trong lãnh vực báo chí, họ không cần áp dụng chế độ kiểm duyệt,

mà cũng chẳng cần phải buộc «nạp bản» làm gì; duy có ai ra báo phải xin phép trước và in xong một số báo rồi thì phải đưa ra «dépôt légal».

Nạp bản và dépôt légal mới nghe thì tưởng cũng giống nhau, nhưng bên trong thì khác biệt. Nạp bản là báo đập thủ ra giấy rồi đưa ra cho Thông tin hay một cơ quan nào tương tự đọc, bình thường chẳng làm sao, nhưng nếu có gì xét ra chướng ngại thì một cú “phôn” sẽ khuyến cáo nhà báo nên “tự bỏ” bài ấy hay đoạn ấy đi ngay “cho khỏi xảy ra sự đáng tiếc” sau này. “Dépôt légal” rộng rãi hơn thế: nhà báo cứ in hẳn ra mà bán, đồng thời nộp mười, mười lăm số cho các cơ quan liên hệ như Thông tin, Tòa án, Thư viện... Bài vở trơn tru chẳng làm sao, nếu có gì trục trặc, láo lếu thì tòa án truy tố chủ nhiệm và quản lý ra tòa.

Vì thế “Vịt Đực” cũng như các báo “Công Dân”, “Tương Lai”, “Việt Nữ”... viết thả cửa, “ra tòa hay tù tội là chuyện sau”. Trong suốt cuộc đời làm báo, có lẽ không có hồi nào chúng tôi vui như lúc làm “Vịt Đực”: thường thường chúng tôi thức trắng đêm không ngủ, họp nhau tán gẫu và cứ tán gẫu như thế thì ra nhiều chuyện tức cười. Có đêm nghĩ ra một câu xỏ ngọt thần diệu, hay một vấn đề giấu cợt tài tình, chúng tôi cười thắt cả ruột, cười đau cả bụng. Thế rồi có khi vì sương quá, có khi vì mệt quá, có khi vì chán đời quá, chúng tôi không ngủ nữa, nửa đêm kéo nhau đi ăn, đi hút, đi hát và thường thường đi hát như thế, chúng tôi không trở về nhà báo nữa, ở luôn cô đầu, ở nhà này vài đêm, nhà kia vài đêm, viết bài luôn tại chỗ, rồi đưa tùy phái đem về nhà in xếp chữ, “mì” lấy và in luôn, không cần “bon à tirer”. Lưu Văn Phụng, quản lý, và Vũ Chung, chủ nhiệm, vài ngày lại tạt về báo quán một lần, để giải quyết vấn đề trị sự và thu tiền của cai báo,

của trẻ em bán báo lẻ và của các người mua năm trả bằng tiền mặt hay ngân phiếu.

Nếu thu được nhiều, chúng tôi không ăn cơm ở cô đầu, trưa và chiều nghe ng-hệן mỗi người một xe đi từ Vạn Thái, Khâm Thiên lên Bôn Be, Hàng Buồm ăn nhà hàng rồi lại trở về nhà hát và thường thường thì trị sự thu được tiền rất khá, vì báo bán chạy, có nhậ nhệן hát xướng cả năm cũng không sợ thiếu. Ấy vậy mà chúng tôi thiếu tiền thường xuyên, và chúng tôi không hiểu tại sao lại thế. Khốn nạn nhất là mỗi ngày thứ ba hàng tuần, tức là ngày phải trả tiền nhà in để lấy báo phát cho cai và trẻ em. Nhân viên của “tờ báo chạy nhất Hà Nội” lúc bấy giờ, mặt buồn như sắp phải trèo lên núi Can Ve, đành phải trở về nói khó với nhà in chịu tiền. Chịu hai số, năm, sáu số, được đi; nhưng chịu tiền in đến chín số báo, điều đó không thể dung thứ được. Nhà in gửi cho một tối hậu thư. Thạch và tôi, đương trưa trời nắng, phải cuốc

bộ đi tìm người để vay dăm ba trăm lấy báo. Còn giấy in? Tôi về vay giấy của mẹ, nhưng vay mãi, cả nhà tôi cũng ngán: rút lại, báo càng chạy, anh em lại càng khổ, vì đến kỳ lấy báo nào cũng không có tiền; báo xuất bản ít thì tiền in cũng ít, mà giấy đi xoay đồng thời cũng ít hơn. Thành thử ra làm “Vịt Đục”, chúng tôi thường xuyên sống trong một sự vô lý ngoài óc tưởng tượng của người ta: lúc nào cũng cầu mong cho báo đừng chạy quá. Chạy quá thì báo phải chết, vì số tiền vay sẽ lớn hơn, mà rồi cũng hết người cho vay tiền.

Mà mình tự in ít đi không được. Có một vài số chúng tôi đã thí nghiệm biện pháp này, vào dịp tất niên. Ai ngờ đâu số tất niên, cai báo và trẻ em lại mua báo gấp đôi, gấp ba số thường; báo thiếu bán nhiều quá, anh em bán báo mất một số lợi đáng kể vào cuối năm, biểu tình trước nhà báo, ném đá, phá cửa và không ngại chửi chúng tôi bằng những lời thô tục nhất và hò hét ầm ĩ cả phố là chúng

tôi “ăn chơi xài phí quá, hết tiền, không có báo bán cho anh em, t...s... cha chúng mày”.

Ngay lúc ấy, chúng tôi uất ức không để đâu hết, nhưng đến đêm, chúng tôi cười như phá, vì không bao giờ lại sung sướng đến thế: làm báo mà bị trẻ con chửi tàn nhẫn vì in không đủ bán! Đồng thời, chúng tôi quyết định ăn chơi rả rích cho hết năm cũ; ra giêng sẽ đổi hẳn lề lối làm việc. Nhưng, chúng nào vẫn giữ tật ấy; báo chạy mà tiền thì không còn đồng nào trong két. Tuy nhiên, kỹ thuật viết trào phúng hư hư thực thực của chúng tôi hình như do đó đã tiến bộ hơn lên, cùng với những sáng kiến cũng táo bạo hơn. Đả kích thực dân và quan lại quen quá mất rồi, chúng tôi nhất định làm một cú thực trì: pháo kích vua Bảo Đại lúc đó bị gãy chân vì một vụ mèο chuột sì sảng gì đó. Dưới một cái tit lớn, chạy dài trên trang nhất “Thánh túc vi hòa, vạn tuế thánh túc”, chúng tôi giấu nhà vua luôn cả một tuần, trong đủ các mục,

và có bài đã thành vè truyền khẩu trong dân chúng:

*Trên trời có ông sao tua,
Ở dưới hạ giới có vua thụt hăm.*

Kết cục, lần lượt chúng tôi nhận được ba trát đòi ra tòa hầu kiện. Cố nhiên, chúng tôi phải thua. Theo luật, “Vịt Đực” phải nộp tiền phạt trước mới có quyền chống án. Mà tiền thì dù lúc ấy chỉ cần độ một ngàn đồng, bói đâu ra? Thành thử án lệnh ban hành, chúng tôi biết ngay là báo sẽ chết và phải chết. Tuy nhiên, còn sống ngày nào chúng tôi cứ viết toáng lên cho sướng thân khẩu ngày ấy. Vụ liều chót của “Vịt Đực” là vụ chơi đề docks Terreau, liên quan tới vụ tàu Phoenix bị chìm ở ngoài khơi Bắc Việt. Mục đích làm to vụ này là định dọa chính phủ thực dân hồi đó, để bù lại, họ đứng ra dàn xếp cho xong vụ án “Vịt Đực - Bảo Đại”, hầu mua lấy sự im lặng của chúng tôi. Nhưng thực dân cứ áp dụng hành

động quyết liệt: bắt quản lý và chủ nhiệm “Vịt Đực”, giam cầm hơn một tháng. Trong khi ấy, chúng tôi hết hạn nộp tiền để chống án. “Vịt Đực” phải tự đóng cửa sau năm mươi hai số đả kích không thiếu mặt nào trong xã hội Bắc Kỳ, làm cho nhiều người thích thú, nhưng đồng thời cũng gây ra không biết bao nhiêu kẻ thù lúc nào cũng vái trời vái phật cho Tây đóng cửa “Vịt Đực” sớm ngày nào hay ngày ấy.

PHẦN III

1. BÁO XÂY DỰNG

TIỂU THUYẾT THỨ BẢY

Báo “Việt Đục” đóng cửa, nhiều nhân vật trong nước, nhất là bọn quan lại, bọn bộ Tây, bọn “Tây Annam” chửi đồng bào Việt Nam là “sale Annamite”, bọn nghị viên nghị hòn, bọn lai căng mất gốc, đều thờ phào vì đã nhử được một cái danh trước mắt.

Riêng chúng tôi không tiếc lắm, vì làm được ngần ấy số báo, anh em đã thấy mệt mỏi quá rồi. Mệt mỏi vì viết bài, xoay tiền;

mệt mỏi vì phải lo đối phó đủ mọi mặt với Tây và bọn chó săn gà chọi; nhưng mệt mỏi nhất là lúc nào cũng phải đề phòng, vì không có mấy khi chúng tôi không bị người ta đe dọa. Người thì dọa bắn; người thì dọa cho ăn dơ; người thì dọa cho vào bẫy rồi tống vào tù một gông; người thì dọa sẽ dùng lựu đạn nội hoá san bằng tòa báo. Chúng tôi sẽ còn nhớ rất lâu vụ đàn em Lý Vịt ở Bạch Mai, một đêm khoảng hai giờ, thừa lúc chúng tôi đang nghe hát ở Vạn Thái, nhảy vào sanh sự, ném dao, quăng búa, một hai định chọc tiết chúng tôi vì chúng tôi không ngớt tố cáo chúng mở nhiều sòng bạc ăn thua hàng ngàn, hàng vạn, mà viên đồn Pháp ở đấy lại thông lưng với chúng.

Tại sao chúng lại dám làm dữ như vậy?

Có nhiều phần chắc chắn là tại chúng đặt tin tưởng vào viên đồn người Pháp, nhưng chúng tôi đâu có ngán: ngay lúc ấy, một anh

em nhảy qua tường, đi gọi dây nói về sở Cẩm và Mật Thám cho người đến ngay để lập vi bằng và mặt khác, chúng tôi tin ngay cho tên đồn người Pháp ở Bạch Mai biết rằng ngay sáng sớm hôm sau, chúng tôi sẽ đăng báo tất cả các vụ này và khởi tố với các cơ quan hữu quyền bọn vô danh đột nhập tại gia để giết người cướp của, và tố cáo sự bất lực của viên đồn người Pháp trong việc duy trì trật tự, an ninh.

Kết quả trái hẳn với điều mà bọn Lý Vịt hằng mong đợi: bọn “Vịt Đục” không những không lạnh mắt, hơn thế lại phản công chúng, như có thể làm mất chức ông thầy của chúng như chơi. Chúng bèn nhờ một người quen với cả hai bên đứng ra dàn xếp và tổ chức một bữa tiệc linh đình để cho bọn rằng đen mã tấu hành hung chúng tôi ở Vạn Thái có dịp cúi đầu tạ lỗi. Cố nhiên không có một người nào trong bọn chúng tôi thêm tới, nhưng “đánh người chạy đi chớ không đánh

người chạy lại”, chúng tôi cũng sẵn sàng tiếp riêng Lý Vịt, và bảo cho y biết là chúng tôi sẵn sàng tha thứ.

Ấy đó, ngày nào cũng sống căng thẳng như thế, chịu làm sao cho nổi. Sống như thế, một năm bằng mười năm. Bởi vậy, đóng cửa báo “Vịt Đục” vào lúc đang chạy “lầm liệt”, chúng tôi chỉ tiếc rẻ sơ sơ: anh em trong tòa soạn, trị sự, cũng như tất cả bạn bè của báo đều thấy nhão cả người ra, có dừng bước nghỉ xả hơi cũng là nhằm lúc. Duy buồn một điều là từ đây không có tờ báo nữa, anh em ít có dịp tán gẫu và bàn tán xỏ xiên thiên hạ, cũng như Khổng Minh nửa đêm dậy nhìn trời, biết khí số mình đã tận rồi mà tiếc “trời dài đất rộng, từ đây ta không còn được ra ngoài trận địa nữa, trời hồi trời!”.

Đây cũng là thời kỳ chấm dứt đời làm báo tập đoàn của tôi, anh em cùng chung sống với nhau ở nhà báo, giải chiếu nằm sàn

gác tán chuyện đầu voi đuôi chuột, đến trưa dậy ăn cơm tập thể rồi ngủ, để chừng năm, sáu giờ thức dậy đi ăn uống, phiên phò, rồi đi hát thâu đêm.

Ít lâu sau, anh em phân tán mỗi người một ngả. Phùng Bảo Thạch, Vũ Chung, Lưu Văn Phụng, cùng Dương Tự Giáp làm tạp chí «Văn Hóa», được chừng hai ba số thì thôi; còn tôi, không còn cách gì khác, tôi lại trở về nhà, sống như một con ốc cuộn tròn trong vỏ, đọc các tác phẩm của Dostoievsky, Simenon, Vicky Baum... Các tác phẩm của Dostoievsky ảnh hưởng đến óc tôi hết sức sâu rộng: lần đầu, lòng tôi bớt chua chát, và cảm thấy rằng chỉ có sự thương yêu và nhiều tha thứ mới đem lại một ý nghĩa cho cuộc đời. Đồng thời, tôi nhớ lại những lời mẹ nói, lúc tôi bước chân vào làng báo, và cảm thấy lòng se sắt khi nghĩ rằng trong thời kỳ qua mình đã làm bao nhiêu việc thiếu âm đức, thất nhân tâm... Một cuộc sống mới hình

thành: tôi không muốn làm báo chửi bới nữa.

Đọc sách báo Pháp mãi chán, tôi tìm đọc thơ của Lưu Trọng Lư, Hồ Dzếnh, Hàn Mặc Tử và trong lúc này, tôi thường sang tán láo ở nhà Lưu Trọng Lư ở chung với Nguyễn Tuân đường Nguyễn Trãi. Mỗi khi đọc một truyện gì hay, chúng tôi lại thuật lại cho nhau nghe: Lư lúc ấy mê André Gide, còn Nguyễn Tuân và tôi thì ưa Dostoievsky.

Lúc ấy, Lư cộng tác với mấy tờ báo văn chương, rồi cùng Lê Tràng Kiều tổ chức tờ “Tân Thiếu Niên” của Trần Tấn Thọ (anh họa sĩ Trần Tấn Lộc), nhưng ra được vài số thì báo bị tịch thu và đóng cửa. Cái “chất” của Lư không phải là để làm báo hàng ngày: anh ốm yếu luôn, lại thêm lúc nào cũng lơ mơ như ở trên mặt trăng rớt xuống, có nhiều khi anh em ngồi đông đủ nói chuyện, mà tâm hồn để tận đâu đâu, sịch một cái, anh chạy ra vợ lấy

quản bút và mảnh giấy ghi lại một câu thơ mà anh vừa nghĩ được. Lưu Trọng Lư làm thơ như một ký giả lão thành viết báo; báo thiếu một đoạn, thợ in đòi một bài ngắn để đắp vào, kéo để trắng trông không được, thì Lư làm “Hà Nội Báo”, “Tiểu thuyết thứ năm” cũng vậy. Lê Tràng Kiều phàn nàn thiếu bài, Lư nằm phủ phục xuống cái chiếu trải trên gạch viết luôn một bài thơ. Thú thực, lúc đó, tôi không bao giờ đọc thơ của Lư, vì yên trí là thơ nhăng nhít; mãi về sau này, đến lúc Nhật hạ Tây, có nhiều thời giờ nhàn rỗi, tôi mới bắt đầu thưởng thức thơ của Lưu Trọng Lư và do đó cũng yêu anh hơn, chớ thực ra lúc đầu thì tôi gần như không chịu được nhà thi sĩ đó, chậm chạp, lười biếng, trốn chui trốn lủi như con cù lẩn.

Tiếp xúc lâu hơn, tôi mới thấy Lưu Trọng Lư là một người có học, ham đọc và mâu thuẫn nhất là làm thơ như thế, anh lại thích đọc các sách chánh trị, và tìm hiểu các hiến

pháp, các tổ chức, các đảng phái của Pháp lúc bấy giờ; vì thế sau này anh theo kháng chiến không về, tôi không lấy làm lạ, mà chỉ lạ sao trong anh em, có tin người này chết, người kia chết mà không lúc nào tôi nghe thấy tin anh chết trong khi anh mang bao thứ bệnh và bao nhiêu trác táng trong thớ thịt và huyết quản.

Lúc cùng ở với Lữ, Nguyễn Tuân chưa nổi tiếng. Tôi biết Tuân từ lúc anh còn làm thông tin viên ở Thanh Hóa cho tờ “Trung Bắc Tân Văn”. Đến khi tôi làm “Vịt Đực”, anh cũng thường lại chơi nhà báo, thỉnh thoảng lại quảng cho một hai bài, nhưng vì anh viết dài, nên nhà báo không đăng được. Những bài này hợp với một tờ báo - như “Ngòi Bút” của nhà xuất bản Hàn Thuyên của tập đoàn Nguyễn Xuân Tái, Trương Tửu, Nguyễn Đức Quỳnh - cho nên mới tung ra vài bài như bài nói về “văn minh đồ hộp” nhạo Mỹ thì anh nổi bật. Thực ra, trước đó, Nguyễn Tuân

đã nổi tiếng trên văn đàn, với cuốn “Thiếu Quê Hương”, “Vang Bóng Một Thời”, nhưng thật trối, phải kể từ lúc anh viết truyện ngắn loại “Thèm Ồm” cho Trung Bắc Chủ Nhật” (được Nguyễn Doãn Vượng “mi” thật “trì”, và Mạnh Quỳnh vẽ theo đúng ý muốn của anh). Đến cuốn “Chùa Đàn”, “Tóc Chị Hoài, “Chiếc Lư Đồng Mắt Cua” thì tên anh thật vững, nhưng nói riêng về cá nhân Tuân, bao giờ cũng như bây giờ, tôi vẫn nói công khai giữa thanh thiên bạch nhật là tôi yêu mến anh thật, nhưng có nhiều điểm “tôi không thể nào thương nổi”. Chắc tôi cũng có nhiều điểm để cho anh không ngủi được, nhưng anh em cứ là anh em, lâu lâu không gặp nhau thì nhớ, mà gặp nhau thì hôm trước hôm sau có chuyện “tấy” lẫn nhau... gia rít.

Tôi còn nhớ hồi làm Trung Bắc, tôi về Thanh Hóa thăm anh. Đi tàu hỏa đã mệt, tôi đến nhà anh chuyện trò một lát sau đi ngủ liền. Tuân nhè đúng lúc tôi đang ngon giấc,

lay dậy, bảo mặc quần áo đi có việc cần. Trời thì rét mà ở ngoài còn tối om như mực, tôi không đi, nhưng không được. Tôi đành phải chiều anh bạn “lọ”. Để đi đâu? Anh bắt tôi đi bộ, vòng hết đường này sang đường khác, rồi rủ đi ăn bánh ướt ở một căn nhà lá mà anh bảo là ngon nhất Thang Mộc Ấp. Riêng một cái việc ngồi chờ cho bà cụ bán hàng thấp đèn lên, tráng bánh và rán đậu cũng đã mất hai tiếng đồng hồ.

Những hành động lảm cẩm và dớ dẩn, lộn ruột như thế không thể nào kể xiết. Trong khi người ta mặc quần áo Tây, anh mặc áo gấm huyền, đội khăn; mùa nực, cầm cái quạt đánh chó phải chết, để phe phẩy; nói thì rầm rẫn, đang vui câu chuyện ngừng phắt lại, nhăn cái mũi cười rồi thôi, không nói nữa; đi ăn thì lè khè nhăm nháp, lấy hai ngón tay nhón cái chân chim bỏ câu bỏ lò, ăn chậm như rùa – mà chỉ ăn có hai chân thôi – còn cả con chim thì lấy tay ngoắt phổ ky

lại (chớ không gọi) bảo đem «cát giùm» vào bếp. Cái nếp sống hàng ngày của Tuân đúng y như văn của anh viết trong các bài báo và tác phẩm của anh: khó chịu lạ lùng, làm cho người mới quen bức muốn chết; nhưng các bạn đã biết thì mặc cho anh muốn giở trò trống gì ra, tùy ý. Thanh Châu, Thượng Sỹ, Thâm Tâm, Ngô Tất Tố, Nguyễn Triệu Luật cho anh là một «quái thai» và đả kích kịch liệt, nhưng muốn «tẩy» cách nào, Nguyễn Tuân cứ lập dị nguyên như thế, không thay đổi và kỳ cục nhất là một số người đả kích tính lập dị của Tuân, về sau, lại nói giọng lẽ nhẹ, ăn uống kiểu cách, bắt chước như Tuân.

Quên làm sao được hôm Thanh Châu Ngô Hoan cưới vợ, mời anh em văn nghệ đến ăn uống đông đủ ở nhà. Riêng Nguyễn Tuân không tới; anh em tức quá đợi nửa tiếng đồng hồ, rồi quyết định ăn uống không chờ nữa. Chừng một tiếng đồng hồ sau, Nguyễn Tuân mặc quần áo Tây cẩn thận, đến gõ cửa

khe khẽ, khều ngón tay kêu Thanh Châu ra ngoài, bảo cho mượn năm đồng rồi đi. Tất cả anh em ngồi đó nổi đóa muốn “xuống phố” (lúc ấy gọi là xuống phố chứ không gọi là xuống đường), chất vấn Tuấn, nhưng chỉ một lát sau thì anh trở lại, với cái đầu bù tở quạ, nhón hai ngón tay cầm một cành la-dơn thực đẹp như trẻ con đi rước đèn tháng tám, mừng Thanh Châu. Thì ra anh mượn tiền để đi mua bông hoa đó! Lúc ấy, một cành la-dơn giá cao lắm độ hai hào, nhưng sau này có người biết anh đã mua tới bảy hào, và biểu bà bán hoa thêm một đồng, còn lại bao nhiêu thì xe đi, xe về hết nhẵn, không còn xu nhỏ!

Chính tôi đến bây giờ vẫn không biết có phải Nguyễn Tuấn có chất khùng ở trong đầu óc không, nhưng trước phong trào đang lên ở Mỹ hiện nay, tôi dám quả quyết anh là một thứ tổ sư hippy, quấy không chê được. Điển hình nhất là vụ sau đây:

Một đêm kia, chúng tôi đi hát ở Khâm Thiên, bắt được Tuấn ở giữa đường, rủ cùng đi đập trống. Tôi nhớ ngoài các anh em quen biết ra, có ông Ba Mai Lĩnh. Ông Ba, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Tuấn và tôi, mỗi người ngồi xếp bằng tròn, dưới đất, ở một góc nhà cô đầu, tu mỗi người một chai Văn Điển (mà cấm không cho đưa cay một thứ gì, dù là củ lạc). Đã đành tu như thế xong thì Lý Bạch, Lưu Linh cũng gầy. Ấy thế mà Nguyễn Tuấn, sau đó lại còn đi lờ khờ hết nhà này sang nhà khác uống nữa, và đến khoảng ba giờ sáng thì cả phố Khâm Thiên nhao lên như có loạn: ở trên nóc nhà, trên một cái gờ bằng gạch nổi liền một dãy với nhau, Tuấn đi lại như một anh hát xiếc, giơ hai tay ra lấy thăng bằng, nhún nhảy trên một chân, thỉnh thoảng lại quay ngoắt người trở lại. Bao nhiêu hồn vía của cô đầu và quan viên đều lên mây. Thật là kỳ lạ mà Tuấn xuống được, nhưng chuyện đến đây chưa hết.

Thấy Tuấn say quá, anh em bắt cô đầu phải chần cho anh đi ngủ. Cuộc vui tạm đình. Đến sáng, mọi người đang ngon giấc ở trong chần, cả nhà lại loạn lên như thể bị mất trộm. Hỏi ra thì lại mất Nguyễn Tuấn: không hiểu anh ta biến đâu rồi. Mỗi người chia nhau một ngả để tìm. Thôi thì chẳng còn thiếu nơi nào không lục soát: dưới gầm giường, trong tủ áo, trong hồ nước, trên bàn thờ ông vải của bà chủ cô đầu. Vẫn chẳng thấy “Tuân mũi to” đâu hết. Vũ Trọng Phụng đoán: “Hay là nó về nhà rồi?”. Anh em định cử một người về nhà để tìm, thì có tiếng gõ cửa rất gấp. Mở ra, lù lù một người cảnh sát. Nghe ông này cho biết thì té ra khoảng năm giờ sáng hôm đó, vào lúc gà công con đi đái, Nguyễn Tuấn đi xe đến Cẩm Hàng Đậu bấm chuông xin vào thăm chánh cẩm Arnaud (ở trên lầu sở Cẩm) để nói một vài câu chuyện cần. Cẩm Arnaud, bình thường gắt như mắu tôm, lúc ấy đương ngủ ngon với vợ, mà trời lại rét, bỗng nhiên bị người ta đến phá,

uất không thể nào chịu được, chửi nhân viên trực đêm cứ oang lên và mời ông khách bắt nhã vào ngôi phòng khách cho đến sáng mới tiếp. Do đó, viên Cẩm mới biết Tuấn hát ở nhà nào và cho người đến báo để anh em đến bưng Tuấn về.

Trở lại câu chuyện đọc sách với Lưu Trọng Lư và Nguyễn Tuấn. Thực ra, Tuấn viết ít và chỉ viết khi nào thích chí thôi; túng thì đến “gõ” anh em chớ nhất định không chịu viết, như công chức, để cuối tháng lấy tiền.

Phần tôi, trước khi làm các báo Công Dân, Tương Lai, Rạng Đông, tôi đã viết truyện dài, truyện ngắn, nhưng không chuyên chú lắm. Bây giờ, ngày rộng tháng dài, muốn tìm học cách viết truyện của người Âu Mỹ mới, tôi mua Gringoire, Candide, Lu, Vu, để đọc và chú ý đặc biệt về tiểu thuyết. Lúc đó, trong toàn quốc, chỉ có một tờ báo chuyên về tiểu thuyết: đó là “Tiểu Thuyết Thú bảy” của ông

Vũ Đình Long, chủ nhà xuất bản Tân Dân.

Đến bây giờ, tôi vẫn còn cảm phục ông Vũ Đình Long, vì ông đã tỏ ra hiểu biết ngay từ buổi đầu hội kiến. Trên căn gác nhỏ trang trí theo kiểu Tàu, tôi đi thẳng vào vấn đề với ông Long: từ trước đến nay, truyện ngắn của ta đòi người viết phải có một cốt truyện hoặc ly kỳ ít, hoặc ly kỳ nhiều, thí dụ các truyện ngắn nói về những mối tình éo le làm cho người đọc hồi hộp và than khóc.

Dù sao, báo “Tiểu Thuyết Thứ Bảy” cũng là tờ báo hiện giờ chạy nhất nước, có một số độc giả vững chắc rồi. Ông thử nghĩ xem có nên đưa ra một loại truyện mới để cho lãnh vực tiểu thuyết của ta phần thịnh hơn?

Ông Vũ Đình Long bằng lòng thí nghiệm. Những truyện ngắn đầu tiên của tôi trên báo «Tiểu Thuyết Thứ Bảy» (khổ nhỏ, ngoài vẽ một bức tượng bán thân) như “Chàng Kim người Bắc, cô Kiều

người Kinh”, hay “Một Người Rơi Xuống Hố”... đều thuộc về loại truyện ngắn kiểu mới vừa nói trên. Cuộc đời, theo tôi nghĩ, thường bình dị, xuôi đuột, không có khúc mắc như các tiểu thuyết gia thường tả. Bịa đặt, phóng đại hay phiền phức hóa cuộc đời không phải là hiện thực. Thí dụ một cô gái yêu một chàng trai, nhất định phải lấy nhau cho bằng được. Nhưng hoàn cảnh không cho lấy nhau: nhà tiểu thuyết cho họ đâm đầu xuống sông, bỏ nhà đi tu, hay là bắn súng vào đầu trên một nấm mồ ở ngoài đồng. Rất có thể như thế lắm. Nhưng trong khi đó ta cũng thường thấy những cặp trai gái như thế dắt nhau ra bờ sông đứng than khóc và đòi cùng trầm mình một lúc, song le đến lúc chót thì họ chẳng nhảy xuống sông, mà cũng chẳng đi tu, nhưng chia tay từ giã, ai về nhà người ấy ngủ ngon. Một trường hợp khác: có anh say rượu, đi đêm về nhà, rơi xuống một cái hố. Anh ta la lối om sòm, kêu mọi người đến cứu. Có ông sư, có thầy tu, có nhà chính

khách, có ông bác học đi qua, ai cũng hứa sẽ tìm cách để lôi người ở dưới hố lên. Nhưng rút cục, ai cũng đi mất tăm, mất tích. Đêm vắng, anh rơi xuống hố còn lại một mình với mình. Anh ta suy nghĩ lung và cuối cùng bật ra một sáng kiến: cái hố không lấy gì làm sâu, anh cho hai tay lên miệng hố leo lên mặt đất, thủng thẳng đi về nhà.

Một truyện ngắn hồi đó đăng lên “Tiểu Thuyết Thứ Bảy” được nhuận bút năm đồng. Năm đồng tiêu được nhiều việc hơn 5.000 đồng bây giờ, nhưng điều đó là thứ yếu. Điểm chính yếu, đáng lưu ý, là mình đã đưa ra được một loại truyện mới - có thể đọc giả không ưa mấy - nhưng dù sao thì rồi đây cũng có một số thức giả không coi thường tờ báo. Đó là điều mong ước của tôi. Và cũng vì mong ước và tin tưởng như thế nên tôi cứ tiếp tục viết loại truyện đó... cho đến khi tình giao hữu giữa ông Vũ Đình Long và tôi đậm đà hơn. Qua những câu chuyện, lần lần tôi

được biết ông Vũ Đình Long tự tay làm hết các công việc của báo: từ việc đọc các bài của độc giả - trừ mấy bạn cộng tác thường xuyên như Nguyễn Trầm Giũ, Lan Khai, Vũ Lang, Ngọc Giao, Thanh Châu, Nguyễn Tuân, Nguyễn Công Hoan - đến cách xếp đặt trang báo, trình bày tranh vẽ, chọn lựa tiểu thuyết Tàu, Tây để dịch. Có lẽ cũng qua những câu chuyện đó, ông Long hiểu tôi hơn và biết tôi cũng hơi rành về ấn loát, về “mi” và có đôi chút kinh nghiệm về nhà báo, ông nghĩ ý sẽ lấy mỗi tuần của tôi một truyện ngắn, thay vì nửa tháng một truyện. Và tôi cứ giúp việc “Tiểu Thuyết Thứ Bảy” như thế chừng nửa năm, cho đến một ngày kia, ông mời tôi, buổi tối, sang nói chuyện. Câu chuyện lần này tương đối trịnh trọng hơn các lần trước: ông Ngọc Giao giúp việc thường trực “Tiểu Thuyết Thứ Bảy” trong phạm vi sửa văn, sửa lỗi xếp chữ ở mô-rát, có ý định muốn đi Sài Gòn làm ăn. Ông Bằng có vui lòng đến giúp việc hẳn “Tiểu Thuyết Thứ Bảy” không?

Không thích điều, tôi nhận lời ngay, nhưng xin một điều kiện là tôi giúp “Tiểu Thuyết Thứ Bảy” trong mọi việc mà ông ủy thác, nhưng không thể theo giờ công chức. Tôi đến lúc nào, tùy tôi; miễn tôi thu xếp với nhà in cho mọi công việc không trục trặc. Hai bên thỏa thuận. Ông Long không phải bận tâm về nhà in, về vấn đề họa sĩ, về bài vở nữa. Ông rất thành thực: báo đứng, báo chạy hay báo xuống, ông đều nhất nhất nói cho tôi biết.

Rồi một hôm, để mở rộng phạm vi hơn nữa, và đăng nhiều truyện của các bạn nhà văn gửi về, ông ngỏ ý muốn ra khổ lớn hơn và cũng nhiều trang hơn. Nói rất thành thực, trong thời kỳ này, tôi học hỏi được ông Long rất nhiều điều hữu ích về lề lối làm việc: ông chịu khó đọc báo, sách của Pháp để tìm sáng kiến; có sáng kiến nào hay, ông nghiên cứu, khơi sâu rất kỹ lưỡng và ghi ra giấy. Nhưng tựu trung nguyên tắc làm báo của ông có thể

gói ghém lại như sau: không làm chánh trị, phục vụ văn hóa, giúp ích đại chúng bằng cách vừa mua vui cho họ, vừa mở mang trí tuệ, in rõ ràng và đẹp để đọc không mệt mắt, và bán bằng một cái giá hạ nhất để cho các bạn đồng nghiệp không theo kịp, mà cũng là để cho bất cứ độc giả nào cũng có thể bỏ tiền ra mua. Mà loại độc giả ông nhằm nhiều nhất là trẻ em và phụ nữ. Bởi vì trước khi làm việc gì, ông Long tính toán rất kỹ lưỡng, cân nhắc lợi hại từng ly, nên «Tiểu Thuyết Thứ Bảy» khổ lớn lại chạy hơn loại nhỏ, và cũng vì thế, số anh em viết văn qui tụ về nhà xuất bản Tân Dân mỗi ngày mỗi đông hơn. Để cho tờ báo sống động hơn lúc ra khổ nhỏ, chúng tôi đặt nhiều mục mới như «Biết Ai Tâm Sự» để trả lời các thư nhờ giải quyết tâm tình, «Để Cười Khi Chung Bóng» cho các em gửi văn vui về họp bạn, «Y Nghĩ Của Người Đạo Phố» nói về vấn đề văn hóa và văn nghệ. Riêng về tiểu thuyết, chúng tôi khai thác đủ các loại mà khổ nhỏ không có: truyện có thật (theo kiểu

histoires vraies của báo Confidence), truyện cổ tích nhi đồng, truyện dài bằng thơ, truyện ngắn bốn phương (theo kiểu Les Mille et Une Nouvelles của Hung Gia Lợi), truyện ma quái (theo kiểu Flammarion), truyện trinh thám ngắn (theo kiểu Mystère Magazine)...

Người bạn giúp tôi nhiều ý kiến nhất lúc đó là Thanh Châu Ngô Hoan. Phần nhiều bạn đọc “Tiểu Thuyết Thứ Bảy” khổ nhỏ, thấy cái tên Thanh Châu đi kèm sát với Ngọc Giao hồi đó, tưởng đâu Thanh Châu và Ngọc Giao là hình với bóng, là một khối “bất khả chia lìa”; thực ra, cùng viết một báo với nhau, thường thường gặp gỡ nhau, nhưng Thanh Châu ít trò chuyện với Ngọc Giao, vì hai người bất đồng ý kiến về nhiều quan điểm, nhất là về phương diện văn chương và xã hội. Bắt đầu viết văn, Ngọc Giao là một thư ký toà án, nặng về phần công chức hơn là văn sĩ; trái lại, Thanh Châu phóng khoáng hơn, có sẵn

tiền, sống nhàn nhã, không muốn bất cứ ai hay bất cứ cái gì kiểm chế.

Là người Thang Mộc Ấp, Thanh Châu vừa viết “Tiểu Thuyết Thứ Bảy” vừa học thêm, lúc nào cũng cầu tiến, lúc nào cũng phục thiện, và có một cái tính đáng khen là không có tiền không sao, chớ phàm đã viết thì phải thích, chớ không thể viết miễn cưỡng, viết “sur commande” được. Thực ra, Thanh Châu là một nhà văn đọc nhiều mà lại có một tâm hồn thi sĩ, thấy bất cứ một sự việc gì cũng rung cảm mà lại viết nhanh, viết khỏe, nhưng cho đến lúc ra ngoài kháng chiến, anh tương đối có ít tác phẩm ra đời, một phần lớn cũng là tại anh không mấy tha thiết đến danh tiếng, đến tiền tài. Anh còn trẻ, lại đủ xài, cho nên anh muốn sống cho mình nhiều hơn, sống với nội tâm một mặt, và mặt khác hưởng lạc, nhưng luôn luôn giữ gìn chớ không sa đọa. Ban ngày anh đi chơi hay ngủ, tối đến lơ phờ lên rạp Tố Như tán

róc vì vị hôn thê của anh là dòng dõi nhà Trần Viết, sở hữu chủ rạp Tố Như.

Mỗi khi có điều gì tâm sự, Thanh Châu, Micro Bùi Xuân Như (em trai Bùi Xuân Học) và tôi thường vẫn thảo luận ở cái gác nhỏ mà diêm dúa của Thanh Châu ở Ngõ Trạm, gần Trung Bắc. Anh có nhiều thiện chí, chiều anh em và có những câu nói văn hoa khuyến khích tôi làm “Tiểu Thuyết Thứ Bảy” rất tài tình.

Đọc bài của anh em và độc giả gửi về; đứng lựa chữ ít, trông in; tối đến, đem mô-rát về nhà để sửa, tôi làm việc không kể thì giờ, nhưng không bao giờ cảm thấy mệt mỏi, có lẽ vì trong lòng hứng khởi vì những lời của Thanh Châu.

Trừ vấn đề nhuận bút hay vay mượn, anh em viết văn lúc đó hầu hết đều tiếp xúc với tôi, cho nên ngoài cái lợi được học hỏi thêm về văn hóa, văn chương ngoại quốc, ngoài

cái lợi rút kinh nghiệm và trau dồi nghề nghiệp, tôi lại còn được biết rõ hơn về tài đức, tư tưởng, sở trường, sở đoản của từng anh em văn nghệ. Thanh Châu và vài người bạn khác bàn với tôi nên mở rộng phạm vi hoạt động ra, chớ bao nhiêu anh em mà chỉ quy tụ ở vùn vện hai tờ “Phổ Thông Bán Nguyệt San” và “Tiểu Thuyết Thứ Bảy”, e rằng chật hẹp. Tôi nảy ra ý muốn bàn với ông Long ra thêm một tờ báo nữa, vì nói thực ra, viết có hai tờ, có khi một vài tuần mới đăng một truyện hay vài bốn tháng mới xuất bản một cuốn tiểu thuyết, anh em sẽ nản vì đời sống vật chất hàng ngày thường cấp bách, vả lại anh nào anh nấy lại tiêu xài lẹ lắm.

Thâm Tâm lúc ấy ở Nhà Diêm với đại gia đình. Mấy em gái anh sống về nghề đóng sách mượn cho các nhà xuất bản, kiếm ăn chật vật. Được đồng nào, anh chỉ mang về cho gia đình được một ít, còn lại phải thù tiếp trả lại anh em, nên trong nhà ít khi có

đủ tiền tiêu. Mặc dầu suốt trong thời kỳ tôi đi lại chơi bời với anh, Thâm Tâm không hề than thở với tôi một lời nào, nhưng ai cũng biết các em anh phải vay mượn thêm mới đủ ăn, mà ăn không đủ chất bổ cũng như Phụng vậy. Có lẽ cũng vì thế, Thâm Tâm thường phải vay trước tiền của nhà báo. Một hôm, không hiểu vì nguyên nhân gì, ông Long từ khước và bảo Thâm Tâm: “Ông không nên vay thì hơn”. Thế là Thâm Tâm đứng dậy liền, móc túi còn bao nhiêu mời anh em đi uống rượu hết và anh uống thật say rồi độc thoại “Không cho vay thì bảo là không cho vay có được không, tại sao lại nói ông không vay thì hơn! Thế nào là hơn? Mà tại sao lại hơn? Hơn cái gì? Hở khỉ!” Sau đó, Thâm Tâm đi kháng chiến, và đã mất rồi. Tôi không gặp anh lần nào ở hậu phương, cho nên không biết tâm tính anh có thay đổi nhiều không, nhưng trước đó thì anh là một người “đa bất mãn hoài”, nhưng lì lì không nói, bao nhiêu oán hận, tủi hờn đối với tổ chức xã hội lúc

bảy giờ đều gói ghém vào trong các truyện ngắn và các bài thơ tuyệt diệu. Truyện “Con Vờ” của anh là điển hình quan niệm của anh về xã hội lúc bấy giờ, và sau này, nghĩ lại thì có vẻ anh đã hoạt động bí mật lúc mùa bút viết bài thơ bất hủ trên “Tiểu Thuyết Thứ Bảy”.

Đưa người ta không đưa qua sông,

Sao có tiếng sóng ở trong lòng...

Trần Huyền Trân, Tô Hoài, Nam Cao dường như cũng bí mật hoạt động cho kháng chiến với Thâm Tâm cùng một lúc với Lý Văn Sâm chiến đấu ở trong Nam. Nói trộm vong hồn ông Vũ Đình Long, ông không muốn cho ai đã viết ở báo của ông lại viết cho tờ khác, mặc dầu không nói ra miệng bao giờ. Nhóm Thâm Tâm đã bẻ gãy mưu đồ ấy của ông Long, viết bừa bãi cho các báo khác: Tô Hoài viết sách bán cho các nhà xuất bản khác, Trần Huyền Trân viết truyện dài bán cho

một tờ tuần báo hình như của Trác Vỹ xuất bản, còn Nam Cao thì viết truyện ngắn cho “Trung Bắc Chủ Nhật” và bán tiểu thuyết, trong đó có truyện “Đôi Lúa Xứng Đôi”, cho nhà in Công Lực ở đường Tiên Tsin. Theo chỗ biết của tôi thì Thâm Tâm không viết cho báo nào hay bán sách cho nhà xuất bản nào khác, có lẽ một phần vì anh yếu phổi đã lâu, mà mặt khác anh lại không mấy thiết tha đến việc kiếm tiền “có thì ăn, không có thì nhịn, vấn đề bao tử không quan hệ lắm”.

Rút cuộc, ông Vũ Đình Long cũng phải chịu vụ “tranh đấu» này, mà không chịu cũng không thể được, vì ông Long ngồi một chỗ không thể biết rằng nhuận bút của “Tiểu Thuyết Thứ Bảy” và “Phổ Thông Bán Nguyệt San”, nhất là vào hồi Nhựt đến Đông Dương, không thể giải quyết được việc gì.

Trần Huyền Trân sống heo hút trong một cái chòi đánh cá bắc trên sông để làm thơ và

viết truyện. Truyện thì hay mà thơ thì tuyệt, nhưng thường thường mỗi tháng nhịn ăn ít nhất cũng năm sáu ngày. Còn Nam Cao thì nghèo nhất Nam Định, bản cùng bất đắc dĩ lắm mới chịu hớt tóc vì tiền chi tiêu ở trong nhà anh phải tính toán từng đồng xu. Anh ở với một người bà, có vợ, nhiều con. Ngoài số nhuận bút còm hàng tháng (mà có khi nhà báo lại gửi ngân phiếu chậm!), tất cả gia đình anh trông vào một giàn trâu mà bà anh vừa ăn vừa đem ra chợ bán lấy tiền thêm nuôi các cháu. Có ai đọc truyện “Cười Với Trăng” của Nam Cao, hẳn còn nhớ cái anh chàng không có tiền đem về nhà, bị vợ day dứt trong khi con cái đứa thì khóc, đứa thì mếu, đứa thì đau, đứa thì phá... không biết đối phó ra sao, đâm ra mặt lì, khoanh tay dưới đầu nằm nhìn lên trời cao và bật cười, rồi cười thật to, cười mãi, cười đến đau bụng và chảy cả nước mắt ra.

Trong tất cả các truyện của Nam Cao, tôi

nhớ nhất truyện ấy và tôi nhớ là vợ chồng tôi đọc xong cùng không nhịn được cười và chịu là Nam Cao viết tài tình quá.

Tôi không biết Nam Cao bắt đầu viết từ lúc nào, gửi bài về “Tiểu Thuyết Thứ Bảy” từ bao giờ, nhưng cái bút hiệu “Nam Cao” nổi bật lên cho đến bây giờ cũng là do một tình cờ may mắn.

Ngọc Giao đi Sài Gòn, tôi là thư ký tòa soạn cho “Tiểu Thuyết Thứ Bảy” bị tràn ngập vì bài cũ và bài mới, nên sao nhãng có khi không đọc xuể. Có khi những bài ấy đem ra quay lại mặt sau để dùng làm giấy viết bài; có khi thất lạc; lại cũng có khi để chồng đồng cho đến lúc nào cao quá thì bỏ đi. Một buổi chiều tháng bảy, đường sá bùn lầy dơ dáy vì mưa Ngâu, không có bạn bè đến chơi, tôi không biết làm gì trong khi ngồi chờ cơm, rút một tập ở trong những chồng bài cũ ra để đọc. May mắn làm sao tôi lại được đọc một

truyện của Nam Cao, và ngay mấy câu đầu tôi đã thích thú vì lối hành văn với những câu kịch côm, nghịch ngợm, có khi dớ dẩn nhưng đậm đà có duyên. Truyện ấy - bây giờ tôi quên mất nhan đề rồi - đăng lên “Tiểu Thuyết Thứ Bảy” được độc giả để ý liền. Tôi lại lục tập bài cũ tìm nữa, thấy hai truyện khác, đăng luôn và nhả Nam Cao trong mục thư tín viết tiếp gửi về. Đến truyện thứ năm, thứ sáu thì Nam Cao được các anh em văn nghệ bàn tán rất nhiều và cho là trong loại văn nghệ sĩ mới lên, Nam Cao viết “được” lắm, và người ta bắt đầu hỏi Nam Cao là bút hiệu của anh nào vậy. Đến cuối tháng ấy, Nam Cao lù lù tìm đến nhà tôi. Anh đến nhà báo, Trần Kim Dân chỉ sang nhà tôi ở cách báo quán độ mười bước đường. Lần thứ nhất, gặp Nam Cao, tôi có cảm tưởng anh là một người hiền lành, tử tế. Tôi có cảm tình liền, đi ăn nhà hàng, lại có thể có một thanh niên chừng hai mươi bốn, hai mươi lăm tuổi không biết món vậy là cái gì, và hỏi

cơm chiên đã có lạp xưởng và trứng rồi hà cớ gì lại phải ăn vây, và «thịt bò tây hồ» cho tốn tiền? Về sau này, tôi giữ nguyên cảm tình của tôi đối với Nam Cao Trần Văn Trí, một nhà văn dí dỏm, chua chát lại sâu xa, nhưng chân thật và hồn nhiên «vượt mức», không có nhà báo, nhà văn nào so sánh được. Đi sâu vào tình bạn hơn, anh nhỏ nhẹ cho tôi biết rằng cái chàng thanh niên «cười với trăng» chính là anh, nhưng các nhân vật say rượu, chơi bời láo lếu thì nhất định không phải là anh đâu, mà là những người ở lối xóm hay những người mà anh thấy ở Nam Định mỗi khi anh đi bộ từ làng lên tỉnh để lãnh tiền của nhà báo gửi cho. Tác giả ưa nhất là Alphonse Daudet; truyện đọc nhiều lần là «Le Petit Chose». Ngoài vợ ra, không hề biết một người đàn bà nào khác. Đến chỗ đông, sợ lắm; mà khổ nhất cho tôi - lời Nam Cao là trước mặt người lạ, mặt tôi cứ nóng bừng lên, mà lưỡi như muốn lú lại, không nói ra lời.

Đến lúc ra ngoài kháng chiến, một hôm, anh lù lù đi vào nhà tôi và đến bây giờ, tôi cũng không biết tại sao anh lại tìm được nơi tôi ở hay như vậy. Anh ở chơi với tôi hai ngày, hai đêm. Hỏi có gì lạ không, anh bảo cũng thường thường thôi. Anh làm thư ký riêng cho Nguyễn Sơn. Vẫn gặp các anh em cũ. Tây thế nào cũng thua, anh ạ. Tôi mấy lần suýt chết vì bom. Nhưng có lẽ mình khổ quá rồi nên trời đền bù, cho được sống để nhìn thấy thực dân rút cả đi. Tội nghiệp Nam Cao, cả một đời vất vả, chỉ mong được thấy ngày ta toàn thắng để trở về Thủ đô thương mến, ăn một bữa cơm với anh em rồi cả cười với nhau, thì trước khi ký kết hiệp định, tôi được tin anh đã mất trong một vụ ném bom tàn ác của lũ lang sói vô nhân đạo. Hai ngày anh ở lại chuyện trò tâm sự với tôi thì ra là ngày cuối cùng gặp nhau. Nam Cao vẫn bền lên thẹn thò như thế, tóc vẫn bờm như thế, mà tâm tính vẫn hồn nhiên như thế. Không biết hút thuốc lá; vẫn không uống rượu. Cả đời

chưa đọc chuyện Tam Quốc bao giờ. Nhân có một bộ Tam Quốc do Phan Kế Bính dịch, nhà in Lê Văn Phúc ấn hành, tôi thắp một ngọn đèn dầu, bỏ màn xuống, hai anh em cùng đọc. Lần thứ nhất và cũng là lần duy nhất, tôi thấy Nam Cao cười lớn tiếng lúc Tào Tháo giết Lã Bá Sa. Cái đêm hôm ấy, sau này, anh thuật lại trong một bài đăng trên tạp chí «Văn Nghệ» của Mặt Trận và chính nhờ bài ấy, tôi được biết Nam Cao cũng có cảm tình với tôi.

Là bạn của Nam Cao, Tô Hoài cũng không dễ chịu về tiền nong hơn mấy chút, nhưng tương đối anh cũng đỡ lo lắng và cũng đỡ phải vật lộn với sự sống hàng ngày như Nam Cao. Có lẽ vì thế giọng văn của Tô Hoài ít chua chát, sâu xa: anh đúng là con đế mèn phiêu lưu, nhìn con vật gì ở chung quanh cũng lạ lẫm với con mắt thơ ngây. Không có gì lạ hết: Tô Hoài lúc viết cuốn truyện đầu tay «Dế Mèn Phiêu Lưu Ký» chỉ là một bạch diện

thư sinh mới ở trường ra và sống một cách hiền lành, cơm ngày hai bữa, ở một làng làm giấy bản trên sông Tô Lịch, ngày ngày ngồi ở hiên nhìn ra sân xem những gà, lợn, chim sẻ, cào cào, bướm bướm... Tô Hoài cũng hiền lành như Nam Cao, nhưng ranh mãnh hơn một chút; tuy vậy, không lúc nào để mất tính chân thành.

Trước khi di cư vào Nam, anh còn tỏ sự chân thành ấy với tôi lần chót: trong một thư dài viết tay, anh đã chí tình khuyên tôi ở lại và nói lên những giờ phút mong đợi trở về gặp nhau đông đủ để sống lại những ngày thân mến trước đây.

Riêng trong bọn anh em, từ lúc rời Hà Nội, tôi không biết tin tức của Nguyên Hồng, Kim Lân và bao nhiêu anh em văn nghệ khác nữa, nhưng dù còn sống hay đã mất, dù chiến đấu ở những nơi lam sơn chướng khí, hay giang hồ phiêu bạt ở quê người, các

anh em ký giả, văn nghệ đó vẫn giữ được tiết tháo, không vì nghèo mà sợ kẻ giàu, không vì nghèo mà phải gục đầu với kẻ mạnh, không vì nghèo mà sợ khó khăn vất vả.

Giữa tiếng súng ở ven đô vọng về, thường đêm tôi nghe thấy một cái gì trầm trầm, bâng bặc đến làm xáo trộn nhân sinh quan của tôi lúc bấy giờ. Có đêm tôi nằm mê thấy hàng trăm ngàn người đói khát, đi thành hàng bất tuyệt đến đòi tôi trả nợ; có đêm tôi mơ thấy cái núi xác của những người chết đói năm 1946 chồng chất lên ở bãi chợ Hàng Da tan rã rồi từ đó hiện ra những bộ xương đi lóc cọc và nhìn tôi cười ngạo nghễ; lại cũng có những đêm tôi mê thấy các anh em văn nghệ họp ở nhà hàng Anh Mỹ uống rượu nghe Vũ Hoàng Chương xốc cái tay áo gấm huyền, bắc một cái ghế lên trên bàn ngâm một bài thơ tràng thiên nói về một trăm năm đô hộ, Việt Minh lên nắm chính quyền trong tiếng hoan hô như sấm sét. Thế là nghĩa lý gì? Tôi

không hiểu. Nhớ lại bao nhiêu bạn làm báo, viết văn với mình bây giờ đã đi khu cả rồi, tôi cảm thấy trơ trọi. Và nằm một mình giữa cái không gian khói lửa vang lên những tiếng ta oán thán thê của một dân tộc bị gót sắt của hết bọn xâm lăng này đến bọn xâm lăng kia dầy xéo, tôi nghe thấy một cái gì mạnh nha trong tim óc tôi và tôi tiên cảm rằng cái gì đó sẽ thay đổi rất nhiều ý niệm về nếp sống, về cách nghĩ và cả về nghề nghiệp của tôi.

Nhưng đó là chuyện sau. Trở lại lúc làm «Tiểu Thuyết Thứ Bảy», thấy anh em đông mà phạm vi hoạt động chỉ có tờ đó và tờ «Phổ Thông Bán Nguyệt San», Thanh Châu bàn với tôi nên nói với ông Vũ Đình Long xin ra thêm một tờ báo nữa để cho anh em có đủ chỗ thi thố tài năng và phô bày ý kiến.

Thấy độc giả «Tiểu Thuyết Thứ Bảy» đã vững rồi, tôi thảo một thư rất dài gửi cho ông Long (tôi viết thư mới giải bày được ý

kiến đầy đủ, chớ nói thì tôi rất vụng) đề nghị nên ra một tờ báo trẻ em. Lúc ấy, tờ «Cậu Ấm» của Thái Phỉ Nguyễn Đức Phong vừa đóng cửa, cả nước không có một tờ báo loại đó, nếu ra được thì không những có ích mà lại còn hy vọng chạy như «Tiểu Thuyết Thứ Bảy», hay hơn thế.

Ba hôm sau, ông Vũ Đình Long không trả lời thư tôi. Nhưng đến ngày thứ bảy, ông trình trọng bầm chuông nhà tôi vào thăm, mang theo một tập giấy: ông ngồi sát lại tôi, thì thăm như buôn giấy bạc giả. Thì ra ông đã có ý kiến ấy từ lâu và bí mật cho tôi biết ông đã được phép xuất bản một tờ báo loại đó lấy tên là «Truyền Bá» từ hai tháng trước.

Ông đã vẽ ma kết rồi. Kế hoạch bán báo như thế này. Trình bày như thế này. Chữ in như thế này. Đoạn phụ lục giúp vui bạn đọc như thế này. Ông Bằng xem đi rồi cho tôi biết ý kiến, đồng thời cũng nên nghĩ luôn cả

các mục vui ở trang bìa 2, 3, và 4, hay là ta để thêm 4 trang trong nữa để cho bạn đọc xem cho đã?...

Suốt một tháng, tôi sang nhà báo chỉ thấy ông Long nghĩ về tờ «Truyền Bá», và bất cứ chuyện gì cũng quy về «Truyền Bá». Ông Long và tôi chia nhau ra viết quảng cáo, lời phi lộ. Báo in trước ba số để sẵn đấy, bắt đầu bán số 1 thì in số 4 (hầu hết các báo của nhà Tân Dân in như thế, vì vậy báo thứ bảy ra thì từ Nam Quan đến Cà Mau, nhà đại lý nào cũng có từ chiều thứ sáu). Đúng như lòng mong mỏi, báo chạy dữ dội ngay từ số đầu. Ông vẫn trung thành với quan điểm cố hữu: tiểu thuyết, ai cũng thích đọc tiểu thuyết; bình luận, nghiên cứu khô khan lắm. Tờ «Truyền Bá» ra khổ nhỏ bằng bàn tay, đăng mỗi số một truyện, trừ 8 trang cuối đăng các bài ngắn, vui, giải buồn cho bạn đọc như «Đố Bạn», «Truyện Tốc Hành», «Kịch Vui», «Ồ Chữ», «Nhịp Cầu», «Truyện Lạ Thế Giới»,

«Kỳ Lạ Nhưng Có Thực»...

Có thêm một cơ quan, anh em «Tiểu Thuyết Thứ Bảy» chạy sang viết thêm cho «Truyền Bá». Đồng thời, các độc giả bốn phương cũng gửi nhiều truyện về nhà báo, nhất là các mục vật ở tám trang cuối, nên chẳng mấy lúc chúng tôi lại thấy rằng có thêm tờ «Truyền Bá» cũng chẳng giải quyết được việc gì cho anh em.

Ông Vũ Đình Long làm đơn xin thêm một tờ báo nữa, tờ «Ích Hữu», làm một cơ quan sưu tầm, bình luận để làm chỗ phát biểu ý kiến của anh em, nhân tiện cũng là để nói lên quan điểm văn nghệ, văn hóa, xã hội của nhóm Tân Dân (và ít lâu sau này, phe Tự Lực Văn Đoàn vẫn giấu ông Long là lái sách, chỉ lo vét tiền chứ không có quan tâm gì đến văn nghệ cũng như văn hóa).

Trong khi chờ phép tờ «Ích Hữu», ông Long đưa ra thêm một sáng kiến: thay vì

tờ «Phổ Thông» ra mỗi tháng một số đăng trọn một truyện dài (loại bì xanh), ông cho ra thêm một loại nữa (loại bì vàng). Thực ra, truyện của hai loại này không cách biệt nhau nhiều lắm, nhưng ra thêm loại vàng, chúng tôi có ý kết hợp thêm nhiều nhà văn, nhà báo, mà cũng là để cho báo chạy nhiều hơn nữa, vì loại này bán rẻ hơn. Về phương diện thương mại, sáng kiến ấy đem lại một kết quả tốt đẹp:

«Phổ Thông Bán Nguyệt San» cả loại xanh, loại vàng đều chạy hơn. Hai loại này, đánh số 1,2,3... riêng biệt, có một cái lợi khác là ai đã mua báo cũng đều muốn cho đủ bộ để bày tủ sách gia đình, không thiếu một số nào. Vì thế, ai đọc quảng cáo của nhà Tân Dân đều thấy ông Long rất chú ý để rõ giá báo và nhấn mạnh độc giả nên mua cho đủ số thứ tự, đừng để thiếu, e mất giá trị của tủ sách gia đình.

Về phương diện văn nghệ, nhờ hai loại này, anh em trong nước có dịp thi thố tài nghệ rộng rãi hơn, đồng thời cũng kiếm được nhiều tiền nhuận bút hơn khi trước. Nổi tiếng nhất trong bọn này là Nguyễn Công Hoan, Lê Văn Trương, Thanh Châu, còn cuốn nợ kéo cuốn kia hầu hết đều sàn sàn bằng nhau, thành thử có những nhà văn không nổi tiếng mấy mà cũng được nhiều người đọc như những nhà văn nổi tiếng rồi, là nhờ các tập báo in ra đều chúc số thứ tự 1, 2, 3, 4...

Trong tám năm trời, vì phụ trách đọc, sửa, chọn lựa bài vở và trông nom phần kỹ thuật của cả ba tờ «Tiểu Thuyết Thứ Bảy», «Truyền Bá», «Phổ Thông Bán Nguyệt San» (Phần khảo cứu, sưu tầm và thơ do ông Trúc Khê Ngô Văn Triện phụ trách) của nhà Tân Dân, tôi mặc nhiên được cái may là giao thiệp với đủ mặt anh em văn nghệ sĩ lúc bấy giờ.

Bây giờ các anh em đã tản mác, mỗi người mỗi ngả: người thì chết bệnh, người thì chết bom đạn ở ngoài mặt trận, người còn sống ở miền Nam, người thì chiến đấu ở chốn đèo heo hút gió, lại cũng có người sống ở nước ngoài, đôi khi được biết tin tức là nhờ có bạn quen cho biết... Có lẽ đây chưa phải là lúc kiểm điểm lại những người còn người mất, nhưng ngay lúc này, tôi có thể nói rằng số anh em văn nghệ sĩ góp công vào việc xây dựng ba tờ báo đó thật đông và thật kỳ lạ, y như một cánh vườn có trăm hoa, không hoa nào giống hoa nào, mà cả trăm hoa đều đua nở. Ngoài những vị đã được biết từ trước như Nguyễn Đỗ Mục (dịch Tam Quốc Chí, Liêu Trai), Dương Phượng Dực (dịch Les Mystères de Paris), Nghiêm Xuân Lãm, Ngô Văn Triện (tôi được biết từ khi ông làm «Thực Nghiệp», thỉnh thoảng lại đến bán sách cho nhà tôi xuất bản) và những bạn quen sau này như Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Công Mỹ (tức Anh Mỹ), Lê Văn Trương, Thanh Châu,

Nguyễn Trầm Giự, Ngọc Giao, Thâm Tâm, Hiền Chy, Trần Huyền Trân, Nguyễn Bính, Lưu Trọng Lư, Kinh Kha, Từ Thạch, Nguyễn Hồng, Nguyễn Tuân, Vũ Lang, Lan Khai, Nguyễn Dân Giám, Vũ Ngọc Phan... trong lúc làm ba tờ báo nói trên, tôi còn có cái may là tìm được nhiều bạn mới, trong số có nhiều anh hiện giờ nổi tiếng như Tô Hoài, Nam Cao, Nguyễn Tất Thứ, Nguyễn Văn Nhân, Lý Văn Sâm, Phan Du, Bùi Hiễn, Kim Lân, Nguyễn Văn Xuân, Lê Công Thành, Lâm Mỹ Hoàng Ba, Nguyễn Duy Diễm, Văn Thu, nữ sĩ Ngân Giang, Trần Thanh Địch...

Nam Cao, cùng với tôi, nuôi cái ý thích là viết truyện không có chuyện. Tôi tiếc một điều là lúc ký hiệp định Genève, từ Bắc di chuyển vào Nam, tôi đã để lạc mất hàng ngàn bức thư trao đổi với các văn nghệ sĩ, nói lên sở trường, sở đoản và hoài vọng của từng người thành thực cởi mở cõi lòng với tôi. Tôi chỉ nhớ rằng qua những bức phúc thư, đối

với mỗi người, tôi đều đề nghị hướng về một con đường chuyên biệt: như với Nam Cao, tôi đề nghị nên chuyên viết về những bạn trí thức nghèo, Tô Hoài về loài vật, Nguyễn Tất Thử về các phong tục và đồng dao miền Trung, Lý Văn Sâm về những chuyện đường rừng Trung Nam, Phan Du về bọn quan lại đế kinh xuống dốc và các lễ lối ăn chơi ở sông Hương, núi Ngự, Nguyễn Văn Nhân, về đời giáo học ở tỉnh nhỏ, Nguyễn Duy Diễn về đời sống của người bệnh hoạn quanh năm, Kim Lân về các cách ăn chơi lọc lõi của các vị con quan thất thế, như đá gà, chơi trâu, chơi chó, chơi chữ, chơi cây, đấu kiệu... Tóm lại, tôi có ý muốn đề nghị với các anh em chú ý hướng về một đường đi riêng biệt, để cho mỗi anh em có một «dấu» độc đáo, dễ làm cho người viết văn nổi tiếng, cũng như ở Pháp, nói đến văn kỳ ảo, bí mật thì phải kể Simenon, dân thư viết thực mê ly có Pierre Louys, mà nói về bọn anh chị có Francis Carco chẳng hạn...

Hầu hết các anh em thỉnh thoảng lại về trụ sở «Tiểu Thuyết Thứ Bảy» để hội với nhau, mỗi khi có việc quan trọng như ra số Tết, hay ra số đặc biệt; nhưng vì bệnh tim nên ông Long ít khi thù tiếp được. Đại diện có Nguyễn Khánh Đàm (em Nguyễn Tuân), Trầm Kim Dân, phụ trách trị sự những tờ báo của nhà Tân Dân và coi về nhà in, cùng tôi, đưa các bạn ấy đi ăn, đi hát hay đi hút. Vì ít trực tiếp giao thiệp với ông Long, nhiều anh em không hiểu ông và tưởng ông là một lái sách. Thực ra, ông là một người cần mẫn, có tài, có học và có nhiều kinh nghiệm về nghề làm báo. Tôi học được ông rất nhiều trong tám, chín năm hợp tác.

«Truyền Bá» đóng cửa lúc Nhật Bản đánh Pháp cùng với «Phổ Thông Bán Nguyệt San». Nhà in Tân Dân dọn về Mục Xá (Hà Đông) tức là quê ông Vũ Đình Long. Cọc cách chỉ còn lại «Tiểu Thuyết Thứ Bảy» ra khổ 45x30, nghiêng về chánh trị, rồi lại ra khổ 7.5x11

chuyên về nghiên cứu văn học, nhưng trong suốt thời gian Nhật thuộc, «Tiểu Thuyết Thú Bầy» không còn cách nào sống lại được những buổi huy hoàng khi trước nữa.

Sở dĩ như vậy, một phần lớn là vì đa số anh em văn nghệ trong nhóm Tân Dân xếp bút nghiên theo kháng chiến. Thực ra không phải đến lúc đó anh em mới theo kháng chiến; ngay từ hồi Nhật tới, Pétain lên cầm quyền ở Pháp thì nhiều anh em trong nhóm đã bí mật hoạt động rồi, nhưng vẫn viết bài thường trực. Phải chờ đến lúc Pháp tiến vào Thủ đô, dân ta tiêu thổ kháng chiến, lúc ấy anh em mới ra bùng thật sự. Trong khi đó, hầu hết dân chúng Hà Nội và các tỉnh cũng như các thành phố lớn cũng đi theo kháng chiến, không ai buồn đọc báo, thành ra làng báo có vẻ hoang vắng, xác xơ, buồn nản. Ngoài những người ra đi, các nhà văn nhà báo còn ở lại khoanh tay nhìn thời cuộc, thay vì viết văn viết báo, hoặc cạo trọc đầu nằm

đọc truyện kiếm hiệp Tàu ở tỉnh nhỏ như Lãng Nhân Phùng Tất Đắc.

Ông Vũ Đình Long, tuy không nói ra lời, nhưng cũng ở trong tâm cảnh ấy. Thêm nữa, từ lúc này bệnh tim làm cho ông nhọc mệt hơn bao giờ, nên ông chỉ làm báo cầm chừng, và thừa lúc ở Mục Xá, ông nghỉ ngơi nhiều hơn làm việc, và mỗi khi tôi về thăm, ông sung sướng vô cùng, trịnh trọng làm một cử chỉ hiếm có: mở rượu sâm banh ra, để cùng nói chuyện về tình hình đất nước, mà cũng là để tiễn đưa một thời gian làm báo vàng son.

Thôi, từ đây không còn những ngày dài tháng rộng tương đối được viết lách và xuất bản tự do: Nhật đến, chế độ kiểm duyệt được lập ra ngay dưới quyền điều khiển của một người Cao Ly theo Nhật. Nhà báo bị hiến binh nửa đêm đến bắt có hàng trăm, hàng ngàn. Dân chúng sống trong sự hãi hùng

rùng rợn. Cùng lúc đó, Việt Minh nổi lên hoạt động ngay trong lòng địch, đánh thức dậy lòng uất hận đối với cả «Pháp thực dân» và «Nhật phát xít». Kết luận: văn chương lùi xuống hàng thứ yếu, người nào cũng thấy bùng lên trong lòng ngọn lửa thiêng chống xâm lăng và muốn xông ra tiền tuyến. Cổ nhiên, ở vào một giai đoạn như thế, làm báo văn nghệ không thể nào sống được. Người ta chỉ muốn tìm đọc những tờ báo nói lên uất hận và nguyện vọng của người dân, những tờ báo gào thét lên những tội lỗi tày đình của thực dân và phát xít, nhưng ai dám nói?

Chỉ nói bóng nói gió một chút thôi cũng đủ làm cho những kẻ thống trị bắt giữ, cho đi tù đày hay đánh đập cho đến chết và đóng cửa báo liền. Báo bí mật của kháng chiến được hình hương như sấm truyền. Những người không có gan đọc báo lậu, đành trùm chần, tìm những tờ báo khảo cứu, sưu tầm để đọc tiêu sấu và cũng muốn nhân lúc quốc gia

đa sự, học hỏi thêm để mở mang trí óc. Tờ «Tri Tân» của ông Nguyễn Tường Phượng, có nhiều nhà văn lớp cũ hợp tác như Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Triệu, Nguyễn Quang Oánh nhờ đó cứ sống dai dẳng mãi. Tờ «Thanh Nghị» của nhóm Đặng Thai Mai, Đinh Gia Trinh cũng được nhiều người lưu ý, nhưng trội hơn hết trong thời gian này là tờ «Trung Bắc Chủ Nhật» của Nguyễn Doãn Vượng.

2. TRUNG BẮC CHỦ NHẬT GIỮA HAI NƯỚC TỀ VÀ SỞ

Nói thực ra thì tờ «Trung Bắc Chủ Nhật» không đợi đến lúc này mới nổi bật trên làng báo Việt Nam, nhưng đã giữ được một địa vị cao từ lâu lắm, ngay từ hồi mới xuất bản, hồi Pháp còn thanh bình bảo hộ đất nước ta.

Lúc đó, ông Nguyễn Văn Luận làm tờ «Trung Bắc». Nhờ uy tín từ hồi ông Nguyễn Văn Vĩnh còn để lại, báo «Trung Bắc» vẫn được người Pháp nể vì cho nên dù không chạy bằng các báo hằng ngày khác như

«Đông Pháp» chẳng hạn, nhưng mỗi khi nêu một ý kiến ra thì vẫn được các nhà cầm quyền Pháp đặc biệt lưu ý.

Tôi không hiểu làm sao Ngô Văn Phú và Hoàng Hữu Huy, chủ nhiệm và chủ bút «Đông Pháp», nhiều lần muốn ra một tờ «Đông Pháp hàng tuần» mà lại không thi hành ý định. Ông Nguyễn Văn Luận xin ra tờ «Trung Bắc Chủ Nhật» thì được phép ngay trong hai tuần. Lúc đó, tôi không còn hợp tác với tờ «Trung Bắc» nữa: còn lại Dương Phượng Dực, Dương Mậu Ngọc, Mai Đăng Độ, Hồ Khắc Tráng, Nguyễn Văn Bân... Nếu tòa soạn này làm «Trung Bắc Chủ Nhật», chắc chắn báo sẽ thành cơm nguội, nên dù được phép, ông Luận vẫn lừng khừng không biết quyết định ra sao. Cho đến một ngày kia, Nguyễn Doãn Vượng chạy sang nhà tôi, báo cho biết là anh đứng chủ trương tờ «Trung Bắc Chủ Nhật» do ông Luận trao toàn quyền cho anh đứng làm.

Vượng và tôi là bạn, nhưng thực ra thì như anh em một nhà. Chính anh đã đưa tôi vào báo «Trung Bắc» hàng ngày, làm phóng viên, và «Rạng Đông» làm thư ký tòa soạn. Anh em vẫn giao du thân mật với nhau, riêng có thời kỳ làm «Vịt Đục» là tôi ít khi gặp Vượng, vì anh không mấy tán thành đường lối của báo này, mặc dầu đi đâu người ta cũng nói đến tờ báo đó. Vượng đặt nặng vấn đề xây dựng hơn là phá hoại. Vì thế, lúc gặp tôi nói về tờ «Trung Bắc Chủ Nhật» và rủ tôi hợp tác, anh nói rõ ngay ra là anh nghiêng về mặt xây dựng và muốn rằng tờ «Trung Bắc Chủ Nhật» sẽ có một «dấu» đặc biệt, độc đáo cả về nội dung lẫn hình thức, không giống các tuần báo đã từng xuất bản ở Việt Nam.

Đây một thứ nhựa mới. Nguyễn Doãn Vượng mất ăn mất ngủ để nghĩ cách trình bày tờ báo. Bây giờ, bìa báo như thế trông quen mắt nên người ta coi là thường, chớ vào lúc đó, quả là một sáng kiến táo bạo: bìa «Trung

Bắc Chủ Nhật» số 1 trông như bìa một số báo Life hay Match. Mỗi kỳ, cách trình bày lại đổi đi; còn bên trong thì các tit bài hoặc vẽ, hoặc xếp typo; thẳng, ngang, dầy, mỏng, chỉ đơn thuần có chữ hay kèm hình ảnh, tất cả đều theo tinh thần từ bài báo tiết ra.

Về nội dung, «Trung Bắc Chủ Nhật» cũng hoàn toàn mới: thay vì cứ mua bài xếp đống, rồi mỗi kỳ lấy ra một hai bài tương đối có tính cách thời sự để lên đầu rồi kèm những bài «vô hại» đăng năm nào cũng được, mùa nào cũng được, như trăm ngàn tờ báo khác lúc bấy giờ, Nguyễn Doãn Vượng chủ trương mỗi kỳ báo đề cập đến một vấn đề nhứt định, đại khái một kỳ nói về chiến tranh, một kỳ nhắm về cô đầu, một kỳ nhắm về hội họa mà những vấn đề mang ra viết đó phải thiết thực, sát với thực tế, gắn liền với thời sự, mà nếu đi trước thời cuộc càng hay.

Tôi tức Nguyễn Doãn Vượng vì anh ta

khó tính, làm việc gì cũng muốn cho toàn chân, toàn mỹ - mà theo tôi thì chân, thiện, mỹ hoàn toàn, có bao giờ lại thể hiện được ở đời này? Mỗi khi suy nghĩ tìm vấn đề gì khai thác, có khi anh thức sáng đêm như con ma, đi lại trong buồng sách để tìm tài liệu và ghi chép những điều bật ra trong trí óc; như thế cũng chẳng làm sao, nhưng ác hại là sáng hôm sau, anh sang nhà tôi kêu dậy thực sớm, để phô bày ý kiến rồi đi thúc giục các anh em viết bài, triệt để khai thác từng vấn đề. Có vấn đề viết một kỳ báo thì tạm đủ, nhưng cũng có những vấn đề ra đến bốn, năm số báo liền mới sử dụng hết tài liệu, hay trình bày ý kiến. Vượng làm tất cả các công việc ấy, còn tôi thì sắp xếp, làm tí, đặt thứ tự và sửa chữa các bài để cho tất cả đều nhất trí, phối hợp cho có hệ thống và làm tí để cho độc giả ham mà đọc. Làm xong các công việc ấy rồi, tôi chuyển lại trả Vượng; nếu có thêm ý kiến hay tài liệu hoặc có sự việc gì mới xảy ra liên quan đến các bài sắp đưa xếp chữ, anh

lại sửa nữa, tìm thêm tranh ảnh để gài vào bài và nhiều khi anh vùng đứng dậy chạy đi mất hút để tìm một anh nào khác nữa viết thêm cho một bài liên quan đến vấn đề, mà anh biết rằng người bạn ấy có thừa khả năng và hiểu biết về vấn đề muốn nói.

Làm báo như vậy, không thể viết gì thì viết, nhưng phải viết những bài theo những mục đề và tinh thần do tòa soạn thảo luận và quyết định. Cũng vì thế, sự đoàn kết của tòa soạn với ban giám đốc hết sức chặt chẽ, mà những người viết phải tham khảo tài liệu, và viết thực nhanh. Bởi vì có nhiều khi, thí dụ báo bắt đầu in ngày thứ năm, mà thứ hai mới biết cần viết về vấn đề gì, người viết phải làm thế nào nội trong hai ngày thứ ba, thứ tư, đi tìm tài liệu hay đi phóng sự, phỏng vấn để về viết cho kịp bài đưa chiều thứ tư hay sáng thứ năm là cùng. Vào lúc đó là lúc hầu hết người ta viết báo theo kiểu «dưỡng lão», làm một tờ như tờ «Trung Bắc Chủ Nhật» thật

là vất vả, nhưng nhờ cách quảng cáo, phát hành, cổ động rùm beng, báo chạy ồ ạt ngay từ số đầu, nên anh em cũng không thấy mệt mỏi lắm, trái lại phấn khởi và hăng hái hơn lên.

Dần dần, số anh em bình bút tăng lên gấp đôi, gấp ba, thay vì chỉ có Vượng, Hồ Khắc Tráng, Sở Bảo Doãn Kế Thiện và tôi lúc đầu. Tòa soạn tăng cường có thêm Đào Trinh Nhất, Văn Hạc Lê Văn Hòe hợp tác thường trực, còn viết bài không nhất định thì có Nguyễn Huyền Tĩnh, Ngô Tất Tố, Hồ Khắc Quảng, Huyền Hà Nguyễn Lan Hòa, Hồ Dzếnh, Tùng Hiệp, Nguyễn Tuân... và sau này có cụ Nguyễn Quang Oánh dịch cho tập «An Tử Xuân Thu» và cụ Bùi Kỷ mỗi kỳ cho một bài «Phương Pháp Học Chữ Nho».

Ông Đào Trinh Nhất cũng như các cụ Bùi Kỷ, Nguyễn Quang Oánh dăm thì mười họa mới đến nhà báo nói đôi ba câu chuyện.

Tòa soạn, làm thường trực có Hồ Khắc Tráng, Lê Văn Hòe, Huyền Hà, Tùng Hiệp và tôi. Hồ Khắc Tráng, bút hiệu là Hồng Lam, lúc nào cũng hớt hơ hớt hoảng như sắp chạy đi làm áp phe (thực ra anh đi hút), đúng là một người làm báo: anh rất thính tai, đầu lượm được nhiều tin tức mà viết lại nhanh, viết đủ mọi mặt, viết bất kể ở đâu và bất kể lúc nào cho nhiều tờ báo cùng một lúc, nhưng lúc nào cũng thiếu tiền, bạ ai cũng vay, nhưng được một cái là vay có trả. Cùng với Ngọc Thỏ, lúc nào anh cũng bồm bẻm nhai trầu, môi đỏ toe toét, tay cầm một tập giấy và, rất trơ, bất cứ ai cũng gạ làm quen cho kỳ được, miễn là lấy được tin tức thì thôi, chửi hay khen anh không bao giờ kỳ quẩn.

Tùng Hiệp cũng là một trang thính tai như Hồ Khắc Tráng, nhưng chỉ trong phạm vi những chuyện gia đình của người ta. Không hiểu nhờ hệ thống ăng ten nào, anh rất thông thạo, nhưng biết để đấy, hoặc tiết lộ

«tùng giọt» cho anh em nghe chơi, chớ không viết lên trên báo, vì anh rất «nguyên tắc» trong ý niệm về đời tư và đời công của người ta: ông là thượng thư, bộ trưởng mà làm hại dân, hại nước thì tôi đả, nhưng ông ăn chơi cờ bạc, ngủ dậy, ngủ bạ thì tôi không biết và tôi không muốn biết. Có lẽ Tùng Hiệp Nguyễn Xuân Hiệp phải phân định rõ ràng như thế, là vì chính anh không muốn ai trộn lộn đời tư vào với đời công của chính anh. Hiệp là con trai một của một nhà có miếng ăn ở Hàng Bồ, sống một đời tương đối đầy đủ từ tấm bé. Cuộc đời anh bình thản, vô lo lự, làm báo lấy tiền để tiêu thêm; tuy có yêu nghề thực, nhưng yêu rượu, yêu cái đẹp của phụ nữ và yêu sự cười cợt, sự vui nhộn còn hơn thế.

Cho đến bây giờ, tôi chưa thấy một người nào biết nhiều truyện quấy, truyện tiểu lâm Ta, Tàu, Tây, Ấn... như Tùng Hiệp. Bất cứ ai nói về vấn đề gì nghiêm chỉnh đến đâu,

anh cũng để vào được một truyện «mặn», một truyện «mặc xây de», một truyện «đểu» văn hoa nghĩa lý để cho ta cười cợt và bất cứ người nào, dù quan trọng đến chừng nào, cũng hóa ra tầm thường, mất thiêng.

Vì thế, mặc dầu làm phóng viên và bình bút viết điều tra và truyện ngắn, Tùng Hiệp ở báo nào cũng phụ trách mục thả vịt, mục vui nhộn, giọng văn không ác nhưng làm cho nhiều người tức không chịu được, vì thế mới xảy ra vụ Clau- de Bourrin trong Hội Kịch Bắc Kỳ đem binh tôm tướng cá đến trước cửa báo «Trung Bắc Chủ Nhật» đòi xin tí huyết của anh, nhưng, nhờ Vượng, vừa tung vừa hứng, vừa khuyên can, vừa đe dọa dùng võ lực, nếu cần, nên công việc êm thấm và tướng cá binh tôm rút ra về, không trống không kèn.

Tuy nhiên, Hiệp vẫn không vì thế mà chùn tay viết. Sau này, vào lúc Pháp trở lại

Hà Nội, người mình tản cư kháng chiến ra ngoài, Hiệp không có báo để viết nữa, tiếp tục trêu tức người ta bằng báo miệng ở trong thành, vì thế mấy ông Tây lai uất không chịu được, đã bắn Hiệp chết giữa lúc đời anh đang «xanh lên không biết bao nhiêu hy vọng».

Văn Hạc Lê Văn Hòe trái ngược hẳn với Hiệp. Tùng Hiệp quấy bao nhiêu, trẻ bao nhiêu, vui đời bao nhiêu thì Văn Hạc Lê Văn Hòe lại nghiêm bấy nhiêu, trịnh trọng bấy nhiêu và già bấy nhiêu. Người đọc báo xem văn Lê Văn Hòe, tác giả những cuốn như «Tầm Nguyên Tự Điển», sổ hàng tràng chữ nho ra trong các bài báo, tưởng đâu Lê Văn Hòe không là một ông lụ khụ thì cũng râu ria đạo mạo, có cháu nội cháu ngoại rồi. Lầm. Văn Hạc Lê Văn Hòe cũng sít soát cùng tuổi với chúng tôi khi đó, nhưng cũng như Đào Trinh Nhất, anh có một tư thế hơn nhiều anh em khác, là vì anh là người... Tây pha Nho, thêm cái đức tính viết khỏe, viết nhanh mà

lại sống gần nắp, giữ được nhiều tài liệu, nên bất cứ vấn đề gì nêu ra trong «Trung Bắc Chủ Nhật» và «Báo Mới», anh thường với tay ra là có.

Câu chuyện sau đây là một chuyện thực về Lê Văn Hòe: anh ta nói nhiều không chê được, nói thiên hô bát sát, nói không để cho ai nói xen vào được một câu. Thậm chí có lần, không nhớ đề cập đến vấn đề gì, anh nói nhiều đến nỗi phát ho hen lên. Một người, thừa dịp anh ho, lấp bắp sắp nói xen vào thì... không, các bạn không thể tưởng tượng được Lê Văn Hòe xử sự ra sao! Anh giơ cả hai tay lên xua xua, ra hiệu bảo ông kia đừng nói, để cho anh... ho nốt rồi nói tiếp, và kết cục là đến lúc đứng lên ra về, ông bạn không nói được một câu nào hết. Vì thế, tôi băn khoăn không hiểu Lê Văn Hòe cứ nói như thế thì còn thời giờ đâu mà viết, viết «Trung Bắc Chủ Nhật», viết «Báo Mới», viết sách, lại viết xã thuyết cho «Việt Báo» cùng với một số

bạn hữu khác để cho Phạm Lê Bổng ký tên «Lê Hoàng Long» và nhận là của mình viết ra. Nhiều lần, tôi định hỏi Lê Văn Hòe nói suốt ngày như thế, còn thì giờ đâu mà viết, thì Tùng Hiệp, thổ công Hà Nội, cho tôi hay là phúc cho Văn Hạc Lê Văn Hòe, anh ta lại nể vợ - nể, chớ không phải sợ - về đến nhà là không ho he một tiếng, im cứ thín thít như là thịt nấu đông.

ĐÀO TRINH NHẤT

Đào Trinh Nhất là một thái cực của Lê Văn Hòe. Hòe nói nhiều bao nhiêu thì Đào Trinh Nhất lại ít nói bấy nhiêu. Ông không năng đến nhà báo, cứ đúng ngày đúng tháng để ra bài xong thì có tùy phái đến lấy bài đưa về; đôi khi, dạo lên báo quán lấy ít tiền trước về tiêu. Anh em đều ngán vì ông nói khoan thai, chậm chạp, yếu ớt; đã thế có khi đến mười, mười lăm phút mới nói một câu; xong, ngồi xì ra đấy. Bị Tây trục xuất ở Nam ra vì bị

ngờ là chồng Pháp và thân Nhật, ông Nhất xì ra không nói, có thể là vì buồn – nhiều người ngờ thế, viện lẽ ông ở Nam đã lâu ngày, quen thuộc với làng báo ở Nam hơn là Bắc. Thực ra, tính ông từ xưa đến nay vẫn thế. Trong suốt thời kỳ tôi ở Nam, nằm hút ở đường Lefèbvre, Nhất vẫn cứ xì ra như thế; mặt ông lúc nào cũng bệch bạc, lạnh lẽo, nhất là mỗi khi cười thì càng lạnh lẽo quá làm cho người đối thoại với ông lần đầu ớn ớn nơi xương sống và không thể có cảm tình ngay; nhưng biết Nhất lâu ngày, anh em thân đều nhận ông là một người chung thủy, trước sau như một và đối xử rất tận tình với bạn. Việc ông đứng ra làm tờ «Cải Tạo» cho Phạm Văn Thụ – mà người đầu tiên ông nói với Thụ mời về hợp tác là tôi – cũng như việc ông viết bài cho báo «Vì Dân» của Hội Đồng An Dân, một phần lớn, theo tôi, là vì cái tình đối với hai người bạn của ông lúc bấy giờ là bác sĩ Phạm Văn Phán và ông Mai Ngọc Thiệu. Giúp cho tờ «Trung Bắc Chủ Nhật», ông vì tình với cụ

Luận và Nguyễn Doãn Vượng nhiều hơn; nhưng lúc đầu, ông vẫn giữ gìn, chỉ ký tên XYZ, sau rồi mới ký là Quán Chi và mãi sau này, hiểu biết rõ Vượng hơn, ông mới chịu để báo quảng cáo rõ cái tên Đào Trinh Nhất. Lúc ấy, đối với làng báo Bắc, ông đã quen với độc giả rồi: những bài sưu tầm, nghiên cứu của ông được người ta tìm đọc, một phần vì tài liệu súc tích, mà một phần cũng vì ông đã khéo làm những cái tit khiến cho độc giả giật gân, muốn đọc xem trong bài ông nói gì. Loạt bài «Vương Dương Minh», tuy nhiên chỉ được một số người ham chuộng. Độc giả «Trung Bắc Chủ Nhật» mê Đào Trinh Nhất là vào hồi ông viết tiểu thuyết dài như «Cô Tư Hồng», «Con Quỷ Phong Lưu»... khả dĩ đối địch được lại với những truyện dài của Lê Văn Trương lúc ấy đang làm mưa làm gió trong làng tiểu thuyết và đồng thời cũng là tiểu thuyết gia số một của nhà xuất bản Tân Dân, được ông Vũ Đình Long hết lòng chiều chuộng. Thấy tiểu thuyết của Đào

Trình Nhất được người ta đọc say mê, ông Vũ Đình Long nhờ Vũ Ngọc Phan điều đình ông viết thêm cho «Tiểu Thuyết Thứ Bảy», nhưng ông Nhất rất phân minh: ông nhận lời viết cho nhà Tân Dân, nhưng không viết tiểu thuyết, chỉ viết những bài sưu tầm, khảo cứu về văn học, tôn giáo. Sự hợp tác không được lâu vì «Tiểu Thuyết Thứ Bảy» bị một vài cha cố Tây lúc ấy làm khó dễ vì một bài nói về đức bà Maria và chúa Giê Su, «viết không đúng theo Kinh Thánh».

Cái việc cha cố Tây lúc ấy chơi ngang xương như vậy đã làm cho các ký giả không hài lòng. Văn Hạc Lê Văn Hòe cho Nhất viết thế là đúng; Hồng Lam Hồ Khắc Tráng cũng vậy; riêng Huyền Hà là người theo đạo Công giáo thì không nói gì, chỉ mỉm cười. Là vì thực ra Huyền Hà không thích những chuyện lôi thôi như thế: ngoài việc dịch truyện từ Anh ngữ sang Việt ngữ cho «Trung Bắc Chủ Nhật», như «Chài», «Bức

Màn Sơn», «Con Đường Nguy Hiểm»... và một số truyện ngắn của các danh văn ngoại quốc, Huyền Hà không muốn bàn tán đến việc gì, ngoài việc đánh bài.

Huyền Hà cùng học một trường, theo cùng lớp, và ngồi cùng một bàn với tôi. Anh khá về cả văn chương lẫn toán, nhưng lười vào sổ sách vì ngay từ lúc ấy anh đã ham đánh bạc - đánh bạc ngay cả trong khi cô Lataste giảng về sử địa. Sau này ra đời, vẫn chơi bời đi lại với nhau, tôi biết là anh đánh bạc dữ dội, nhưng không lúc nào tôi dă động, vì tôi biết từ thuở bé, anh đã sống thiếu tình thương trong một gia đình giàu có ở đường Hàng Trống, mà rất ít người biết chuyện đau thương ấy. Tuy đã lớn tuổi, chúng tôi ra đời vẫn giao du với nhau như lúc hầy còn bé nhỏ: tôi có cái ấm cò bay để pha trà ban đêm lúc viết văn, đem ra khoe với Huyền Hà, còn Huyền Hà mỗi khi có một cuốn truyện tình «hy hữu» - kèm tranh vẽ - đập học tốc đến

cho tôi mượn để coi, và lúc thì cho một ít «Lệ chi hồng trà», lúc thì cho bao thuốc lá Mỹ - lúc ấy không có thuốc lá Mỹ như bây giờ - hay một vài điếu thuốc lá Nga, lúc thì cho một gói đường nguyên tử «lạ lắm, toa ạ, chỉ cần cho một tí thôi cũng đủ làm ngọt cả một ly cà phê lớn». Tình bạn nhàn nhạt như nước lạnh, kéo dài như thế cho đến lúc Pháp đánh Việt ở Hà Nội thì tôi về một căn nhà nghỉ mát ở Đầm Linh Đường, rồi từ đó ra hậu phương theo kháng chiến; còn Huyền Hà ở lại. Đến khi trở về, tôi đi qua Hàng Trống, vào hỏi thăm anh, thì anh đã mất vì có một bọn lính lê dương vào quấy ở tiệm ảnh của ông Hương Ký; anh can thiệp và bị bọn chúng bắn vào sau lưng trong lúc anh quay lưng lại để trèo lên thang gác. Cũng khi đó, tôi cũng nghe thấy nói Nghiêm Xuân Lâm cùng với gia đình chết cả vì Tây ném lựu đạn xuống cái hầm mà ông với gia đình trú ẩn; Việt Bằng bị bắn ở một ngoại ô; Nguyễn Triệu Luật, Phan Trần Chúc cũng không còn

nữa. Nghe thấy thế, tôi buồn muốn khóc, đi một mình ở ven hồ, đọc một mình câu thơ của Thao Thao nói về chim sếu «bên hồ cút trắng khô». Từ chỗ sâu thẳm nhất của lòng, tôi nghe thấy một cái gì rõ rệt hơn trước cuộn cuộn lên, cuộn cuộn lên. Còn nhớ có một lần, không xa, tôi đã nghe thấy một cái gì mạnh nha trong tim óc, và lúc ấy tôi tiên cảm rằng cái gì đó sẽ thay đổi rất nhiều ý niệm về nếp sống, về cách nghĩ và cả nghề nghiệp của tôi. Thì hôm nay đây, «cái gì đó» đã hiện ra rõ rệt hơn trước một chút: làm báo không thể là chỉ để chơi hay kiếm tiền, người làm báo phải trả nhiều thứ nợ hơn người khác vì người làm báo biết nhiều hơn, cảm nhiều hơn và cũng sống gần với thực tế xã hội hơn người khác. Được rồi, người ta bảo làm báo là nói láo ăn tiền, mặc họ; nhưng người làm báo chân chính không thể và không bao giờ quan niệm nghề nghiệp của mình như vậy. Hơn cả ai hết, họ biết rằng báo chí là một bộ môn văn hóa phản ánh sinh động nhất, đây

đủ nhất tính chất của một chế độ và cho một chế độ xã hội, không những nói lên - đúng như lời ông Nguyễn Văn Vĩnh đã nói với Hy Tổng - nói lên phẩm chất hoặc văn minh ưu việt, hoặc thoái hóa của chế độ ấy, mà còn đi sâu vào từng tình tiết, tâm tư của con người, từng khía cạnh trở trêu, uẩn khúc, giả tạo của chế độ.

Trung thành với lý tưởng chống áp bức, chuộng tiến bộ mà quyền lợi tinh thần của con người đã ủy thác cho nó, báo chí luôn luôn có tính năng tranh đấu và xây dựng. Có khi để thực hiện sứ mạng ấy, người làm báo hành động trơn tru, êm đẹp, bình thường; nhưng trong rất nhiều trường hợp, không thể yên ổn, bình an như các tầng lớp người dân khác.

Là vì quyền lợi dân tộc nhiều khi trái ngược với quyền lợi của một chế độ, hay của một chính phủ, nên mâu thuẫn thường phát

sanh, tạo ra những điều trái nghịch, uất hận, bất công. Vì thế báo chí phải kinh qua những nghịch cảnh, thăng trầm, mà người làm báo – cũng như làm chính trị – thường bị vu cáo, hành hạ, tù tội, đẩy ải hay chết oan, chết ức.

Người làm báo đã bị thiên hạ khinh khi là loại người nói láo ăn tiền, lại còn mang cái tiếng là đại nã. Tại sao cứ chướng ách, chống đối làm gì? Tại sao không làm như bao nhiêu người khác gục mặt, cúi đầu nhận kẻ thù làm bạn để chúng thí cho cơm thừa canh cặn mà ăn? Tại sao không nghe lời chúng như chó nghe lời chủ, cầm gươm cầm súng để giết cả cha mẹ mình, anh em mình, họ hàng làng mạc nhà mình? Hỡi tất cả các nhà viết báo đã chết và còn sống, hỡi tất cả các anh em ký giả ở bên này và bên kia lằn mức, nghĩ đến bao nhiêu khổ ải của các anh, nghĩ đến bao nhiêu ngộ nhận mà người ta gán cho các anh, nghĩ đến bao nhiêu công trình tranh đấu âm thầm, lặng lẽ, không cần ai biết của các anh,

tôi mới thực hiểu chữ «đoạn trường» nó thế nào, và cũng từ lúc đó tôi mới thấy, trong quỹ đạo của nghề báo, tôi cần phải làm một cái gì khác trước, thực tế hơn trước, mà cũng là để xứng đáng với những anh em xa gần hơn trước.

Phải, tôi nghĩ như thế và tôi cảm thấy bưng bưng người lên như thể muốn ra ngay tiền tuyến để hỏi cái nợ máu của thực dân đối với anh em đồng bào tôi. Nhưng... về chiều, gió Hồ Gươm thổi lạnh, mưa bay như rây bột làm cho quần áo và cả lòng người ẩm ướt, tôi cảm thấy nếu không vào «Le Lac» uống mấy cái «pun xô» để sưởi ấm lòng thì buồn không chịu được, buồn chết mất. Và, ngay đêm hôm đó, tôi quên hết bao nhiêu bè bạn đã chết, tôi quên hết tất cả những ý nghĩ cao đẹp ban ngày...

Rồi ngày tháng trôi qua, tôi tiếp tục viết thật nhiều, viết chí tử để sống một cuộc đời

đầy đủ, phè phỡn với gà, chó, chim chóc, cây cảnh... cho đến lúc quân đội Pháp thua hết trận nọ đến trận kia và dân chúng bắt đầu bán nhà bán cửa để lên đường vào Nam. Quản lý văn khế Deroche, cũng rục rịch đem văn phòng đi luôn, gửi cho tôi một thư yêu cầu, trong thời gian một tháng, phải đem trả văn phòng số tiền ba trăm ngàn đồng mà tôi còn thiếu «nếu không thế thì hai cái nhà tôi cầm sẽ đưa ra bán đấu giá».

Tôi nhớ lúc đó là tháng chạp âm lịch, trời rét như cắt da cắt thịt, suốt ngày tôi đi mượn tiền để trả quản lý văn khế mà không ai cho mượn được lấy năm ngàn đồng. Thất vọng quá, tôi lì, cố không nghĩ đến chuyện bán tiện đó nữa. Đêm giáng sinh năm ấy, tôi cố giữ cho lòng bình thản, tự bảo mình lúc đi nằm: «Mấy năm nay ở hậu phương, mình không nghe chuông nhà thờ, năm nay phải cố thức xem nó có gì đặc biệt không». Nhưng rồi tôi ngủ lúc nào không biết và tôi giật mình thức

dậy vào lúc chuông nhà thờ reo gần hết. Giật mình vì tôi vừa nằm thấy một giấc mơ vô nghĩa. Tôi mơ mơ màng màng thấy Huyền Hà từ cầu thang gác nhà tôi đi lên phía đầu giường tôi; anh vận bộ âu phục màu xám đậm, y như lúc sống, và hỏi tôi: «Mày làm sao mà mặt mũi rầu rĩ thế?». Tôi đáp đúng nguyên văn như thế này: «Tao khổ hơn con chó, đi xoay tiền khốn nạn mà không được».

Huyền Hà thản nhiên, gạt đầu, rồi tiếp: «Mày nói thật đấy à? Nếu quả như thế, tao giúp mày». Chỉ có thế, rồi tôi thức dậy. Con chó sủa mấy tiếng ở dưới nhà. Tôi nói chuyện với vợ giấc mộng vừa qua và kết luận: «Vô lý hết sức. Một người chết mà hiện về bảo giúp cho người sống, nghe không thể được. Bố mày dóc quá, dóc lúc sống, mà chết đi vẫn còn dóc như thường». Nhưng vợ tôi không chấp nhận luận cứ đó, vì tin rằng những người lúc sống thông minh, mà bị bất đắc kỳ tử, thường linh thiêng hơn nhiều người

khác. Tôi phủ nhận tư tưởng ấy, nhưng trong thâm tâm, tôi tự nhủ hôm nào phải hỏi thăm mộ Huyền Hà ở đâu để đến viếng anh một chút. Tuy nhiên ý định ấy không thể thực hiện được, vì mỗi ngày, việc xoay tiền cấp bách hơn. Một hôm, Bùi Cẩm Chương, chủ nhiệm báo «Hồ Gươm» tìm tôi hỏi có phải tôi cần tiền thực không, rồi anh hứa đi tìm người cho vay. Tôi không từ chối, nhưng cười vào mũi Chương mà bảo: «Bố mày hàng tuần xoay có mấy trăm đồng lấy báo mà còn không nổi, lại nói chuyện vay mấy chục vạn cho tớ, bố mày đùa đấy chứ?». Bùi Cẩm Chương không nói, nhưng tối hôm ấy đi xe đạp đến nhà tôi - anh là Chương Mù nhưng đi xe đạp liều không chịu được - báo cho biết là mai có ông chú anh tới tìm tôi nói chuyện.

Nói chuyện thì mới biết ông chú ấy cũng đét như là bọn tôi, nhưng ông là môi giới đi vay và nói chắc là vay được. Nhưng đi đến ba bốn chỗ mà cũng không vay được đồng nào.

Tôi bắt đầu thất vọng thì gặp Tuất, thư ký của Deroche, một người bạn của Chương và tôi, có tiếng là làm ăn khấm khá, nhưng Tuất cũng không có tiền. Anh cũng hứa giúp tôi và bảo nếu xoay được sẽ kêu điện thoại cho tôi liền. Tôi ừ ào gượng gạo, vì một ngàn phần không tin được một; nhưng một buổi sáng, Tuất kêu tôi thật và bảo đến chiều thứ ba tới thì lại văn phòng chứng khế. Đúng hôm đó, tôi lại và ngồi chờ. Deroche thấy tôi, cho mời vào trước và hỏi có tiền chưa. Tôi nói: «Có người cho vay rồi». Tôi đưa mắt nhìn Tuất hỏi ai, thì Tuất luống cuống: «Người cho vay chưa đến, ngồi chờ một lúc xem sao».

Thất vọng không thể tả được, tôi định ra về thì Tuất reo lên «Kia rồi!» và bảo tôi vào ngay văn phòng làm giấy. Trước mặt quản lý văn khế, một quả phụ ăn vận đồ đen, đưa thẻ kiểm tra ra và nói với quản lý văn khế rằng bà bằng lòng lấy ra ba chục vạn trong số tiền bà gửi văn phòng chứng khế cho tôi

mượn. Tỉnh hẳn người, tôi cũng đưa kiểm tra ra cho chú ông khế làm giấy tờ; xong rồi, cả hai người cùng ký. Lúc đó, tôi mới liếc xem thiếu phụ cho tôi vay tên là gì, ở đâu, mà lại tốt như thế được. Đầu óc tôi như có sương mù; tôi trông bà mang máng nhớ có gặp vài lần, nhưng ngay lúc đó thì không nhớ là gặp ở đâu. Đến lúc ra về, tôi liền hỏi thì mới biết là vợ Huyền hà! Sở dĩ tôi không nhớ được rõ lắm là vì lúc Huyền hà còn sống, anh ở gác ba, mà vợ và con ở tầng nhì; phần nhiều đến chuyện trò với Huyền Hà, tôi chỉ đi qua rồi lên thẳng, nên ít khi gặp mặt, nhưng vì bè bạn đi lại với Huyền Hà rất ít, nên chị cũng biết tôi, và lúc sống, Huyền Hà thường nói tới tên tôi, mỗi khi tôi biểu thức gì, anh lại về khoe với vợ. Chị nói:

– Thực tình, tôi không biết anh vay, đến tận lúc anh đưa kiểm tra ra, tôi mới biết là anh đấy.

Sau đó, vài ngày, chị cho tôi biết thêm:

– Số tiền tôi gửi quản lý văn khế là tiền gia tài của thầy mẹ nhà tôi cho, lúc Huyền Hà mất đi. Có nhiều người nói với thầy mẹ tôi và thầy mẹ chồng tôi, khuyên tôi lấy tiền ra để làm ăn sinh lợi, nhưng tôi không chịu. Tôi cứ định để đấy để sau này cho các con. Nhưng... kỳ lắm, anh ạ. Đêm giáng sinh vừa qua, tôi nằm mơ thấy anh ấy về, vào trong phòng xoa đầu các con đang ngủ và bảo tôi: «Này em, có ai nhờ giúp gì thì cố giúp người ta nhé». Tôi nào biết giúp cái gì, mà giúp ai? Tôi suy nghĩ mãi mà không thể nào hiểu nổi, nhưng kể từ lúc nằm mê, lúc nào tôi cũng thấy nóng ruột. Rồi một hôm, ông Tuất gặp tôi ở văn phòng chương khế, bảo có một người muốn vay tiền. Không hiểu tại sao, tôi nhận lời ngay, mặc dù không biết người vay tiền đó là ai, và mặc dù từ trước đến lúc đó, có bao nhiêu người đã nhờ thầy mẹ tôi nói giùm mà tôi không chịu. Thực quả là tôi

không hiểu tại sao tôi lại nhận lời cho vay như vậy, nhưng có một điều tôi nhận thấy rất rõ rệt; nhận lời như thế, tôi không thấy băn khoăn một chút nào và đến khi ký giấy tờ ở phường khế xong, tôi tự nhiên thấy hết nóng ruột.

Nghe câu chuyện của chị Huyền Hà xong, tôi thấy cả người lạnh toát, và đến lúc này, thuật lại câu chuyện không thêm bớt, tôi vẫn còn giật mình, sao lại có thể có sự cảm thông giữa một người bạn với một người bạn, một nhà văn nhà báo với một nhà văn nhà báo kỳ lạ đến như thế được. Và cũng từ lúc đó, lòng tôi thay đổi rất nhiều: tôi tin ở Phật, Trời; người chết và người sống có sự tương quan; ở đời có âm phù dương trợ thực; và tôi cứ tin như thế, không cần biết tin như thế thì có phải là thoái hóa, phản khoa học hay lạc hậu không...

Bây giờ, trở lại lúc làm «Trung Bắc Chủ

Nhật». Làm thư ký tòa soạn của «Trung Bắc Chủ Nhật» từ số đầu cho tới khi báo nghỉ, tôi chuyên trách về các bài vở đăng báo và góp thêm ý kiến với Vương về việc tìm vấn đề làm các số. Xong đâu đó, tôi chuyển sang cho Vương suy nghĩ về cách mi và tìm hình ảnh để cho báo vui hơn và sống động hơn. Mời người hợp tác cũng như các món chi tiêu thù tạc đều do Nguyễn Doãn Vương liệu lý, và nếu cần phải đối phó thì cũng do Vương cả. Tôi tránh đi như thế một phần cũng là vì, đúng trong thời gian đó, tôi là thư ký tòa soạn cho ba tờ báo «Phổ Thông», «Tiểu Thuyết Thứ Bảy» và «Truyền Bá». Mà «Tiểu thuyết Thứ Bảy» và «Trung Bắc Chủ Nhật» lại là hai tờ báo chạy nhất nước, số in xấp xỉ ngang nhau. Đứng vào cái thế ngang trái ấy, tôi ngó ý với Nguyễn Doãn Vương một bên, và ông Vũ Đình Long một bên, xin thôi, để chỉ làm cho một nhà, nhưng vì cả hai cùng có cảm tình, không chịu, nên rút cục, tôi vẫn làm; sáng, cho nhà Tân Dân, chiều, cho «Trung

Bắc Chủ Nhật», mà cả hai báo lúc nào cũng vẫn có thiện cảm với nhau. Khó cho tôi nhất là có một lúc «Tiểu Thuyết Thứ Bảy» muốn mở rộng phạm vi, mua bài của Đào Trinh Nhất và đồng thời «Trung Bắc Chủ Nhật» lại muốn nhờ Nam Cao, Kim Lân viết truyện ngắn, Ngô Tất Tố viết «Thơ Và Tình» dịch thơ Đường và thuật lại những điểm sử liên hệ đến các bài thơ đó.

Dù sao, các việc ấy không đáng kể. Thời cục hồi đó biến chuyển từng ngày, những việc đáng cho người ta đối phó có một tính cách trọng đại hơn nhiều. Thế chiến thứ nhì bắt đầu. Vượng đưa ra ý kiến Nhật có thể đổ bộ ở Việt Nam; báo «Trung Bắc Chủ Nhật» ra một loạt bài về đổ bộ từ Đông qua Tây, từ cổ chí kim. Báo chạy trội hẳn lên. Cụ Luận vượt râu, ngồi uống rượu, nhìn ra đường Henri d'Orléans suy ngẫm: thì ra Nhật đổ bộ thực. Đi đâu cũng nghe thấy tiếng gươm đập vào gót sắt của người lính Nhật kêu chan chát.

Sách «Nhật Ngũ Thực Hành» bán chạy như tôm tươi. Bịt tai lại, vẫn nghe thấy vang lên «Dô tô», «Dô tô nay». Trong khi ấy, Pháp vẫn còn ở lại. Nhiều vấn đề cần phải đối phó bắt đầu, thứ nhất là với Nhật. Hàng ngày xảy ra không biết bao nhiêu việc liên hệ đến Nhật và Pháp. Giá «Trung Bắc Chủ Nhật» là một tờ báo thường thì có lẽ họ cũng chẳng kể tới làm gì; đằng này lại mang tiếng là một tờ báo chạy nhất mà thiên về văn hóa chính trị, nên cả Nhật lẫn Pháp đều muốn vơ vào mình. Thành thử ra ở giữa, «Trung Bắc Chủ Nhật» lâm vào cái thế bí: Ngánh mặt về Tề e Sở giận, quay đầu sang Sở sợ Tề ghen.

Tôi còn nhớ mãi câu chuyện liên quan tới phụ bản in vào dịp báo xuân lúc đó. «Tiểu Thuyết Thứ Bảy» in một bức tranh lụa của Lê Văn Đệ. Muốn chơi «trội», «Trung Bắc Chủ Nhật» điều đình với họa sĩ Foujita, đến thăm Hà Nội vào một ngày tháng chạp, vẽ riêng cho một bức tranh để làm phụ bản «Trung

Bắc Chủ Nhật». Thế là Pháp không bằng lòng. Thiếu tá Robb phàn nàn với cụ Luận và nhờ khuyên Vương thay đổi phụ bản đi; nhưng đã lỡ quảng cáo rồi, Vương cứ in phụ bản Foujita một mặt, và lo đối phó với Pháp mặt khác. Rút cục, Pháp cũng chịu luận cứ của Vương đưa ra là hợp lý và cũng kể từ lúc đó, Pháp và Nhật cùng thi đua mua lòng «Trung Bắc Chủ Nhật» bằng cách này hay bằng cách khác, và có một lúc đại sứ Nhật đã không ngại bảo viên Tổng Lãnh Sự của ông là Ogawa đưa ra một túi bạc để lý sù «Trung Bắc Chủ Nhật» nhân dịp Tết.

Wương đã làm một cử chỉ khiến tôi cảm mến; anh từ chối, viện cớ rằng báo của anh tạm đủ sống, khi nào cần, anh sẽ đề nghị sau, còn lúc này thì thật quả chưa cần. Viên đại sứ Nhật bảo anh cầm lấy số tiền đó cho con anh «như một thứ tiền mừng tuổi». Rất cảm ơn, nhưng tôi chưa có con - Vương trả lời kính cẩn.

Từ khi còn nhỏ tuổi, học lớp Dự Bị, Vương đã sống một cuộc đời đen tối, thiếu mọi tình yêu thương, thiếu cả về vật chất, nhưng Vương không hề bao giờ bê bối về tiền nong đối với những người lạ, cũng như đối với anh em. Tôi vẫn phục đức tính ấy của Vương, nhưng ở vào trường hợp làm báo - mà báo lại không giấu gì - quả tôi đã ngạc nhiên trong một phút. Từ chối một sự giúp đỡ như vậy của Nhật vào lúc bấy giờ, không phải chỉ là một thái độ trong sạch của một nhà báo trung thành với lý tưởng của mình, nhưng phải nói là can đảm, vì ai cũng biết trạng thái tâm lý của đa số người Nhật khi đó kỳ lạ lắm.

Đúng vào cái thế tranh chấp ngầm ngầm với Pháp ở nước ta lúc ấy, đa số người Nhật cho rằng ai không đi với họ tức là đi với Tây; họ giận; mà họ đã giận thì không ngại tỏ ra thái độ cực cần, có khi võ biến. Nhưng bù lại, họ lại hiểu biết hơn ai: nếu người đối thoại tỏ

ra thành thực, không khuất sợ uy vũ thì họ lại vì nể và dãi vào hàng bạn, chớ không coi là một thứ người mà Đại Nhật Bản, theo chủ trương Đại Đông Á, đến để giác ngộ và che chở.

Trước cử chỉ ấy của Vượng, tôi cảm thấy như có một bông hoa bé nhỏ nở ở trong lòng và tự nhủ: «Thôi cũng được. Như thế, Nhật họ đỡ hiểu lầm là các nhà báo Việt Nam đều tên là Hoàng Cừ, Đặng Văn Hình, Trương Anh Tự».

Cho mãi đến khi phải tự nghỉ vì tình thế không cho phép, «Trung Bắc Chủ Nhật» lúc nào cũng giữ vững lập trường mà Vượng và tôi đã thỏa hiệp lúc bàn nhau xuất bản: lập trường quốc gia, dân tộc.

Thế rồi Nhật chiếm Việt Nam, loại Pháp ra ngoài. Rất nhiều anh em, già có, trẻ có, khuyên chúng tôi chớ nên găng quá với người Nhật, trong số đó bạn văn hóa không

hiếm gì. Chúng tôi chỉ ừ ào, nhưng, về thảo luận với nhau. Vượng và tôi vẫn giữ nguyên đường lối đã vạch sẵn: làm báo Việt Nam, cho người Việt Nam, vì người Việt Nam. Một người bạn Nhật, thấy thế, không hiểu vì vô tình hay hữu ý, bần tiếng dọa bắt giam Vượng, mặt khác lại xách đến nhà tôi một cây kiếm dài thườn thượt, buộc phải nhận một chức vụ về kiểm duyệt. Vượng đã giải quyết ổn thỏa cho tôi vụ ấy. Nhưng chính lúc Nhật làm dữ như thế thì trên toàn bộ, Nhật không còn đánh tốt, thắng mau như vụ Trân Châu Cảng. Tờ «Trung Bắc Chủ Nhật» vừa làm vừa trông. Báo không chạy đủ dৌ় nũa, và đến lúc Nhật thua, Việt Minh hoạt động mạnh, thì chẳng cứ «Trung Bắc Chủ Nhật», tất cả các báo đều hãm thắng để đi chậm chậm rồi lấy cớ kỹ thuật, thiếu giấy báo, để nghỉ một thời gian. Cũng vào khoảng đó, tờ «Báo Mới» cũng của cụ Luận, và do Nguyễn Khắc Kham làm chủ nhiệm, Nguyễn Doãn Vượng làm thư ký tòa soạn, cũng nghỉ luôn.

«Báo Mới» là một tờ báo hàng ngày mà anh em định làm theo một công thức mới, với hy vọng sẽ là một tờ báo lạ nhút và chạy nhút, nhưng chưa thực hành được ý định thì biến cố xảy ra dồn dập để đưa đến việc quân đội Lữ Hán kéo đến tiếp thu Hà Nội.

3. TRUNG VIỆT TÂN VĂN

Nguyễn Phổ, Nguyễn Doãn Vượng và tôi sống một cuộc đời thanh thản trong vài tháng. Hàng ngày, chúng tôi ngồi bàn bạc với nhau ra một loại báo giật gân theo kiểu Tabloid (tôi đã viết nhiều về loại báo này trong «Trung Bắc Chủ Nhật»); có lúc lại bàn làm một tờ báo in giấy màu hồng cho Đồng Minh (với sự cộng tác của một ký giả lành nghề mà không hề ai biết tiếng là Văn Thu), nhưng rồi kết cục không xong đâu vào đâu cả. Chúng tôi nhìn quân đội Lữ Hán vào tiếp thu Hà Nội với tính cách quan sát viên một thời gian, thì một hôm Phổ, thay mặt cụ Lê

Kỳ, mời tôi sang nhà ở phố Nhà Thương Phủ Doãn bàn về một tờ báo lớn: Trung Việt Tân Văn. Phổ nói với tôi một cách dè dặt, vì trước khi đó, tôi đã từ chối không chịu hợp tác với tờ «Bình Minh», một tờ báo hàng ngày khác, của Nguyễn Giang, anh ruột Phổ.

Tại sao lại không làm tờ «Bình Minh»? Muốn cho thật rõ, ta cần phải biết tại sao dưới thời Nhật lại có tờ báo đó.

Vào thuở «lên» nhất của Phạm Lê Bổng, ông có ra một tờ báo chữ Pháp là «Patrie Annamite» do Tôn Thất Bình, con rể Phạm Quỳnh chủ bút, Tiêu Viên Nguyễn Đức Bính phụ trách về bài vở và một tờ báo chữ Việt, tờ «Việt Báo», mua lại của Bùi Xuân Học, do một tập đoàn gồm có Nguyễn Đức Bính, Văn Hạc Lê Văn Hòe, Micro Bùi Xuân Như và mấy anh em khác viết bài. Chính Phạm Lê Bổng không để mắt tới hai tờ báo đó. Công việc làm báo và doanh thương nằm hết cả trong tay bà vợ; còn ông thì tất cả hoạt động

tập trung vào việc triệt để theo bám Bảo Đại, Phạm Quỳnh, bảy ngày một tiệc lớn, ba ngày một tiệc nhỏ, để mua lòng Đại Pháp bảo hộ, củng cố chức viện trưởng viện Dân biểu cướp được của Phạm Huy Lục trong tập đoàn Nguyễn Văn Vĩnh.

Phạm Lê Bổng, lúc đó, là đầu đề của rất nhiều bài về nhạo báng mà cũng là điển hình của sự lỗ bịch, trơ trẽn trong dân gian; nhưng sự liêu lĩnh, sự thiếu suy xét của ông chỉ lên tới tột bậc lúc Nhật đổ bộ lên Đông Dương, ông đi với Chauvet giữ một chức vị quan trọng trong ủy ban thu thóc của Pháp, để sửa soạn một cuộc chống Nhật vô cùng thâm hiểm.

Tôi nhớ có một hôm cuối tháng chạp, dưới mưa bay lất phất, tập đoàn Trung Bắc Chủ Nhật đi chợ Tết, qua nhà Phạm Lê Bổng thấy lính canh hết sức uy nghiêm, một người trong bọn nói đùa:

– Nó lên đến tột bậc rồi, nay mai thế nào cũng xuống. Hai cái nhà lớn nhứt phố Hàng Bồ của nó, ai dám quyết nay mai lại chẳng sang tay chủ khác? Các cụ nói «Nhất điền thiên vạn chủ», ấy thế mà không có sai đâu nhé.

Nói đùa thế mà thành ra đúng. Nhật hạ Pháp rồi, bắt luôn Phạm Lê Bổng giam một chỗ. Để cứu vãn lấy chỗ đội nón, ông Bổng xin dâng cả hai căn nhà ấy cùng với nhà in, máy móc cho quân đội Nhật sử dụng. Cố nhiên Nhật vui lòng nhận đỡ cho Bổng, và hai cái nhà ấy được dùng làm tòa soạn và nhà in báo «Bình Minh», nhưng sau khi Nhật thua, Tàu tới, rồi Pháp quay trở lại, thì không hiểu sao, Đỗ Xuân Mai, tức là chủ nhà in Mai Lĩnh lại sử dụng nhà in đó, đem bán lại cho ông Bách, công ty với bà Hòa Tường, dọn tất cả về đường Hàng Chuối, để rồi hình như lại chuyển sang cho «thần chưởng» Bùi

Ngọc Phương (sau này nổi tiếng là Vua Dầu Hỏa).

Nhưng đó là chuyện sau. Trở lại lúc Phạm Lê Bổng bị bắt, xin với Tasaki cho gặp bộ trưởng Yokohama, phụ trách về văn hóa, để tình nguyện dâng cả nhà cửa và máy in, máy xén, máy đúc cho quân đội Nhật. Hai ông Komatsu và Omya, trong bộ Văn Hóa, bèn mời ba ký giả là Nguyễn Doãn Vượng, Khái Hưng Trần Khánh Giư (trong tập đoàn Phong Hóa, Ngày Nay) và Nguyễn Giang (con trai cụ Nguyễn Văn Vĩnh) đứng ra sử dụng nhà in Việt Báo của Phạm Lê Bổng tặng, và xuất bản một báo hàng ngày là tờ «Bình Minh» để đề cao quân đội Nhật và chương trình Đại Đông A của Đại Nhật Bản.

Trước mặt Nguyễn Giang và Trần Khánh Giư, Nguyễn Doãn Vượng từ chối không làm. Tôi biết chắc đây không phải là lần đầu Vượng từ khước nhà in của Bổng.

Trước đó ít lâu, sau một hội kiến về đêm với Bổng, Vương đã cho tôi biết là Bổng, trước biến chuyển của thời cuộc, đã «lơn» Vương và đề nghị «tặng» nhà in Việt Báo cho riêng anh và anh đã đem việc này nói cùng ông Luận. Ông Luận đưa ra ý kiến là nếu bán rẻ thì mua chớ không lấy không: còn Vương thì dù bán rẻ cũng không chơi, vì anh tuy là bạn với Bổng, nhưng không muốn dính líu gì với Bổng. Thành ra đến lúc Komatsu và Omya đề nghị cho tam đầu chế Vương, Giu, Giang, cái nhà in và hai tòa nhà, Nguyễn Doãn Vương từ khước liền, viện cớ rằng anh đã có hai tờ «Trung Bắc Chủ Nhật», «Báo Mới» với một nhà in cũng khá lớn, mà hiện giờ thì nhà in còn đang thiếu thợ làm, chưa sử dụng được triệt để các máy móc nhằm thi hành kế hoạch đã vạch sẵn của anh.

Trần Khánh Giu không nói gì, nhưng Nguyễn Giang thì nói với Komatsu, với giọng nửa đùa nửa thật: «Vương từ chối vì hấn sợ

Tây trở lại». Vương trả lời: «Tôi sợ Tây hay không thì có Komatsu ngồi đây biết rõ». Komatsu cười, nhìn Giang và Vương, nói (bằng tiếng Pháp): «Không, tôi biết Vương lắm, anh ta đúng là đạo Trung Dung; nhưng anh Giang, anh là một cha muốn làm ái tình, nhưng nhát quá nên đành thủ dâm».

Tờ «Bình Minh» ra đời, không có Nguyễn Doãn Vương là do lẽ đó. Trong tháng đầu xuất bản, tờ «Bình Minh» cũng được người ta tìm đọc khá đông, nhưng về sau, phần vì không có gì mới lạ, phần vì người ta chán ngán chế độ hà khắc của Nhật, nên số độc giả «Bình Minh» sụt dần. Khải Hưng rút lui; Nguyễn Giang mời Phan Quang Đán (lúc đó làm tổng thư ký hội Cứu Đói với Mai Văn Hàm, chủ nhiệm tờ «Tin Mới» mua lại của bác sĩ Luyện) về làm chủ bút. Nhưng vì Đán không rành về nghề báo, nghề in, lại thêm cái chữ quốc ngữ mới của Nguyễn Giang đưa ra cổ độc cũng không tài nào mà đọc được, nên

báo «Bình Minh» sứt mãi, sứt mãi, để thành ra một thứ báo «cơm nguội» không ai buồn mó tới.

Chính vào lúc đó, Nguyễn Phổ và Nguyễn Dương, hai em trai của Nguyễn Giang, tìm tôi rủ về «cứu vãn» tờ «Bình Minh», nhưng vì biết Nguyễn Giang là một thứ «đồ gàn», có tính lắm cảm, nên tôi dễ từ chối, và tôi đã từ chối ngay, viện lẽ là không ai chịu được Giang, có làm với nhau bất quá cũng chỉ được ít lâu rồi lại thôi thì hợp tác làm gì. Làm với nhau thì oán thán, thù hằn, thế thì không làm với nhau để giữ lấy tình anh em trước sau như một, há lại chẳng hơn ư?

Chính vì lẽ đó, nên lúc Nguyễn Phổ đề cập đến việc tôi về giúp cho tờ «Trung Việt Tân Văn», anh nói với tôi một cách dè dặt; nhưng lần này thì tôi nhận lời anh, sau một vài đêm suy nghĩ.

Tôi nói «suy nghĩ» cũng là đúng một phần nào, vì người làm báo ở vào lúc đó thật là khó tính, nhất là một người làm báo không thuộc đảng phái nào, chỉ biết có nghề mình và quyền lợi của dân tộc. Lúc ấy, Nhật thua trận, quân đội Lữ Hán đến tiếp thu quân đội Nhật, và Việt Minh thì vừa mới về, đem lại tin tưởng và lẽ sống cho dân. Tất nhiên, những mâu thuẫn và cọ xát giữa Việt Minh và Trùng Khánh không thể nào không xảy ra. Làm ăn mà không khéo thì bị mang tiếng là phản bội; nhưng trái lại, nếu có lập trường vững chắc và một đường lối sáng suốt thì cũng có thể đỡ dần một phần nào chính thể mới phôi thai lúc đó, bị tấn công về mọi mặt.

Không tối nào tôi không cùng Phổ và Kỳ (Nguyễn Kỳ là con trai cụ Vĩnh, em của Phổ) và Dương nghiên cứu, thảo luận nên làm ăn ra thế nào, một mặt; và mặt khác, tôi thường xuyên gặp Phùng Bảo Thạch, Ngô Tất Tố, Thượng Sĩ, Trần Kim Dân để xét cho thật kỹ

có nên nhận làm báo «Trung Việt Tân Văn», cơ quan chính thức của quân đội Lư Hán đến tiếp thu quân đội Nhật hay không.

Anh Phổ, bây giờ anh ở đâu? Vẫn còn ở Bắc Việt hay đã đi Tây đi Tàu rồi? Mười lăm năm xa cách – bằng cả một cuộc đời phiêu bạt của cô Kiều! – mười lăm năm đã trôi qua, nhưng tôi vẫn nhớ thương anh như những ngày ở hậu phương và không bao giờ tôi quên được những đêm không ngủ, chúng ta uống cà phê nói chuyện về quân Nhật đi và quân Tàu tới.

Nguyễn Phổ là tế tử của cụ Lê Kỳ. Trong các bạn của cụ, có nhiều người Trung Hoa. Vì thế, ông Tsan Cẩm Thòong, được phép xuất bản tờ «Trung Việt Tân Văn», liền được ngay các bạn như cụ Ly Seng Pao, Nguyễn Hải Thần giới thiệu mời cụ Kỳ ra làm giám đốc và cụ Trần Phượng Thê làm quản lý. Thực ra, báo ấy không phải do ông Tsan

Cầm Thông cầm chịch, nhưng là của một Lam Y thân tín của Tưởng Tổng Thống và là con trai của ông Tsan đứng cầm chịch ở bên trong. Báo ra đời nhằm mục tiêu xiết chặt tình thân thiện Hoa Việt, tuyên truyền cho chế độ Trung Hoa trắng và đề cao quân đội Tàu nói chung và đoàn quân của Lữ Hán đến tiếp thu ở Việt Nam, nói riêng. Vì là bạn của Phổ và thường chuyện trò với hai cụ Kỳ, Thê được coi là tâm đầu ý hiệp, các cụ Kỳ, Thê và Lý thân ái mời tôi về làm chủ bút cho báo.

Từ trước cho đến lúc đó, tôi vẫn có thói quen là không bao giờ nhận lãnh một chức vụ gì có tên chánh thức in trên báo. Nhiều bài báo, cũng như nhiều cuốn sách của tôi, do các nhà xuất bản in ra đều mang bút tự - mà tự tôi đến giờ cũng quên mất nhiều bút tự của mình, - thỉnh thoảng mới có bài hay sách mang tên thật. Nhận lời làm «Trung Việt Tân Văn», tôi cũng định áp dụng phương thức cố hữu là chỉ nhận làm ở bên trong, còn tên

trên báo thì để cho người khác đứng. Nhưng cụ Lý và ông Tsan, cũng như Tsan Chi Số – con trai ông Tsan – không chịu thế. Họ quan niệm chức vụ chủ bút rất quan trọng và ép tôi phải để tên chủ bút, muốn từ chối không tài nào được.

Thấy chỉ vì cái tên công việc dang dai ra mãi, các anh em như Trần Kim Dẩn, Thượng Sỹ Nguyễn Đức Long, Phùng Bảo Thạch, khuyên tôi nhận lời. Tòa soạn lại gồm các anh em cũ, trừ vài người đã mất hay đã đi xa. Bù lại, tôi lại được thêm mấy anh em khác trong nhóm «Tiểu Thuyết Thứ Bảy» hay «Trung Bắc Chủ Nhật» – lúc ấy đã nghỉ – về hợp tác. Cố nhiên một tờ báo như thế phải giàu, trụ sở phải to, nhuận bút phải hậu và có... thế là đảng khác. Nhưng có lẽ vì độc giả không có mấy cảm tình với quân đội Trung Hoa lúc bấy giờ một phần, mà phần khác tại anh em cũng không hăng hái làm việc cho mình như thuở «Công Dân», «Việt Đục»,

«Tương Lai», nên báo không chạy mầy. Vả chẳng, Trần Huy Liệu, lúc ấy, làm bộ trưởng thông tin, ít ra cũng đủ phép «ế» chúng tôi. Tôi biết trong anh em lúc bấy giờ, Trần Huy Liệu «trù» chúng tôi nhiều nhất. «Trung Việt Tân Văn» viết một loại bài đả kích riêng Trần Huy Liệu «chậm tiến, chưa chi đã lợi dụng chức vụ bộ trưởng của anh để hàng ngày đi công xa đến nhà Ngân Giang nữ sĩ uống trà tàu và ngâm thơ con cóc». Uất hận không chịu được, Liệu dọa «hót chúng tôi vào xe rác».

Bắc Bộ Phủ, trái lại, lại tỏ ra gượng nhẹ với chúng tôi vì thực ra chúng tôi, lấy tư cách là một nhà báo, cầm chịch quyền thú tử trong nước - đa số người Trung Hoa lúc đó tin như vậy - cũng đã đứng ra thu xếp được một ít điều xích mích nhỏ giữa quân đội Lu Hán với chánh quyền hồi ấy.

Nói riêng về chức chủ bút của tôi, thật kỳ. Khác hẳn khi làm thư ký tòa soạn cho các tờ báo khác, người chủ bút của «Trung Việt Tân Văn», từ lúc báo ra cho đến lúc báo nghỉ, gần như không viết gì, không biết gì về báo. Mọi công việc tòa soạn do Phùng Bảo Thạch và Ngô Tất Tố trông nom hết. Qua ngày này sang ngày khác, tôi chỉ phụ trách việc đi ăn uống, xã giao, hết cơm Tàu đến cơm Tây, hết cụng này mời lại đến ông kia thết. Nhưng dù sao, tất cả những cái đó chưa kỳ bằng việc mấy chủ nhân của báo quan niệm về nghề báo lúc bấy giờ: bài vở đăng báo không cần lắm, trọng tâm hoạt động của chủ bút là công việc tiếp thu quân đội Nhật. Nghĩa là mỗi khi quân đội Lư Hán tiếp thu ở đâu thì lại có tin báo liền cho chủ bút với đầy đủ chi tiết: hôm nay, quân đội Nhật làm sao, ta nhận bao nhiêu vũ khí, tìm ra được mấy kho vải, bao nhiêu kho gạo, bao nhiêu kho đường... Các anh em Trung Hoa lúc ấy đối với riêng tôi thật là đôn hậu đến làm cho tôi cảm động

vì họ thành thực đến mức bảo trắng cho tôi biết rằng các tin ấy không cần đăng lên trên báo làm gì. Sỡ dĩ họ báo tin cho tôi biết trước nhất là vì họ muốn dành cho tôi quyền lợi ưu tiên: ông chủ bút có chỗ tiêu thụ thì bán đi lấy lời, khi nào ông chủ bút không bán được thì chúng tôi mới bán, ông chủ bút cứ tự nhiên vì là «anh em cả mà».

Bản khoản thứ nhì của các vị ấy là việc tham gia quốc hội đầu tiên Việt Nam độc lập. Ngoài các nghị sĩ dân bầu, chính phủ chấp nhận một số nghị sĩ chỉ định dành cho các đảng quốc gia. Ông chủ bút có gia nhập đảng nào không? Tôi chẳng vào đảng nào hết. Nhưng không có sao đâu, ông chủ bút cứ nhận lời đi, chúng tôi sẽ nói với cụ Nguyễn và chắc cụ sẽ bằng lòng lắm.

Thực quả làm báo như thế cũng ngộ và khỏe. Từ thuở bước chân vào nghề, tôi chưa hề bao giờ lại thấy làm báo khỏe đến như thế

và tôi cũng không biết sẽ còn khỏe đến chừng nào nếu biến cố không dồn dập xảy ra trong nước. Phùng Bảo Thạch nhận làm thêm tờ «Đồng Minh» của cụ Nguyễn Hải Thần, tôi dư thời giờ cũng giúp vào một tay. Nhưng rồi đến một lúc cả «Trung Việt Tân Văn» và «Đồng Minh» đều phải tự động đóng cửa vì tình hình rắc rối không tả được.

LÀM BÁO LƯU ĐỘNG Ở KHU BA

Thế là máy bay Pháp lại gù gù trên trời, còn dưới đất thì xe díp, mô tô chạy ầm ầm như gió - nhiều khi để chỗ, chớ cũng chẳng có việc gì cần. Tôi còn nhớ có anh lính nai nịt như ra trận địa, ngồi thẳng đườn đườn trên mô tô nổ máy chạy bay như thể phải đi cứu ông D'Argenlieu hay Sainteny lâm nạn, nhưng rút cục đến dốc Hàng Kèn thì hãm máy, vào tửu quán uống một ly rượu mạnh và ôm con gái chuyện trò như pháo ran.

Thấy Nhật đã đuổi Pháp đi rồi mà bây giờ lại thấy Pháp trở lại lù lù cả đống, dân chúng chán nản không tưởng tượng được. Việt Minh ở vào một thế rất khó khăn: một mặt đối phó với Pháp, một mặt tuyên truyền dân gian để cho khỏi mất tin tưởng, và mặt khác nữa lại phải lo chuyện đoàn kết các đảng phái, vì các đảng phái lúc này lén phéng định xé lẻ rất nhiều và đi với Tàu hoặc Pháp để chống lại Việt Minh.

Tôi viết bài cho một tờ y học, tờ «Vui Sống», đồng thời tổ chức nhà in cho nhiều anh em ở các nơi về thành, vì tỉnh nào cũng có một hai tờ báo. Vì là anh em quen biết cũ, tôi viết bài thêm cho một vài tờ; riêng có tờ «Kháng Chiến» của Nguyễn Kỳ ở Cao Bắc Lạng thì tôi để tâm vào nhiều nhất.

Trong khi ấy, các tờ báo như «Tiểu Thuyết Thứ Bảy», «Trung Bắc Chủ Nhật», «Truyền Bá», «Phổ Thông Bán Nguyệt San» đều nghỉ

hết. Anh em văn hóa, văn nghệ chuẩn bị lên đường ra hậu phương chiến đấu. Thế rồi lệnh tiêu thổ kháng chiến ban ra; thành phố đào hầm trú ẩn; tự vệ xẻ đường đắp ụ để đối phó với một tình thế nẩy lửa chắc chắn không thể nào tránh được, xảy ra không biết lúc nào.

Những ngày kháng chiến đầu tiên ở hậu phương thật là cực khổ, nhưng cũng thực là vui lạ. Tôi chạy về khu ba, ngồi kéo sợi, và trong hơn nửa năm trời không làm gì; nhưng sau lần lần bắt liên lạc được với các anh em cũ, tôi viết mấy vở kịch (trong đó có kịch Bom Ba Càng) có tính cách tuyên truyền, rồi do đó đi họp văn hóa, viết một hai tờ báo nhỏ địa phương ở Hà Nam, vùng Đầm, Đới Đệp. Ngày tháng nặng nề trôi; đời sống thiếu thốn đủ mọi cách nhưng lòng người hể hả như chết mà sống lại. Tôi chưa hề được sống những giờ phút sôi động và ấm lòng như thế: đồng bào thương xót nhau như ruột thịt; người dân giúp đỡ nhau thực tình; anh lính

ho thì người dân tự nhiên thấy ngực mình đau nhói. Riêng tôi, tôi rung rung nước mắt khi thấy Nguyễn Phổ và Nguyễn Kỳ từ Cao Bắc Lạng về thăm tôi ở Đán. Mỗi phiên chợ, tôi ra ngồi ở quán cà phê, do đó gặp đủ mặt anh em để trò chuyện và thăm dò tin tức. Cảm động nhất là Sở Bảo Doãn Kế Thiện đã già rồi mà cũng lặn lội từ Sơn Tây về rủ tôi đi làm việc văn hóa; Nam Cao được ngh' xả hơi về nằm khèo với tôi, ăn cơm với cà chua và rau cải, uống nước chè tươi nhắm với tóp mỡ, cùng bao nhiêu anh em khác nữa hiện giờ đã chết, mà cũng còn nhiều người còn chiến đấu. Trong số các anh em đó, có người đi hàng mấy ngày đường, một thân một mình; có người ngày ngh' đêm đi bằng đò, có vệ quốc quân hộ tống. Nguyễn Đức Long, bút hiệu Thượng Sỹ, là người ẩn hiện, đi về thăm tôi nhiều nhất.

Long bắt đầu viết báo từ tờ «Tin Mới» của bác sĩ Nguyễn Văn Luyện. Trên tờ hàng

tuần, anh viết phóng sự, điều tra, truyện ngắn; còn trên tờ hàng ngày, anh đặc trách về phê bình sách và cũng chính vì mục này anh đã tạo ra nhiều thù, ấy là không kể nhiều bạn đã có văn gia, thi sĩ định cho anh một mách. Ra bùng kháng chiến, Long làm tờ hàng ngày «Chống Giặc» của Đặng Thai Mai ở liên khu ba, trong đó có Sỹ Ngọc, Nguyễn Tuân, Hồ Dzếnh... Vì phụ trách về phóng sự, điều tra tin tức, anh phải đi luôn, nên thừa dịp về thăm tôi một tháng đôi lần và rủ tôi viết bài cho «Chống Giặc».

Nhưng chẳng bao lâu, chiến tranh lan ra đến đó, tờ «Chống Giặc» chuyển đến một địa điểm xa xôi khác. Vì bị sốt rét nặng, Long không đi được, về Kẹo, ở gần với tôi. Nói là gần, nhưng cũng cách nhau đến bảy, tám cây số. Tôi kéo sợi, đem ra bán ở chợ Đần, còn Long thì ăn xong, không ngủ, đi nghe ngóng khắp nơi, thảo hết chương trình này đến kế hoạch nọ, nhưng rút cục không thể nào thực

hiện được - trừ một tờ bán tuần báo tên là «Bạn Trẻ».

«Bạn Trẻ» là một tờ báo của tư nhân, tự túc, in trên giấy bản, khổ nhỏ. Báo quán đặt ở một căn nhà lá chật chội ở một làng tại khu ba, trong vên vện có một cái bàn và một cái giường. Thượng Sỹ Nguyễn Đức Long và tôi phụ trách về bài vở cho báo ấy. Lúc nào Long đi thăm dò đường lối chánh trị để viết bài thì tôi trông nom việc sửa chữa mô rât và đập cái máy pê đa lét để in. Chủ nhiệm không có mặt mấy khi ở báo, phải lo tiền, lo giấy, lo mực mua ở chợ Đồng Quan về. Làm báo như tờ «Bạn Trẻ», thực cũng lạ lùng, mà thú vị, vì từ thuở bước chân vào nghề, tôi chưa làm một tờ báo nào thiếu phương tiện đến như thế bao giờ. Viết bài ban ngày, ban đêm xếp chữ và in; vừa trông in, vừa ăn cơm; in xong thì một số anh em - hầu hết là sinh viên và học sinh - đến lấy báo tản mác đi bộ, đi thuyền, đi xe máy khắp các nơi trong vùng

kháng chiến để bán. Báo «Bạn Trẻ» bán cũng khá; bán xong, anh em nhặt tiền về để mua mực, mua giấy in số sau; nhưng khích lệ nhất là có nhiều độc giả mua báo lại ủng hộ tiền và có người, dù biết trước là tình thế thay đổi luôn luôn, vẫn cứ sẵn sàng gửi tiền mua cả năm hay sáu tháng. Càng làm cho chúng tôi nức lòng hơn nữa là trong một đại hội ở Liên khu ba, Ủy ban Kháng chiến đã tổ chức một cuộc trưng bày các báo kháng chiến để đánh dấu nỗ lực của anh em văn nghệ sĩ, tờ «Bạn Trẻ» đã được xếp vào hàng đầu về kỹ thuật làm báo và Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến đã kêu gọi anh em nên giúp tay cổ động tờ «Bạn Trẻ» cho mỗi ngày được phổ cập hơn.

Về sau này, về thành, gặp Vũ Đình Chí (Tam Lang) – bị Tây giam ở một địa điểm tại tỉnh Hà Đông trong thời kỳ kháng chiến – anh có cho Nguyễn Đức Long biết là anh đã được đọc một số «Bạn Trẻ» trong nhà giam, và có một bài nói về sự tàn ác của quân đội

Pháp hăm hiếp đàn bà già yếu – dù là không ký tên thực – anh đọc cũng đoán là của tôi.

Kể lại lúc làm tờ «Bạn Trẻ», tôi không thể quên một kỷ niệm không bao giờ quên được. Trong «Bạn Trẻ», có một mục về tin tức nội thành, thuật lại tất cả các hành động của ngụy quyền và hoạt động của các người ở lại với Pháp, làm cho Pháp. Phụ trách về mục đó, mỗi tháng một lần, tôi phải đi từ Đầm qua nhiều vùng có Tây chiếm đóng, qua ruộng, qua sông để về một làng tẻ, gặp một ông bạn làm giáo học cung cấp cho tin tức thuộc vào loại đó.

Tôi nhớ hồi đó là mùa đông, trời lạnh cắt da cắt thịt. Lặn ngòi ngòi nước về được đến nhà ông giáo, thường là trời đã tối, không còn trông rõ mặt người. Đứng ở ngoài cổng nhìn vào thì cái vườn ở đằng trước tối om; trong nhà, có ngọn đèn thắp sáng và những hoa lửa bay lên như những con đom đóm

nhỏ. Ấy là cái hỏa lò than đốt lên để sưởi. Ông giáo mặc áo bông, đi đi lại lại trong nhà, thỉnh thoảng lại hơ hai bàn tay vào lửa và ngâm vang câu thơ cũ «Thế sự du du nại lão hà...».

Mỗi lần, tôi về thăm ông như thế, bao giờ ông cũng hỏi «Đã ăn uống gì chưa?», nhưng đó là hỏi lấy lệ mà thôi, chớ dù ăn rồi hay chưa ăn, ông cũng hỏi vợ và cô em đi thổi một nồi cơm thực nóng, làm một con gà vàng mời ăn, không quên rót một chén rượu nóng để uống cho ấm bụng. Vợ và cô em gái ông là những người đàn bà kiểu mẫu. Em gái ông chừng đôi mươi, đi đi lại lại buôn bán từ vùng tề sang vùng kháng chiến như đi chợ, nên mỗi khi từ giã ông ra về, người em gái lại đưa tôi đi vì sợ tôi không am hiểu đường lối, có thể sa vào bẫy của địch hoặc không biết trả lời mỗi khi có việc cần đối phó. Quên làm sao được những buổi sáng rét căm căm, thức dậy từ lúc trời hãy còn tối đen như mực để

sửa soạn ra về. Bà giáo, trẻ măng và đẹp như một bài thơ, ông giáo và cô em cùng dậy, để tiễn tôi. Cả một gia đình lịch sự như nhau; ông giáo trò chuyện nho nhã, cô em lo liệu chu đáo cho tôi không thiếu thốn thức gì, còn bà giáo thì đã đun nước từ lúc nào để pha trà và không lần nào quên thổi một nồi cơm, nấu mấy thổi, kèm một ít muối mè hay vài khúc cá để vào ba lô cho khách. Sống cả một kiếp người ở nội thành, không thể có những phút thương thương như thế. Tình đồng bào với đồng bào ngạt ngào thơm mùi của hoa bưởi nửa đêm về sáng. Nhưng chiến tranh tàn khốc nào có muốn cây có lộc, bông có trái, người có con, xuân có bướm: khói lửa lan tràn từ hậu phương đến các làng tề và một hôm chúng tôi được tin đa số người làng ấy đã tản cư đi nơi khác.

Thế rồi tôi rinh tề. Tôi rinh, nhưng không có một chút mặc cảm, là vì tôi quan niệm rằng Hà Nội là đất nước mình, mình có quyền

ở đó, còn vấn đề hèn hay không, đó là tùy ở nhân cách của từng người. Một buổi sáng kia, nhân đi uống rượu với Nguyễn Đức Long ở «Le Lac» về, tôi bỗng nghe thấy có tiếng gọi khẽ ở sau lưng. Đứng lại, tôi định thần một lúc thì tự nhiên tởn hửn rượu: người thiếu phụ chít khăn vuông, mặc áo nâu non, gánh cam và quýt đứng trước mặt tôi, chính là bà giáo! Trời lất phất mưa bay. Gió Hồ Gươm thổi mạnh làm nghiêng cái nón lá của người thiếu phụ, để hé mấy sợi tóc mây che nửa mặt hoa. Việc đầu tiên là tôi hỏi thăm ông giáo và cô em. Bà nói vẫn tắt cho tôi biết là tháng tám năm ấy, sau khi tôi đi khỏi được vài ngày, quân Pháp về làng, càn quét và bắt nhiều người đem đi, trong số đó có ông giáo. Còn cô em may vừa đi khỏi hôm trước, và hình như vẫn còn đi lại buôn bán ở liên khu ba, nhưng lâu lắm không tin về nhà. Về phần ông giáo, bà tuyệt mù tin tức, nhưng theo lời mấy bạn thân cho biết sau khi giam ở Nhà Tiến ít lâu, quân Pháp đã bồng ông cùng với

một bọn chừng năm chục người đem lên máy bay đi Sài Gòn (?) đánh đập bắt tròng hai con mắt, và dường như ông đã không chịu nổi những phương pháp tra tấn tối ư dã man của bọn thực dân cướp nước.

Thấy đứng lâu chuyện trò như thế ở giữa đường không tiện, tôi ghi số nhà vào một mảnh giấy con, mời bà lại chơi với nhà tôi; nhưng cho đến tận lúc ký hiệp định Genève, tôi vẫn không được thấy bóng người đàn bà diễm tuyệt, kiên trinh kia đâu nữa.

PHẦN IV

1. BÁO HẠI «LIÊN HIỆP» ĐẾN «TREE», QUA «TIẾNG DÂN»

...Là vì thời thế bất trắc lắm. Theo thông cáo quân sự thì ngày nào ta cũng thắng mà địch cũng thua, nhưng không hiểu thực tế trở trêu ra sao, dân tình mỗi ngày một chán nản, một mặt vì rối ren ở trong nước nhiều quá, mà mặt khác thì kinh tế lại bắt đầu suy sụp dữ. Bao nhiêu tướng tài của Pháp hoặc thua, hoặc chết, không ít; chính phủ Pháp bèn quyết định đưa tướng De Lattre sang diệt Cộng. Tướng này vừa đến, thiên hạ thì

thâm không biết bao nhiêu chuyện hư hư thực thực: đánh tốt, nhưng hách lắm; nước không nóng không dùng; các sĩ quan cận vệ không đứng thẳng như cây cột xi măng để chào, cho về ngay một nước. Hầu hết đều chỉ chú ý tới De Lattre về điểm đó, nhưng không biết rằng ông là một võ tướng để tâm đến văn hóa rất nhiều. Vì thế cho nên vừa đến Việt Nam được một tuần, nghiên cứu vấn đề, ông đã kêu mật vụ và thông tin Pháp lên tiếp xúc, và chỉ thị phải ra một tờ báo lớn để làm cơ quan chính trị và quân sự cho quân đội Pháp, đồng thời tẩy nặng cái óc sợ Cộng của dân chúng Việt Nam, làm cho họ tin tưởng nơi tài bách chiến bách thắng của quân đội Pháp.

Văn Tuyên, một tay bút cừ của đài Pháp Á, ngày nào cũng để ra một bài chửi Cộng đáng ghét, nhưng mà lại duyên dáng không chê được, được chỉ định để làm tờ báo đó. Sau một cuộc hội kiến với De Lattre, Văn

Tuyên về đến nhà cuống cả lên, suýt rơi kính gọng vàng, (và cố nhiên quên hát cả bài Tiến Quân Ca) giục tôi đi thu xếp nhà in và xúc tiến tổ chức tòa soạn để kịp ngày ra báo, vì De Lattre không phải là chuyện đùa đâu! Thêm nữa, Văn Tuyên còn cho biết báo «Liên Hiệp» phải là một tờ báo xuất sắc có tên chủ nhiệm, chủ bút đảng hoàng, chớ không thể ẩu như «Zân Mới» được. Y anh muốn để tên anh là chủ nhiệm và tên tôi làm chủ bút. May đến lúc cuối cùng có một anh bạn sẵn sàng đứng tên chủ bút thay tôi: đó là Huỳnh Văn Phẩm. Bắt đầu, báo in tạm ở nhà in «Cây Thông» của Đỗ Văn Giao. Thợ thì mới tập xếp chữ; máy thì có một cái khổ demi raisin và hai cái minerve lô can, cho nên công việc lúc ban đầu bê bối, khó khăn như đi vào Ba Thục: xếp chữ, cho đúc rồi chở bát chữ đến nhà Văn Hồng Thịnh để in. Còn tòa soạn thì chỉ vắn vện có một bàn bốn năm người ngồi chung, vừa viết bài, vừa sửa mô rất. Mô rất chi chít những phốt, sửa ba bốn lần, lỗi vẫn

còn sót lại như trấu! Một tờ báo chưa xuất bản mà đi đâu cũng âm lên là báo «của Tây», thêm nữa lại in xấu, cố nhiên là không chạy. Nhưng Văn Tuyên có một đức tính đáng kể là kiên nhẫn: mặc dầu vậy, anh vẫn vui vẻ và cố sùy anh em cố gắng. Thay đổi lề lối làm việc; thay đổi nhà in; luôn luôn tìm những mục mới lạ để thông tin tức và bình luận, tờ «Liên Hiệp» khá dần dần, để đến lúc có tin động viên dân chúng đánh giặc thì báo bắt đầu chạy, được người ta tranh nhau tìm đọc. Là vì, có tiền mà lại được ưu tiên, «Liên Hiệp» có những tin tức, sắc lệnh động viên sốt dẻo và ngày nào cũng in thêm hai trang phụ để đăng những tin đó, mà ai cũng cho là «cần thiết cho mọi gia đình».

Cùng lúc ấy, Mỹ bắt đầu đến Việt Nam và đặt phòng thông tin ở Hà Nội, đầu đường Hàng Trống, và bắt đầu xem xét dân tình cũng như tìm hiểu tâm lý quần chúng Việt Nam. Giám đốc Donell và phó giám đốc Metcaffé,

một hôm, nhờ một nhân viên người Nam tiếp xúc với tôi và mời đến chơi tại phòng Thông tin. Hỏi thì mới biết rằng họ biết tôi là vì văn phòng chính ở Sài Gòn cho họ biết, ra Hà Nội, nên tiếp xúc với những ký giả, văn sĩ nào, mà sở dĩ văn phòng ở Sài Gòn biết tôi là vì họ đã mở cuộc điều tra và đã biết tôi qua những bài báo viết cho tuần báo «Mới» của Phạm Văn Tươi (tức Tú Xe sau này), do Lê Văn Siêu làm chủ bút.

Lần đầu tiên, tôi gặp Phạm Văn Tươi ở báo «Tiếng Dân» của Cung Mạnh Đạt. Đạt có anh em làm thầu khoán, có tiền, bắt đầu mua một cái mǎng xét báo hàng ngày của Nguyễn Thăng Long ở Hải Phòng: báo «Ngày Mai». Làm được ít lâu, Đạt vào Nam vận động với chính phủ Nguyễn Văn Tâm xin một tờ báo cho chính mình, lấy tên là «Tiếng Dân», bỏ tờ «Ngày Mai», làm tờ báo mới và tổ chức luôn cả nhà in để in lấy báo. Tôi làm thư ký tòa soạn, mời các anh em còn lại như Thượng

Sỹ, Trần Kim Dân, Lê Tất Tiên... về cộng tác. Báo chạy một cách bình thường vì không có gì đặc biệt, một mặt vì Đạt sợ làm ngổ quạ thì hại công việc làm ăn của anh em trong nhà anh, và mặt khác cũng vì Nguyễn Văn Tâm lúc ấy rất hung hăng, báo nào mà không nịnh Tây ra mặt thì không những đóng cửa mà lại còn nhốt là đằng khác.

Phạm Văn Tươi đến tìm tôi tại nhà báo ở đường Wiélé hai lần, nhưng đến lần thứ ba mới gặp. Hồi đó, trời nắng gắt. Thấy Phạm Văn Tươi khoác cái áo ở tay, đi ở cầu thang lên, mồ hôi mồ kê nhễ nhại, tôi xúc cảm về sự chí tình của anh, bèn nhận lời viết cho tờ «Mới». Tươi là một người có học, nói khó nghe, nhưng tỏ ra thông thạo về nghề báo cũng như nhiều vấn đề khác thuộc đủ lãnh vực nên tôi có biệt nhỡn, và cũng vì thế tôi đã viết nhiều loạt bài đứng đắn và luôn luôn tìm cái mới lạ để đáp lại cảm tình thăm thiết của Lê Văn Siêu và Phạm Văn Tươi.

Loạt bài «Miếng Ngon Hà Nội» cũng như những bài «Tết Thủy Tiên» đặc biệt Việt Nam, mà sau này nhà xuất bản «Nguyễn An Ninh» và «Thế Giới» thâu thập lại in thành sách, đều bắt đầu đăng trên báo này. Lúc ấy, tổng giám đốc Thông tin Mỹ là Gregory, qua sự điều tra của nhân viên người Việt, biết tôi; do đó mới có viên giám đốc và phó giám đốc ở Bắc mời tôi nói chuyện. Thoạt đầu, chúng tôi nói chuyện về động viên. Thành thực mà nói, lúc ấy, tôi không ngại Nguyễn Văn Tâm mà cũng chẳng sợ Tây, vì tôi biết là có đủ sức để đối phó với họ; còn Mỹ thì mới bước lên đất Bắc chưa đáng kể, nên tôi không ngại gì mà không nói thực những điều tôi biết và tôi nghĩ: «Dân chúng Việt Nam theo tôi, không tán thành động viên một tí nào. Vẫn biết rằng ở nước nào cũng thế, thanh niên đến tuổi trưởng thành thì phải ra lính, giúp nước, bảo vệ biên thù, nhưng ở trong trường hợp đất nước tôi thì khác hẳn, vì bất cứ một người nào cũng quan niệm rằng chính phủ Tâm

động viên họ không phải vì quyền lợi của đất nước, mà chính là vì quyền lợi của người Pháp mà các chính phủ Việt Nam từ trước đến nay đều là tay sai».

Nghe thấy tôi trả lời như vậy, giám đốc thông tin Mỹ ở Hà Nội nhìn tôi, có vẻ ngạc nhiên. Tôi cũng không cần lưu ý lắm, viện cớ bận việc, ra về. Mấy hôm sau, Metcaffe mời tôi đi uống rượu; đó là một điều rất lạ vì người Mỹ khác hẳn người Pháp, và người Đức, ít khi tự nhiên lại mời ai đi ăn uống, chơi bời như vậy. Nhưng tôi cứ đi và, để tỏ ra người Việt chịu chơi hơn ai, ngay lúc ra về, tôi mời Metcaffe đến ăn cơm Việt Nam tại nhà riêng. Cũng từ đó, chúng tôi thân mật với nhau hơn, và đến tận lúc ấy Metcaffe mới cho tôi biết là phòng giám đốc có ý muốn có sự hợp tác của tôi trong công việc viết sách và viết báo...

Nói cho thực, lúc ấy tôi không mê tiền. Ngoài việc làm «Tiếng Dân» và «Mới», tôi ưa sống cho chính mình, sống với nội tâm, nay đi kiếm những bức tranh Tàu về treo, mai tìm cây thế về trồng hay gửi ra ngoại quốc mua một cặp yến tím về nghe nó hót, nên thấy người Mỹ nói thế tôi cũng không tha thiết lắm. Tuy nhiên, trước sự thiết tha có vẻ chân thành của Metcaffé và Donell, tôi cũng cứ nhận lời. Và, sau đó, tôi cũng dành mỗi ngày mấy tiếng đồng hồ viết văn, dịch sách cho phòng thông tin Mỹ, để xem đồng đô la Mỹ nó ra thế nào, vì cho tới lúc đó, tôi què một cục, vẫn tưởng rằng Mỹ tiêu toàn vàng, chớ không tiêu giấy bạc. Tôi tin như thế là vì thuở nhỏ đi coi phim «La Ruée vers l'Or» của hề Charlot, tôi thấy vàng ở nước Mỹ nhiều hơn đá sỏi; sau này, đọc sách và coi báo, lại thấy Mỹ nổi tiếng là giàu nhứt thế giới, mạnh nhứt thế giới, nên tôi suy luận một cách ngớ ngẩn là Mỹ không tiêu tiền giấy. Những nước như Pháp, Việt, Nhật, Tàu... mới tiêu loại

tiền tôi tệ đó, chớ Mỹ mạnh nhứt, giàu nhứt thế giới cũng tiêu tiền giấy thì chẳng hóa ra «cá mè một lứa» hay sao?

Thế là tôi viết sách cho thông tin Mỹ. Vẫn biết người Mỹ làm cái gì cũng phải rõ ràng, sạch sẽ, khoa học, bài vở phải đánh máy không tẩy tẩy, xóa xóa lèm bèm, tôi mặc kệ, làm như không biết, viết tay được cuốn nào đưa luôn cuốn ấy và tôi đã vỡ mộng khi nhận được những cái chèque đưa ra ngân khố để lãnh tiền Việt Nam! Nhưng mà thôi, cũng được đi: so với Pháp, và Việt, Mỹ lúc đầu cũng chịu tiêu. Họ có một bảng kê khai những sách cần viết và cần dịch; hết cuốn này, tôi tiếp tục làm cuốn khác, và họ nhận hết. Và Metcasse đã có lần bảo tôi là «phòng thông tin có thể cứ nhắm mắt mà nhận sách của ông Vũ Bằng» (nous prenons les manuscrits de M. Bằng les yeux fermés). Sau đó ít lâu, tôi một mình làm «comic» - một loại báo bằng bàn tay, in toàn tranh vẽ, kèm những lời ghi

chú theo kiểu báo nhi đồng Spirou - để đóng thành từng kiện, chuyển cho Thông tin Việt Nam phổ biến trong dân chúng. Mỗi tối, cơm nước xong xuôi, tôi ngồi làm một vài cái báo như thế, chỉ ghi lời, còn vẽ ra sao, mặc họ ở Sài Gòn lo liệu lấy.

Một hôm, tổng giám đốc Gregory ở Sài Gòn ra Hà Nội, mời tôi sang phòng thông tin nói chuyện, có Metcalf và Donell cùng dự thính. Sau một tiếng đồng hồ nói chuyện về văn hóa, nghệ thuật, tâm lý của quảng đại quần chúng Việt Nam, Gregory đưa ra một đề nghị: dịch một ít sách vui của Mỹ cho dân chúng Việt đọc. Ông hỏi tôi đã đọc cuốn «L'œuf et Moi» chưa. Tôi gật đầu. Ông nhờ tôi dịch. Tôi nói:

– Tôi không dịch.

Gregory trợn tròn con mắt, hỏi:

– Sao lại không dịch?

– Là vì thế này: người Việt Nam cười khác người Mỹ. Tôi không biết người Mỹ xem cuốn “L’œuf et Moi” thì cười ra sao, chớ tôi dám chắc rằng nếu dịch cuốn ấy ra thì người Việt Nam không thể nào cười được, dù có cù vào nách họ.

Gregory lại tròn mắt lên:

– Sao lại không cười?

Thấy “tác phong Mỹ” của Gregory lúc ấy hiện ra rõ rệt, tôi muốn sùng cổ lên ngay, nhưng cố nén lòng, trả lời một cách châm biếm nhưng lễ độ:

– Thưa ông Gregory, người Việt Nam không cười là bởi vì họ không buồn cười. Thế thôi, và hết. Ông mời tôi đến đây là để nhờ tôi dịch sách chớ không phải tôi đến xin ông việc hay để ông chất vấn tôi. Chào ông.

Và tôi đứng dậy, bắt tay ra về. Thái độ của

Metcaffe lúc ấy làm cho tôi cảm động. Sau này tôi còn có cảm tình với người Mỹ chút nào một phần cũng là do thái độ của ông và của Donell khi ấy. Cả hai người thấy tôi đứng dậy về, tiễn tôi ra đến cửa, giữ lại một hồi lâu và bảo nhỏ: “Đó là ông tổng giám đốc của chúng tôi, ông ta hơi khùng. Anh đừng để ý. Vì chúng tôi, anh cứ dịch cuốn “L’OEuf et Moi” đi, ông ta muốn làm gì, tùy ý”. Nể lời của hai người Mỹ, hiểu người Việt hơn Gregory một chút, tôi nhận lời. Nhưng mặc dầu vậy, tôi nhất định không chịu dịch, và đưa cho một người bạn dịch trong hai mươi hôm, lấy tám mươi ngàn đồng đi chơi tếu. Lúc ấy, người Mỹ chưa tính mỗi trang bao nhiêu chữ như bây giờ, cứ một trang giấy lớn viết tay, dù chữ to hay chữ nhỏ cũng trả một trăm năm mươi đồng. Tôi không theo công lệ ấy: liệu số trang và giá trị cuốn sách mà đặt giá, và lần nào nói giá thì phòng thông tin Mỹ ở Hà Nội cũng bằng lòng ngay.

Làm như thế chừng một năm, tôi nghỉ viết sách và bắt đầu giúp bài vở, hình chụp cho hai tạp chí “Trẻ” và “Thế Giới Tự Do” về các công trình như viện ung thư, trường đại học, trường âm nhạc, hay các thắng cảnh như hồ Gươm, hồ Tây, chùa Non Nước... Thông tin Mỹ làm việc với một chương trình vạch sẵn, cứ theo đúng chỉ thị mà làm, không co dãn, không thay đổi, cho nên dù là các tạp chí “Trẻ”, “Thế Giới Tự Do” in đẹp, giấy tốt, tặng không độc giả mà độc giả vẫn cứ dừng dừng. Lại thêm công việc phát hành, phổ biến rất kém nên hai tờ báo ấy gần như không được ai lưu ý, để rồi thì đem ra bán cho các hàng ve chai từng kí hay từng tạ. Nhưng nước Mỹ giàu, có thèm đếm xỉa đâu đến những món chi tiêu lặt vặt đó? Các ký giả cứ viết bài, cứ lãnh tiền. Ngoài các phóng sự, điều tra, phỏng vấn... phòng Thông tin Mỹ còn yêu cầu tôi viết thêm truyện ngắn nữa và tôi cũng viết, viết thật nhiều, thật nhanh, kiểu Do Thái bắt đầu cuộc chiến tranh Ai Cập, đánh mau và

đánh mạnh, vì tôi quan niệm làm báo cướp tiền như thế không thể trì hoãn được.

Quả vậy, thời kỳ viết văn, viết báo ngon lành như thế kéo dài thêm không được bao nhiêu lâu nữa: Mỹ hạ giá văn chương xuống còn có một trăm đồng một trang giấy viết. Tôi không hợp tác nữa, mặc dù Donell vẫn còn yêu cầu viết thêm loại sách để phổ biến trong các trường tiểu học.

Lúc đó, sự hiện diện của người Mỹ ở Việt Nam đã rõ rệt hơn. Pháp bắt đầu lúng túng. Báo chí của ta trải qua một thời kỳ đặc biệt hoang mang vì tình thế rối ren gây ra bởi những thất bại liên tiếp của quân đội Pháp. Trong khi ấy, tôi vẫn hợp tác thường trực với tờ “Liên Hiệp”, nhưng tôi đến tòa báo rất ít, vì bao nhiêu công việc đã có anh em phụ trách giùm. Tôi để tâm nhiều hơn đến hai tờ “Tiểu Thuyết Thứ Bảy” và “Phổ Thông bán nguyệt san” mà tòa soạn lúc ấy chỉ có hai

người là ông Vũ Đình Long và tôi. Sau hàng chục năm chỉ lo về việc điều khiển báo, ông Long lại bắt đầu viết lại và chính trong thời kỳ này, ông đã phóng tác nhiều vở kịch cổ điển của Pháp như Le Cid, Polyeucte, Britannicus... Còn tôi thì một mặt viết thêm nhiều truyện dài, truyện ngắn như “Chớp Bể Mưa Nguồn”, “Tân Liêu Trai”, “Khúc Ngâm Trong Đất Hà”, và mặt khác đi tìm mua các tác phẩm của những nhà thơ, nhà văn mới nổi như Hoa Thu, Hoàng Cầm cho báo thêm khởi sắc. Lúc này, Nguyễn Hữu Trí làm thủ hiến, nhiều người cấp dưới dựa thế ông nay tổ chuyện này, mai tổ chuyện kia, muốn đóng cửa “Tiểu Thuyết Thứ Bảy”, “vì có nhiều bài thân kháng chiến”. Thừa dịp ấy, bọn hạ cấp đến tâng công với ông Vũ Đình Long, một mặt giở cái giọng làm tiên, mặt khác lại manh tâm xông vào nhà Tân Dân để nắm lấy hai tờ “Tiểu Thuyết Thứ Bảy” và “Phổ Thông bán nguyệt san”, nhưng mưu định của họ không thể thành, vì ông Vũ Đình Long là

một người ngoài mặt hiền lành, không muốn sanh chuyện lời thôi, nhưng bên trong thì cương quyết lạ lùng, không để cho ai khống chế. Ông bàn với tôi đóng cửa hai tờ báo để cho bọn mặt thám đờ lời thôi. Thực ra, ông Long muốn đóng cửa hai tờ báo ấy đã lâu, vì lúc ấy không những người giúp việc đã thiếu, công việc nhà in lại không có gì, mà sự giao thông chuyên chở, cũng như vấn đề kỹ thuật, gặp khó khăn nhiều quá. Tình hình trong nước xuống thấp vô cùng. De Lattre bắt đầu gặp những thất bại liên tiếp; con trai ông chết; dân chúng bắt đầu tính đến chuyện di cư vào trong Nam. Huỳnh Văn Phẩm và anh em làm mãi tờ “Liên Hiệp” bắt đầu thấy chán, tản mác đi đây đó lần lần. Cố nhiên là tôi cũng theo anh em từ biệt Văn Tuyên, nhưng giữa Văn Tuyên và tôi, tình giao hữu không hề bị sút mẻ chút nào. Sau này, đóng cửa tờ “Liên Hiệp” vào Nam, Văn Tuyên làm phòng báo chí cho Cao ủy Pháp, chúng tôi vẫn có dịp gặp gỡ nhau và làm việc với nhau

trên tờ “Dân Chúng”, trước khi Văn Tuyên bị Ngô Đình Diệm trục xuất về Pháp, vì bị coi là “thành tích bất hảo”. Nhưng đó là chuyện sau.

Tạ từ “Liên Hiệp” và nghỉ hợp tác với thông tin Mỹ, tôi chỉ còn hai tờ “Tiểu Thuyết Thú Bảy” và “Phổ Thông bán nguyệt san”. Ông Vũ Đình Long và tôi làm việc tăng tăng để đợi cơ hội thuận tiện thì đóng cửa. Báo không lỗ vì ông Long là một người tính toán rất hay; nhưng dù sao, thì cả hai tờ báo ấy cũng chỉ là những bóng ma của một thời vàng son đã qua rồi. Tôi đi lại với ông Long cho đến giờ chót, và đến bây giờ, tôi vẫn tự mãn là đã cư xử với ông chung thủy từ đầu cho đến chót, tức là lúc ký hiệp định Genève, ông búi ngùi tiễn tôi xuống Hải Phòng rồi quay trở lại, để không còn bao giờ anh em còn nhìn thấy nhau.

«CÔNG LUẬN», «VIỆT NAM» VÀ
«COURRIER DU VIỆT NAM»

Cứ mỗi lần hợp tác với ông Vũ Đình Long một mặt, tôi lại hợp tác với Nguyễn Doãn Vượng mặt khác: chẳng hiểu đó là một cái duyên hay chỉ là một sự tình cờ?

Trong khi chờ đóng cửa báo của nhà Tân Dân, Nguyễn Doãn Vượng, Nguyễn Phổ và tôi ngày nào cũng gặp nhau ở nhà khắc bản kẽm của riêng Phổ và Vượng ở Cây Đa Cửa Quỳ. Lúc ấy, lòng người chán nản, đa số trí thức ngồi yên để quan sát thời cuộc, chớ ít người chịu hợp tác với chánh phủ Việt Nam mà một đứa trẻ cũng biết là do Mỹ, Pháp nhào nặn, sai bảo. Một số báo tay sai chửi những người bất hợp tác là trí thức trùu chần. Đừng nói có mâu thuẫn, dị đồng giữa các tầng lớp nhân dân trong vùng Pháp kiểm soát, ngay trong hàng trí thức đã có sự khảng tảng, chia rẽ: bên này thì bảo

bên kia thân Cộng, đánh võ miệng, mà bên kia thì bảo bên này bạo đít, liếm gót, cô la bô với phát xít và thực dân. Trước tình trạng rối beng đó, Nguyễn Mạnh Hà, Vũ Văn Hiến, Bùi Tường Chiêu, Hoàng Xuân Hãn... đứng ra làm tờ nhật báo «Công Luận», in tại nhà in của Đỗ Huân ở đường Hàng Dẫy. Ngay khi báo này mới quảng cáo với những thành phần tên tuổi, dân chúng đặt nhiều tin tưởng và nóng ruột đón coi, vì lúc đó ai cũng chán ngấy bọn người xôi thịt theo Pháp và đa số đều thiên về kháng chiến, nhưng vì sợ bị Tây - nhất là Tây lai - bắt giữ và đưa đi tù đầy, nên cứ phải im lặng mà phản đối tiêu cực. Tờ «Công Luận» ra đúng lúc, nên số đầu bán rất chạy, nhưng chỉ được vài ngày, số độc giả tụt dần, vì người đọc báo quan niệm ủng hộ trí thức trùм chẵn là một chuyện, mà đọc báo lại là chuyện khác, khác hẳn với phe xã hội vừa đọc báo của anh em (như tờ «Sống» của Trần Đình Long xuất bản ở 16 Hàng Da) vừa ủng hộ bằng cách giúp tiền, đi bán báo,

mà lại vừa chia nhau đi khắp nơi cổ động. Nói cho thực, tờ «Công Luận» chỉ có tiếng thể thôi, chớ về nội dung thì không có gì đặc sắc, vì thế báo tụt xuống lần lần không phải là chuyện lạ. Những người chuyên nghiệp, nhìn thấy số đầu, đã đoán rằng nếu cứ cái đà ấy mà tiến mãi, thì chẳng trước thì sau, báo này cũng bị chìm. Về kỹ thuật, báo trình bày tẻ nhạt, nhìn không hào hứng, còn tin tức thì yếu, mà bài vở lại không có tính cách thời sự, viết dài dòng, hợp với một tạp chí, tuần báo hơn là nhật báo. Ra được chừng ba số, chính anh em trong báo cũng nhận thấy «có một cái gì không ổn, nhưng không biết là cái gì», đem ra họp bàn với nhau và quyết định tham khảo ý kiến của những người chuyên nghiệp. Nguyễn Doãn Vượng được mời lại tòa báo để nghiên cứu xem có cách gì làm cho báo sống động hơn không.

Vốn là người ngỗ, không làm việc thì thôi, chớ đã nhận làm gì thì hăng say, Vượng,

ngoài công việc cố định lúc bấy giờ, suốt ngày ngồi ở «Công Luận» gặm bánh mì cùng với Nguyễn Mạnh Hà, sắp xếp lại việc ấn loát một mặt, và mặt khác thì đôn đốc anh em, bày mưu thiết kế và đọc viễn ký tìm đề tài, tổ chức điều tra, phóng sự, khai thác các tin tức mới nhất, xét ra có thể làm cho độc giả say sưa, thích thú.

Hôm trước hôm sau, «Công Luận» mới hẳn lại về cả nội dung và hình thức, và bắt đầu lại chạy lại. «Công Luận» mở một cuộc tấn công các chủ đồn điền cao su, chất vấn các nhà đương cuộc về việc quân đội Pháp chiếm đất, chiếm nhà ở nông thôn không trả tiền... Bạn đọc sướng quá, viết thư về tán thưởng như điên. Anh em hả hê quá, nhưng ngay từ lúc đó, đã đoán biết việc gì xảy ra. Thì việc phải đến đã đến: chánh quyền tay sai đóng cửa báo «Công Luận» và tịch thu số báo chưa ra, nhưng Nguyễn Mạnh Hà và Vượng nhanh tay đã vút sang vườn nhà

bên cạnh một số khá lớn, rồi leo tường nhảy sang nhà bên kia, mang báo đi phát không cho đồng bào Hà Nội đọc để gây tiếng vang. Ít lâu sau, anh em tản mác dần, «chiến khu trắng» cũng do đó tự giải tán.

Cuối năm 1949, bộ Thông Tin do ông Trần Văn Tuyên điều khiển, có ý muốn xuất bản một tờ báo bằng tiếng Pháp để tuyên truyền cho giải pháp Bảo Đại và đề cao chính nghĩa quốc gia tích cực, đồng thời phổ biến văn hóa, tập quán, cùng với những đặc điểm của dân tộc Việt Nam ra ngoại quốc để cho thế giới hiểu rõ người Việt Nam và lập trường tranh đấu của người Việt Nam hơn.

Tuyên nghĩ ngay đến Vượng và giao cho Vượng tổ chức tờ báo đó, một phần vì tình bạn mà phần khác cũng vì Tuyên thừa rõ là các tay trí thức chính cống, từng Pháp du và đỗ bằng cấp cao, phần nhiều chỉ «sạo đĩa», chớ đến lúc bắt tay làm việc thì là tay mơ hạng cụ!

Bọn chúng tôi ra tờ «Việt Nam» và quyết định làm tờ báo ấy thành một tạp chí in rất đẹp, có nhiều tranh ảnh và đăng toàn bài chọn lọc. In thì đã có nhà Lê Văn Tân là nhà in lớn nhất, có nhiều máy tối tân nhất ở Hà Nội lúc bấy giờ. Tiền nong do Trần Văn Tuyên đài thọ. Tuyên đã rút ở quỹ đặc biệt dành cho Tổng Trưởng Thông Tin một số tiền để làm báo. Tòa soạn tổ chức ra sao, bài vở ai viết, Nguyễn Doãn Vượng tập hợp các anh em cũ lại thảo luận rồi mời một người bạn người Pháp là René Candelon về làm chủ bút. Candelon và chúng tôi quen biết nhau đã lâu, nhưng vì sinh kế, ít khi gặp nhau, mà Candelon thì lại là một thanh niên «nể» vợ, chỉ cặm cụi viết sách, viết báo, ít khi đi đâu, nên chúng tôi cũng ít có dịp rượu chè ăn uống với nhau. Cũng như Văn Tuyên, Candelon có quốc tịch Pháp, nhưng sanh đẻ ở Việt Nam, rất hiếu thảo với mẹ già, cho nên diên bá nhiều phen, anh vẫn không chịu đưa tiểu gia đình về Pháp, lần hồi sống ở Hà Nội với

mẹ, em trai và một bà vợ có tiếng là một nội trợ hữu hạng, sống một cuộc đời ngăn nắp.

Tương đối, Cadelon viết trước Văn Tuyên nhiều và cũng lớn tuổi hơn Văn Tuyên. Anh có một tài đặc biệt là có lần chỉ có ngàn bạc mà ra được một số báo Pháp «*Lécho du Vietnam*», rồi có tờ ấy, anh khéo du thuyết để cho người khác nghe, bỏ tiền ra giúp vốn. Tờ «*Lécho du Vietnam*» cứ thế mà xuất bản được hàng năm.

Vì thân với nhiều người Việt, Cadelon René không được Pháp ưa lắm nên trong đời sống, cũng như trong nghề nghiệp, René không được Pháp giúp đỡ; trái lại, người Trung Hoa và nhiều người ngoại quốc da vàng khác lại đặc biệt cảm tình với René. Là vì René là một người Pháp có học, nhưng sống theo đúng tinh thần của người phương Đông, lễ phép, khoan thai, ý nhị và rất ghét những tên thực dân làm phách chó cũng như

các thằng bồi An Nam bắt chước Tây, chiều chiều đi dạo trước Gò Đa chửi những người chạm phải chúng là «san Anamít».

Lúc chiến tranh Hoa - Nhật còn ngấm ngấm diễn ra như sóng ngầm để sửa soạn mở đầu cho thế chiến thứ nhì, Candelon René làm đệ nhứt tham vụ của Hứa Niệm Tăng, tổng lãnh sự của chính phủ Trùng Khánh ở Bắc Việt, mà ở Pháp thì chính phủ Mặt Trận Bình Dân, do Léon blum điều khiển, cầm quyền bính. Đảng Xã hội Việt Nam cũng bắt đầu hoạt động; còn chính quyền Pháp ở Việt Nam, do toàn quyền Decoux điều khiển, bắt đầu gặp hết cản trở này đến cản trở kia, một mặt lo chống tuyên truyền Nhật; một mặt lo an ninh nội bộ; lại một mặt nữa lo sao để không mất lòng Nhật lúc nào cũng nhòm ngó và toan sanh sự ở Việt Nam, mà lại giúp đỡ được chính phủ Trùng Khánh trong công việc chuyên chở hàng hóa, chiến cụ, xe ca-miông vận tải từ Hải Phòng lên Lạng Sơn,

Cao Bằng. Ngoài công việc đó, Hứa Niệm Tăng còn có nhiệm vụ phản tuyên truyền của Nhật, bàn với Candelon ra một cuốn sách hay tạp chí bán cho Hoa Kiều từ Nam ra Bắc lấy tiền xài, mà cũng là để giúp đỡ thêm cho phái bộ Trùng Khánh sang Việt Nam kiểm soát công việc chuyên chở nói trên. Do đó, Candelon viết một cuốn sách để phổ biến trong dân chúng Pháp-Hoa: đó là cuốn «La politique aggressive du Japon» tả những hành động tàn ác của quân đội phát xít Nhật. Và để cho người Việt cũng biết hành động tàn ác ấy ra sao, Hồ Khắc Tráng dịch cuốn sách ấy và lấy nhan đề là «Máu Thịt Xây Thành». Cả hai cuốn sách ấy đều in ở nhà in Trung Bắc, tranh ảnh ở bên trong cắt ở các báo Tàu và Pháp.

Nhật đến Việt Nam, một trong những công tác đầu tiên của Hiến binh là tìm những nhà văn, nhà báo đã cả gan «mạ lỵ Thiên Hoàng» và đả kích Đại Nhật Bản. Và người

đầu tiên trong vụ này bị Hiến binh đến bắt đi ngay là Vương. Thực ra, họ định bắt ông Luận, vì ông là chủ nhà in lúc đó, nhưng Vương đứng ra nhận mình là quản lý, chịu hết mọi trách nhiệm trước pháp luật, nên đi thay cho dưỡng phụ là ông Luận.

Vương vốn là một người có nhiều mặc cảm, nhưng anh đã trút bỏ được một phần lớn từ khi đi với Đỗ Văn coi Tây, Tàu chẳng ra cái thứ gì. Hơi một tí gì khác lạ xảy ra, anh chồm lên, nhất là trong những trường hợp anh em bị nạn hay bị kẻ thù dọa đánh, anh không kể dở hay, phải quấy, miễn là binh bạn đã, nhưng đặc biệt nhứt là Vương về bất cứ vấn đề gì cũng nói rất hăng và rất nhiều, có khi ngụy biện, nhưng nói đâu ra đấy, nhiều khi nói liêu, nói ngổ, tưởng chừng có thể bị «tì» như chơi.

Trước thái độ dọa nạt của viên giám đốc Hiến binh Nhựt buộc cho anh những tội

tây trời, như mạt ly Thiên Hoàng, phá hoại phong trào Đại Đông A, Vương phủ nhận tất cả những lời chất vấn của viên sĩ quan Nhựt và trình bày cho y thấy rõ những sự việc mà y không hiểu. Các ông chưa từng sống ở một nước bị trị, nên không thể nào hiểu được lòng của người dân. Bao nhiêu phong trào diệt Pháp đều bị đàn áp. Những nhà cách mạng phải tranh đấu bí mật, còn những người làm việc công khai, nếu không theo chúng, thì bị tù đầy khổ ải. Trước khi Nhựt tới đây, Pháp đã đi ngấm với Trùng Khánh, nếu nhà in Trung Bắc không in hai cuốn sách đó thì họ làm khó dễ và có thể đóng cửa nhà in. Mà in thì phải để tên nhà in vào đó, vì lệ luật ấn loát buộc phải làm như thế để cho Pháp dễ bề kiểm soát xem có nhà in nào làm việc bất hợp pháp không. Nếu các ông vì hai cuốn sách bị Pháp buộc phải in mà cho là chống báng thì lầm. Đi với Nhựt hay chống Nhựt lại là chuyện khác; đây chỉ là vấn đề buôn bán. Bảo in như thế

là làm chánh trị, cần phải bắt giam, thì các ông nên bắt giam cả dân tộc chúng tôi, vì trừ các nhà cách mạng tranh đấu bí mật, chúng tôi không làm chánh trị, mà Pháp cũng không để cho làm chánh trị. Đường đi của một số đông là đường lối chánh trị chong chóng. Ngay như các ông, nếu các ông ở vào trong trường hợp như chúng tôi, các ông cũng phải mềm dẻo mà theo giai đoạn cái thứ chánh trị chong chóng đó. Đơn cử ông bang trưởng Si, trước khi các ông đến đây, ông ấy giúp tay cho Pháp, tổ chức chợ phiên ở Stade Mangin để lấy tiền giúp phái bộ Trùng Khánh sang đây; bây giờ lại trở thành một bang trưởng rất thân Nhật, sao Nhật không bắt giam? Nhật có một chương trình dài hạn vĩ đại. Tôi thiết nghĩ vấn đề là hoàn tất chương trình đó và lấy được cảm tình của người da vàng, chớ không phải là đối phó.

Đến lúc Vượng trình bày về chi tiết án loạt hai cuốn sách trên, viên sĩ quan Nhật

bắt đầu nguôi nguôi. Candelon và Hồ Khắc Tráng chỉ là hai người cho Pháp và Trùng Khánh mượn tên. Thực ra, phái bộ Trùng Khánh bỏ tiền ra in, nhưng không trông nom gì hết, cả ngày chỉ nằm ở nhà cô đầu, nên nhà in Trung Bắc phụ trách mọi việc. Nhưng ông không thể vì hai cuốn sách đó in ở nhà in Trung Bắc, và tôi là quản lý nhà in ấy mà bắt giữ tôi. Các ông cũng nên hiểu về tổ chức nhà in này một chút. Nguyên nhà in ấy của ông Nguyễn Văn Vĩnh, nhưng vì thu ít tiêu nhiều, nên ông Vĩnh công nợ. Trong khi ấy, ông lại không được lòng chánh quyền Pháp, vì một mặt ông chống Bảo Đại, Phạm Quỳnh, mặt khác lại không bán mình cho Pháp, nên mấy tay tổ thực dân làm áp lực, và ông Vĩnh vỡ nợ, làm cho nhiều người đứng ra bảo lãnh cũng vỡ nợ theo. Riêng có nhà in Trung Bắc và báo «Trung Bắc Tân Văn» chưa bị tịch thu, ông Vĩnh ăn ở chung thủy với anh em cho đến lúc chết, đã áp dụng một biện pháp rất hay là để cho mỗi người có tiền

hùn trước đây đứng quản nhiệm một năm. Lúc in hai cuốn «La Politique aggressive du Japon» và «Máu Thịt Xây Thành», nhà in Trung Bắc thuộc nhiệm kỳ của Đỗ Linh Huy, cộng sự viên của ông Nguyễn Hữu Như, còn báo «Trung Bắc» thì do Ngọc Thỏ Dương Mầu Ngọc làm quản lý. Và bây giờ những người ấy chết cả rồi.

Vượng bị giữ suốt một ngày, đến chiều tối mới được thả ra về. Biết rằng thế nào Hiến binh Nhựt cũng «mời» Candelon và Hồ Khắc Tráng ra nói chuyện và rất có thể sẽ giam giữ như Ngô Văn Phú, Nguyễn Vỹ, Vượng không ăn cơm uống nước, chạy bay đi tìm Tráng và Candelon thuật lại đầu đuôi câu chuyện Nhựt thẩm vấn lúc ban ngày, và khuyên Tráng và Candelon nên tạm trốn tránh ngay đi, «để sau này sẽ liệu». Candelon và Tráng thoát khỏi bàn tay sắt của Hiến binh Nhựt. Về sau, vụ này yên lặn lẩn, cho tới khi Nhựt bại, Pháp trở lại Việt Nam, Vượng tìm

Candelon để rủ về làm tờ tạp chí Pháp ngữ «Việt Nam».

Candelon đem hết tâm lực ra làm tờ báo ấy, một phần cũng vì ơn tri ngộ nói trên. Trình bày, báo này tựa như tờ «Trung Bắc Chủ Nhật», còn bài vở bên trong thì đề cao giải pháp Bảo Đại và đưa ra cho thế giới thấy rõ tinh thần bất khuất của dân tộc này qua các giai đoạn lịch sử, và cố nhiên đứng hẳn về phe «dân chủ». Thực tình, Candelon trối hẳn lên vì tờ báo này, nhưng bên ngoài không mấy ai biết rõ, là vì lúc ấy anh không giữ cái tên René Candelon như lúc làm tờ «Echo du Vietnam», mà lại lấy tên Việt là Chương Đắc Long. Bắt đầu, anh định phiên âm Candelon là Cường Đại Long (như Lafon đổi ra làm La Phương), nhưng anh em nghĩ rằng Việt Nam làm gì có họ Cường, nên đề nghị với anh đổi ra họ Chương, Chương Đắc Long, với ý muốn bắt anh... nhận họ nhận hàng với được sử Chương Văn Vĩnh!

Nói cho thực, từ khi Việt Nam đẩy được Tây, Nhứt ra ngoài, khoác lốt độc lập, tự do - tuy vẫn còn bị Pháp chi phối - Việt Nam chưa từng làm được một tờ báo Pháp ngữ như vậy. Khó một điều là đề cao giải pháp Bảo Đại, tranh đấu lấy chủ quyền dân tộc và làm sáng tỏ chí khí quật cường của người Việt Nam, nhưng vẫn cứ phải lấy lòng người Pháp, mà đối với Mỹ thì dè dặt, không để cho tư thế của Mỹ vượt được tư thế Pháp... Vì thế ngay trong số đầu, bên cạnh những bài như «Cảm nghĩ về việc Hoàng đế Bảo Đại viếng Hải cảng», «Vai trò của Hải Phòng», «Đức Trần Hưng Đạo», «Bùi Viện, một trong hai nhân vật Việt Nam đã từng qua Mỹ», hoặc những bài như «Lập trường của Việt Nam trong viễn tượng một minh ước Thái Bình Dương», chúng tôi không quên đá móc Mỹ trong những bài như «Bên lề vụ phá giá đồng Anh kim - Kinh tế Mỹ nhòm ngó những thị trường mới ở các tân quốc gia - Mỹ giúp các tân quốc gia hay các tân quốc gia giúp Mỹ?»

Thật là đúng phong phóc đường lối khi đó của chánh quyền, cho nên cả Bảo Đại, Trần Văn Hữu lẫn bộ trưởng Thông tin đều xúng ý và mặc dầu số độc giả ở trong nước chỉ có hạn, nhưng ngoại quốc gửi về mua nhiều và hết sức lưu ý, vì trong số nào cũng có ít nhất một bài phân tách lập trường Việt Nam trước những biến chuyển liên tiếp của thế giới như: «Trước hiểm họa Trung Hoa, chúng tôi không chấp nhận sự hiện diện của quân đội Trung Hoa trên lãnh thổ Việt Nam: không quân đội Tàu đỏ, mà cũng không quân đội của Tàu trắng nữa» hay «Cuộc viếng thăm của ông Malcolm Mac Donald báo hiệu việc Anh sắp thừa nhận chánh phủ Mao Trạch Đông chăng? Việt Nam sẽ đối phó ra sao?» hoặc «Độc lập, căn bản cần thiết của tình thân hữu».

Đang lên hương như thế, báo «Việt Nam» đột nhiên gặp khó khăn. Hết chánh phủ Hữu lại đến chánh phủ Tâm, hết Tâm lại

đến Hữu, ông Tuyên lúc thì làm Bộ trưởng phủ Thủ tướng, lúc làm Bộ trưởng Thông tin. Tờ «Việt Nam», vì sự thay đổi ấy, phải đóng cửa vì «vấn đề kỹ thuật», nhưng đến lúc ông Phạm Văn Bính lên làm Thủ hiến Bắc Việt thì ông nghĩ ngay đến sự tiếp tục công việc của ông Trần Văn Tuyên để lại. Trong một bữa tiệc tại nhà cũ của Hoàng Trọng Phu, Phạm Văn Bính - nguyên ký giả thể thao của «Trung Bắc Tân Văn» và nhiều báo khác ở Hà Thành - đề cập đến việc ra một tờ báo Pháp như tờ «Việt Nam» và đề nghị René Candelon và Nguyễn Doãn Vượng đứng ra điều khiển. Tờ «Courrier du Vietnam» ra đời, đúng theo tôn chỉ, đường lối của tờ «Việt Nam» và cũng gồm các anh em cũ viết, thêm hai bạn mới là Đinh Khắc Giao và Trần Quang Cẩn. Hợp tác với báo «Courrier du Vietnam», tôi không thể không kể đến một nghệ sĩ hiện giờ nổi tiếng trong nhiều bộ môn văn hóa khác, ngoài báo chí: Tạ Tỵ. Tạ Tỵ trông nom về phần mỹ thuật cho báo, minh

họa các truyện, vẽ các tí và vi nhét. Lúc đó, anh đã nổi tiếng về các bức họa lập thể (anh là một trong những người đi tiên phong về môn phái này ở đây) và đã được nhiều người ngoại quốc đến Việt Nam ca ngợi lúc anh trưng bày các họa phẩm ở Nhà Hát Lớn và Nhà Khai Trí Tiến Đức. Nhưng người ta biết Tạ Tỵ không phải chỉ riêng có thế: Tạ Tỵ, một nghệ sĩ đầy đủ, còn được nhiều người nói tới vì những truyện ngắn đăng tải rải rác trên các báo. Trong số đó, trội nhất là một số truyện anh đăng trên nguyệt san «Thế Kỷ», tuần báo «Quê Hương», «Đời Mới»... Sau này, tôi còn có một dịp nữa hợp tác với anh: đó là lúc làm «Sáng Đội Miền Nam» do Võ Đức Diên làm giám đốc - tờ nguyệt báo của bộ Kiến Thiết mà Lê Văn Siêu làm chủ bút vẫn tự nắc nỏm khen - mà khen đúng - là «tờ báo đẹp nhất nước Việt Nam».

Tập truyện «Những viên sỏi» của Tạ Tỵ dường như sưu tập nhiều truyện mà anh đã

viết trong «Sáng Dội Miền Nam» và «Thế Kỷ». Tôi không quên được cảm tình của anh đối với riêng tôi mỗi khi viết được một truyện gì hay, anh thường thuật cốt truyện hay đọc cho tôi nghe trước, và về thơ cũng vậy, chính anh hứng khởi, có khi đứng ngâm to cho tôi thưởng thức từ lúc chưa in. Bây giờ anh em đã lớn tuổi; có quyền nói thực với nhau: về sau này tôi không đọc hết tác phẩm của anh, nhưng bao giờ tôi cũng nhớ một truyện anh viết hồi ở Bắc Việt nhan đề là «Cẩm Nhung» và một bài thơ nói đến mấy cửa ô Hà Nội và những vũng nước do chiến xa đi còn để lại trên đường với những lời đẹp như hoa, không thể nào quên được:

Tôi đứng bên này vĩ tuyến

Thương về năm cửa ô xưa

Quan Chưởng đêm tàn dẫn lối

Đê cao hun hút Chợ Dừa

Cầu Rền mưa dầm lầy lội

Gió về đã buốt lòng chưa?

Yên Phụ đôi bờ sóng vỗ

Nhị Hà lấp lánh sao thưa

Cầu Giấy đường hoa Phượng Vỹ

Nhớ nhung biết mấy cho vừa...

Tôi không quên được những vần thơ của
Tạ Tỵ tả nỗi lòng thương nhớ “những con
đường Hà Nội”.

Hỡi những con đường

Có từ lúc tôi ôm bầu sữa mẹ,

Những vĩa hè quen thuộc tự ngày xưa

Những vĩa hè phơi nắng dầm mưa

Chân chập chững theo chiều tay mẹ dắt

Rồi lớn lên

Giữa những con đường vắng đặc

Tiếp nối nhau theo bờ ngói xiêu xiêu

Tiếp nối nhau như tay của người yêu

Truyền hơi thở khi gió mùa đến sớm...

Cũng như không bao giờ tôi quên được bức họa “Cửa Ô» tôi mua trong cuộc triển lãm ở Khai Trí Tiến Đức, vì loạn ly đành để lại Hà Nội không đem được vào đây...

Tạ Tỵ... không, thực quả tôi không thể nào quên được: Anh đáng là một nghệ sĩ “trọn vẹn”, ngoài môn vẽ, viết, thơ ca, anh lại còn có tài về nhạc và trình diễn. Vào đây, tôi tiếc rằng đời sống cấp bách quá nên anh em ít có dịp gần nhau đối diện đàm tâm, nhưng tôi biết rằng Tạ Tỵ lúc nào cũng trung thành với nghệ thuật và không năm tháng nào anh

không góp phần xây dựng, ở trong nước và ngoài nước, một nền văn hóa Việt Nam lành mạnh và độc lập. Nhưng số phận của các tờ báo dựa hơi chánh quyền cũng giống như số phận hoa hồng: sớm nở tối tàn. Một lần nữa, anh em lại tan rã. Sau đó ít lâu, Candelon đi Pháp. Vượng về cùng với Nguyễn Phổ mở một nhà làm ảnh kẽm ở Cây Đa Cửa Quyền (Hàng Bông) còn tôi thì làm lại tờ “Tiểu Thuyết Thứ Bảy” và “Phổ Thông Bán Nguyệt San” như đã nói ở trên.

Tuy nhiên, cuộc sống, dù cách nào đi nữa, cũng vẫn tẻ như thường. Phổ, Vượng và tôi bèn bàn nhau mở một nhà xuất bản tên là “Tam Hữu” lấy “Độc Lập - Tự Do - Dân Tộc” làm khẩu hiệu. Nhà xuất bản này tạm đứng vững, chúng tôi bàn nhau lập một thông tấn xã tư cung cấp tin tức và bài vở đủ các loại cho các báo theo lối “Echo” của Đồng Minh lúc đánh nhau với Trục, thì tình hình biến chuyển quá mau lẹ, chưa kịp trình diện với

quốc dân thì Pháp và Việt đã ký hiệp định Genève, tạo ra hàng trăm vạn biệt ly.

2. BÁO HẠI

TRÊN ĐƯỜNG VÀO NAM: LỬA SỐNG

Tám tháng ở Hải Phòng có thể coi như tám tháng ngồi chơi xơi nước: thỉnh thoảng nhận được một tin nhà; bất thình lình một hôm lại tiếp một anh cán bộ cầm một thư của những anh em thân thiết về Hà Nội không thấy tôi, cho người xuống bảo đừng đi nữa. Có anh giận quá, dùng những lời lẽ không nhẹ nhàng, nhưng hầu hết đều tỏ ra chí tình, như Phùng Bảo Thạch: “Cách mặt bao nhiêu lâu, có bao nhiêu chuyện

muốn nói mà lại kiếm anh thì đã đi rồi. Sầu không tả được. Bao giờ chúng ta mới lại gặp nhau? - Bạn anh”.

Ở Hải Phòng, gần Tết, trời mưa phùn liêu liêu, nằm gối đầu tay ở trên gác trọ, tôi cũng sầu không tả được. Nhưng Nam, Bắc cùng là đất nước, sao lại cứ phải coi chuyến đi này là một cuộc di cư mà không là một vụ đi chơi bậy bạ để tiêu sầu khiến hứng? Nhưng tiêu sầu cách gì thì cũng vẫn không bỏ được nghề báo nó theo mình như bóng với hình. Nghỉ tay được chừng nửa tháng thì Bùi Đình Lĩnh lại rủ tôi làm tờ “Lửa Sống”, tờ báo hàng ngày độc nhất ở Hải Phòng lúc bấy giờ. Tôi biết Lĩnh qua Bùi Đức Thịnh, tổng phát hành báo ở Hà Nội, chủ nhà sách Thanh Bình, chủ nhiệm báo “Quê Hương”.

Lúc “Quê Hương” ra ở Hà Nội, tôi vẫn viết bài cho báo ấy, ngoài ra lại viết nhiều sách khác cho Thịnh, ký những bút hiệu

khác nhau. Từ khi có tin anh giúp đỡ ông Ngô Đình Diệm thoát một tai nạn ở một bệnh viện Pháp, tôi thông thường gặp anh. Lĩnh là anh ruột của Thịnh. Vì cây dây leo, lúc Lĩnh rủ tôi về giúp cho tờ “Lửa Sống”, tôi nhận lời ngay, mỗi sáng tạt đến tòa báo xem tin tức độ nửa tiếng đồng hồ. Vì là một tờ báo độc nhất xuất bản lúc ấy trên đường vào Nam, báo “Lửa Sống” được người ta tranh nhau mua đọc: sự kiện đó không lấy gì làm lạ nhưng lạ là sao lúc đó người ta kiếm tiền dễ thế! Một hôm, có một người đàn bà Thổ đến nhà báo khóc như một cái máy nước, nhờ đăng tin rao vặt kiếm con. Tôi ngồi ở đó không nói gì, để cho ông quản lý trả lời. Ông ta ấn định một ngàn hai (đồng tiền dưới thời Diệm to như cái bánh xe!) năm dòng, trả tiền trước. Không ngần ngại, người đàn bà ấy đưa tiền, lấy biên lai. Nhà báo hẹn mai sẽ in lời rao vặt. Trông người đàn bà sụt sịt ra về, tôi vừa ái ngại cho bà ta, vừa kinh ngạc về việc báo bóp cổ người ta dữ quá, nhưng

không nói ra miệng. Tôi ký vào mô rất định đứng lên cùng Bùi Đình Lĩnh và mấy anh em đi nhậu, thì người đàn bà mất con trở lại, lần này mặt mũi tươi cười – hoan hỉ báo cho biết là bà ta đã tìm thấy con rồi: “Trời nóng quá, nó chui xuống gầm giường ngủ, tôi cứ tưởng mẹ mình bắt cháu đi mất rồi!”. Bà ta có ý muốn xin lại số tiền đưa đăng báo. Thực, tôi chịu ông quản lý là người nhanh trí: đương cầm mảnh giấy viết tin rao vặt mất con, ông ta nhét liền vào túi và sừng sừng nói: “Rất tiếc, thợ xếp chữ mất rồi, và số tiền một ngàn hai đã đưa hết cho anh com pô rồi”. Người đàn bà tiu nghỉu, nhưng trước hành động ấy của viên quản lý, tôi thấy có vẻ nhẫn tâm. Tôi bấm ông một cái thì ông thực thi ngay một cử chỉ nhân đạo: “Thôi, nhà báo đành chịu thiệt vậy, xin vui lòng “giúp” bà một trăm bạc đi xe!”.

Ra đến quán uống rượu, thực tình tôi không tìm hiểu cử chỉ ấy của viên quản lý

có thể coi là bất lương không, nhưng tôi cảm thấy lòng mình vô cớ se sắt lại. Nào phải đến lúc đó tôi mới thấy một vụ nhẩn tâm như thế. Trong quãng đời qua, tôi đã từng được thấy nhiều vụ “làm tiền” còn trắng trợn và tàn nhẫn hơn nhiều, nhưng không hiểu vì thời tiết, vì sức khỏe hay vì hoàn cảnh... tôi bắt đầu thấy chán nghề. Và đêm hôm đó, ngồi châm điếu thuốc trên một cái lầu vắng vẻ, nghe gió thu về làm xao động cảnh hoang lan ngoài cửa sổ, tôi nhớ đến người mẹ van xin tôi đừng làm nghề báo bố. “Nghề báo đưa người ta bất cứ đâu, miễn là thoát được nó ra”...

Thoát được nó ra, nhưng thoát bằng cách nào đây? Đêm hôm đó, nằm trên một cái giường lạnh, có bóng trăng soi, tôi lẩm nhẩm nhớ lại những người bạn cùng nghề xem những ai thoát được “nó”, mà những ai còn vương vít tơ tằm với “nó”: Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Như Hoàn, Việt Bằng, Cuồng Sĩ,

Đào Trinh Nhất, Nguyễn Khắc Hiếu, Nguyễn Mạnh Bổng, Nguyễn Phan Lãng, Nghiêm Xuân Lãm, Hoàng Cù, Đặng Văn Hinh, Trương Anh Tự, Hoàng Tích Chu... các bạn ấy đã thoát, thoát hẳn, thoát để không bao giờ trở lại cõi đời này nữa, nhưng cũng còn bao nhiêu người khác thoát được “nó” mà thoát được một cách vẻ vang.

Đó là trường hợp Phạm Quỳnh, nhảy một bước từ phố Hàng Da vào làm thượng thư ở Huế; Nguyễn Tiến Lãng, bí thư của Hoàng hậu Nam Phương; Ngô Văn Phú, làm chủ ấp Tân Bồi; Hoàng Hữu Huy làm giám đốc Việt Tấn Xã; Hà Văn Bính làm hội viên thành phố và gần nhất là Ngô Văn làm xuất cảng.

Ngay ở Hải Phòng, tôi đã biết Ngô Văn và Phạm Trung Phổ sẽ bỏ nghề báo một khi vào trong Nam. Hai ông này đã có một hồi lăm lệt lúc còn làm tờ “Ngày Mới” của Hội

Đồng An Dân, dưới thời bác sĩ Đặng Hữu Chí, trong có cụ Ngô Khánh Thực.

Trọng Thìn, Trọng Quỳnh, lúc đầu là vai chính trong tờ “Ngày Mới” (lúc đó thay thế cho tờ “Vi Dân”), do Trần Tấn Cửu làm, đã chết cùng với bác sĩ Trương Đình Chi). Báo “Ngày Mới” in tại nhà in của Hội Đồng An Dân, gồm một số máy thổ phỉ của những người đi chưa về. Đến khi chính phủ đầu tiên Nguyễn Văn Xuân thành lập, tổng trưởng Thông Tin Phan Quang Đán sát nhập nhà in vào Thông Tin. Ngô Văn được Trọng Thìn và Trọng Quỳnh mời về hợp tác, giữ chức chủ nhiệm. Văn đưa em vợ là Phạm Trọng Phổ về làm quản lý. Vừa khi ấy, Phan Quang Đán muốn tổ chức một thông tấn xã Việt Nam, mời Nguyễn Doãn Vượng đứng làm. Vượng đưa ra một chương trình lớn lao, gồm đủ các máy móc của một trung tâm hiệu thính tối tân, mỗi ngày ra hai ấn bản ba thứ tiếng, kèm một ấn bản “mật” hàng ngày và một ấn

bản hàng tuần, có nhiều bình luận và đặc ký. Ngân khoản dự liệu trên dưới 500.000. Lúc bắt đầu, Phan Quang Đán không trông đầu ra tiền, về sau đành phải giao cho Nguyễn Giang, Hoàng Hữu Huy và Ngô Văn cộc cách làm với một ngân khoản năm chục ngàn.

Thừa dịp làm Việt Tấn Xã, gần gũi với Phan Quang Đán, Ngô Văn xin tờ “Ngày Mới” làm sở hữu của ông: cố nhiên là báo sẽ giữ nguyên lập trường triệt để đề cao giải pháp Bảo Đại, tích cực chống Cộng và ủng hộ chính phủ Việt Nam. Phan Quang Đán bằng lòng. Ngô Văn - với sự giúp tay của cụ Ngô Khánh Thực - đổi tên “Ngày Mới” ra làm “Tia Sáng” Ngô Văn chễm chệ làm chủ nhiệm, còn những ký giả có công khai sơn phá thạch như Trọng Quỳnh, Trọng Thìn thì thành ra người làm công. Thừa hưởng nề nếp làm việc và quảng cáo, cũng như số độc giả đã có sẵn và sự giúp đỡ quen thuộc của các cơ quan chánh quyền, tờ “Tia Sáng” đã đem lại cho người

điều khiển nhiều đặc ân và tư thế. Báo có lời nhiều, một phần cũng vì thế; nhưng đồng thời ta cũng phải nhận rằng lúc ấy nhiều anh em nhóm “Đông Pháp” có khiếu về săn tin, nhờ mấy năm giúp việc cho ông Ngô Văn Phú đã giúp không ít cho sự thành công ấy.

Rút lại, Ngô Văn đã “làm nên” vì báo, nhưng điều đó không đáng lưu ý bằng việc ông đã khôn ngoan thoát được nó ra để ngả về thương mại. Trọng Quỳnh ở lại Bắc, hiện giờ không biết ra sao; riêng Trọng Thìn thì tôi được biết anh vẫn còn lao đao lận đận ở trong nghề và phiêu bạt hết Thông Tin lại sang tờ báo này, thông tấn khác. Đó cũng vì không biết cách thoát được nghề báo chăng? Tôi nhớ lại lúc ông Nguyễn Văn Vĩnh sắp lên đường sang Lào để tìm vàng, công nợ ngập đầu, mà cứ cố sống cố chết bám vào tờ “Trung Bắc”, “Học Báo” và “Annam Nouveau” để viết. Toàn quyền Pasquier, một hôm, gặp Nguyễn Bá Trác (lúc ấy vừa ở Nhật về), hỏi theo ý

Trác thì nhà cách mạng Việt Nam nào nguy hiểm nhất. Trác trả lời “Nguyễn Văn Vĩnh”. Toàn quyền Pasquier nhờ sở Mật thám điều tra xem ông Vĩnh còn nợ ngân hàng và tư nhân chừng bao nhiêu tiền. Số nợ ấy, so với lúc ấy, thật lớn: từ 6 đến 800.000 đồng. Toàn quyền Pasquier nhờ một người thân tín của ông Vĩnh bắn tiếng đến tai ông: nếu ông Vĩnh bằng lòng ngưng công kích Bảo Đại và bút chiến với Phạm Quỳnh, gấp đôi số nợ ấy cũng sẽ được trang trả êm ả mà không cần phải bận tâm gì hết.

Lời đề nghị nghe thật bùi tai, nhưng ông Vĩnh đã không biết thoát khỏi nghề báo vào chính lúc có cơ hội tốt. Và không phải là tiên tri, người ta đã biết kết cục ra sao: “Học Báo” nguyệt san giáo khoa độc nhất còn được Pháp trợ cấp sang tay Lê Thăng, “Trung Bắc” về cụ Luận, còn “Annam Nouveau” thì chết, mà ông Vĩnh thì khăn gói gió đưa sang Lào để tìm vàng; nhưng mỏ vàng chưa thấy đâu

thì đã mất ở chốn ma thiêng nước độc. Sau ông Vĩnh, còn Ngọc Thỏ, Côn Sinh, cũng là những người đã chết một cách thảm thương. Tôi không biết bác sĩ Tụng có nói đùa không, nhưng quả là lời của bác sĩ đã làm cho tôi thắc mắc nhiều ngày: “Có con, cho nó làm gì thì làm, chớ làm báo thì nên ngăn lại”. Lúc tôi mới bước vào nghề, mẹ tôi cũng bảo tôi như thế, nhưng nghề báo đã đẩy tôi vào “mê hồn trận”, làm thế nào thoát khỏi nó bây giờ?

Một lần nữa, tôi lại muốn ly khai với nghề báo, vì mỗi ngày mỗi thấy thêm sự chán chường. Tôi nhớ lại trước khi lên đường vào Nam, đã có hai lần tôi thấy có một cái gì mạnh nha trong tim óc. Lần này, tôi cảm thấy “cái gì” đó rõ rệt hơn cả hai lần trước nữa. Nếu làm báo mà chỉ nhắm vào tiền thì quả là lắm quá: van xin các nhà buôn cho tí tiền lẻ, nói cho sang là tiền quảng cáo; bợ đỡ ngoại bang, liếm gót ăn tiền; hay bám vào các chánh đảng làm kiến nghị “Ngô Đình Diệm

phải làm vua vì là dòng dõi Ngô Quyền” không những ăn chắc mà lại còn nhiều hy vọng được đặt vào một địa vị cao cấp trong chánh quyền. Nhưng bây giờ thì tôi đã thấy rõ ràng làm báo không phải như thế, nhưng là làm một cái gì nghiêm trang, cao quý, có tính năng tranh đấu và xây dựng, mà người làm báo phải tha thiết với tự do, dân tộc, kinh qua những nghịch cảnh, thăng trầm, để chống lại độc tài, độc đoán dưới mọi hình thức quan lại, phong kiến hay dân chủ ngụy tạo.

Nhiệm vụ ấy thật lớn lao, kinh khủng. Nghĩ lại các anh em cùng đi với mình một con đường, bây giờ chia đi các ngả, hoặc đã chết vì bom đạn, hoặc đã bỏ mình vì thực dân đàn áp, còn trơ lại một mình vác cây bút vào Nam, tôi thấy tương lai nặng nề và tự hỏi không biết có làm gì được không, hay là cũng chỉ như ở Bắc, gục đầu để kiếm tiền, phụng sự bất cứ ai kêu mình? Lúc đó, tôi đã

lờ mờ thấy những khó khăn ghê gớm đang chờ đợi dân ta trên con đường tranh đấu tự do và độc lập, và tôi sợ rồi đây, viết lách đơn độc và tự xoay mình trong quỹ đạo của chế độ Ngô Đình Diệm, không có tự do, không có dân chủ, tôi sẽ thành ra thứ người gì? Hay là lại chỉ làm một tên bồi bút để làm những tờ báo lá cải, chỉ có giá trị xuyên tạc, vì chính mình chưa tách ra khỏi được sự chi phối của hoàn cảnh chính trị và xã hội của một chế độ mà tôi biết chắc sẽ không thể không lệ thuộc ngoại bang, một chế độ không thể có tự do, dân chủ chân chính. Không có độc lập, tự do, dân chủ chân chính thì tranh đấu thế nào cho hữu hiệu được?

Tôi cảm thấy sợ hãi hơn cả bao giờ hết. Và ở Hải Phòng, sau vụ báo “Lửa Sống” làm tiền một người đàn bà đăng quảng cáo ngon ơ, những ý tưởng như thế luôn luôn xáo trộn trí óc tôi, và, thú thực, tôi đã nghĩ rất nhiều đến việc thoát ly nghề báo

lúc này để chờ một ngày mai thuận lợi.

Trong khi chờ đợi, tôi hãy làm tiếp tờ: “Lửa Sống” cùng với chúng tôi di cư từ Bắc vào Nam - lần này có Bùi Văn Tuyên tiếp tay với Bùi Đình Lĩnh và Bùi Đức Thịnh - (lúc ấy được Ngô Đình Diệm ân trả oán đền giao cho chức giám đốc Dân Vệ đoàn). Nhưng vì mới chân ướt, chân ráo vào Nam, chưa rành tiếng Nam, mà lại không được thấu đáo tâm lý của người đọc báo, thêm nữa lại cứ trình bày báo theo lối Bắc, viết truyện dài kiểu Bắc, cho nên “Lửa Sống” không còn được trông thấy những ngày vàng ở Hải Phòng, in hàng sáu bảy chục ngàn số báo mà bán chỉ độ vài tiếng đồng hồ đã hết bay!

TỪ “HÒA BÌNH” ĐẾN “DÂN CHÚNG”

Thực ra, ngay lúc còn ở Bắc, dưới chánh phủ Trần Văn Hữu, Nguyễn Văn Tâm, tôi đã cộng tác với mấy tờ báo trong Nam như

“Phục Hưng” của Hiền Sĩ, “Mới” của Phạm Văn Tươi, “Sài Gòn Mới” của bà Bút Trà, nhưng chỉ cộng tác một cách xa xôi, chớ thực tình không biết rõ độc giả trong Nam thích gì, ưa đọc gì và muốn “giật gân” theo kiểu nào.

Chắc các bạn đã biết các báo hàng ngày ở Bắc đều “mi” theo lối chân phương, mà tin tức thì cũng viết theo lối chân phương. Có việc gì lớn lắm, đại khái như vụ án Phan Bội Châu, vụ vàng Sầm Sơn, Nhật đánh Pháp trong một đêm... cũng chỉ đặt tí đến bốn hay năm cột là cùng. ỞCE Nam, không có truyện gì lớn, phải bối óc tìm ra một việc để cường lên và ngày nào cũng phải có một tí vợ đét tám cột, có khi chạy hai dòng liền, xuống năm cột, bốn cột, ba cột, tùy ý; và nhiều khi cái tí vợ đét ấy lại dùng chữ lớn hơn cả tên báo nữa, đến nỗi đã có một hồi Bộ Thông Tin phải chỉ thị cấm làm như thế. Người ta bảo làm như thế để giật gân độc giả. ỞCE Mỹ,

cũng có một loại báo như thế, loại báo giật gân kêu là tabloid, chỉ toàn tít và hình, mà bài thì viết thực ngắn, kiểu đánh dây thép để cho độc giả thường bận công việc, khỏi mất thời giờ đọc lồi thoi con cà con kê. Tôi đã nghĩ làm một tờ báo như thế, kiểu nhỏ, đúng như loại tabloid, nhưng nghiên cứu sâu hơn nữa, tôi thấy làm như thế cũng thất bại luôn, vì tâm lý của người đọc báo xứ mình - nhất là ở miền Nam - rất là phức tạp. Họ muốn đọc những tin tức giật gân, nhưng lại không ưa cái kiểu viết tin cụt lủn. Tin tức phải nhiều, mà lại viết dài dòng một chút, điểm một tí văn chương lại càng hay; ngoài ra, phải có xã thuyết thì mới là báo đứng đắn, có một tí ti "hạt muối", "cuốn phim" nói đụng chạm đến người này người nọ, một hai bài khảo cứu - mà lại phải khảo cứu đọc dễ dàng mà nhẹ và vui - ở trang trong tí ti thơ, truyện ngắn và nhất là truyện dài xã hội, ái tình thật nhiều, vô lý cũng được, nhưng cần nhất là phải lâm ly, rùng rợn, hồi hộp, say mê, gay cấn.

Trên tất cả những điều kiện đó, báo lại phải in trên khổ giấy lớn, càng nhiều trang càng tốt, vì một lẽ rất tầm thường là nước mình nghèo, người ta muốn rằng mua tờ báo ngâm nga xong rồi lại còn dùng giấy báo vào nhiều công việc ích lợi và thiết thực cho đời sống.

Trong mấy tháng trời liền, ngày nào tôi cũng kiểm đủ các báo hàng ngày, nhất là của các ký giả người Nam, để xem họ làm ăn ra thế nào, hầu rút kinh nghiệm sau này. Nhân có nhận viết sách cho nhà xuất bản “Phạm Văn Tươi” và “Thế giới”, tôi được dịp tìm hiểu báo nào bán được, báo nào bán yếu vì lúc ấy, hai ông Nguyễn Văn Hối và Phạm Văn Tươi hợp tác với mấy anh em làm một nhà tổng phát hành. Đây là thời kỳ học hỏi. Ngoài công việc viết sách, tôi chỉ đứng ở ngoài hợp tác với mấy tờ báo của bạn hữu, đáng kể là tờ “Hòa Bình” do một người bạn tù thuở nhỏ đứng ra làm cho một đảng

chính trị ở đây. Nguyễn Kim Sinh, tổng thư ký tờ «Hòa Bình» là một nhà báo lành nghề, từng cộng tác và làm nổi bật nhiều tờ báo ở Hà thành, như «Hồ Gươm» của Bùi Cẩm Chương, «Quê Hương» của Bùi Đức Thịnh và «Cải Tạo» của Phạm Văn Thụ, rủ tôi về viết hàng ngày mục bình luận thời sự và mục châm biếm cho báo. Nhờ sự hợp tác đó, tôi lại rút thêm một kinh nghiệm nữa về báo ở đây: viết lơ ngơ có khi chết oan, chứ đừng mong bị truy tố ra tòa như dưới thời Pháp thuộc.

Như thường lệ, vào dịp hai mươi ba Tết năm ấy, trong mục “Thiên hạ sự”, tôi có viết một bài tếu nói về việc đốt vàng mã và nhân dịp có kể lại câu hát cũ:

Ba mươi tết, tết lại ba mươi.

Vợ thằng Ngô đốt vàng cho chú Khách,

Một tay cầm cái dù rách

Một tay xách cái chăn bông

Em đứng bờ sông

Em trông sang nước người:

“Hỡi chú chiếc ơi là chú chiếc ơi”

Một tay em cầm quan tiền,

Một tay em xách thằng bù nhìn

Quan tiền nặng thì quan tiền chìm

Bù nhìn nhẹ thì bù nhìn nổi,

Ơi ai ơi, của nặng hơn người...

Ai ngờ chỉ có thế mà sanh ra to chuyện. Bộ Thông Tin - hồi ấy do ông Trần Chánh Thành điều khiển – cho chữ “thằng Ngô” đó là nói xỏ ông Ngô Đình Diệm, nhờ công an điều tra và làm lung tung lên một dạo, tưởng chừng như là sắp tận thế đến nơi.

Ai đã từng theo dõi ngành báo từ hồi Tây cai trị, tất phải nhận rằng Tây bóp cổ báo chí không kinh bằng Nhật. Tây buộc mồm báo lại, nhưng ngoài mặt vẫn làm ra dân chủ một phần nào, chớ đến Nhật thì không có oong đơ gì hết, đến đây hôm trước thì hôm sau bắt những nhà báo có tiếng là chống đối rồi kể đó thiết lập luôn chế độ kiểm duyệt, cắt bỏ những đoạn nói lờ mờ thẳng tay, chớ đừng nói là những đoạn chê bai, công kích Nhật. Tôi còn nhớ lúc ấy có một tờ báo hàng ngày – hình như là tờ «Đông Pháp» – đăng vào mục Hà Nội một tin xe cán chó. Thực ra, báo ta hồi ấy mà đăng tin xe cán chó không có gì lạ hết; nhưng vô phúc cho nhà báo ấy lại dùng phải một ông phóng viên hơi khùng, viết tin lại muốn đúng sự thật 100 phần 100, nên nêu rõ là xe cán chết con chó Nhật. Mặc dầu báo chỉ mới đập mô rất để đưa ra kiểm duyệt, chớ chưa in để phát hành, các quan Nhật cũng nổi trận lôi đình, la lên như sấm sét và điện ngay cho hiến binh đến bắt chủ

nhiệm, quản lý và mấy người viết về «thăm vấn».

Bây giờ, mỗi khi nói đến chế độ kiểm duyệt, tôi hay đem hai sự việc trên kia ra so sánh và buồn cười không chịu được. Nhưng biết làm sao, ở một nước có tổng thống, có hiến pháp như mình, có bao nhiêu quốc gia thừa nhận, luật pháp không phải là trò đùa, chống đối lại chỉ là chơi với lửa. Hầu hết các báo đều hiền như con cừu. Gan lắm thì im lặng, không công kích, không nói bóng nói gió một câu đến chính quyền; còn lại bao nhiêu báo khác thì a dua, nịnh bợ không tiếc lời; hơn thế, lại còn tiếc là sao chữ Việt mình nghèo quá, để cho mình không đủ chữ để mà nịnh cho thực đã... Vì thế, ta đã thấy có ông nhà báo xin đến ngâm thơ cho tổng thống nghe; có ông đề nghị lập tượng tổng thống ở chợ Bình Tây và có ông được tổng thống tiếp kiến về viết bài ca tụng tổng thống, ví tổng thống với mặt trời ở trong dinh Độc Lập.

Thực ra, các nhà báo ấy viết ra như thế, in lên như thế, nhưng ở thâm tâm thì một số lớn chửi thâm tổng thống, song cái việc phải nịnh thì cứ nịnh, nịnh bất cứ ai, miễn có lợi thì thôi, nếu dại dột mà đả kích Ngài thì chỉ có mà... ăn sắn. Nghĩa là nhà báo chống đối chẳng trước thì sau cũng bị lâm vào mấy cái thể sau đây: báo bị đóng cửa; chủ nhiệm, quản lý... bị đưa đi bí mật ban đêm; nếu không thể thì một ngày đẹp trời nào đó tự nhiên cũng bị ghép vào tội gá bạc, tống tiền, dỗ gái vị thành niên hay đi lừa đảo, đưa ra tòa, gia sản bị tịch biên, có bao nhiêu vốn liếng đi tiêu hết.

Lúc ấy, sau ba lần thắng Bình Xuyên và áp dụng biện pháp mạnh đối với các giáo phái, thắng lợi, Ngô Đình Diệm bắt đầu có lòng có cánh, ra mặt chống Bảo Đại, không đi Pháp để trình với Quốc trưởng về các biến cố ở nước nhà, nhưng ở lì trong nước tập làm độc tài cở, đưa họ hàng lên nắm hết các

chức vụ quan trọng. Ông Trần Văn Chương, thân phụ bà Ngô Đình Nhu, được đưa lên chức Quốc vụ khanh. Các cuộc tranh giành quyền thế, và cũng là những cuộc thanh toán, bắt đầu diễn ra trong dinh Độc Lập. Từ một nội trợ giặt áo, nấu cơm, tắm rửa cho con, bà Nhu thành một nhân vật của nhà Ngô và bà đã nhờ cái sách áp pin thuyết phục các lãnh tụ quân sự và các cố vấn và ngoại giao Mỹ ở Sài Gòn. Nhưng đồng thời giúp ích cho họ Ngô Đình, bà không quên nghĩ đến cho chính gia đình bà trước: mẹ bà, bà Trần Văn Chương, lên như diều; ông Chương làm đại sứ ở Hoa Thịnh Đốn: Nguyễn Hữu Châu, em rể của bà, cũng có tiếng là người tình cũ, làm bộ trưởng tại phủ tổng thống, em ruột Trần Văn Chương là Trần Văn Đỗ được tôn lên làm ngoại trưởng, con trai của ông Chương là Trần Văn Khiêm làm giám đốc báo chí, rồi được bổ làm giám đốc Mật vụ. Việc thay đổi bộ máy cầm quyền từ 1954 đến 1956 nhằm mục đích giành quyền của bà Chương về cho

bà Nhu. Nói một cách khác, ngay trong gia đình Trần Văn đã có sự tranh giành quyền thế, mà giữa họ Trần Văn và họ Ngô Đình lại cũng có sự tranh giành nữa; nhưng tựu trung Việt Nam lúc bấy giờ là một quốc gia cảnh sát do hai gia đình quan lại Trần Văn và Ngô Đình nắm hết quyền hành. Gia đình Trần Văn tương đối còn trung thành phần nào với tập tục cổ truyền của nhà vua Bảo Đại, chớ họ Ngô Đình thì trắng trợn ly khai với chế độ cũ và nuôi cái mộng lập một triều đại mới: triều đại Ngô Đình.

Cố nhiên muốn thực hiện mộng đó, phải tàn ác diệt trừ những cá nhân, đoàn thể chống đối, mà cá nhân và đoàn thể chống đối lúc ấy là những người gốc ở miền Bắc và miền Nam chỉ muốn nhà Ngô giữ lời đã hứa là tổ chức cuộc bầu cử để họ có thể bầu người đại diện của họ lên lo việc nước. Theo những người có tiếng là chống đối này, ông Diệm là một lính nhảy dù do Mỹ thả từ trên

trời xuống và không có rề ở dưới đất. Đứng trước sự chỉ trích hỗn xược đó, ông Nhu và vợ đặt ở các văn phòng các đường phố một số mật báo viên, có nhiệm vụ báo cáo những phần tử chỉ trích chánh phủ; ngoài ra theo dõi hành động của các tờ báo khác, hồ thấy viết một câu nào xa xôi, xách mé bóng gió thì đóng cửa vĩnh viễn, còn ký giả nào bướng bỉnh, không quy phục thì chụp cái nón cộng sản lên đầu, cho xuống hầm tối để không bao giờ lên được đất liền nữa, hoặc có lên được cũng mù lòa, què quặt, bán thân bất toại.

Không khí làng báo lúc ấy thật điều hiu, tẻ lạnh. Mỗi buổi sáng, người làm báo nhận được những cú điện thoại cho biết phải tránh những tin gì không được nói, những lời tuyên bố nào của ông Diệm, bà Nhu phải làm to; thậm chí lại có khi buộc phải đưa câu nói này của bà Nhu lên làm vợ đét tám cột, diễn văn kia của ông Diệm năm cột và kèm theo thật nhiều tranh ảnh.

Tất nhiên, những ký giả, chủ nhiệm, có dây mơ rễ má với gia đình Trần Văn hay Ngô Đình, được nhiều quyền lợi ưu tiên; nhưng dù không có quyền lợi gì của họ ban cho, một số ký giả vẫn cúi đầu ra báo một cách ngoan ngoãn vì mấy lẽ sau đây: một là số báo xuất bản lúc ấy hạn chế, tôi ra cũng cứ tăng tăng kiếm được ít lời hàng tháng để nuôi vợ con, gà chó; hai là được cấp giấy in giá rẻ, in một ít còn phần lớn thì đem bán chợ đen cho các chú ở Chợ Lớn; ba là có dịp thậm thà thập thọt hợp báo ra vào dinh Độc Lập, biết đâu lại không được bà Cố vấn đoái đến mà ban cho một áp phe ra tiền?!!

Tôi còn nhớ, hồi đó, nửa muốn thử thách xem sao, nửa cũng là vì tình nghịch, ba lần tôi gửi đơn xin ra một tờ báo lấy tên là “Quảng Cáo” không được, mà không vì lý do gì cả. Một hôm, đi chơi trên đường Tự Do, tôi gặp giáo sư Ortoli, dạy Pháp văn từ đệ tứ đến đệ nhất, rủ vào uống rượu ở một nhà hàng nọ.

Giáo sư Ortolì hỏi tôi có thường gặp Trần Thị Lệ Xuân cùng học ban B với tôi không, “bây giờ là Mme Ngô Đình Nhu, anh biết rồi đấy chứ”. Tôi trả lời không. Giáo sư Ortolì nói: “Tôi gặp Xuân luôn và en tỏ ra tốt lắm. Nay mai tôi trở về Pháp, nếu anh có cần gì, cứ điện thoại cho tôi, chúng ta sẽ cùng đến để nhờ Xuân giúp”.

Tôi cảm ơn lấy lệ. Trong thâm tâm, tôi nghĩ mình cũng chẳng cần gì phải nhờ Trần Thị Lệ Xuân giúp đỡ, nhưng ví có cần giúp đỡ chẳng nữa, tôi ngờ rằng lời nói của một ông thầy học cũ không thể làm cho Xuân chú ý bằng một người Mỹ mới. Tôi yên lặng ngồi viết sách cho nhà xuất bản “Phạm Văn Tươi”, “Thế Giới”, và nghe thấy từ dưới đường vọng lên những tiếng chuyển động khác thường: đó là tiếng oán than của những cuống họng bị bóp nghẹt lẫn với tiếng cười của trai gái dú đờn trong ánh đèn mờ, tiếng nguyên rủa náo nức của dân chúng tắc thở vì chế độ tự

do bị nhà Ngô bóp chẹt. Các giáo phái, các chánh đảng, các tầng lớp nhân dân nghĩ phải làm một cái gì, nếu không thì quá trễ, nhưng, thay vì đoàn kết để chống lại nhà Ngô thì họ lại chia rẽ, kình chống nhau. Các chánh đảng không thể thống nhất trong một mặt trận chung, vì thế vợ chồng ông Nhu càng đắc thế và càng áp dụng hữu hiệu chiến thuật “chia để trị”. Báo chí cúi đầu theo răm rắp, suy tôn Ngô tổng thống. Vào rạp chiếu bóng, rạp hát, phải chào cờ và đứng nghiêm nghe nhạc trời bài “Toàn dân Việt Nam biết ơn Ngô tổng thống - Ngô tổng thống, Ngô tổng thống muôn năm” cho đến khi lá cờ vàng sọc đỏ mờ dần cùng với cái hình ông lùn mập, mới có quyền ngồi xuống để xem “đợi” Âu Châu nháy tuyết. Báo cầm như hến. Không có một ký giả nào dám lên tiếng phản đối anh em nhà Ngô, dù là phản đối xa xôi. Phải đợi mãi đến năm 1960, cơn sốt mới bùng lên: đại tá Nguyễn Chánh Thi, trung tá Vương Văn Đông, cùng một số sĩ quan đem quân

vây dinh Độc Lập và đòi Ngô Đình Diệm rút lui. Ngô Đình Diệm trao quyền cho các tướng lãnh để lập chính phủ khác, nhưng sau nhờ các sư đoàn 7 ở Biên Hòa và sư đoàn 21 ở Mỹ Tho về ứng cứu kịp thời, Ngô Đình Diệm thoát chết: Đại tá Nguyễn Chánh Thi và trung tá Vương Văn Đông rời khỏi Việt Nam, Ngô Đình Diệm lại phệnh phà phệnh phạo tuyên bố hỗn xược không chê được, và cố nhiên Quốc hội lại ngỏ lời trung thành, các đoàn thể lại biểu tình ủng hộ và lũ cây cáo hèn nhát đi với cách mạng lại quay về thần phục nhà Ngô.

Lúc ấy, tôi đang làm “Dân Chúng”. Tôi còn nhớ bầu không khí nẩy lửa lúc đó, ai cũng hằng say muốn thấy Ngô Đình Diệm và công ty bị chết đâm chết chém. Cứ đăng hết những tin tức đảo chánh lúc đó, không thêm bớt, thì độc giả cũng đã khoái tĩ lắm rồi, khỏi cần bình luận; nhưng đa số nhân viên “Dân Chúng” dè dặt không dám đăng

thật rõ, có ý muốn “trông và chờ”, một phần vì sợ cho tính mạng tờ báo sau này nếu cuộc đảo chánh không thành và mặt khác thì anh em không dám quyết định một thái độ dứt khoát vì lẽ khi ấy giám đốc tờ “Dân chúng” là ông Mạc Kinh Trần Thế Xương, lại không có mặt ở Việt Nam. Tô Văn và Cát Hữu thấy Phi Vân tỏ ra sợ sệt, chửi ầm cả lên, nhưng rút lại báo “Dân Chúng” tương đối lúc ấy “hiền lành” và mỗi khi có tin gì bất lợi cho Ngô Đình Diệm thì viết một giọng hoài nghi, đánh dấu hỏi, chớ không dám quả quyết như mấy tờ báo khác.

Giá thử lúc ấy Trần Thế Xương có mặt ở nhà, chắc hẳn báo “Dân Chúng” có một thái độ khác hẳn, là vì từ lúc mới ra, “Dân Chúng” đã đứng về phía chống đối chánh quyền Ngô Đình Diệm, mà điển hình nhất là vụ hội chợ Thị Nghè, Trần Thế Xương đã kích bọn các ông Trần Kim Tuyến và Lý Trung Dung bằng thích!

Điều khiển tờ «Dân Chúng», Trần Thế Xương trước sau giữ nguyên một lập trường không thay đổi. Lúc đầu, báo in thuê ở nhà in Nguyễn An Ninh, tương đối khá chạy, nhưng không hiểu về sau báo có bị các người của Ngô Đình Diệm ếm không, mà cứ xuống dốc lần lần, mặc dầu bài vở lúc nào cũng thế. Vì vậy, có một lúc nhà báo đã có ý định tự đóng cửa vì hết tiền. Thực ra, muốn cho báo sống, Trần Thế Xương cũng có cách để vận động với anh em, bà con lúc đó đương bám chặt Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Diệm; nhưng nguyên là một con người có đầu óc, lại nóng như điên, nên anh nhất định không chịu làm cái việc hèn hạ ấy. Thà chết, chứ không hạ mình xin xỏ, lạy lục ai. Vậy «Dân Chúng» sẽ chết trong sự trong sạch, nhưng anh em muốn rằng trước khi chết, báo phải tỏ ra là «chịu chơi», vì thế chúng tôi cứ nhùng nhằng nhằng chờ một cơ hội thuận tiện. Vừa khi đó, thủ tướng Bắc Việt Phạm Văn Đồng, lập lại một lời kêu gọi hiệp thương của ông

Hồ hồi tháng 8 năm 1955, gửi thư cho Ngô Đình Diệm yêu cầu hiệp thương Nam Bắc, Trần Thế Xương cho ra một loạt bài về hiệp thương, bình luận về mọi khía cạnh hiệp thương để tiến tới thống nhất xứ sở. Bây giờ, nói đến chuyện hiệp thương, hòa hội là thường, nhưng có ai đã sống sát với thời cuộc lúc đó đều thấy rằng đưa vấn đề ấy ra làm tám cột, kéo dài hàng tháng phải là «trì» lắm. Nhất là đối với Ngô Đình Diệm là một thứ người có thành kiến, lì lợm, thì sự việc ấy lại càng đáng nể lắm vì Diệm không thích cái gì thì không muốn cho ai nói tới. Trái lại, dân chúng chán ngấy chế độ tự do dân chủ ngụy tạo của Diệm, lại muốn hiệp thương hai miền Nam Bắc nên loạt bài của “Dân Chúng” ra đời thì độc giả tìm đọc “không chịu được”, nhất là họ lại không biết - vì chánh quyền giấu kín lắm - bức thư của Phạm Văn Đồng gửi cho Ngô Đình Diệm, nên cho rằng việc báo “Dân Chúng” đề cập đến vấn đề hiệp thương Nam Bắc là một hành động can đảm

và sáng suốt. Thế là báo “Dân Chúng” một phát hồi lại như thường. Lúc ấy, đi lại chặt chẽ với nhau, có Trần Thế Xương, Bùi Anh Tuấn và tôi, các bè bạn ở ngoài phần nhiều không giao thiệp công khai, một phần vì sợ mật vụ của Ngô Đình Diệm theo dõi và chơi võ gài xấu chàng.

Thấy chất viết về hiệp thương đã cạn, chúng tôi đang lo nghĩ để kiếm đề tài thì báo “New York Times” ở Mỹ đưa ra một bài phỏng vấn Trang Thiên Kim đăng suốt một trang và nối tiếp ba ngày liền. Lúc ấy, Diệm-Nhu không cho người dân tự do đọc báo nhập cảng. Chỉ có một số ít người đọc thôi, mà đọc rồi, thấy có gì lạ, không anh nào dám ho he thuật lại cho người khác biết, vì không biết ai là bạn mình, ai là mật vụ. Báo “Dân Chúng” làm một phát thứ hai: đưa mười câu hỏi của báo “New York Times” phỏng vấn Trang Thiên Kim ra mổ xẻ. Mỗi ngày, tôi dịch một câu hỏi và một câu trả lời, cương

lên cho sớm câu chuyện. Cả buổi trưa, Trần Thế Xương và tôi ở lại nhà báo, thảo luận với nhau nên thêm chữ gì hay bớt chữ gì, viết thế này có được không hay là phải sửa lại câu văn cho nhẹ kéo không “chúng nó trù”, loay hoay có khi mất đến một hai tiếng đồng hồ mới xong một bài. Phần nhiều xong bài vớ thì đã một hai giờ trưa rồi, về nhà cũng lờ tầu, chúng tôi đành dắt nhau đi ăn qua loa, rồi lại quay về nhà báo hì hục tìm các kiểu hình của Trang Thiên Kim, mỗi ngày đăng một kiểu, kèm với bài để cho bài báo “bô” thêm. Và đời sống của “Dân Chúng” từ đó cũng bô thêm không thể chịu được, báo cứ cái đà ấy tăng lên mãi, tăng lên mãi, thậm chí trẻ con mua báo phải lấy phiếu trước từ sáng để chiều đến lấy, mà lấy như thế cũng không được, vì trẻ con có phiếu chen lẫn với nhau dữ quá, nhà báo phải đóng cửa sắt lại kéo không các em xung phong vào bên trong làm dữ. Nhân viên trị sự thò tay ra lấy phiếu, đếm báo rồi đưa ra ngoài. Tiếng hò hét, chửi

rũa, kêu khóc hôm nào cũng vang lên khắp cả con đường Nguyễn An Ninh, làm cho anh em cảnh sát cũng khổ lây và hôm nào cũng phải cử vài người đến canh gác để duy trì trật tự và giao thông buôn bán. Anh em tòa soạn, chán nản bỏ đi lúc báo sắp đóng cửa, lúc này lại kéo về đông đủ như là hội hoa đăng, đua nhau viết bài cho báo bật hơn lên nữa, nhưng chỉ được một thời gian thôi, vì ty trị sự có một cái bệnh là lúc nào cũng kêu không có tiền!

Được trang ngoài rồi, chúng tôi lo chấn chỉnh trang trong, đặt thêm những mục mới như «Độc sách giùm các bạn». «Độc báo giùm các bạn», mục «Bệnh đàn bà»... Đến lúc vận khá, không nói vào đâu được: độc giả cho là báo «được» cả trang ngoài lẫn trang trong, tìm đọc rất đông, báo mười phần chết cả mười, bỗng nhiên chỉ trong có hai tháng hồi sinh lại và phồn thịnh hơn hết thấy các báo lúc bấy giờ. Cũng đến bấy giờ, tôi mới bắt

đầu tin một điểm vẫn nghi ngờ từ trước: báo chạy nhiều khi nhờ hoàn cảnh giúp cho chớ không phải hoàn toàn do tài trí của người làm báo. Ra một tờ báo cạnh tranh với hàng chục tờ báo khác mà không có sáng kiến mới, bài vở hay thì khó mà đứng vững, điều đó đã đành rồi; nhưng nếu có cơ hội và có tin tức, hoặc có biến đổi gì quan trọng trong nước hoặc ngoài nước thì hy vọng thành công cũng nhiều hơn. Vì thế, cũng như tất cả mọi ngành, kiên nhẫn là một điểm quan trọng trong công cuộc làm báo; chỉ phiên một điều là người ra báo kiên nhẫn có thừa, nhưng không dư vốn thành ra không chịu đựng được, và do đó thường sinh ra cái nạn yếu tử, đồng tiền đội nón ra đi, mà ra đi rất lẹ. Thật thế, đứng về phương diện thương mại, không có nghề gì lời bằng ra báo, nếu báo chạy; nhưng báo mà không bán được thì cũng không có nghề gì ăn gỏi tiền bằng.

Lúc làm “Trung Bắc Chủ Nhật”, tôi có

viết về cách thức làm báo tabloid và, mở đầu thiên sưu tầm này, tôi có nhắc lại một chuyện về nghề làm báo do ông tổ sanh ra tabloid kể lại: bao nhiêu kho tàng của Diêm Vương chật ních vàng bạc, không còn chỗ đâu mà chứa nữa, mà âm phủ lúc ấy lại gặp cái nạn nhân mãn, người nhiều mà đất hiếm, không thể xây thêm bin đình được, Diêm Vương, một hôm, bèn hội quần thần lại hỏi ý kiến để tìm xem có cách nào tiêu đỡ ít vàng bạc đi không. Một người bèn đề nghị xuất bản báo. Diêm Vương ô kê, cho ra báo liền... Và chỉ nửa năm thì vàng trong các kho vơi hẳn đi rồi hết hẳn, gây một cái nạn thiếu hụt ghê gớm cho âm phủ.

Vậy tờ “Dân Chúng” thập tử nhất sinh, bây giờ lại sống lại. Sống lại thì hay đủ các cách: có tiền, nhờ thêm người viết, mà người viết thấy báo chạy hình như viết cũng hay hơn. Đó là trường hợp Văn Sen, có Pháp tịch, lúc vào giúp việc, không biết được một

câu chữ Việt ngữ ra hồn; ấy thế mà chỉ hai, ba tháng, anh viết đã lâm ly và đưa ra nhiều loạt bài đến bây giờ vẫn còn có nhiều người nhắc nhở, như những ký sự “Con ma nhà chú Hỏa” và “Bí mật Tây Tạng” và “Đạt Lai Lạt Ma” cũng như những truyện thần bí và ma quỷ hay chài, ếm. Cũng dịp này, Văn Tuyên, gặp tôi ở tòa đại sứ Pháp, cũng ngỏ ý thừa thời giờ muốn viết chơi cho một tờ báo nào “kha khá”. Tôi lại giới thiệu anh về viết cho “Dân Chúng” hai mục: mục “Bàn Cờ Thế Giới” và mục “Phim hàng ngày” được thiên hạ chú ý ngay từ bài đầu, “Cô Thiên Kim và ông Nước Vàng (Goldwater)”, vì giọng văn rí rỏ, có duyên, thỉnh thoảng lại sở Tây, sở Nho ra một tí.

Nhưng báo hay cũng như người đẹp: không để cho người ta thấy bạc đầu. Sau vụ đảo chánh 1960, Ngô Đình Diệm không chết, nhưng lại chết tờ báo tương đối e dè nhất, cân nhắc nhất, khi tường thuật các biến cố xảy

ra. Tôi và mấy người bạn đang ngồi ở trên lầu vừa đánh phé, vừa ôn lại mấy ngày sôi nổi vừa qua, thì hàng chục xe ô tô nhà binh và cảnh sát đến khám xét nhà báo, đập phá máy in, tung hê các ô chữ ra đường, rồi lấy giấy tờ, máy chữ, bút máy, bình mực, búp bê, nón mốt săng, áo mưa... lấy hết, đem đi. Nhà báo thì khóa ba khóa, niêm phong cẩn thận, sau khi để cho các người ở trong nhà báo vừa kịp khoác cái áo sơ mi, đi ra ngoài. Một vài tờ báo khác cũng lâm vào trường hợp như chúng tôi lúc đó. Anh em “Dân Chúng” tản mác mỗi người mỗi ngả. Cố nhiên là trong bọn có một vài người vì vấn đề cơm áo, vợ con, ngấm đi với bọn mật vụ còm để xin tha tội “treo cổ” - vì ở đâu cũng có bích chương viết tay đòi treo cổ người này, bắn chết người kia - nhưng đa số thì lì lợm ăn xong ngồi đánh phé và loan báo cho nhau biết bọn chánh khách, quân nhân nào đã xé hàng rào cách mạng, chạy vào dinh Độc Lập, bọn nào đã làm hư cuộc đảo chánh và đã khóc lóc

như trẻ con lúc bị trói ở trường bay Tân Sơn Nhứt và không quên theo dõi hành động của Nhu Diệm cùng bề tôi nhằm củng cố địa vị, uy tín, đồng thời sẽ đối phó với những người tham gia cuộc đảo chánh ra sao.

Hàng ngày tin tức cho biết, trong “Dân Chúng”, có hai người bị kết vào tội “chết treo”. Trường hợp bị coi như là nặng. Lần lần các báo khác, cũng bị niêm phong và đập phá như “Dân Chúng” được “giải tỏa”, có tờ lại tục bản; nhưng riêng tờ “Dân Chúng” thì vẫn cứ bị “cửa đóng then cài” hết tháng nọ sang tháng kia. Trần Thế Xương ở Nam Vang không về, vì biết về thì thế nào cũng bị những người thù từ trước làm khó dễ. Thành ra tờ báo đã không xuất bản được, mà bao nhiêu sổ sách, giấy tờ, phắc tuya thu quảng cáo cũng như ngân phiếu của các cơ quan mua báo gửi về trả không thể nào lấy ra được. Về sau này, tôi được biết riêng cái tội của “Dân Chúng” viết về cuộc đảo chánh

chống Ngô Đình Diệm, tự nó, không nhẹ mà cũng không nặng hơn các tờ báo khác; nhưng báo cứ bị niêm phong chơi như thế hàng năm, hàng tháng là vì “Dân Chúng”, lúc sinh thời, đã tỏ ra một thái độ chống Ngô Đình Diệm, Trần Thế Xương đi sát với trung tá Vương Văn Đông và dính líu vào cuộc đảo chánh. Nhưng trên các tội ấy, “Dân Chúng” còn một cái tội khác quan trọng hơn nhiều là họ Trần có một anh em làm bộ trưởng ra vào dưới trướng Ngô Đình Diệm, bị một số người khác coi là “ngoan cố”, “phản bội” và thường thậm thọt với Ngô Đình Nhu để tìm cách “tẩy nhẹ” anh em.

Chính các người chống họ Trần đó lại có công rất lớn trong việc bẻ gãy cuộc đảo chánh và cứu Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu thoát chết, thành ra mới có cuộc “ân trả oán đền” trường kỳ nói trên và cũng vì thế ta mới thấy sau khi củng cố được địa vị rồi, Nhu và Diệm cho ba tờ báo mới ra đời để

đền đáp lại công ơn của những người chung thủy. Đó là tờ “Đồng Nai” của Huỳnh Thành Vĩ, “Tiếng Dân” của Trung tá Châu và “Sai-gon Mai” của Ngô Quân.

SAU KHI ÔNG NGÔ ĐÌNH DIỆM THOÁT CHẾT LẦN THỨ NHẤT

Sài Gòn, sau ngày đảo chánh hụt 1-11-60, lần lần trở lại bộ mặt bình thường. Những báo đăng những tin bất lợi cho ông Ngô Đình Diệm trong cuộc đảo chánh lo sốt vó. Lúc ấy, những người có công với các ông Diệm và Nhu giả thử muốn phá nhà báo nào, cho ký giả nào đi mò tôm cũng cứ được đi, nhưng họ đã khôn khéo không nghĩ tới việc đối phó mà chỉ lo củng cố địa vị cho ông Diệm. Nhất cử, nhất động lúc ấy rất là thận trọng. Ngoài mấy tờ báo đóng cửa, chính phủ không cho ra thêm một tờ báo nào hết, trừ ba người có thể chắc chắn là không phản bội, hơn thế lại có công lao không ít thì nhiều với họ Ngô hay

bác sĩ Trần Kim Tuyến: ông Huỳnh Thành Vĩ được phép xuất bản tờ “Đồng Nai”, Ngô Quân, tờ “Saigon Mai” và Trung tá Châu tờ “Tiếng Dân”.

Tôi không làm hẳn cho tờ báo nào, nhưng cùng lúc tôi được ủy nhiệm trông nom cả cho ba tờ ấy. Hàng ngày, mỗi buổi sáng, tôi đảo qua cả ba tờ. Thư ký tòa soạn của “Đồng Nai” là Từ Thành; “Saigon Mai” do Ngô Quân đảm trách về bài vở; còn báo “Tiếng Dân” thì bài vở do Mặc Thu thu thập lúc đầu. Trong ba tờ này, “Đồng Nai” ra trước hết. Vì lẽ lúc ấy báo ra hạn chế, mà cũng vì người dân muốn biết biến chuyển tình hình trong nước qua một tờ báo mới “cắt chỉ”, nên ngay từ số đầu, báo “Đồng Nai” đã được các giới tranh nhau tìm đọc. Các bài xã thuyết hướng mạnh về nông thôn. Tin tức không có gì mới, nhưng trang trọng hấp dẫn vì nhiều bài có ích mà lại đánh đúng tâm lý bạn đọc thanh niên, nhưng đáng ghi là tờ “Đồng Nai”,

lần đầu tiên, đã đăng một võ hiệp kỳ tình tiểu thuyết dịch của Tàu. Từ trước, các báo ở đây chỉ đăng Tây Du, Phong Thần, Tam Quốc; đến lúc có phong trào di cư thì báo đều đăng tiểu thuyết trước tác hay phỏng theo Tây vì coi tiểu thuyết Tàu là lạc hậu.

Tôi nhớ trong một cuộc tiếp xúc, một ông bạn đặc trách về báo chí trong văn phòng ông Ngô Đình Nhu, thấy tôi đưa ra tiểu thuyết kiếm hiệp Tàu, có ý không tán thành và muốn bỏ đi, nhưng tôi không chịu, viện lẽ báo mới ra cần phải có độc giả, một khi đã vững rồi, sẽ tính sau. Đúng như lòng mong đợi, tiểu thuyết kiếm hiệp ấy được người ta tìm đọc nhiều. Tiền Phong, vốn là một nhà viết kịch và đóng kịch ở Bắc, bắt đầu nổi tiếng từ đó và cũng từ đó anh thành ra một tên tuổi trong làng dịch tiểu thuyết Tàu, nhứt là từ “Cô Gái Đồ Long” cũng đăng trên báo “Đồng Nai”, làm cho báo ấy in không kịp bán. Hai chữ “Kim Dung” thành ra thần tượng ở nước ta

bắt đầu từ đó. Nhiều báo khác thấy thế, đua nhau dịch tiểu thuyết chương, khi có truyện Kim Dung thì tranh nhau mua về dịch. Kết cục, dịch tiểu thuyết Kim Dung thành ra một cái... dịch, báo nào đăng nhiều truyện Kim Dung thì chạy, báo nào không có thì ế, vì độc giả mê Kim Dung quá, ngồi đâu người ta cũng bàn tán với nhau về Kim Dung và nghiêm chỉnh đặt vấn đề quan trọng gấp bội vấn đề Mỹ rút quân, hòa đàm Balê phen này có khai thông được không hay là cứ bế tắc hoặc chánh sách hòa bình của Nixon khác của Johnson những điểm nào. Tôi đã từng thấy có những độc giả làm những cử chỉ mới đầu tưởng như có thể làm vinh dự cho báo này hay báo nọ: họ đến sạp báo hỏi mua một tờ và giựt lấy đọc lia lia một hồi rồi trả tiền và biểu luôn tờ báo cho người bán báo và đi. Té ra họ mua báo chỉ đọc thật nhanh cho thật “đã” truyện chương của Kim Dung rồi thôi, không cần đọc gì khác nữa. Người làm báo thật yêu nghề, thấy thế, không khỏi

cảm thấy trơ trẽn vì bao nhiêu tâm huyết của mình đem ra làm báo đều vô ích: Làm cho báo chạy có phải là chủ bút, chủ nhiệm, thư ký tòa soạn, bình bút hay phóng viên đâu, nhưng là một người xa tít tận đâu đâu viết cho người Trung Hoa coi rồi mình đem ra nhai lại mà thấy vẫn ngon như thường!

Này, thế tôi đổ anh có dám cá với tôi không nào; cái thằng Lệnh Hồ Sung nó mê con Nhạc Linh Sơn, thế rồi con Nhạc Linh Sơn gặp thằng Lâm Bình Chí, đẹp trai hơn, lại mê thằng Lâm Bình Chí. Anh dám cá không: tôi bảo thằng Lệnh Hồ Sung rồi lại quay lại với con đó đấy, chớ đến kết thúc rồi nó cũng chẳng lấy con Doanh Doanh hay con ni cô Nghi Lâm như nhiều người tưởng lầm đâu. Ấy đấy, anh cá với tôi đi nào!

Người độc giả Việt Nam Cộng Hòa đọc báo và suốt ngày đánh đố nhau như thế. Nửa thế kỷ sống với chiến tranh đau khổ,

người nào mà không chán nản và muốn tự thoát ly ra bên ngoài, vì thế người ta không lấy làm lạ, sau chiến tranh thứ nhất, các báo có nhiều tiểu thuyết chạy hơn các báo bình luận thời sự, và ít lâu trở lại đây, người ta ưa đọc truyện trường, truyện thần tiên kiếm hiệp hay truyện tình du dương hơn là coi lời tuyên bố của ông tướng này, phóng sự về trận chiến kia hay thông cáo chung về cuộc hội đàm tay năm, tay sáu nọ.

Cũng trong một tinh thần đó, mục “Tử vi của bạn” có một dạo được coi như là một mục “tử” của tờ báo: đàn ông cầm tờ báo giở liền ra xem mình tuổi Quý Mão ra sao, và vợ mình tuổi Tỵ hôm nay xui hay là hên, có làm xong cái áp phe ấy hay không, còn đàn bà tuổi Thìn, hôm nay tốt hay xấu và có hy vọng có tiền hay không. Tôi quen nhiều ông thầy tướng, thầy số phụ trách về mục tử vi như thế: có ông “bao” sáu bảy tờ, ký hai ba tên hiệu khác nhau, cứ đầu tháng lại cho người

đưa đến cho mỗi báo một cuốn sổ, xào đi xào lại cho khác nhau một chút, nhưng tựu trung thì nói “bố láo” hết vì tôi biết chắc có anh ham ăn ham chơi quá đã bảo thư ký lấy tử vi năm 1957 chép lại cho các báo xuất bản năm 1961 đăng tải và, hơn thế, chính tôi đã biết những ông nhà báo đăng lầm tử vi tháng 5 vào tháng 8 và tháng 1 vào tháng 11, lầm nam ra nữ, nữ ra nam, mà độc giả vẫn say sưa và chịu là mục tử vi của báo này, báo nọ “đoán trúng phong phúc, không chịu được”.

Tội nghiệp cho độc giả, mất tiền mà bị lừa. Nhưng đó là ý nghĩ của một số người cầm bút. Đa số cho rằng họ thích gì thì cho họ đọc; cái hại chưa thấy đâu, nhưng cứ thấy ngay rằng báo mình chạy, mình có tiền trả nhà in để cho nó khỏi mè nheo; ngoài ra, anh em lại có xu tiêu không “rách” là được quá rồi, chớ còn mong gì hơn nữa. Vì nuôi trạng thái tâm lý đó, một số nhà báo ở đây khai thác những vụ giết người vì tình, làm

phóng sự, ký sự về ông đạo nhỏ, đạo nước lạnh, đạo ớt, đạo xôi, đạo chuối hàng tháng mà vẫn đề “còn nữa” hay tiểu thuyết hóa cuộc đời của những trai trốn chúa, gái lộn chồng, còn hơn cả những anh hùng dân tộc. Mỗi tình Lãng, Hồ còn nhiều bí ẩn, phải làm thế nào cho bật được ra cái nhân vật thứ ba nổi tiếng là đạo đức một thời mới thực ăn khách đấy, bồ à. Chết cha tôi chữa, phương thức Manila viết làm gì đến hai cột thế này, sao không hỏi thêm chi tiết về vụ Trang Kim Yến suýt giết chết Thanh Lan vì một bức thư, hay vụ Hùng Cường - Bạch Tuyết và đặt câu hỏi: “Bạch Tuyết mê Hùng Cường hay Hùng Cường mê Bạch Tuyết?” làm cái 3 cột ở cuối trang nhất, vét một ít khán giả kịch trường có hơn không? Nhưng tôi xin căn dặn hết thầy anh em lần nữa: cái việc ông gì mời hai ông gì lại văn phòng đưa tiền mười bốn triệu vì hai ông ấy có tiếng nói quyết định ở đại hội thì lờ ngay đi nhé, cứ để mặc bà tôi lo

liệu, được tí tiền lẻ nào, tôi không quên các anh em đâu, đừng sợ!

Huỳnh Thành Vị, chủ nhiệm báo “Đồng Nai” là một người có học, nên đã tránh được nhiều cái hèn kém đó; nhưng vì quá say mê cho báo chạy nên có vài ba trường hợp thấy người khác làm cũng muốn làm; tuy nhiên, vì có anh em cản trở nên lại thôi kịp thời. Dù sao, cũng phải nhận rằng anh là một người chung thủy với lập trường, nhưng vì trực tính như điên nên một số anh em không thể nào gần được, dù vẫn biết là bản tâm anh rất tốt. Đó là trường hợp của tôi, sau hơn một năm cộng tác với tờ “Đồng Nai”.

Lúc ấy, Vị là chủ nhiệm, tôi là thư ký tòa soạn, Tô Văn còn viết bài ở ngoài đưa tới hàng ngày. Trong các anh em thường trực, có một anh không nhớ là lầm lẫn cái gì xét ra không quan hệ lắm, nhưng không hiểu Vị ngăn anh ta hay là vì cái bản vì chuyện nhà chuyện

cửa, đứng giữa nhà chữ, “mạ” anh ký giả kia tàn tệt, đến nỗi anh em xếp chữ phải bảo tôi: Nếu tôi là anh X, tôi đi ngay chớ không làm thêm một phút”. Mà chính anh X cũng biết như thế, vì sau đó nửa tiếng đồng hồ, anh dắt tôi đi uống nước, rơm rớm nước mắt bảo tôi: “Moa nhục quá, moa bần tiện chịu đựng chỉ là vì moa nghiện, chớ nếu moa không nghiện thì đâu có thể như thế được”. Tôi không nói, nhưng ngay buổi trưa hôm đó, tôi cùng Vị về nhà riêng, báo cho Vị biết tôi chỉ giúp tờ “Đồng Nai” hết tháng thì thôi, không thể làm hơn được nữa. Ký giả X có thể vẫn cứ ở lại với anh, nhưng tôi, với địa vị là thư ký tòa soạn, đứng mũi chịu sào mà để cho anh em bị “mất mặt” như thế trước mặt anh em xếp chữ, tôi cảm thấy đau khổ trong lòng hết sức.

Huỳnh Thành Vị đối xử với riêng tôi lúc nào cũng thành thực, tận tình, quý hóa. Nghỉ tờ “Đồng Nai”, không có nghĩa là tôi nghỉ cảm tình với anh, nhưng chuyện đó không

quan hệ giữa cá nhân và cá nhân.

“Đồng Nai” có một hồi chạy hết sức: đó là lúc mới ra và lúc đăng truyện “Cô Gái Đồ Long”, mỗi buổi sáng trẻ con mua báo ngồi đen đặc cả đường Thủ Khoa Huân và góc đường Gia Long. Những ngày sôi nổi như thế in sâu vào trí óc người làm báo còn lâu, nhưng trong tất cả các kỷ niệm về “Đồng Nai”, có một kỷ niệm tôi không thể nào quên được, mà chính người trong trị sự và tòa soạn báo “Đồng Nai” cũng như chánh quyền và độc giả, rất ít người chú ý. Đó là một đoạn văn phẩm của Phạm Văn Tươi, bút hiệu “Tú Xe” viết trong mục “Thiên hạ rù rì” - viết sau khi Ngô Đình Diệm thoát chết trong cuộc đảo chánh 1960 - mà viết ngay trên báo “Đồng Nai” là một trong ba tờ báo mà Nhu và Diệm đặc biệt ký giấy phép cho ra, sau đảo chánh. Đoạn văn ấy đại khái như sau: Có một anh thái tử rất hỗn xược, một hôm, trèo lên lưng một con voi có tiếng là hung dữ, rồi cứ ngồi ì

ra đây không chịu xuống. Vua và hoàng hậu sợ quá, khuyên thái tử xuống, thái tử không chịu; các quan triều thần lạy để xin thái tử xuống, thái tử cũng không chịu nữa. Chán quá. Cả triều đình nhốn nháo lên. Vua và hoàng hậu buồn muốn khóc. Thấy tình hình bi thảm như vậy, tên nài phủ phục xuống đất, xin cho lên lưng voi để khuyên thái tử, thì mả quá, chẳng biết nó nói nhỏ vào tai thái tử cái gì mà thái tử ngoan ngoãn xuống liền! Cả triều đình xúm lại hỏi tên nài đã dùng câu thần chú gì bảo thái tử mà có hiệu năng lạ kỳ như vậy, thì nó ngần ngừ mãi mới thưa rằng: “Bẩm các quan, các quan có tha tội chết cho tôi, tôi mới nói”. Mọi người ô kê. Tên nài mới khai thực như sau: “Thưa các ngài, tôi chẳng có thần chú nào hết, mà cũng chẳng có phép gì kỳ lạ. Tôi ch’ r’ vào tai nó có một câu, thế là nó xuống”.

– Câu gì? Nói nghe. Câu gì mà lạ vậy? Câu gì mà thái tử lại nghe mà xuống, còn bố,

mẹ và các quan lại nó hết nước hết cái mà nó cứ nằng nặc không chịu xuống?

– Dạ, câu ấy bình dân lắm. Tôi bảo thái tử thế này: “Mày lì quá, tao bảo cho mà biết, mày mà cứ bám mãi, tao đánh cho thấy bà cố nội bây giờ! Tổ sư cha mày!”

Bảo là “nham nhở”, Tú Xe quả đã chơi một phát nham nhở thực. Có trách nhiệm phải coi lại bài vở trước khi cho “bon à tirer”, hôm ấy, tôi lại về sớm vì có việc ở báo “Tiếng Dân” mà Huỳnh Thành Vị thì cũng bận việc ở ngoài; đến lúc báo in xong, tôi lại hồi ba giờ chiều thấy đoạn ấy muốn đọc cũng không kịp nữa, vì báo đã phát hành rồi.

Hình như công lệ của người làm chính trị là bất cứ lúc nào, nói đến ai không ở phe phái của mình thì đả kích thậm tệ, không tha một điểm nào. May thay, tôi lại không làm chính trị, nên đến đây tôi phải thành thật nhận là bác sĩ Trần Kim Tuyến, Giám đốc Sở

Nghiên Cứu Chính Trị hồi đó, đã tỏ ra chịu chơi hết sức. Biết rõ cái “hỗ” không thể cứu vãn được bằng cách thu số báo “Đồng Nai” ấy lại, ông cho rằng “mọi việc ở đời đều quan trọng, nhưng nhiều lúc ta phải quan niệm chẳng có việc gì quan trọng cả” và ông hứa sẽ tìm cách đối phó thích nghi nếu ông Diệm hỏi đến vụ này. Nhưng rồi ông Diệm cũng chẳng bao giờ biết cả, thành ra báo “Đồng Nai” cứ sống, có lúc chạy dữ dội, có lúc chạy tăng tăng; nhưng có một điểm đáng nghi là người chủ trương báo “Đồng Nai” không lúc nào phải dùng đến hạ kế đưa văn dâm dật để câu độc giả trong lúc hầu hết các báo đều nhằm vào sự việc đó để lôi kéo người đọc báo.

Là vì đa số độc giả ở đây đều say mê những đoạn văn tả vù vù với những bàn tay xiết chặt, hơi thở hỗn hển với những bộ đùi dài, trắng nõn giăng ra, những con mắt lim dim với những tiếng rên rú, lâm ly trong đêm khuya hiu hắt gió vàng... nên một số ký giả

được hình hươg ch' vì lúc nào cũng xen vào trong tiểu thuyết, phóng sự những câu văn nham nhở làm giựt gân người đọc. Không có như thế, cũng như không có tiểu thuyết chưởng hay tử vi hàng ngày, thiên hạ chán quá, không buồn đọc, vì lúc ấy, thật ra báo cũng chẳng có gì đọc được, nếu không đề cao luật gia đình của bà Nhu thì lại đăng tin chiến sự; hành quân Bình Tây tại U Minh Hạ, hành quân ở Củ Chi, hành quân Lam Sơn II, hành quân ở Cao Lãnh, hành quân ở Mỹ An... Một đồng hành quân, giết không còn một mống Việt Cộng - ông Ngô Đình Diệm tuyên bố Việt Cộng chết hết rồi - hay tường thuật bốn năm cột báo bà Nhu đi thăm Phụ nữ Liên đới, vì phong trào này vừa được thừa nhận là một hội công ích do sắc lệnh 84/NV; ông Nhu đi thăm Sihanouk vì có tin Sihanouk tuyên bố thừa nhận Trung Cộng, cả về phương diện pháp lý; hoặc Liên Đoàn Công Chức Cách Mạng Quốc Gia kịch liệt lên án những người thân Pháp, yêu cầu chánh phủ

chấm dứt nhiệm vụ của công chức điều khiển từ Chủ sự, nếu không từ bỏ quốc tịch Pháp.

Ồi chao, ngán quá, ngán đến nỗi không buồn xem hình nữa, không buồn đọc bài nữa, dù là những bài tối quan trọng như bài tường thuật lễ cửu tuần khánh thọ bà mẹ ông Ngô Đình Diệm ở Huế có nhiều đại diện các đoàn thể và rất đông cao cấp trong chánh quyền về chúc mừng “thái tử”, mà bộ nội vụ lại tổ chức một lễ tạ ơn tại Vương Cung Thánh Đường. Còn như những tin nói về “Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc” (tiên thân Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam), tin về vụ án Nhân Văn, tin Hồ Chí Minh đã chết (bây giờ là Hồ Chí Minh giả) thì chẳng có ai tin cả, chưa đọc người ta đã cho là bịa - mà bịa một cách vụng dại, ngây ngô - nên rút lại, mua báo không đọc được gì hết, vì thế ta cũng không thể trách được độc giả sao chỉ ưa coi những cái vớ va vớ vẩn và đọc tiểu thuyết

khiêu dâm sa đọa.

Người làm báo chuyên nghiệp biết suy nghĩ, thấy thế, không khỏi không tự s, và có những lúc không thể không tự hỏi: sao cùng là làm báo mà ở nước ngoài, người ta không đủ người bằng mình lại làm ra trò, động viên được tinh thần tranh đấu của dân chúng, để kiến quốc về đủ mọi mặt, mọi lĩnh vực, mọi ngành? Cố nhiên dân chúng ở đâu mà không bất mãn, mà báo chí bao giờ chẳng phải giấu cái xấu, phô cái tốt ra; nhưng ít ra phần đông người ta, dù ghét bỏ đến chừng nào đi nữa cũng cứ phải nhận là báo của bên kia phần đông đều sạch sẽ, không có máu đổ ở trang nhất, không có truyện khiêu dâm, không khai thác những vụ án tình tay ba tay tư hay cương những ông đạo này, đạo nọ, và nhân đó đề cao những câu sấm, những dị đoan, số mệnh.

Tự sỉ trước những cảm nghĩ lông bông

như thế, các anh em và tôi quyết định làm tờ “Tiếng Dân” của Trung tá Châu thành một tờ báo “sạch” cũng như “bom nguyên tử sạch”, bom nguyên tử không có quá nhiều phóng xạ làm ô uế bầu không khí của thế giới tự do. Sau này, nghĩ lại thì quả lúc đó tôi khùng, vì cái “tri” và cái “hành” của tôi ngay lúc gặp Trần Thiện Phúc, đại diện gián tiếp của Trung tá Châu, đã mâu thuẫn với nhau rồi. Định làm một tờ báo sạch mà cư xử không sạch tí nào: tôi đặt điều kiện báo phải đưa cho anh em tòa soạn một tháng lương để ngồi suy nghĩ về cách làm ăn; nhưng cái đó không quan hệ lắm bằng mâu thuẫn dưới đây: làm một tờ báo cho Trung tá Châu ủng hộ Ngô Đình Diệm mà lại nói chuyện “sạch” thì có khác gì nói chuyện “dây thừng ở trong nhà có người thắt cổ!?!...”

Tờ “Tiếng Dân” gặp sự bê bối ngay từ lúc chưa ra số 1, vì mỗi phe có một số người của riêng mình, mà cũng ngay từ lúc mới quảng

cáo, ở Huế, đã có con cháu của cụ Huỳnh Thúc Kháng bản tin là không thể đem bôi nhọ tên một tờ báo đã có hồi lừng danh ở Huế. Nói như vậy, tức là tờ “Tiếng Dân” đã mang tiếng là báo của nhà Ngô ít nhiều rồi; vì thế chúng tôi phải hết sức tìm cách né tránh, viết lách thế nào để cho thiên hạ đỡ chửi là quân liếm gót. Dù biết rằng báo này có hai mục tiêu, một là suy tôn Ngô Đình Diệm, thần thánh hóa ông ta (vì ông ta đã mất uy tín rất nhiều sau cuộc đảo chánh 1960) và hai là đối phó với những liên danh chống đối ông trong cuộc tranh cử Tổng thống nhiệm kỳ II vào đầu năm 1961, chúng tôi cố ý làm ra mặt dớ dẩn, toàn bàn về vấn đề nông thôn và đăng những tin tức cố tránh đụng chạm đến Nhu và Diệm, không đả kích những người đảo chánh Diệm mà cũng chẳng hề đụng chạm đến những liên danh II và III mà ngay từ tháng giêng 1961, chúng tôi đã biết có ai, tuy là các liên danh ấy chưa tiết lộ ra bên ngoài. Đó là liên danh Nguyễn Đình Quát

- Nguyễn Thành Phương và liên danh Hồ Nhựt Tân - Nguyễn Thế Truyền, ấy là không kể nhiều liên danh khác hoặc trừ trừ không quyết định ra vì biết sẽ bị gian lận, mất công vô ích, hoặc bị Nhu Diệt cho người đến mua chuộc, tổng ít tiền lẻ để dùng ra ứng cử làm gì cho quần chân.

Lúc ấy, Mỹ còn nuôi hy vọng ăn đứt Việt Nam, dù cách gì đi nữa thì Diệt cũng vẫn ngồi vững ở ghế Tổng thống như thường; ai cũng biết như vậy, kể cả Nguyễn Đình Quát; nhưng đã chót cười lên lưng cọt rồi, Quát cứ phải liều, dù phải trả mắc tiền; Quát chửi Diệt đã sượng miệng và kể từ lúc bấy giờ về trước, có lẽ không có ai dám khi quân chửi Diệt đau như thế, và hơn nữa lại công khai dám công bố ở rạp Thống Nhất một ý kiến mà cũng từ trước cho tới lúc đó không ai dám hé môi nói ra lời: ông hứa nếu đắc cử sẽ điều đình ngưng bắn, tái lập hòa bình ở Việt Nam! Tất cả những tin tức liên quan đến

cuộc vận động bầu cử Tổng thống, chúng tôi cho vào một mục ở cuối trang nhất, không lấy gì làm long trọng... Phần chính của báo là đề cao Phật giáo ngay giữa lúc Công giáo đang lên hương, bọn Nhu Diệm làm chúa tể, Đức cha Nguyễn Văn Bình làm lễ nhậm chức Tổng giám mục ở Sài Gòn mà Ngô Đình Cẩn thì bắt đầu ngấm ngấm chơi tăng ni, phật tử ở Huế. Chúng tôi đánh một trận hỏa mù làm cho không ai hiểu đường lối của báo ra sao, nhắm mục đích là nếu có một số độc giả cố định rồi thì quay về làm tin tức và chú tâm mổ xẻ, cứu xét các vấn đề thời sự, nhưng không thể được. Riêng tôi thấy rằng làm báo ở dưới một chính thể độc tài độc đoán, thì dù muốn xoay sở thế nào, bịp bợm thế nào cũng vẫn không thể thoát khỏi được ra ngoài quỹ đạo của chế độ và cuối cùng độc giả cũng biết ai ngay, ai gian. Báo nào mới ra đời cũng la hét ghê gớm lắm: nào dám nói, dám làm, dám chửi; nào phục vụ nhân dân, đứng hẳn về phía đối lập, đòi công bằng

xã hội, tranh đấu cho đồng bào có cơm no áo ấm; nào quét sạch thói tha, nhơ bẩn, dám làm, dám chết... nhưng rút cục trong một chính thể độc tài, nô lệ, dân chủ nguy tạo như chính thể nhà Ngô, chẳng có một tờ báo nào thoát được ra ngoài quỹ đạo của chế độ Ngô Đình Diệm. Những báo hăng xằng, đi chệch đường lối của các báo khác ch' có mà chết sớm: nếu sống, tất bên trong phải có cái gì! Vì độc giả hiểu như thế cho nên “Tiếng Dân” muốn xoay sở thế nào cũng không thể vượt lên được; ra chừng năm sáu tháng thì kiệt lực. Nhưng báo của chính quyền hay do chính quyền bảo trợ ngầm không tất nhiên là đều phải theo công lệ ấy.

Về sau này, ngồi rút kinh nghiệm, tôi thấy rằng làm báo của nhà nước tay sai hay của kẻ đi thống trị, người ta vẫn có thể làm cho chạy được, nhưng phải có biệt tài và biết vô lấy cơ hội, nếu cơ hội đến với mình. Đó là trường hợp báo “Gringoire” của bọn cầm

đầu sở Mật thám Pháp De Carbuccia, Jean Chiappe nói xa; còn nói gần thì phải kể tờ “Liên Hiệp” và tờ “Saigon Mai”. Như trên kia đã nói, tờ “Liên Hiệp” ngay từ lúc chưa ra đã mang tiếng là tờ báo của thực dân Pháp, nhưng đến lúc chạy cũng vẫn cứ chạy như thường. Còn tờ “Saigon Mai”, một trong ba tờ báo mà Nhu Diệm cho phép xuất bản sau khi Diệm thoát chết, cũng mang tiếng là báo của mật vụ và như tờ “Liên Hiệp” chết lên chết xuống. Qua bao nhiêu lần thay đổi tòa soạn, báo cũng vẫn chẳng hơn gì. Lúc ấy, cùng với tờ “Đồng Nai” và tờ “Tiếng Dân”, tôi phụ trách làm cả tờ “Saigon Mai”, nếu giúp thường trực được thì tốt, không có thì mỗi ngày đến nhà báo một hai tiếng đồng hồ trò chuyện với anh em và bàn cách nâng đỡ tờ báo lên cho khỏi “yếu” quá, vì tiền của Ngô Quân bỏ ra với anh em có hạn.

Không cần biết thành phần xã hội và hành động của anh từ lúc làm báo trong

quân đội, chỉ đứng về phương diện người với người thôi, tôi thấy cả hai anh chị đều lịch sự và đặc biệt có cảm tình với tôi, luôn luôn tỏ ra vẻ khôn khéo như Tào Tháo đối với Quan Công lúc thất thủ Hạ Bì, nhưng tiếc vì không có thời giờ nên không thể đến giúp hàng ngày được. Tôi bàn với Huỳnh Văn Phẩm đặt một người bạn vào đó làm thư ký tòa soạn và Phẩm cũng bằng lòng cùng tôi ch' đứng ngoài để giúp tay cho báo, chớ không hợp tác thực sự. Về phần tôi, tôi cố muốn né tránh đi như thế một phần vì ngay lúc "Saigon Mai" còn in và thiết lập tòa soạn ở đường Tự Do, tôi đã phong thanh nghe thấy nói Ngô Quân đang điều đình lấy nhà in "Dân Chúng" và đặt tòa soạn và trị sự ngay ở tòa soạn "Dân Chúng" cũ. Mà tôi là bạn của Trần Thế Xương, cộng sự viên thường trực của "Dân Chúng", tôi không muốn sau này anh em có sự hiểu lầm nhau. Ít lâu sau, Sở Nghiên cứu chính trị tháo khoán cho tòa báo "Dân Chúng" mở cửa, "Saigon Mai" đặt tòa

soạn ở đó, đúng như lời đồn đại, và cũng bắt đầu từ đó báo “Saigon Mai” chạy lần lần để rồi đến tết Tân Sửu (1961) thì chạy như điên, đánh bạt các báo khác, vét tiền kỳ thích. Báo “Saigon Mai” chạy lúc đó một phần lớn vì đã chụp lấy cơ hội như tôi đã nói ở trên kia. Sau cuộc đảo chánh hụt Ngô Đình Diệm, đa số dân chúng đều tỏ ý tiếc rẻ sao Trung tá Đông không giết phắt Diệm đi lại cứ hội đàm vớ vẩn với Diệm làm gì, bàn tính chuyện chia đôi Sài Gòn làm gì để cho ông ta lật lại được thể cò trở lại sống phây phây, ra ứng cử tổng thống nhiệm kỳ II. Do đó người dân lúc ấy theo sát thời cuộc để xem Mỹ đối phó ra sao, phe cách mạng còn làm gì nữa không, và Ngô Đình Diệm sẽ gãy hay là cứ sống nhăn như thế mãi. Người ta lại càng tò mò muốn biết Ngô Đình Diệm, sau vụ sống sót này, có thay đổi thái độ đi không.

Ngay từ cuối năm Tý, đã có tin Diệm cải tổ chánh phủ. Thường thường nghe thấy tin

cải tổ, người dân không để ý, vì họ cho là nội các nào cũng “hầm bà làng” giống nhau, nhưng đặc biệt lần này họ chú ý nghe ngóng xem Diệm cải tổ ra sao, vì họ tin rằng cuộc đảo chánh vừa qua ít ra cũng mở mắt cho Diệm và Diệm cũng đỡ độc tài như trước. Báo “Saigon Mai” đã nắm lấy cơ hội ấy đưa ra những tin sốt dẻo lượm lặt được ở các nơi “có thẩm quyền”: một số chính khách, nhân sĩ nhóm họp để bàn việc lập Nghị Hội Đại Đoàn Kết toàn dân chống Cộng, có bác sĩ Phan Huy Quát, bác sĩ Lý Trung Dung, Đặng Văn Sung v.v...; bà Ngô Đình Nhu đi các tỉnh cổ võ cho phong trào Phụ Nữ Liên Đối và Phụ nữ Bán Quân Sự; các chính khách hầu hạ dưới trướng Diệm đang bí mật liên minh các đảng phái để đúc lại thành một đảng chính quyền do ông Ngô Đình Nhu điều khiển.

Tết năm ấy, các báo thỏa hiệp với nhau nghỉ năm ngày; ba mươi và bốn ngày đầu

năm, đến mồng 5 tháng giêng phát hành. Thấy dân chúng nôn nao muốn biết nội các sẽ cải tổ ra sao, báo «Saigon Mai» lảng lạng xé rào, phát hành số tân niên ngày mồng hai tết. Vì muốn biết tin tức, thiên hạ kiếm «Saigon Mai» đọc kỳ thích, mặc dầu vẫn yên trí báo này là «mật vụ», một mặt không cảm tình gì cho lắm, nhưng mặt khác lại cho là mật vụ thì có nhiều tin hay, báo mật vụ thông thạo hơn các báo khác, có thể có những tin mà các báo thường không có. Độc giả mua đọc và yên trí rằng mình sáng suốt sẽ không bị huỷ hoại vì những tin đăng tải, nhưng trái lại, mình sẽ đủ khôn ngoan để tìm ra sự thực nằm giữa những hàng chữ, cũng như người ta vẫn đọc thông cáo quân sự, mặc dù các thông cáo ấy bao giờ cũng loan đi rằng “ta thắng, địch thua”, nhưng người ta cứ đọc là vì họ yên trí sẽ tìm thấy nhiều điều mà các nhà hữu trách muốn giấu giếm, che đậy.

Dù sao, báo muốn chạy thế nào thì chạy,

nhưng đã mang tiếng là báo mật vụ, báo của thực dân, đế quốc, thì gặp thời muốn hách thế nào thì hách, người đọc cũng cứ cho là cùi, kính nhi viễn chi, mà người viết cách gì cũng có mặc cảm, báo chạy mà lòng không vui gì cho lắm. Trái lại, có những ký giả làm báo không chạy, tiền in không có, mà ăn cũng không có luôn, lại thấy linh hồn yên ổn, tuy là cũng có nhiều lúc cảm thấy sỉ nhục vì không có tự do, không có độc lập, bị khống chế về mọi phương diện, nhưng cũng có nhiều khi khác lại thấy trong cái s' nhục toát lên một khí thế tự hào, nhìn đời không tủi, nhìn người không thẹn, vì mình biết chắc là mình trong sạch, không ai có thể khinh khi được.

Bây giờ, sống với những người bị chi phối vì tiền nhiều quá, chưa ra báo đã lo đi vận động với Mỹ để xin tiền hay chạy chọt các ông to trợ cấp hoặc bằng tiền mặt, hoặc dưới hình thức mua báo đăng quảng cáo...

người ta mới quan niệm rõ ràng hơn nữa gan dạ của những người tù khước sự giúp đỡ nó cao quý như thế nào. Một triệu bạc thời xưa không phải là một món tiền nhỏ mà nhiều người có thể chê, không chịu cầm, vậy mà, dưới hình thức đề nghị gián tiếp của toàn quyền Pierre Pasquier, ông Nguyễn Văn Vĩnh đã khước từ, mặc dù lúc ấy ông đang bệnh nặng - bệnh thiếu vitamin T - và có biết bao nhiêu đe dọa, ngồi tù, đóng cửa nhà in, nhà báo.

Kinh nghiệm làm báo ăn tiền trợ cấp cho người ta thấy kẻ bỏ tiền ra không bao giờ đại cả, ch' ăn người chớ không bao giờ chịu để người ăn. Trong mười tờ báo mà tôi biết rõ là lỡ ăn trợ cấp, may ra có một tờ sống lây lất, còn chín tờ thì chết lần chết mòn, một mặt vì ỷ lại vào tiền nhiều không chịu cố gắng, một mặt há miệng mắc quai, đã nhổ thì phải liếm và mặt khác nữa, độc giả lần lần biết tẩy, xa lánh tờ báo ăn trợ cấp để đi tìm một tờ báo

khác triết trung hơn, ăn nói dễ nghe hơn. Có lẽ vì biết rõ như thế, lúc làm “Trung Bắc Chủ Nhật”, Nguyễn Doãn Vượng đã từ khước một số tiền trợ cấp của Nhật do viên đại sứ Nhật trao cho. Trước đó, tuy Vượng không nói ra – vì câu chuyện này liên quan đến gia đình của Vượng – tôi biết anh cũng đã khước từ một đề nghị của sở Thông tin toàn quốc của Pháp ở Việt Nam. Lúc đó, Nhật và Pháp tranh chấp ngấm ngấm ảnh hưởng của mỗi bên trong dân chúng, mà ở Hà Nội thì tờ báo có tiếng chạy và được dân chúng hoan nghênh là tờ «Trung Bắc Chủ Nhật». Được báo cáo như vậy, mà cũng biết rằng Nhật đang vượt ve tờ báo ấy, Omya và Komatsu vẫn thường xuyên gặp Vượng, đại tá hải quân Robb, cầm đầu Sở Thông tin toàn quốc ở Việt Nam lúc bấy giờ, qua sự trung gian của mấy người bạn như Trúc Đình Trương Công Đĩnh, mời cụ Nguyễn Văn Luận lên Sở Thông tin nói chuyện riêng. Đại tá hải quân Robb đề nghị giúp báo «Trung Bắc Chủ Nhật» một số

tiền cũng như đã giúp báo «Đàn Bà» của bà Thụy An (lúc ấy là bà Bùi Nhung). Cố nhiên là số tiền giúp cho «Trung Bắc Chủ Nhật» sẽ lớn gấp bội số tiền đã giúp cho báo «Đàn Bà», nhưng cũng như đối với báo «Đàn Bà», không có điều kiện gì hết: tên chủ nhiệm và quản lý vẫn y nguyên, cộng tác viên và cách thức làm việc vẫn y nguyên, duy thỉnh thoảng I.P.P có bài gì gửi đến thì đăng lên báo.

Cụ Luận yêu cầu để cho về nhà suy nghĩ: sự thực, cụ không muốn xen lấn vào vụ này, tờ báo đã trao cho Vương, cụ muốn Vương quyết định lấy. Cụ chỉ khuyên Vương nên đối phó cách nào cho êm đẹp cả Pháp lẫn Nhật, lúc đó đang tranh chấp ngấm ngấm ở trên đầu trên cổ người Việt Nam; xử sự không khéo rất có thể tờ báo bị đóng cửa, mà không cú Pháp, cả Nhật cũng có thể làm khó dễ cho mình. Nhận lời đối phó, Vương đã tìm tới đại tá Robb khước từ số tiền trợ cấp mà I.P.P

dành cho “Trung Bắc Chủ Nhật”, viện có rằng tờ báo hiện cũng tạm đủ nuôi sống nó rồi, vì độc giả mỗi ngày mỗi tăng, mà các nhà kinh doanh, thương mại, có lòng yêu báo, đến đăng quảng cáo rất nhiều, nhiều khi báo không có chỗ mà đăng tải. Thực ra, đó là một lối từ chối khéo, vì Vương từng biết là báo sống về trợ cấp không thể nào trường tồn được, một là vì độc giả ngày một ngày hai thế nào cũng biết và sẽ bỏ báo, không thèm đọc nữa, và hai là một khi báo đã mất người đọc thì khó mà làm cho lên lại, thế rồi chính lúc ấy trợ cấp sẽ bị thiến đi hay rút về “vì lý do này hay lý do khác” và chủ báo lúc ấy vì có ngựa tay ra xin thì nhà hữu trách khinh bỉ và không thèm lý tới.

Vốn là một võ quan kiêm ngoại giao lành nghề, đại tá Robb nghe thấy thế không tỏ vẻ gì bất mãn, trái lại, lại hết lời khen ngợi tinh thần vị tha của người Việt Nam khi Vương tiếp: “Dù cách nào đi nữa, tôi cũng hứa với

đại tá một câu là tôi còn làm “Trung Bắc Chủ Nhật” thì không bao giờ tờ báo ấy lại có thể làm tay sai cho ngoại bang nào mới tới đây. Đại tá có thể tin như thế. Đại tá có thể tin rằng báo của tôi sẽ không làm hại đến tinh thần hợp tác Pháp - Việt. Và đại tá cũng có thể tin luôn rằng tôi và anh em tôi bao giờ cũng đặt tinh thần quốc gia dân tộc lên trên hết, bao giờ chúng tôi cũng lấy người Việt Nam là đầu mối tranh đấu để tiến tới tự do, bình đẳng trong cộng đồng thế giới”.

Công việc tạm yên một thời gian, tưởng là êm, không ngờ Robb lại kiên nhẫn không tưởng tượng được: th’ nh thoảng ông lại mời Vương lên I.P.P nói chuyện, và một hôm, bất thành linh, ông cho biết là ông có ý đề nghị với chánh phủ Nam Triều ban cho Vương huy chương đặc biệt “Hồng lô tự thiếu khanh” - thứ huy chương cao cấp nhất lúc bấy giờ mà Phạm Quỳnh đã được cấp trước khi vào làm thượng thư ở Huế, Phạm Lê Bổng, khi làm

Viện trưởng viện Dân biểu Bắc Kỳ.

Nghe thấy Vượng, lúc trở về, thuật lại câu chuyện ấy, tôi cười gằn muốn chết, vì không bao giờ tôi lại quan niệm được một gã trẻ tuổi làm báo, phá như quỷ sứ mà bây giờ lại mặc đồ Tây, đeo cái bài ngà có khắc chữ “*Hồng lô tự thiếu khanh*”, rồi mỗi khi Tây có yến tiệc gì lại mời đi ăn với cái bộ mặt cố làm ra nghiêm chỉ nh như anh bí đáỉ để cho xứng với Phạm Quỳnh, Phạm Lê Bổng, Đỗ Thận vân vân...

Lẽ tất nhiên, Vượng lại từ chối liên tấm tình nồng hậu của ông trùm Thông tin Pháp. Về sau này, hình như có Hàn Hòe, không tán thành cử chỉ ấy; còn thì hết thầy anh em cộng tác với “*Trung Bắc Chủ Nhật*” cảm thấy hãnh diện vì Vượng đã hành động theo ý muốn của những nhà làm báo chân chính, trông thấy tiền mà không thể ham, bị đe dọa mà không thể sợ hãi để thay đổi lập trường, tư tưởng như ta thay quần cụt.

Nhân nói đe dọa, tôi lại nhớ luôn một câu chuyện khác xảy ra cách đó không lâu. Bây giờ, chắc nhiều bạn đọc còn nhớ những buổi đầu quân Nhật đến nước ta, không khí chánh trị và xã hội thực là tang tóc và rùng rợn. Mặc dầu Pháp vẫn còn là chủ nhân ông đất nước này về danh nghĩa, nhưng Nhật cứ làm “ầu”, coi thiên hạ không có kí lô nào hết: bắt người, giam người mà không cần đếm xỉa đến sự phản kháng của ai; trồng cột điện thoại văng mạng như là đất nước của mình; về quê mua heo, mua gạo hàng thuyền, mang đi mà không cần biết sau đó Pháp làm khổ dân như thế nào. Một sĩ quan người Nhật - sau này chúng tôi mới biết là Koiké, và là bạn tâm giao của chúng tôi - mời Vương và tôi đến sở Hiến binh nói chuyện. Anh ta đen trùi trùi, mà to béo như một con voi, nói nhỏ ở trong phòng mà như thể là đang la lối. Koiké nói về văn hóa, về báo chí, về chính trị rồi chửi toáng tất cả mọi người, chửi thậm tệ nhất là Ngô Văn Phú, chủ nhiệm “Đông

Pháp”, mà anh gọi là “chó săn của thực dân”. Vừa chửi như thế, anh vừa cầm cây kiếm to tổ bố đập chan chát xuống bàn rồi bảo Vương:

– Ông lắng chuyện vừa vừa chứ. Bây giờ, tôi hãy để ông về, mai một ta còn nhiều chuyện nói. À này, tôi nhờ ông việc này: ông về nhà báo, đi qua nhà tướng Cho, ông có thể vào chơi và bảo cho ông ta biết rằng hôm qua Nguyễn Độ đã «chuồn» rồi và nếu «có cần phải đối phó với mấy tên còn ở lại thì nên làm ngay đi». Tôi chưa kịp nghĩ ra sao thì Vương đã xông lên trả lời:

– Thưa ông, chúng tôi rất tiếc.

– Anh nói cái gì?

– Chúng tôi rất tiếc không thể làm giúp ông việc đó, vì ông chửi Ngô Văn Phú là chó săn của Pháp. Mà tôi thì không muốn làm chó săn.

Koiké thét lên một tiếng lớn, rung cả cửa

kính, có vẻ như muốn nhảy lại bóp cổ Vương chết tốt, nhưng sau không hiểu nghĩ ra sao, anh cầm kiếm đập chan chát xuống bàn, rút ra khỏi vỏ, hươ lên mấy đường lả lướt rồi lại tra vào vỏ, đoạn nói:

– À, tôi khuyên ông đừng giở cái giọng ấy ở đây. Ông nói như thế tức là bảo tôi là chó săn Nhật phải không? Tôi cho ông biết là tôi lấy đầu ông lúc nào cũng được, nhưng tôi chưa muốn vậy là vì tôi biết ông sẽ suy nghĩ mà đưa tờ «Trung Bắc Chủ Nhật» về hợp tác với chúng tôi...

Lúc bắt đầu ra tờ “Trung Bắc Chủ Nhật”, Vương và tôi đã nói chuyện rất nhiều về tôn chỉ và lập trường của báo, nhất định không làm tay sai cho ai hết, chỉ biết quyền lợi của nước Việt Nam và của người Việt Nam thôi.

Sau này, tôi cũng làm nhiều tờ báo nữa và anh em cũng đoàn chắc với nhau như thế, nhưng đếm đốt ngón tay thì ít có ai giữ được

đúng lời cam kết buổi ban đầu, như Vương. Có thể thái độ của Vương, ngay lúc ấy, làm như nhiều người liên hệ tức bực và căm hận, nhưng rồi sau, hiểu nhau hơn, không có người nào khinh được anh. Thứ nhất là Koiké bạo hổ như thế, bị quất vào lòng tự ái như thế, và cũng căng phồng một cái bụng tự ái như thế mà sau này cũng “cảm thông” với chúng tôi và trở nên những người bạn thân thiết, coi nhau như ruột thịt. Gác bỏ hết những thành kiến chánh trị ra ngoài, chúng tôi ngày nào cũng gặp nhau, trò chuyện và nhiều khi tôi không có nhà, Koiké đến lục chạn lấy cơm nguội và thịt kho tàu ra ăn, có khi bỏ kiếm ra nằm ngáy pho pho để đợi nhà tôi làm xong cơm nén thì chồm dậy ăn luôn bốn, năm đĩa bự. Đứng trên cương vị một nhà cách mạng, một nhà chánh trị, hành động ấy có thể coi là một hành động Việt gian, bán nước, hợp tác với phát xít, nhưng riêng tôi bất cần: ai tốt, bất kể dòng giống nào, màu sắc chánh trị nào, tôi cũng coi là anh em hết. Vì thế, lúc

Nhật đầu hàng Đồng Minh vì mấy trái bom nguyên tử, nghe thấy tin Koiké chết, tôi chảy nước mắt, thương nhớ như thương nhớ một người thân thuộc và tôi nhớ mãi một câu tâm sự của anh: “Làm báo mà ăn tiền Nhật, nó khinh cho như chó”.

Từ khi Mỹ đến đây, đồng tiền to lắm, phần lớn người ta lo cách nào để vét cho được thực nhiều. Đàn bà con gái đi bán “ba” thừa ăn, thừa tiêu; đàn ông chê chánh phủ ta, đi làm với Mỹ, vì Mỹ chi lương hậu; còn làm báo thì có người chưa ra số nào đã lo chạy chọt để Mỹ cho tiền và lúc đi mời người viết, lại khoe khoang báo không thể chết được vì có bọn Mỹ này giúp, bọn Mỹ kia đỡ đầu. Có lẽ ham tiền như thế, người ta cũng có những lý lẽ riêng để tự cho mình là thực tế và hợp thời, nhưng người làm báo chân chính vẫn cảm thấy rằng chịu nghèo để được sống tự do, bất khuất, chịu khổ để mà nói lên được những điều đáng nói thì cũng là một cái thú

riêng, mặc dầu có người vẫn cho rằng hành động như thế là quân tử tâu, là gàn dở, là quê một cục.

3. BÁO HẠI

“THẾ GIỚI” VÀ “CÔNG CHÚNG”

Lúc nhà xuất bản “Thế Giới” ra tờ “Chăm Học”, tôi viết nhiều loại sách khác nhau cho Hợi, vui cười có, giáo dục có, y học có, văn hóa có. Thấy một mình Hợi vật lộn với tờ “Chăm Học” không bao giờ phàn nàn mệt nhọc, tôi giúp anh phân đọc các bài vở gửi về, chọn lựa và đặt thứ tự lúc làm “mì”. Tất cả nhân viên thường trực của nhà xuất bản và báo chí chỉ có ba người: Nguyễn Văn Hợi, Cung Mạnh Đạt và tôi. Ban ngày, anh em làm không kể giờ giấc, nhưng bắt đầu từ

sáu giờ chiều thì việc gì cũng bỏ đấy hết, ba anh em lái xe đi ăn cơm, khi Sài Gòn, lúc Chợ Lớn, khi Thủ Đức và tối nào cũng trở về Ngã Sáu, đường Lý Thái Tổ, thọc banh bàn hay chơi bi a, có khi đến một hai giờ sáng mới về. Thời kỳ này tương đối là thời kỳ êm ả nhất trong đời làm báo của tôi. Tình bạn hữu thấm thiết hơn ruột thịt. Bởi vậy, đến khi Hội xin được tờ “Thế Giới” thì anh báo cho tôi biết tin trước nhứt và giục tôi lo liệu mọi thứ: vẽ ma kết, tổ chức tòa soạn, viết bài. Tôi nhận luôn cả việc sửa mô-rát nữa, vì chúng tôi muốn rằng tờ “Thế Giới” sẽ là một tờ báo đẹp cả về nội dung và hình thức, thứ nhứt là viết đúng ám tả và càng tránh được phốt typô bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu.

Gần đúng với mong muốn của chúng tôi, tuần báo “Thế Giới” trình bày đẹp với tấmbìa in nhiều màu offset, còn bài vở bên trong thì được sự cộng tác quý báu của nhiều nhà văn nhà báo có tiếng, vừa già vừa trẻ, như Lê Hữu

Thanh (biệt hiệu của một ký giả hữu hạng cùng với Trương Tửu cầm chịch nhóm Hàn Thuyên gồm có Nguyễn Quốc Ấn, Nguyễn Đình Lạp, Nguyễn Tuân và cũng đã gây tiếng tăm một dạo cho tờ “Đời Mới” ở Sài Gòn, với bút hiệu là Hà Việt Phương) Lê Văn Siêu, Trần Văn Ân, Nguyễn Trần Huân, Hồ Hữu Tường, một chánh trị gia mà nhiều người biết tiếng, Thanh Thương Hoàng chuyên về phóng sự, Hà Ngưu Nữ Lang, một môn đệ của Hồ Hữu Tường, thi sĩ Uyên Thao. “Thế Giới” đã đăng nhiều bài mà bây giờ nhiều người còn nhớ, như Việt Đạo, Kinh Tế Sử Quan, Kim Dung, Trung Hoa và chúng ta, Hồ Xuân Hương, những tiểu thuyết như Cưới Trắng, Người thú nhút, những phóng sự như Đi Hoang hay những bài bổ ích cho thiếu niên như những bài trong mục “Dựa cột mà nghe” giải thích những danh từ mới thường hay dùng trong văn Việt... Dầu sao, một tờ báo đứng đắn mà lại nặng về giáo dục như “Thế Giới” chỉ có thể có một số độc giả hạn chế như

tờ “Tri Tân” của Nguyễn Tường Phượng hay “Thanh Nghị” của nhóm Đặng Thai Mai, Vũ Văn Hiến thời tiền chiến... Nhưng “Tri Tân” ngày trước còn có trợ cấp của anh em, chớ Nguyễn Văn Hội thì chỉ trông vào thực lực của mình, nên Nguyễn Văn Hội làm tờ “Thế Giới” có tiếng mà không có miếng. Nhưng “lì” vốn là tính cố hữu của anh, Hội cứ lo cho báo đứng mà không hề phàn nàn với ai bao giờ và nhứt định không chịu thay đổi đường lối, phương châm: tôn chỉ đã định thế nào thì cứ giữ nguyên như thế, mặc dầu có nhiều người lung lạc và định dùng tiền để lèo lái tờ “Thế Giới” thành một tờ báo chánh trị theo kiểu “Le Monde” của Pháp, làm cơ quan chính thức của bộ Ngoại giao. So với các nhà xuất bản khác có tiếng ở Hà Nội, như ông Vũ Đình Long chẳng hạn, anh Hội trẻ hơn, nhưng tính toán công việc đâu ra đấy và được anh em tương đối tin yêu nhiều vì anh đối xử với các văn gia, ký giả với tính cách anh em nhiều hơn là với Tờ «Thế Giới»

sống đều đều như thế được hơn ba năm thì xảy ra biến cố Tết Mậu Thân, khu Phạm Ngũ Lão tức là khu đặt nhà in và nhà báo, bị pháo kích nên «Thế Giới» phải ngưng xuất bản. Sau đó ít lâu, Hội lại định tục bản theo đúng đường lối cũ với một hình thức khác, thêm sự cộng tác của nhiều ký giả, văn gia khác nữa, nhưng giấy phép đã quá hạn ba tháng, bộ Thông Tin không cho tục bản, trong khi bao nhiêu báo khác, cả nhật, tuần lẫn nguyệt báo, được phép xuất bản cho bằng thích, đến nỗi giấy báo hết sạch trơn, làm cho một số được giấy phép xuất bản hăn hoi mà không có phương tiện ra chào đời.

Cho đến số chót, tôi viết bài đều đều cho “Thế Giới”, nhưng thực ra thì từ khoảng đầu năm thứ ba tôi không đi lại được thường xuyên với báo, vì lúc ấy công việc ở nước ngoài buộc tôi thường vắng mặt. Đến khi phong trào nổi lên của Phật Giáo Ấn Quang ở miền Trung tạm yên, Nguyễn Chánh Thi đi Mỹ để

chữa bệnh đau lỗ mũi, tôi về làm tờ “Công Chúng” - một tờ báo hàng ngày, mà ngay từ lúc chưa xuất bản đã mang tiếng là báo của hai ông Kỳ và Loan. Thực ra tờ “Công Chúng” được phép là do ông Kỳ lúc ấy làm chủ tịch hành pháp trung ương ký cho xuất bản; nhưng lúc ký, chính ông có lẽ không nghĩ đến việc lấy tờ báo ấy ra làm cơ quan cổ xúy cho mình. Cũng như tất cả những tờ báo mang tai mang tiếng như thế, “Công Chúng” lúc đầu không chạy lắm, dù là chủ bút Tô Văn và bình bút số một Cát Hữu, đã xuất toàn lực ra để làm thành một thứ báo kiểu “Sept jours - Paris soir” phối hợp, đưa ra những tin kỳ lạ hay những tài liệu độc đáo “Những truyện chưa ai biết về Điện Biên Phủ”. Anh em tòa soạn làm việc không mấy hăng, nhưng sau một thời gian sống tăng tăng, “Công Chúng” cũng đã có một thời kỳ nổi bật: đó là thời kỳ “Công Chúng” đã “dám” lên tiếng bênh vực những người bị đưa ra tòa nhân “vụ án miền Trung”, thuật lại tất cả những chi tiết vụ

nổi lên của Phật Giáo miền Trung, trình bày rành rọt ai ngay, ai gian, ai phải, ai trái và kêu gọi các nhà hữu trách phải kịp thời xét lại thái độ để cho sau này không có chuyện đáng tiếc xảy ra. Báo “Công Chúng” đơn phương làm việc đó nên nhiều người đọc, mặc dầu vẫn yên trí là báo của chính quyền; nhưng qua loạt bài ấy báo lại trở lại số in bình thường vì, trái với điều người ta mong đợi, “Công Chúng” không có một thái độ dứt khoát về hiến chương Phật Giáo - mà theo độc giả chỉ có tờ “Công Chúng” mới dám nói sự thật về hiến chương Phật Giáo mới thống nhất.

Vụ này khởi đầu từ việc thầy Thích Tâm Châu từ chức Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, thầy Thích Thiện Tường lên thay, đồng thời Lục Cả Lâm Em giữ chức Tăng Thống thay Hòa thượng Thích Tịnh Khiết. Hiến chương Phật Giáo Thống Nhất mới ra đời bị các thầy Ấn Quang đả kích, viện lẽ hiến chương mới chỉ có 5 thượng tọa ký, mà hiến chương cũ

có 11 thượng tọa ký, cuộc tranh đấu giữa hai phe Phật Giáo bắt đầu.

Tăng ni tới trước dinh Độc Lập yêu cầu thu hồi sắc luật 23/67, thừa nhận hiến chương mới. Ấn Quang không chịu gặp Thích Tâm Châu; Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia duyệt y hiến chương mới. Các tăng ni biểu tình ngồi trước dinh Độc Lập. Các thượng tọa ký tên trong bản Tân Hiến Chương Phật Giáo lại viết thư cho Ấn Quang yêu cầu thảo luận để giải quyết vấn đề tranh chấp. Một số tăng ni lại tự thiêu, để lại nhiều thư cho Đức Giáo Hoàng, Tổng thống Johnson và Trung tướng Nguyễn Văn Thiệu, ngỏ ý đòi thu hồi tân hiến chương Phật Giáo.

Vụ tranh chấp kéo dài ra hàng năm. Trí Quang và Tâm Châu cùng theo một giáo mà coi nhau như cừu địch. Nguyên nhân tại đâu? Hội Đồng Dân Tộc Cách Mạng, nhóm bác sĩ Nguyễn Xuân Chử, có biết nguyên

nhân tại đâu không mà dám ra thông cáo quyết lập một ủy ban hòa giải để dàn xếp vụ “tranh chấp giữa Phật Giáo và Chính Phủ”. Những người đọc báo “Công Chúng” không hiểu vì lẽ gì, hầu hết đều yên trí là báo “Công Chúng” am hiểu đầu đuôi vụ này và chỉ có báo “Công Chúng” nói ra mới rành rọt câu chuyện, nhưng báo đã không vì độc giả làm công việc đó, nên đến cuối năm Mùi thì bắt đầu xuống. Rồi biến cố Tết Mậu Thân xảy ra, báo ra chậm hơn các báo khác, để cho nhiều tờ khác vượt lên - trong số có tờ “Tiền Tuyến” có phương tiện và có tư thế để ra ngay hôm mồng hai Tết, cướp độc giả của rất nhiều báo khác.

Bánh xe lịch sử báo chí lại quay như hồi “Saigon Mai”. Báo bị hạn chế ít lâu rồi lại xuất bản nhiều vô số kể, nhưng cũng như số phận các giai nhân, có nhiều tờ bạc mệnh như cô Kiều, cũng có nhiều tờ không đẹp ác liệt mấy, nhưng cứ sống đều đều như Thúy

Vân, ăn no, ngủ kỹ trong khi cả nhà Vương ông lung tung tí mọt vì Kiều phải bán mình chuộc tội cho cha.

PHẦN V
BÁO LÀ GÌ?
QUYỀN THỬ TƯ:
QUYỀN RƠM VẠ ĐÁ

Báo thường chạy trong khi nước có biến cố, nhưng chính vào những lúc có nhiều biến cố thì báo lại rục rịch xuống như sung. Hôm nay, hai tờ bị đóng cửa vì «tiết lộ những tin tức lợi cho địch», mai lại ba tờ khác bị đóng cửa «cho đến khi có lệnh mới» vì đã «đăng tải những tin tức lợi cho đối phương», có những lúc người làm báo ở đây cảm thấy mình cuỗi lên lưng cọp: cứ ngồi

lì thì không biết rồi cộp tha mình đến đâu, mà nhảy xuống thì bị cộp ăn tươi nuốt sống. Thậm chí có khi đăng một thông tư chính thức mà cũng bị đóng cửa như thường - mà bị đóng cửa không biết kêu vào đâu, không biết than thở, oán trách.

Tôi nhớ vào những ngày tàn của Ngô Đình Diệm, làm «Việt Nam Pờ-Rét», có một buổi sáng tôi giật mình tưởng ngủ mê khi được đọc một thông tư của Phủ Tổng Thống gửi sang. Thông tư kinh khủng một cách lạ vì trong đó viết rõ rằng: «Bà Nhu cãi nhau với Ngô Tổng Thống, và Ngô Tổng Thống tức giận đã cầm một bình mực ném vào mặt bà Nhu». Tôi tưởng có anh nào chơi lõm, đưa cái thông tư trên để sỏ tờ báo của nhà nước, nhưng xem con dấu đóng thì rõ ràng của Phủ Tổng Thống không sai. Tuy nhiên, vẫn không tin những dòng chữ vừa đọc, Tổng thư ký tòa soạn «Việt Nam Pờ Rét» phen sang hỏi văn phòng cho kỹ lưỡng và

yêu cầu cho biết có nên đăng tải thông tư ấy không. Một lát sau, chuông điện kêu ran: văn phòng xin chỉ thị chót của ông cố vấn rồi. Lúc ấy, ở ngoài phố người ta đồn rằng ông cố vấn mất trí, chích á phiện trắng nhiều như điên, có khi nói trước quên sau, ngây ngây dại dại, như thể có sương mù trong óc và che lấp mắt. Nhưng lần này, không thể bảo ông lẫn được: văn phòng đã xin chỉ thị lúc ông rất tỉnh; ông cười và bảo cứ đăng. Và «Việt Nam Pờ Rét» đăng y nguyên văn như thế. Dù sao, có những báo tối ư cẩn thận thấy vậy mà không dám cắt ra để đưa cho nhà xếp chữ lên mặt báo; trái lại, cũng có tờ cho là thú vị đăng tải nguyên văn. Kết cục, có bốn tờ đăng tin ấy thì hai tờ bị đóng cửa, hai tờ không - mà không hiểu tại sao lại có sự kiện lạ lùng như thế - còn «Việt Nam Pờ Rét» thì không làm sao hết. Chẳng hiểu cơ quan này, sau đó, có bị khiển trách hay không; chỉ biết rằng mấy ngày sau thì Diệm Nhu bị giết, sinh viên biểu tình đốt trụ sở cơ quan này

ở đường Hồng Thập Tự, thành thử việc đó cũng chìm vào trong quên lãng.

Nghe thuật lại chuyện này, chắc có nhiều bạn cho là kỳ cục; nhưng ở trong nghề thì cũng chẳng lạ gì vì, ở dưới thời nào cũng vậy, đều có sự kỳ cục như vậy. Nằm trong chế độ kiểm duyệt, thiếu gì những tờ báo cùng đăng tải một tin gần giống nhau hay giống hệt nhau, mà đến buổi chiều, ngồi đầu các báo xuất bản ngày hôm đó với nhau, người làm báo thấy tin ấy ở báo này bị bỏ mà báo kia lại được ra; tờ báo này bị xén hai ba dòng, nhưng báo kia thì bị đục trọn vẹn, trắng phau như «pạch pản». Phản đối, vô ích. Và cũng vô ích nữa, nếu một buổi sáng đẹp trời kia, vào cái lúc bất ngờ nhất, ông nhận được một cái giấy chiếu điều này, sắc lệnh kia, cho biết báo ông bị đóng cửa vô hạn định, vì lý do này hay lý do khác, hoặc có khi chẳng vì lý do gì hết, như dưới thời các ông Phan Huy Quát, Nguyễn Văn Lộc, phần nhiều báo bị

đóng cửa mà không hề được biết đã mắc tội phạm thượng, khi quân gì.

Những người làm báo đã «chai» rồi, thấy những cái giấy đó, coi là thường và cười như những nhà triết học; nhưng cũng có những ký giả và chủ báo «choáng» người, chửi thề như con nhòng và đưa ra những luận cứ cũ mèm nghe mà điếc con ráy: nào là «không có tự do ngôn luận; không có tự do báo chí, cách mạng con vồ, dân chủ nguy tạo... cứ cái đà này thì đến Tết Công Gô mới mong mở mày mở mặt...»

Kỳ lạ một điều là báo bị bịt miệng như thế mà hết lớp này xin ra báo lại đến lớp kia xin ra báo; biết là nói chệch đường rầy thì bị đóng cửa mà cứ có hoài những tờ báo đi chệch đường rầy. Có người bảo tôi rằng đó là tại vì những người xin ra báo ấy nhắm hai điểm danh và lợi.

Nhớ lại lúc còn chân trong chân ngoài ở làng báo, tôi cũng đã có lúc nghĩ như thế; tôi cho rằng báo là một bộ môn tếu của văn hóa, mà người làm báo hành nghề là vì muốn lấy le và kiếm ít tiền lẻ, vì ngoài nghề báo không còn biết cách nào khác để kiếm ra tiền. Sau này, tôi nhớ có ba lần tôi lơ mờ thấy phát hiện trong óc một cái gì khác thế về quan niệm đối với báo chí và người làm báo. Đã đành là nghề nào cũng có kẻ hay người dở, người dở làm mang tiếng cho nghề là sự dĩ nhiên; nhưng người làm báo chân chính, hành nghề vì một cái gì cao cả hơn, làm cho người ta hy vọng và đặt nhiều tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng, chớ không phải chỉ vì danh và lợi. Danh? Thử hỏi có gì? Một ông chủ báo ở một nước ngụy dân chủ có hơn gì một ông hàng xén? Mà quyền thứ tư của báo chí, thử hỏi là cái thá gì, hay chỉ là cái quyền hờ được xum xoe cạnh ngoại kiều cao cấp hay các ông bự trong chánh quyền - một thứ quyền rơm, mà cái vạ nhiều khi không thể

lường được vì không những thiệt thòi đến tiền nong, di hại đến gia đình mà còn di hại cả đến hình hài nữa. Mà lợi thì lợi gì? Ở đời, nhất là trong lúc lằng nhằng như lúc này có nhiều nghề khác kiếm lợi bằng trăm làm báo: một người thợ, một xa phu, một chủ quán rán bí tết khoai bán cho Phi, một bà nuôi con gái lớn lên gả cho Mỹ hay một gác đàn coi «ên tờ răng» và «ếch xít» cho một nhà tắm hơi còn kiếm ăn được hơn cả một ký giả lành nghề. Vậy thì người ta cứ viết báo làm gì? Cứ lằng lộn trong nghề báo làm gì?

Lắm lúc ngồi suy nghĩ, tôi ghê sợ những ông chưa từng biết báo chí là gì mà sang Liên Hiệp Quốc dám nói bậy nói bạ về báo chí; tôi ghê sợ những ông không hề biết về đời sống của ký giả mà dám bảo rằng ký giả chỉ uống rượu ực ky, hút á phiện, ăn sung mặc sướng và tôi ghê sợ luôn cả những ông bộ, ông thứ bị chỉ trích, đi kiện nhà báo và chửi đổng những người làm báo là bọn nói láo ăn

tiền, không có ích gì cho xã hội.

Không. Tôi thú thật đến tận bây giờ tôi vẫn chưa hiểu nổi tâm lý của người viết báo, nhưng có một điều chắc chắn là đa số những người viết báo, trước đây và hiện nay, không phải là thứ người như tôi lúc mới bước vào nghề, quan niệm báo chí là một thú chơi vô hại, một trò giải trí rẻ tiền; nhưng họ biết chắc báo chí là một cái gì cao cả hơn thế, có một ích lợi bao quát hơn hết cả mà lại có tính cách đấu tranh đại qui mô tuyệt vời.

Người làm báo không vì danh vì lợi, thế thì vì gì mà cứ lăn lộn, lên xuống, thất điên bát đảo mãi vì nghề báo? Có lẽ họ tự dày ải thân họ như thế chỉ vì họ là những người tự trọng, những người có học; họ thiết tha với nghề văn nghề báo, bởi vì họ nhận thức nghề làm báo, viết văn là đệ tứ quyền thực, mà cách mạng tư sản, mở đầu là cách mạng tư sản Pháp, truyền bá đi.

Thực sự báo chí là gì? Báo chí không phải là một trò giải trí, nhưng là một bộ môn văn hóa phản ánh sinh động nhất, đầy đủ nhất tính chất của một chế độ xã hội, cho một chế độ xã hội; không những nói lên phẩm chất hoặc văn minh siêu việt hoặc thoái hóa, đồi trụy của chế độ ấy mà còn đi sâu vào từng tình tiết, tâm tư của con người, từng khía cạnh trớ trêu, uẩn khúc, giả tạo của xã hội.

Trung thành với lý tưởng chống áp bức, chuộng tiến bộ mà tinh thần của con người đã ủy thác cho nó, báo chí luôn luôn có tính năng đấu tranh và xây dựng: khuyến khích điều tốt là xây dựng, kêu gọi dân chúng đoàn kết nhất trí để chống xâm lăng là xây dựng, cổ xúy đạo đức cách mạng là xây dựng; ngược lại, hoặc công khai hoặc dùng mách lới để phanh phui cái xấu, nói rõ sự thật phũ phàng, cũng vẫn là xây dựng, xây dựng cho sự vươn lên của xã hội, sự tồn vong của giống nòi.

Như trên kia đã nói, vì quyền lợi dân tộc một mặt, vì quyền lợi của một chế độ hay của một chính phủ mặt khác, hai quyền lợi ấy có mâu thuẫn và thường khi trái nghịch nhau, nên báo chí phải kinh qua những nghịch cảnh, những thăng trầm, những thiệt thòi, mà người làm báo - cũng như làm chính trị - bị vu cáo, tù tội, đói rách, đàn áp, chụp nón lên đầu, có khi bị chết oan ức mà không ai biết tới. Nhưng tất cả những thử thách, những oan trái, những khủng bố, không những không làm nản chí tiến lên của người làm báo chân chính mà lại còn gọt giũa cho tâm hồn họ mỗi ngày mỗi sắc nhọn hơn, tâm trí họ trung kiên hơn và phương châm tranh đấu rõ rệt hơn. Do đó, người làm báo chân chính không sợ uy vũ, không bị mê hoặc vì lợi danh, không chịu để cho ngòi bút mình tủi hổ, cho nên cũng vì thế nhà báo vẫn là trong số những người đáng kính nể nhất. Hàng ngày, có biết bao nhiêu người ngoài mặt thì chửi càn, nói láo mà nhiều khi tự

thâm tâm họ cũng thấy nể vì, kính sợ nhà báo bởi vì nhà báo là điển hình của chính nghĩa mà lũ cây cáo chỉ là tượng trưng của tà đạo: cách gì tà đạo cũng phải lu mờ trước chính nghĩa ngàn năm bất diệt!

«Bốn mươi năm náo láo» thực ra không phải đến đây là hết, mà chỉ là một sự tạm ngưng để cho tác giả nhìn thêm nữa, học thêm nữa, và suy nghĩ thêm nữa.

Báo chí là cơ quan bảo vệ, phổ cập chân lý: người viết báo không phải làm một nghề như bán bút tết khoai cho Mỹ, để vét tiền, nhưng là những chiến sĩ trong một cuộc trường chinh, tranh đấu từng đợt cho tự do dân chủ, cho quyền lợi của giống nòi, cho sự vươn lên của dân tộc. Ở một nước tiên tiến, sự tranh đấu của báo chí tương đối nhẹ nhàng hơn. Ở nước ta, thiên la địa võng nhiều, tất nhiên cuộc tranh đấu cam go, đau khổ; vì thế báo chí tranh đấu cũng có phần

khó khăn hơn, mà các báo cũng không thể nhất loạt sạch sẽ, bổ ích và cương cường ngay được; trái lại có khi phải mềm dẻo, một mặt lo sự sống còn của báo; một mặt lo cho báo có phương tiện để tồn tại, vì nếu báo không tồn tại được thì lấy gì mà tranh đấu - mà tranh đấu làm sao để tránh né được các đàn áp, khủng bố và vu cáo?

Mạt sát báo chí một cách vô trách nhiệm chỉ tỏ ra mình thiển cận. Có những bậc làm cha mẹ muốn cho con sung sướng, nhưng nghèo không thể có ngay một lúc đủ tiền để mua máy thu băng, máy lạnh, máy ti vi cho con sung sướng bằng người; những bậc cha mẹ ấy phải nhịn miệng để dành tiền lo cho con một đời sống tương đối đầy đủ, không quản thức khuya dậy sớm, một nắng hai sương. Những đứa trẻ có học, có hiểu, thấy thế và biết như thế, thương xót cha mẹ hơn lên chớ không bao giờ chê cha mẹ khó, cũng

như chó có nghĩa không bao giờ chê chủ nhà nghèo.

Người làm báo chân chính tranh đấu không cần ai khen, không sợ ai chửi hết. Người làm báo chân chính chiến đấu cho dân tộc, cho tương lai, có lúc nào rảnh rang chỉ ngồi nhìn lại quá khứ và tự hỏi lòng mình có xứng đáng làm chiến sĩ không, và chiến sĩ ở mức độ nào mà thôi.

Sau khi tờ «Công Chúng» đóng cửa, tôi có thời giờ rỗi rãi cũng thường nghiêm khắc duyệt lại đời làm báo của mình. Bao nhiêu những bóng hình cũ đôi khi lại hiện ra trước mắt. Có đêm, tôi mơ thấy những người bạn còn ở bên kia chiến tuyến; có đêm, nghe thấy trong tiếng gió vi vu hình như có tiếng cười của một Ngô Tất Tố, Nguyễn Tuân, một Phùng Bảo Thạch, Tô Hoài, Nam Cao; nhưng cũng có lúc xen vào tiếng mưa rơi, tôi tưởng như trông thấy những người bạn

suốt đời viết báo, suốt đời khổ sở như Tản Đà, Văn Sen, Lan Khai, Lê Văn Trương, Vũ Trọng Phụng, Đinh Hùng, nay đã chết rồi mà vẫn còn cứ ôm ngòi bút viết bài nơi âm phủ.

Hỡi tất cả các anh em đã chết hay còn sống! Các anh có biết rằng ngòi kiếm điểm lại bốn chục năm làm báo, người bạn của các anh, hôm nay, ở đây đã chán chường đến thế nào không? Có những lúc tự nhiên trong óc người ta có một cái gì lóe sáng lên trong phút giây kỳ lạ lắm. Ngòi kiếm điểm lại đời làm báo của mình, có một lúc tôi cũng đã được thấy tia sáng huyền diệu ấy lóe lên và chính lúc ấy, tôi thấy rõ hơn cả bao giờ hết tôi không phải là một chiến sĩ với định nghĩa trọn vẹn của nó – nói một cách khác, tôi chưa phải là một chiến sĩ anh dũng trên mặt trận văn hóa, mặc dầu đã phó thác cả đời mình cho sự nghiệp.

MỘT VẠN RỬI NGÀY ĐÀNG, KHÔNG ĐƯỢC MỘT SÀNG KHÔN NÀO HẾT

Phải rồi, trên mặt trận văn hóa, biết bao nhiêu người đã hy sinh, cũng như các chiến sĩ vô danh đã hy sinh xương máu cho đất nước mà không ai biết. Có cần gì phải đóng một miếng cây ghi tên người đó lên trên phần mộ? Có cần gì phải lập đài kỷ niệm như những chiến sĩ vô danh chết ở sa trường? Có cần gì phải đọc điệu văn và kết thúc bằng một câu: «Xin cầu cho đất nhẹ nhàng và tổ quốc ghi ơn đời đời»? Sáo lắm! Nghe không muốn vô! Điếc con ráy lắm!

Tôi không phải là một chiến sĩ, tôi chưa phải là một chiến sĩ anh dũng trên mặt trận văn hóa, không phải là không có lý do. Lý do

tối thượng là lý do khách quan của một nước còn bán khai, chưa hoàn toàn độc lập từ khi tôi bước chân vào nghề báo cho đến bây giờ; mà chủ quan tôi thì lại chưa tách ra được khỏi sự chi phối của hoàn cảnh và xã hội: từ thời Pháp đô hộ đến Tàu trắng sang tiếp thu quân đội Nhật, rồi đến Mỹ đem quân tham chiến ở Việt Nam, không lúc nào tôi định cho mình được một phương châm tranh đấu hữu hiệu và cụ thể.

Ngồi nhăm lại bốn mươi năm vác bút đi hết tờ nhật báo này đến nhật báo khác, hết tuần báo, nguyệt báo nọ, đến tuần báo, nguyệt báo kia, thực tình tôi cảm thấy sỉ nhục phải lấy hình hài để trả nợ áo cơm, nhục vì đã tự biến mình thành một cái chong chóng; nhưng, trên hết cả, tôi cảm thấy sỉ nhục vì quốc gia bị hết quân này, nước kia đến xâm chiếm, lại thêm một bọn người đắc thế vì được ngoại quốc tin dùng cười lên đầu lên cổ mà khống chế. Tuy nhiên, người viết báo

không chỉ hoàn toàn thấy sỉ nhục mà thôi: trong cái nhục ấy, thường thì y cũng thấy sáng lên một thứ hào quang chói lọi, vì trong cái sỉ nhục mất nước vẫn toát lên được một khí thế tự hào.

Tuy nhiên, đó chỉ là một khí thế tự hào yếu đuối, bởi vì người viết báo thực tế hơn ai hết, không bao giờ dám chủ quan quá mức. Cũng như lúc viết tin, viết bài, thỉnh thoảng lại ngừng bút lại tự hỏi: «Viết thế này có hớ không?», «Chính quyền nó có chơi mình không?», «Thông tin có đóng cửa báo không?», người viết báo, vào lúc mưa chiều gió sớm, ngồi gục xuống lòng mà nghe con tim nói chuyện, cũng tự hỏi: «Văn chương của ta có phải là của ta hay chưa?», «Báo chí ta làm đã nói lên được gì khát vọng của ta chưa?», «Ta đã đóng góp được gì cho lịch sử văn hóa dân tộc chưa?»

Đến lúc này, tôi mới thấy rõ «cái gì»

manh nha phát hiện trong đầu óc tôi đã ba lần trong khoảng đời làm báo. «Cái gì» đó hiện ra bằng nét lửa; «cái gì» đó nói lên rằng khi một dân tộc còn bị trị hoặc thực thụ, hoặc trá hình, khi một chính thể còn độc tài, độc đoán, dưới mọi hình thức quan lại, phong kiến hay dân chủ ngụy tạo thì nghề làm văn làm báo - tự xoay mình trong quỹ đạo của chế độ - không thể có tự do. Ngay cả những thời kỳ kêu là «bãi bỏ chế độ kiểm duyệt», báo chí thực ra chỉ có giá trị của những lá cải vì đã bị mua chuộc, khủng bố và lợi dụng, tuy rằng người làm báo lúc nào cũng tiềm tàng trong đầu óc những hoài bão cao siêu, tốt đẹp.

Vào những lúc như thế, tôi thường đem cân nhắc, đo lường xem người làm báo, ở vào vị trí đó, phải cương hay nhu, phải chiến đấu thế nào, phải mềm dẻo hay cương quyết như Antigone, trong huyền thoại Hy Lạp – Antigone, loài hoa tim rướm máu mà T.T.K.H

trong báo «Tiểu Thuyết Thứ Bảy» đã viết thành thơ bất hủ «Hai sắc hoa ti gôn».

Cánh hoa tim rướm máu ấy nguyên là con gái của Oedipe và Jocaste và là em gái của Eteocle và Polynice. Đẹp hơn cả Héra, nàng lại hiếu thảo lạ lùng, nên không lúc nào rời người cha mù lòa một bước, luôn luôn dẫn dắt cha già, mỗi khi ông muốn đi đó đi đây.

Anh của Antigone là Polynice, bất mãn với chế độ độc tài của vua Créon, nổi lên chống bạo chúa, nhưng cuộc đảo chánh không thành, bị bắt và đưa ra pháp trường xử tử. Nhưng làm vậy, tên bạo chúa vẫn chưa hài lòng; y lại ra lệnh không cho họ hàng thân thuộc của Polynice chôn cất anh, để phơi xác anh ở ngoài đồng cỏ cho điều tha quạ mổ. Ai cũng sợ chết khiếp, duy có nàng con gái tên là Antigone, bất chấp sắc lệnh của nhà vua, mà cũng không để tai nghe những lời can

gián của em gái là Ismène khuyên nên thận trọng, đừng có hấp tấp mà hại đến thân. Antigone nói: «Ta sinh ra là để yêu thương, chứ không phải để căm hờn» rồi, chỉ biết tiếng gọi duy nhất của đấng Thiêng Liêng, của bốn phận con người, nàng cứ đem xác anh về để ma chay chôn cất.

Créon truyền bắt giam nàng. Trước mặt tên bạo chúa, nàng hiên ngang nhìn y không chút e dè, sợ sệt; hơn thế, lại lấy làm hãnh diện về cử chỉ của mình vì đã dám «đưa những định luật không-thành-văn, những định luật bất khả lay chuyển của lương tâm ra chống lại định luật chính trị và phép nước». Créon đã dựa vào cái phép nước và cái định luật chính trị đó để kết Antigone vào tử tội, không đếm xỉa đến những lời can gián của con trai y là Hémon – trở trêu thay lại là người tình của Antigone – và cũng chẳng quan tâm đến những lời khuyến cáo của bốc sư Tiré-sias tiên đoán sẽ có chuyện không hay, nếu

Créon cứ giết Antigone.

Đến lúc Créon nghĩ lại thì đã muộn: Antigone chết đi rồi thì Hémon con trai của Créon cũng tự tử, một phần vì thất vọng một người cha độc ác vì địa vị mà không ngại giết hết những người chống đối, và một phần cũng vì thương cảm người yêu sắc nước hương trời, quyết tâm từ khước một đời sống làm cho sự trong trắng tâm hồn bị hoen ố, mà chỉ biết theo «lương tâm đạo lý» phản ánh linh động và sáng suốt của bất cứ định luật nào trên thế gian.

Lúc làm «Tiểu Thuyết Thứ Bảy», tôi ưa đọc một truyện ngắn viết bằng tiếng Pháp của Nguyễn Tiến Lãng nhan đề là «Eurydice». Đến lúc xế chiều, khi nào không có báo làm, tôi ưa nhớ lại câu chuyện thần thoại «Antigone», rồi do đó, nhớ lại «Hai sắc hoa ti-gôn», lan man nghĩ tới bao nhiêu bạn cũ chết rồi hay chưa chết, và không lúc nào nhớ

lại như thế, tôi lại không buồn ngủ và cảm thấy mình là người sống mà chính là một con ma đi trơ trọi trong làng báo, còn những người chết thì mới là những người sống thực, vẫn tranh đấu và tranh đấu mãi.

Chao ôi, có phải người ta vẫn bảo rằng «Đi một ngày đàng học một sàng khôn» không? Có bao nhiêu bạn hữu của tôi đã đi chưa được bao ngày đàng mà đã bỏ cuộc không đi nữa? Có bao nhiêu người đi cả một cuộc đời mà chẳng hiểu thấu thái được gì chưa? Riêng tôi, ngồi đếm ngón tay thì tôi giật mình khi thấy là mình đã đi trên một vạn rưỡi ngày đàng mà, tội nghiệp, chưa thấy được một sàng khôn nào hết, dù rất nhỏ, ngoại trừ một dúm kinh nghiệm xót xa và kiến thức thông thường. Lúc ít tuổi, coi cái gì cũng là thường cả, không quan trọng, sự sống chỉ là một cái trò chơi, làm báo chỉ là giải trí; đến khi lớn tuổi, thấu được một ít kinh nghiệm xót xa và kiến thức thông thường, mạnh nha nhận

thức được sự quan trọng của cái sống, của bốn phận, của nhiệm vụ, nhận thức được cái tầm lớn rộng và tất cả sự nghiêm trọng của nghề mình thì:

Tứ thập niên hồi thủ độc sâu dư,

Thế sự nhân tình đại bất như.

Mà sở dĩ như thế, chính là tự mình đã già rồi! Nhưng tội nghiệp là chính mình nhiều khi lại không biết mình già - y như tâm trạng anh phường chèo trong thơ «Ưu phụ tử» của nhà thơ Yên Đỗ:

Ưu phụ đại nộ mạ kỳ phu,

Nhĩ niên ký lão hà đại ngu?

Người phường chèo bị vợ mắng không biết có tỉnh ngộ ra không; riêng tôi, dù có cảm thấy mình già đi nữa, tôi vẫn cứ tin chắc một điều là, với sức sống mãnh liệt của dân

tộc ta, với sự tranh đấu của anh em ký giả hết lớp này đến lớp kia, với tiến bộ không ngừng của lịch sử loài người, đất nước ta thế nào cũng tranh thủ được tự do dân chủ, mà báo chí thế nào cũng được tự do xuất bản, tự do ngôn luận thực sự, để xứng đáng với ba chữ «Đệ tứ quyền» mà bao nhiêu lớp người làm báo hơn một trăm năm nay không ngại đem xương máu ra hy sinh tranh đấu.

NHỮNG NGƯỜI XÂY DỰNG BÁO CHÍ NGÀY MAI

Riêng về những thanh niên làm việc cho ngành báo chí hiện nay, tôi nói không úp mở: tôi tin họ sẽ thúc đẩy báo chí tiến bộ rất nhiều, họ sẽ thắng mọi thử thách và họ sẽ làm cho báo chí xứng đáng là quyền thứ tư. Về vấn đề này, dư luận thường khi vẫn thường chia ra làm hai phe: một, tán thành ý kiến trên đây và một, phản đối.

Lấy làm mốc cho các luận cứ mà họ nêu ra, phe tán thành, bắt chước mấy ông cao cấp mới lớn, cho rằng cái bọn người trên ba mươi lăm tuổi không làm được trò trống gì cả, chỉ đáng cho vào bảo tàng viện để cho người ta đến coi chơi. Hiện tại và tương lai phải do bọn trẻ xây dựng: nước còn hay mất, Việt Nam có địa vị gì trên bản đồ thế giới, dân tộc sướng hay khổ là ở trong tay bọn thanh niên.

Thực ra, người ta không phải đợi đến lúc mấy ông nào đó tuyên bố rùm beng như thế mới thấy bọn trẻ tuổi tưởng đó là sự thật, mùa may ăn nói ba hoa, tưởng đâu là họ biết dăm ba tiếng Mỹ, chơi với một ít ngoại kiều và được hứa giúp đỡ mọi phương tiện là khiêng được quả địa cầu lên vai mà làm phép biến đất nước đau khổ này, một sớm một chiều thành một quốc gia văn minh tiến bộ và dân chủ! Thực ra, đối với cái đợt sóng mới đáng yêu đó, tôi không hề có cảm xúc

gì mà tôi cũng không hề có một ý kiến gì kỳ thị, nhưng đa số bọn người đã trưởng thành đều nhìn họ bằng con mắt khác thường và cho họ là một loại người đặc biệt, không có cá tính Việt Nam, không yêu đồng bào Việt Nam, do đó họ «kính nhi viễn chi» và không muốn cùng hợp tác. Có ai lắng nghe trong ồn ào bất tuyệt của Sài Gòn tấp nập, có tiếng cười xen tiếng khóc, có áo dài đùa bên cạnh những bàn chân bàn tay cùn cụt, đầy máu mủ của những người cùi, có những tiếng Mỹ nói vi va vi vút giữa tiếng la hét của những người uống rượu say rồi vừa múa tay múa chân vừa chửi rửa không chừa một ai, hẳn đã thấy dư luận của nhân dân chán ngán bọn thanh niên Mỹ hóa này đến bức nào: họ nhất quyết là tương lai đất nước này không thể do bọn này xây dựng được mà chúng chỉ là những cái bọt nước nổi lên trong ao tù vào những ngày trời nắng, gặp mưa sẽ tan ra và chỉ còn để lại những cái váng bẩn thỉu, vàng khè trên mặt nước. Bao giờ lại không thế:

trong những thời kỳ quá độ, lúc nào mà lại chẳng có những người như thế, cũng như trong mỗi cuộc tranh chấp, bao giờ ở mỗi phe lại chẳng có những gian manh, nếu không thế thì các cuộc tranh chấp đã giải quyết dễ dàng, mau chóng mà dân chúng đâu lại có đau khổ trường kỳ trên dưới nửa thế kỷ như dân tộc ta trong giai đoạn lịch sử này? Vì thế, nhiều người không trách họ, nhưng chỉ coi là những «phẩm vật kỳ lạ» của thời đại, để coi và không thể không ngạc nhiên sao lại có những người trẻ tuổi sống động và tin yêu đời một cách lạ lùng đến thế: hỉ mũi chưa sạch đã để râu, ngậm bíp, ngồi quán rượu; thiếu nữ còn bím tóc đã ra vẻ thạo đời hơn bà mẫu, hút thuốc phiện như cái bẻ; đàn bà bán bar hay lấy Mỹ có tiền ăn nói thông thạo như mẹ ranh; đàn ông hôm qua còn là bồi, hôm nay không biết lấy tiền ở đâu, tiêu mỗi tối từ mười bảy đến hai mươi vạn để làm áp phe với Mỹ...

Riêng cái bọn người làm báo thì có một ngôn ngữ, một tác phong, một bộ điệu không chê được: đầu cắt tém, mặc quần áo bơ phờ, mặt mũi xanh lét, khi ngậm bíp, khi hút Salem, ra cái vẻ chán chường, hể mở miệng là ô-kê, bai-bai, ngồi ở đâu thì ghé nửa đít lên bàn, nửa đít ra ngoài, khoa chân múa tay khinh thiên hạ như rác, thỉnh thoảng lại sờ vào túi quần ở hông xem cái bao thơ để lòi ra ngoài một nửa có còn hay không. Cố nhiên cái hạng người như thế chửi rửa cha anh của họ còn là khá, chớ thực ra thì họ không từ chửi rửa chính ông cha, bố mẹ họ và họ sợ gì mà không dám đưa cả nước và các bậc tiền bối ra mà chửi.

Lẽ tất nhiên phe phản đối không thể nào chấp nhận được những con người như thế, nhất là những con người như thế lại không cầu tiến, lúc nào cũng tự túc tự mãn, cho rằng mình đã đọc xong mấy cuốn «Săn tin», «Kỹ thuật làm báo», «Phục vụ báo chí» thì tự

nhiên đã hóa ra những nhà báo lão thành, và có quyền khinh miệt những người đi bước trước. Những thành phần ưu tú của đợt sóng mới đó, khi viết bài thì dùng giọng văn khinh bạc, không coi độc giả ra gì; bàn về chính trị trong nước thì không biết ai vào ai, chủ trương của chính khách này ra sao, mặt trận hay khối kia thế nào, ai thân Mỹ, ai thân Pháp, ai thân Nga, nhất nhất không cần biết tới. Còn về phương diện lấy tin thì cái hay không bắt chước bắt chước ngay cái dở: thay vì đi dự các phiên họp để làm những bài tường thuật đầy đủ và chính xác thì lại ngồi uống coca cola ở «Givral» hay «Tự Do» rồi chờ có đồng nghiệp nào về thì hỏi mấy câu rồi viết lại, có khi lười quá đến nỗi không buồn viết nữa, mượn một hai bạn đồng nghiệp nào đó đi dự các phiên họp, các cuộc nói chuyện, các cuộc họp báo, đánh máy thêm cho một bản để rồi về làm cái tí tít và sửa đổi giọng văn đi một chút rồi đăng lên báo. Thời buổi này cần phải lệ! Già mà chậm chạp thì đi đoong...

nhất là phải làm tiền cho thực nhiều. Để thì giờ học hỏi, trau luyện nghề nghiệp, mà đi làm áp phe nghe nó sướng hơn. Mà đã làm áp phe thì phương tiện nào cũng được hết, vì vậy người ta đã từng thấy có những chánh khách giật nảy mình khi thấy bài phỏng vấn của mình đăng trên báo nọ báo kia, mà trong khi phỏng vấn thì các chính khách ấy chú ý tuyên bố những lời không nhằm cho mấy báo của tư nhân mà chính là nhằm cho báo của nhà nước! Mà lúc phóng viên đến phỏng vấn thì lại lấy danh nghĩa là nhân viên báo nhà nước, vì họ là nhân viên báo nhà nước thực. Hơn thế, lại có những ông ký giả trẻ tuổi ra ngoài thì «lấy le vàng trời» mà đến công việc thì lại nhát như thỏ đế: mỗi khi gặp mấy ông cao cấp, quốc ngoại cũng như quốc nội, họ co vùi lại, không dám đưa ra một câu hỏi, cứ đứng chờ cho các ký giả ngoại quốc hay ký giả Việt Nam khác chất vấn hay đưa vấn đề ra hỏi thì đứng nghe lỏm và ghi lại để về nhà viết!

Đó là mấy luận cứ của phe phản đối và tán thành. Sự thực, phe phản đối nhìn các thanh niên xây dựng báo chí của ngày mai như thế tức là chỉ nhìn thấy một vài khía cạnh của họ mà thôi, cũng như là đi đến kinh đô ánh sáng, người du khách chỉ nhìn thấy các vũ trường, các cách thức ăn chơi sành điệu, hưởng lạc, các tội bại xấu xa của Balê. Tôi nhớ lúc thôi nhà trường, tự học ở Quốc Gia Thư Viện, một hôm Nguyễn Doãn Vượng có đưa cho tôi coi một cuốn nhan đề là «Paris, sous l'œil des métèques» của Jean José Frappa. Kinh đô ánh sáng đâu có phải chỉ là những xóm ăn chơi, đớp hít. Balê còn là những xóm đại học, những học viện, những cơ quan nghiên cứu, những xóm latinh quần quai», những thanh, thiếu niên cầu học, cầu tiến, ăn một mẫu bánh mì, uống nước lạnh để tiến lên, vượt lên, với hy vọng cố gắng hơn nữa, hơn nhiều nữa, để tái thiết đất nước sau thế chiến.

Nhìn các ký giả, nhà văn trong đợt sóng mới với con mắt của những người đứng ở phe phản đối, e có khi lầm. Qua nhiều cuộc đổi thay, trải nhiều đợt báo và hợp tác với nhiều anh em, tôi đã từng làm việc với người cha, rồi sau lại hợp tác với con, cùng làm báo với chú rồi sau lại góp sức với cháu, anh anh em em thân mật với người hai mươi tuổi cũng như với những người sáu, bảy mươi, nên có dịp biết ít nhiều cả về hai lớp mới, cũ, trẻ, già. Trong nhiều buổi chuyện trò bên ly rượu, một số anh em ký giả «lớp trước» phàn nàn rằng bọn «ký giả mới lớn lên» thiếu kiến thức, thiếu kinh nghiệm mà lại tự túc, tự mãn, coi những người đi trước không ra gì, nên không có cách gì cùng họ cùng nắm tay đi trên con đường xây dựng quốc gia.

– Nay, tôi hỏi con ông cụ một điều, cứ can đảm mà nói, đừng sợ ai bắt nhót: đã đi, đã đọc và đã sống, con ông cụ đã bao giờ thấy những người ba mươi, ba mươi lăm tuổi

làm nên công chuyện được người đời lưu ý? Riêng tôi thấy rằng những danh nhân mà ai nấy cùng biết tiếng như Kant, Marx, Freud, những nhà khoa học vĩ đại như Pasteur, Einstein, những văn gia thi sĩ như Nguyễn Du, Lý Bạch, Montesquieu, Shakespeare, những nhà kinh tế có hạng như Samuelson, Ludwig Erhard, hay những chiến thuật gia như Nã Phá Luân, Tôn Tử, Quang Trung, lúc làm nên công chuyện, không phải dưới ba mươi lăm tuổi. Nói gần đây, những lãnh tụ Phát xít cũng như các nhà lãnh đạo đồng minh từng thắng trận trong thế chiến thứ nhì, hòa hội Yalta, thử kiểm điểm lại phải chăng là họ trên dưới sáu mươi? Mà ngay như những người cầm đầu các nước đàn anh trong thế giới hiện nay, tôi hỏi con ông cụ có phải họ đều là những người lớn tuổi?

Để cho luận cứ của họ đưa ra được nặng đồng cân, các người thuộc phe phản đối thanh niên ưa kể lại câu chuyện của Churchill lúc

thể chiến thứ nhì kết thúc. Thứ dân nghị viện Anh muốn đánh đổ Churchill, hòa nhau lại đòi ông phải từ chức thủ tướng, viện có ông đã già ên về nhà nghỉ thì hơn. Thản nhiên, Churchill nhìn các ông nghị sĩ tự nhận là trẻ, giơ ngón tay, chỉ vào họ mà nói:

– Tôi cũng muốn từ chức lắm, nhưng bởi vì thấy các ông đây không có người nào bằng tôi nên tôi cứ phải làm thủ tướng!

Đó là mấy lý lẽ của bọn «đàn anh» mặt sát bọn ký giả «đương lên». Sự thực, mặt sát như thế, có điều hơi quá. Những người khó tính, trước khi hạ những câu kết luận đó, quên mất một điều là các văn gia ký giả «đương lên» không phải chỉ thâm hẹp trong phạm vi một búng các ông bé con nói tiếng Mỹ vi va vi vút, cất tiếng nói là chửi thề, văng tục, bạ ngời đầu thì cũng ghé cái đít lên bàn hay gác giày lên ghế của người khác đang ngồi, nhai kẹo cao su tối ngày, và bất cứ lúc

nào cũng nhét một vài cái bao thơ vào túi quần, nơi điển bộ, để lòi một ít ra ngoài. Bên lề những ông Mỹ lô can, sơn son thếp vàng, có ai biết rằng tại các thư viện, các đại học, các xóm nghèo, các quán không giàu, các nhà xuất bản, ấn quán tối tăm, lúc nào cũng có những thanh niên nam nữ mệt nhọc, làm việc như sốt rét và tập viết đủ các loại văn cho các báo để thực hành những kiến thức về báo chí mà họ đã học được qua những sách vở và những kinh nghiệm của các bậc đàn anh trong nước và ngoại quốc?

Hai năm 1967-1968, nhân dịp lên Đà Lạt nói chuyện ở trường Đại học về môn báo chí, theo nhĩa ý của giáo sư Anh ngữ Nguyễn Ngọc Linh – người đầu tiên có sáng kiến mở trường dạy về môn báo chí ở đây – tôi đã có cái may mắn được tiếp xúc với nhiều thanh niên nam nữ, do đó tôi đã hiểu biết phần nào tâm hồn của họ, hoài bão của họ cũng như các băn khoăn của họ. Một đêm trăng lạnh,

ngồi dưới rặng phi lao ở cổng trường nói chuyện, một anh bạn trẻ đã tâm sự với tôi:

– Chúng tôi, bọn người mới lớn lên, không mong gì hơn là được học hỏi thêm, thêm nhiều nữa các bậc đàn anh. Đất nước ta trải nửa thế kỷ can qua, dân tình đau khổ, đến khi chiến tranh kết thúc phải lo cách nào tái thiết thật nhanh, cho nên chúng tôi chỉ sợ không có thời giờ để học hỏi cho kịp thời sử dụng cái học của mình. Vì thế chúng tôi cần rằng lại không nói, chỉ học thôi, chỉ hành thôi; nhưng, như vậy không có nghĩa là chúng tôi không tri ân những người đi bước trước đã đem máu xương ra chiến đấu, rút kinh nghiệm, hầu đem lại cho báo chí cái địa vị hiện nay. Bởi vì chúng tôi là con nhà gia giáo, có đôi ba chữ thánh hiền trong bụng, chúng tôi tri ân những người đi bước trước là vì chúng tôi biết rằng sống là kinh nghiệm, hơn một ngày hay một chục, được hưởng những kinh nghiệm tức là lãi đấy; chúng tôi

biết rằng già không phải là vô dụng, nhưng già là cái móc để chúng tôi theo, già không phải là thất thế; chúng tôi biết rằng ở đời bất cứ cái gì cũng có thể giúp ích cho ta, kể cả những người thất bại, những người đã chết. Người ta học cả những cái thất bại ở đời thì chỉ có lợi mà thôi. Rừng có không biết bao nhiêu cây cối: cây này chết đi, cây kia lại mọc lên, nhưng các cây chết đi và những lá vàng kế tiếp rụng xuống hết mùa này qua mùa khác không phải là làm việc vô ích, mà chính là để hòa vào với đất rồi ải đi, mủn đi, để làm mầu cho đất, nuôi những cây mới đâm chồi nẩy lộc. Chúng tôi tri ân, nhưng để bụng, không kê vang ở trên các mái nhà, vì chúng tôi nghĩ rằng tiếp tục công việc của các bậc đàn anh để lại, thúc đẩy mạnh hơn nữa – nếu có thể được – để cho báo chí đi tới một địa vị cao cả hơn, tốt đẹp hơn – tốt đẹp như ở các nước tiên tiến hiện giờ hay hơn thế thì có lẽ còn có ích hơn là chỉ nói oang oang lên mà không có hành gì hết.

Rất nhiều sinh viên nam nữ quả thực đã nghĩ như thế thật và làm như thế thật; họ học hỏi, họ thực hành, và luôn luôn cầu tiến, không có một lúc nào tỏ ra bạc bẽo với những bậc đàn anh. Đứng trước các thanh niên hương mến đó, thực tình tôi đã nghĩ chính họ mới là chất «kem» của ngành báo chí ngày mai và tôi càng thấy thương yêu, mến phục họ hơn nữa mỗi khi thấy có anh em chị em, từng nghe tôi nói chuyện về báo chí ở Đà Lạt, về đây vẫn tìm đến tôi, để hỏi thêm về điều này, điều nọ liên quan đến báo chí, tin tức thời sự hay bàn về một vài vấn đề quốc nội cũng như quốc ngoại.

Tôi tin rằng những người này mới chính là những người giúp tay đắc lực cho công cuộc xây dựng báo chí ngày mai. Bên cạnh những người này, tôi không quên được một số anh em ký giả trẻ tuổi, hiện đang hành nghề ở các nhà báo Việt, Anh, Pháp, các thông tấn xã hay các hệ thống truyền thanh,

truyền hình của các nước ngoài. Khác hẳn những ông ký giả Mỹ hóa, chuyên viên nhai kẹo cao su, và ngồi thèo đánh lên mép bàn nói chuyện, các ký giả trẻ tuổi này, không nói «eo eo», «pheo pheo» nhưng làm việc; không khinh miệt ai cả, nhưng khiêm nhường từ tốn; không nói phét nói lác nhưng dành thì giờ để học hỏi thêm cho rộng đường kiến thức vì họ biết rằng không có nghề gì đòi hỏi luôn luôn kiến thức mới như nghề báo. Điển hình cho lớp ký giả này, anh Phạm Trần, Phạm Văn Đại, làm việc cho một báo Anh ngữ, một báo Việt ngữ và một nhật báo lớn vào àng thứ nhì của Nhật ở đây, là một kiểu mẫu ký giả trẻ tuổi tận tâm với nghề nghiệp, không ngại vất vả hiểm nghèo để lấy tin riêng. Có nhiều khi giữa trưa, tôi đã thấy anh phóng xe máy dầu đi chờ một nhân vật sắp ra đi để hỏi một vài câu, có khi anh một mình một xe đi Tây Ninh giữa lúc chiến sự ở đây đang quyết liệt và tôi cũng đã thấy cú cách một hai ngày anh lại đi Biên Hòa –

Long Khánh để tìm hiểu một cách chân xác dân tình ở đây sau những vụ pháo kích và tấn công. Đầu năm 1968, anh đã từng cùng với một ký giả Nhật vào một vùng xôi đậu để xem xét cuộc bầu cử các Ủy Ban Hành Chánh Xã Ấp của Mặt trận Giải phóng miền Nam tại Cần Thơ. Bài ký sự này vừa đăng lên báo được một ngày thì phụ tá chính trị của Đại sứ Mỹ ở đây mời anh lên «tìm hiểu», đồng thời các cơ quan hữu trách của chính quyền cũng tìm cách gặp anh nhiều lần «nói chuyện».

Đơn cử sự việc này ra, tôi muốn chứng tỏ rằng chỉ có những ký giả trẻ, yêu nghề một cách thiết tha mới xông pha, sục sạo như thế để sản một cái tin có thể làm cho độc giả chú ý và hiểu biết thêm về thời cuộc; chớ nếu trông vào các ký giả lớn tuổi - xin lỗi - làm công việc ấy thì e có sự ngại ngùng, tính toán hay từ khước.

Có dịp chuyện trò với Phạm Trần, tôi thấy anh là một người từ tốn. Ước vọng của anh là làm việc không ngừng cho báo chí, nhưng theo anh, muốn làm nên việc thì chỉ riêng lớp ký giả trẻ, không thể đủ; trẻ và già phải hợp tác chặt chẽ với nhau; trẻ không được miệt thị già, già cũng chẳng nên coi trẻ là những kỳ quan, đứng né ra hẳn phía ngoài. Hoạt động và sự hăng say của lớp trẻ cộng thêm với học hỏi và kinh nghiệm của lớp già không những đã nói lên được sự đoàn kết, mà chắc chắn chỉ đem lại thêm cái hay, cái đẹp cho ngành báo và tăng cường nỗ lực tranh đấu của những người làm việc cho ngành báo chí ngày mai.

Chính cũng vì tinh thần đó, anh hằng mơ ước một điều: nước ta sẽ có một trường tu nghiệp báo chí để cho các ký giả hiện đang hành nghề tự động đến đó học hỏi thêm, rút kinh nghiệm thêm, cầu tiến thêm và đó cũng là một dịp để cho trẻ và già tiếp xúc với nhau

hầu đánh tan mọi hiểu lầm để đi đến chỗ hiểu biết và thương mến nhau hơn.

Điển hình thứ hai, thuộc về lề lối làm báo của lớp người đương lên là anh Phạm Thu Trước. Tôi quen biết Trước từ lúc làm báo «Đồng Nai» dưới thời Ngô Đình Diệm. Lúc ấy, ngoài việc phụ trách phần kịch trường, nh đảm nhận công việc săn tin cho báo, dưới bút hiệu Việt Định Phương, về đủ mọi mặt kinh tế, xã hội, chính trị, nhưng thật tình tôi không thấy anh bật lên về phương diện gì. Duy tôi có nhận thấy anh là một trong số ký giả hiếm hoi làm báo mà lại biết tính giấy báo, biết nghề in, biết co chữ, biết luật lệ ấn loát là mấy điều rất cần thiết cho người làm báo nhà nghề, mà chính một số lớn ký giả bây giờ không lưu ý. Rồi thì mỗi người một ngả, tôi thấy anh làm nhiều báo khác nữa, nhưng phải đợi đến tờ «Tia Sáng» và tờ «Trắng Đen» do Phương Hữu, Đình Nguyên Hồng làm tổng thư ký tòa soạn, người ta mới thật thấy

cái khả năng của Việt Định Phương trong lề lối làm báo ra thế nào. Có lẽ anh là một trong một số ít chủ báo (vì hiện nay anh là chủ báo) dám thực hiện cái ý định luôn luôn cung cấp tin lạ cho độc giả, rất nhiều tin mà những tin khác loại nhau, mỗi ngày mỗi thay đổi, cho nên lúc báo từ bốn ra tám trang, anh đã dám mượn tới mười hai phóng viên giúp việc. Có điều đáng lưu ý, là phóng viên, cũng như các bình bút của báo «Trắng Đen», không phải là những người nổi bật, nhưng tăng tăng như nhau. Việt Định Phương có lẽ nghĩ rằng muốn làm cho một tờ báo chạy, không cần phải có nhiều danh bút, nhưng cần phải có hững anh em chăm chỉ, tận tâm với nghề, và cùng nuôi một tinh thần đồng đội, thương mến nhau, nâng đỡ nhau, không kéo nhau đi làm tiền vật, chỉ biết phục vụ độc giả dưới sự lãnh đạo của một người có thiện chí, hiểu nghề và dám đánh mau, đánh mạnh, khi có cơ hội tốt. Thí dụ như vào Tết Mậu Thân mới đây, các báo không xuất bản được

mấy ngày đầu năm vì biến cố, ngoại trừ báo «Tiền Tuyến» như đã nói trên kia. Ngay lúc ấy, thực tình tôi đã chịu Việt Định Phương là lì lợm vì «Tiền Tuyến» ra hôm trước, hôm sau, báo «Trắng Đen» của anh cũng ra luôn và tôi càng chịu hơn nữa khi qua tòa báo, tôi thấy anh ngồi trơ trọi một mình làm việc với hai anh xếp chữ, trong khi súng nổ ầm ì mà phải xoay tiền, chạy đi mua giấy «600 đồng một ram» và lấy tin tức sốt dẻo cho tờ báo.

Không, muốn nói cách nào đi nữa ta cũng cứ phải nhận rằng báo là địa hạt của bọn người trẻ tuổi hăng say và hoạt động, nhưng muốn cho công việc thật tốt đẹp thì bọn mới không nên quên bọn cũ; hơn thế, cần phải có bọn cũ cố vấn và giúp sức vì họ kinh nghiệm nhiều hơn, thận trọng hơn mà có lẽ cũng nhiều sáng kiến hơn.

«Muốn làm một đứa con, cần phải có hai người», điều đó ai cũng biết, huống chi là

làm báo! Làm báo mà áp dụng phương pháp đó, có lẽ chỉ có lợi hơn là có hại.

TRƯỚC KHI NGỪNG BÚT

Báo là gì? Qua trên ba trăm trang sách trên đây, tôi mong rằng các bạn đọc đến đoạn này đã thấy báo là gì và người viết báo là loại người gì.

Báo là một bộ môn văn hóa phản ánh sinh động nhất, đầy đủ nhất tính chất của một chế độ xã hội, cho một chế độ xã hội; báo là một phương tiện nói lên phẩm chất hoặc văn minh ưu việt hoặc thái hóa, đồi trụy của chế độ ấy; báo chụp lại một cách chân thành tình tiết tâm tư của con người, từng khía cạnh trớ trêu, uẩn khúc, giả tạo của chế độ; báo luôn luôn có tính năng xây dựng; báo là cơ quan

bảo vệ và phổ cập chân lý; mà báo cũng còn là một kỹ nghệ để cho nước này ganh đua với nước kia, để tranh đấu cho sự thật để góp phần tích cực vào sự đóng góp của một nước trên mọi lãnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa... và với cộng đồng thế giới. Sứ mệnh thì lớn mà người làm báo thường thường lại gian nguy, hiểm thốn, nhưng họ cứ làm báo, cứ sy sửa, cứ vượt hiểm nghèo, cứ nghe chửi rủa, cứ cắn răng lại mà chịu đựng, miễn là đạt được lý tưởng của mình: phải chăng đó là tất cả cái vô lý nhưng cũng là tất cả cái cao thượng vượt bậc của nghề «nói láo ăn tiền?»

* * *

Có lần, lật một tờ báo Pháp xem những truyện tâm tình, tôi được đọc một bài ký sự nói về ông bà Churchill. Nữ phóng viên của báo trên hỏi cựu Thủ tướng Anh:

– Thưa ngài, thường thường những người đàn ông sống chung với vợ đến lúc xế chiều

tỏ ra chán nản và, tuy không nói ra, nhưng trong bụng thì có ý muốn làm lại cuộc đời với một người đàn bà khác. Phần ngài có thể cho tôi biết ý kiến ra sao?

Ông già Churchill móm mém cười xòa rồi tự nhiên nghiêm hẳn nét mặt lại, trả lời:

– Phần tôi, không cần suy nghĩ gì hết. Tôi có thể trả lời thẳng với cô là nếu tôi phải làm lại cuộc đời, và lấy vợ thì tôi lại lấy lại vợ tôi!

Gửi cả một cuộc đời cho nghề báo, rút nhiều kinh nghiệm đau thương hơn là xứng ý, tôi cũng có lúc tự mình lại phỏng vấn mình đã đóng góp gì cho lịch sử văn hóa dân tộc, đã làm được việc gì cho báo chí, và hiện còn bản khoản, hoài vọng những gì về nghề nghiệp.

Không. Tôi không bao giờ đáp lại những câu hỏi phiền phức đó. Nhưng tôi biết rằng

nếu một ngày kia, Trời xử phiên án cuối cùng, hỏi tôi nếu cho trở lại làm người thì sẽ làm gì, tôi cũng sẽ không cần suy nghĩ gì hết và chỉ trả lời một câu.

* * *

Người mẹ nào sanh ra con lại chẳng muốn cho con sau này ăn nên làm ra, có vai có vế, nhưng Mẹ ơi, con đành chịu tội bất hiếu với Mẹ: nếu trở lại làm người, con cứ lại xin làm báo!

Bắt đầu viết tháng Giêng năm 1967.

Sửa lại, viết thêm năm 1968-1969 và xong ngày Phật Đản 2513 tức 30 tháng 5 dương lịch 1969.

VŨ BẰNG

